

Số : 4464/UBND-CNN
Về việc tổng hợp Báo cáo giám sát
tài chính năm 2014 của các doanh nghiệp
100% vốn nhà nước thuộc Thành phố

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2015

SỐ:	10626
TIỀN:	
NGÀY:	11.8

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổng hợp Báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2014 của 50 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và 2 Quỹ địa phương trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các Quỹ địa phương thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

- Công ty TNHH một thành viên là tổng công ty; công ty mẹ - công ty con: 17 doanh nghiệp.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập: 32 doanh nghiệp (trong đó: có 22 Công ty TNHH một thành viên dịch vụ công ích quận huyện).

- Hai Quỹ địa phương: Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố.

- Công ty nhà nước chưa chuyển đổi sang loại hình TNHH một thành viên: Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương.

2. Tổng hợp Báo cáo giám sát tài chính của 50 doanh nghiệp và 2 Quỹ địa phương như sau: (Biểu 02 - Mẫu số 02 đính kèm Thông tư 158/2013/TT-BTC đính kèm)

a) Kết quả thực hiện năm 2014 :

- Tổng doanh thu thực hiện là 50.357.603 triệu đồng;

- Tổng lợi nhuận thực hiện là 6.757.441 triệu đồng;

- Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách thực hiện là 7.640.026 triệu đồng.

b) Phân loại doanh nghiệp

- Số doanh nghiệp an toàn về tài chính: 49 doanh nghiệp và 2 Quỹ địa phương;

- Số doanh nghiệp mất an toàn về tài chính: Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2014 đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt.

3. Báo cáo đánh giá chi tiết của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp theo Biểu 01 – Mẫu số 2 đính kèm Thông tư 158/2013/TT-BTC Báo cáo giám sát tài chính của 50 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và 2 Quỹ địa phương. (đính kèm)./.

Nơi nhận :

- Như trên
- (Biểu 2 - Mẫu số 2 và báo cáo của 52DN);
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Tài chính;
- Chi cục TCDN;
- VPUB : CPVP;
- Các Phòng CV, CNN (Biểu 2 - Mẫu số 2);
- Lưu: VT, (CNN-Hg). 15

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tất Thành Cang



BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
Tên Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Năm Báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số 4464/UBND-CNN ngày 01 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Doanh thu	Lợi nhuận thực hiện	Nộp ngân sách	Phân loại DN		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
	TỔNG CỘNG	50.357.603	6.757.441	7.640.026			
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	43.702.365	6.361.015	6.942.573			
1	Tổng công ty Xây dựng Sài Gòn - TNHH MTV	478.499	120.769	125.811	x		
2	Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn - TNHH MTV	695.641	366.614	236.014	x		
3	Tổng công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV	3.931.854	188.654	168.132	x		
4	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	2.562.463	192.843	198.465	x		
5	Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	3.301.894	233.372	2.607.329	x		
6	Tổng công ty Liksin - TNHH MTV	1.166.218	83.263	132.120	x		
7	Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	1.424.866	93.646	123.482	x		
8	Tổng công ty Văn hóa Sài Gòn - TNHH MTV	327.538	27.611	40.782	x		
9	Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	7.255.328	2.036.331	1.247.560	x		
10	Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	2.553.270	1.005.359	982.806	x		
11	Tổng công ty Bến Thành - TNHH MTV	350.943	145.149	164.755	x		
12	Công ty TNHH MTV Dệt may Gia Định	165.350	11.412	23.855	x		
13	Công ty TNHH MTV XNK và Đầu tư Chợ Lớn	337.419	19.123	8.018	x		
14	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn	16.095.475	90.038	115.175	x		
15	Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận	63.227	1.161.399	81.473	x		
16	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	2.170.273	19.173	276.713	x		
17	Công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP.HCM	822.107	566.259	410.083	x		
	B.KHỐI DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	6.605.320	375.602	691.546			
18	Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	145.717	38.037	58.220	x		
19	Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác và DV Thủy Lợi	91.092	2.858	6.947	x		
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích TNXP	723.366	16.303	55.501	x		
21	Công ty TNHH MTV 27/7	172.533	4.985	45.050	x		
22	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	1.294.278	44.274	42.377	x		

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Doanh thu	Lợi nhuận thực hiện	Nộp ngân sách	Phân loại DN		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
23	Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao	196.138	11.695	8.156	x		
24	Công ty TNHH MTV Phát triển CVPM Quang Trung	183.552	19.771	20.188	x		
25	Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương	34.892	(7.545)	221		x	
26	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên	67.562	(42.319)	7.126	x		
27	Công ty TNHH MTV Công viên Cây xanh TP.HCM	337.054	3.932	10.291	x		
28	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị TP.HCM	516.622	22.873	45.150	x		
29	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1	151.013	7.679	40.618	x		
30	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2	322.656	35.387	17.954	x		
31	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 3	88.857	6.408	23.502	x		
32	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 4	338.276	93.238	37.266	x		
33	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 5	147.030	7.184	36.800	x		
34	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 6	86.663	8.867	1.951	x		
35	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 7	154.501	8.604	7.665	x		
36	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 8	130.122	4.646	11.675	x		
37	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9	79.960	2.448	5.075	x		
38	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 10	114.846	7.954	41.086	x		
39	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 11	105.844	3.761	27.553	x		
40	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12	94.051	7.830	9.481	x		
41	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Bình Thạnh	153.387	7.100	27.067	x		
42	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Cần Giờ	55.686	5.113	6.688	x		
43	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Phú Nhuận	168.053	18.373	22.482	x		
44	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thủ Đức	81.918	3.390	11.326	x		
45	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Tân Bình	94.051	7.830	24.956	x		
46	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi	40.182	3.658	6.442	x		
47	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh	116.664	5.309	9.200	x		
48	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Gò Vấp	140.768	9.503	13.070	x		
49	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Hóc Môn	56.522	3.638	3.309	x		
50	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Nhà Bè	121.464	2.818	7.153	x		
	C. HAI QUỸ ĐỊA PHƯƠNG	49.918	20.824	5.907			
51	Quỹ phát triển nhà ở thành phố	33.872	15.040	4.458	x		
52	Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	16.046	5.784	1.449	x		

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG SÀI GÒN – TNHH MTV**

**Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: năm 2014**

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Năm 2014		TH 2014/Kế hoạch 2014	TH 2014/TH 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng DT và thu nhập khác	469.081	493.185	478.499	97,02%	102,01%
1	DT thuần về BH và CCDV	342.569		341.887		99,8%
2	DT hoạt động tài chính	113.489		120.806		106,45%
3	Thu nhập khác	13.023		15.806		121,37%
II	Tổng chi phí	361.425	375.408	357.730	95,29%	98,98%
1	Giá vốn hàng bán	272.551		277.383		101,77%
2	Chi phí tài chính	3.546		781		22,02%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>1.288</i>		<i>639</i>		<i>49,61%</i>
3	Chi phí bán hàng	11.731		7.961		67,86%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.783		67.067		93,43%
5	Chi phí khác	1.814		4.538		250,17%
III	Tổng chi phí trên tổng DT	77,05%		74,76%	76,11%	97,03%
	Trong đó:					
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	15,3%		14,02%		91,59%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	107.656	117.777	120.769	102,54%	112,18%
1	LN thuần từ hoạt động KD	96.447		109.501		113,53%
2	Lợi nhuận khác	11.209		11.268		100,53%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 97,02% so với kế hoạch, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 71,45% tổng doanh thu, giảm 0,2 % so với cùng kỳ năm 2013

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 25,25% tổng doanh thu, tăng 6,45% so với cùng kỳ năm 2013 chủ yếu do khoản cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ tăng mạnh.

+ Thu nhập khác chiếm 3,3%, tăng 21,37% so với cùng kỳ năm 2013 là do trong năm 2014 có khoản thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng và thu nhập từ hợp tác kinh doanh tăng.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chi tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng **95,29%** kế hoạch, giảm 0,02% so với cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 77,54% tổng chi phí, tăng 1,77% so với cùng kỳ năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,22% tổng chi phí, giảm 78% so với cùng kỳ năm 2013 do giảm trích lập dự phòng các khoản đầu tư và giảm khoản lãi vay phải chi trả do Tổng Công ty giảm nợ vay.

+ Chi phí bán hàng chiếm 2,23%, giảm 32,14% so với cùng kỳ năm 2013, chi phí bán hàng giảm mạnh chủ yếu do chi phí cho nhân viên và chi phí dịch vụ mua ngoài giảm.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 18,75%, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2013 do Tổng Công ty thực hiện tiết giảm chi phí.

+ Chi phí khác chiếm 1,27%, tăng 150,2% so với cùng kỳ năm 2013 là do tăng chi phí quản lý vận hành nhà chung cư và việc bán thanh lý tài sản cố định.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 74,76% tổng doanh thu thực hiện, giảm 2,29% so với cùng kỳ năm trước (77,05%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 102,54% kế hoạch năm, tăng 12,18% so với cùng kỳ năm 2013 do chi phí giảm và doanh thu tăng.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ 2014/ 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	107.656	120.769	112,18%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	101.735	116.911	114,92%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.017.525	1.144.934	112,52%

4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	1.618.997	1.667.758	103,01%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	10,58%	10,55%	99,70%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,00%	10,21%	102,13%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	6,28%	7,01%	111,56%

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu giảm 0,03% so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng vốn chủ sở hữu cao hơn tốc độ tăng lợi nhuận.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 4.67 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.082.590 triệu đồng/231.837 triệu đồng), lớn hơn 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,23 (295.993 triệu đồng/1.306.987 triệu đồng) nằm trong giới hạn quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.732.535	1.602.980
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.233.570	1.082.590
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	498.965	520.389
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71,2%	67,54%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	28,8%	32,46%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.732.535	1.602.980
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	523.220	295.993
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.209.315	1.306.987
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,2%	18,47%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69,8%	81,53%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho (497.183 triệu đồng), các khoản phải thu ngắn hạn (308.244 triệu đồng) là do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản do đó công trình kéo dài trong nhiều năm, chi phí phát sinh các công trình được tập hợp ở chi phí dở dang cho đến khi công trình được quyết toán.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm 43,43% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (81,53%).

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp $H = 1,13$ (1.144.934 triệu đồng/1.017.525 triệu đồng) doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 448.989 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 05 công ty con: 99.589 triệu đồng
- Đầu tư vào 9 công ty liên kết: 126.602 triệu đồng
- Đầu tư vào 07 Công ty liên doanh: 164.727 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 58.071 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 108.311 triệu đồng, tương đương 24,12% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con: 8.137 triệu đồng, tỷ lệ 5,44% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết: 40.774 triệu đồng, tỷ lệ 45,58% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 25.410 triệu đồng, tỷ lệ 25,95% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ đầu tư tài chính: 2.121 triệu đồng, tỷ lệ 11,84% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng 91.991 triệu đồng, giảm 50.510 triệu đồng vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
01	Công ty Cp Khoáng Sản và ĐT Sài Gòn	9.607		624			10.231	61,89%
02	Công ty CP Xây dựng số 1	18.207		14.959			33.166	32,1%
03	Công ty CP Kỹ thuật xây dựng Phú Nhuận	24.390		13.991			38.381	39,17%
04	Công ty CP Nam Việt	10.000		6.000			16.000	20%
05	Công ty CP Kiểm định Xây dựng Sài Gòn	4.200		2.205			6.405	35%
06	Công ty LD Cao ốc Sài Gòn Metropolitan TNHH	0		39.380			39.380	30%
07	Công ty TNHH Đầu tư BĐS Thuận Việt	0		11.129			11.129	30%
08	Công ty CP Trang trí Kiến trúc ADC	3.000		1.320			4.320	2,14%
09	Công ty Cp Sài Gòn Đầu tư KT XD	1.000		198			1.198	1,44%
10	Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn	36.452		2.185			38.637	16,67%
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Minh	88.820				50.510	38.310	100%

Tổng công ty đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 3190/QĐ-UBND ngày 27/6/2014. Theo đó,

- + Giữ nguyên vốn nhà nước gồm: 12 doanh nghiệp
- + Thoái vốn nhà nước xuống dưới 50% gồm: 3 doanh nghiệp
- + Thoái 100% vốn nhà nước gồm: 08 doanh nghiệp:
- + Cổ phần hóa: 01 doanh nghiệp

Công ty TNHH MTV XD Bình Minh: được thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn 2012 - 2015, nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ theo văn bản số 1754/TTg-ĐMDN ngày 25/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định 568/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Doanh nghiệp thuộc diện bán gồm: 03 doanh nghiệp (Công ty Gạch trang trí Thanh Danh, Công ty Xây dựng số 2, Công ty Xây dựng dân dụng và Công nghiệp)

+ Doanh nghiệp thuộc diện phá sản gồm: 01 doanh nghiệp (Công ty Xây lắp Công Nghiệp: giá trị doanh nghiệp này không thuộc vốn điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn khi chuyển sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.)

+ Doanh nghiệp thuộc diện giải thể gồm: 01 doanh nghiệp, Công ty liên doanh Vật tư xây dựng Dong Shin Việt Nam (CMC).

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Trong năm 2014, Tổng Công ty có mua sắm hệ thống tổng đài điện thoại trị giá 45.000.000 đồng.

- Về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: trong năm 2014 Tổng Công ty thực hiện như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc 2.847.864.820 đồng, chủ yếu là nhà cửa vật kiến trúc trên đất mặt bằng 636A và 553 Xô Viết Nghệ Tĩnh, dự án Bình An 3 Quận 9.

+ Máy móc, thiết bị 1.510.742.412 đồng, phương tiện vận tải 676.938.480 đồng, thiết bị quản lý 64.002.240 đồng. đây là các tài sản thanh lý từ chi nhánh của Tổng Công ty tại nước Cam-pu-chia.

Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 312.851 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 196.657.260 đồng, nợ không có khả năng thu hồi là 762.566.924 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu là 7.462.153.929 đồng, cụ thể:

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 6.502.929.745 đồng

o Công ty cổ phần Kim Thạch: 5.494.929.745 đồng

o Công ty Xây dựng số 3: 1.000.000.000 đồng

o Đối tượng khác: 8.000.000 đồng

- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi: 959.224.184 đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu là các khoản công nợ do việc sắp xếp, sáp nhập các doanh nghiệp trực thuộc trước đây về Tổng công ty.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 295.993 triệu đồng, không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Tổng Công ty là 50.243 triệu đồng, trong đó:

+ Vay ngắn hạn ngân hàng là 2.747 triệu đồng. Vay ngắn hạn ngân hàng có tài sản đảm bảo bao gồm:

- Vay của Công ty Xây lắp công nghiệp đã sáp nhập vào Tổng Công ty. Số dư nợ là 215 triệu đồng.
- Vay của Xí nghiệp Trang trí nội thất Sài Gòn đã sáp nhập vào Tổng Công ty. Số dư là 500 triệu đồng.
- Vay ngắn hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC) \$96.614,65 tương đương 2.032 triệu đồng.

+ Vay dài hạn là 47.495 triệu đồng, trong đó những khoản vay có tài sản đảm bảo bao gồm:

- Vay dài hạn ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn không có hợp đồng, đây là khoản vay của Công ty Xây lắp công nghiệp đã sáp nhập vào Tổng Công ty. Số dư nợ là 993 triệu đồng.
- Vay dài hạn ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt theo hợp đồng số 299-13/HĐTD-LienVietPostbank – HCM ngày 25/12/2013. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ Khu Công nghiệp Cái Mép tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu. Số dư nợ là 46.502 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư các dự án để hình thành hàng hóa kinh doanh (công ty không có đầu tư dự án hình thành tài sản):

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Khu công nghiệp Cái Mép

+ Tổng mức vốn đầu tư ban đầu được phê duyệt là 1.500.000 triệu đồng, dự án đang chờ phê duyệt thay đổi tổng mức đầu tư.

+ Tổng số đã đầu tư: 480.000 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 406.000 triệu đồng (theo dự án được duyệt)

+ Thời gian hoàn thành: 2017

+ Tiến độ thực hiện: đang tiến hành san lấp và xây dựng cơ sở hạ tầng

- Dự án 2: mặt bằng 213-216 Linh Trung, Thủ Đức

+ Tổng mức vốn đầu tư: 800.000 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 240.000 triệu đồng

+ Thời gian hoàn thành: đang chờ quy chế về nguồn vốn và chỉ định đơn vị tiếp nhận quỹ nhà sau khi dự án hoàn thành

- Dự án 3: 553 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Bình Thạnh

+ Tổng mức vốn đầu tư: 172.959 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 35.000 triệu đồng

+ Thời gian hoàn thành: quý 2 năm 2016

- + Tiến độ thực hiện: đã khởi công trong năm 2014
- Dự án 4: 636A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Bình Thạnh
- + Tổng mức vốn đầu tư: 255.117 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 76.535 triệu đồng
- + Thời gian hoàn thành: 2016
- + Tiến độ thực hiện: đã khởi công trong năm 2014

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 206,42% kế hoạch 2014, bằng 176,58% so với cùng kỳ năm 2013.

+ Nguyên nhân tăng là do:

- Thuế GTGT phải nộp của hàng nội địa tăng: do năm 2014 kết doanh thu Chung cư 46/11 Nguyễn Cửu Vân.
- Tiền thuê đất và thuế nhà đất tăng cao: đơn vị nộp theo giá mới.
- Và các khoản nộp ngân sách khác tăng mạnh do nộp khoản lợi nhuận còn lại năm 2014.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số đầu kỳ: 66.719 triệu đồng
- Tăng trong kỳ: 64.653 triệu đồng do nộp phần vốn nhà nước của Công ty cổ phần đầu tư Bình Phú.
- Số giảm trong kỳ: 0 triệu đồng
- Số cuối kỳ: 131.372 triệu đồng

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực tài chính:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ 14/14 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo riêng của Ủy ban nhân dân thành phố: không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Trong năm 2014: Tổng doanh thu Tổng công ty thực hiện là 478.499 triệu đồng, tăng 2% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 (469.081 triệu đồng); Lợi nhuận trước thuế 120.769 triệu đồng, tăng 12,18% so với cùng kỳ năm 2013 (107.656 triệu đồng). Trong khi đó, tổng doanh thu của toàn Tổng Công ty 703.101 triệu đồng, tăng 0,13% so với kế hoạch năm 2014 là 702.185 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 133.543 triệu đồng, tăng 9,89% so với kế hoạch năm 2014 (121.522 triệu đồng).

Do công ty mẹ chiếm tỷ trọng lớn nên chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của toàn Tổng công ty biến động theo công ty mẹ.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Tổng công ty đạt trên 50% kế hoạch đối với các chỉ tiêu về doanh thu và đạt vượt mức kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước.

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY
ĐỊA ỐC SÀI GÒN – TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	887.344	694.000	695.641	100,23%	78,39%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	716.696		330.548		46,12%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	164.755		356.872		216,6%
3	Thu nhập khác	5.893		8.221		139,5%
II	Tổng chi phí	551.453	330.212	329.027	99,64%	59,7%
1	Giá vốn hàng bán	509.261		241.432		47,4%
2	Chi phí tài chính	10.534		53.422		507,1%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>5.147</i>		<i>-</i>		<i>0%</i>
3	Chi phí bán hàng	-		100		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.812		32.409		112,5%
5	Chi phí khác	2.846		1.664		58,5%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	62,1%	47,6%	47,3%	99,4%	76,1%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	3,2%		4,7%		143,5%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	335.891	363.788	366.614	100,77%	109,1%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	332.844		360.057		108,2%
2	Lợi nhuận khác	3.047	-	6.557	-	215,2%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 100,2% so với kế hoạch, giảm 21,6% so với cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 47,5% tổng doanh thu, giảm 53,9% so với cùng kỳ năm 2013 là do trong năm 2013 doanh thu chủ yếu đến từ việc bán sỉ các căn hộ (576 căn hộ của dự án Thuận Kiều, bán mặt bằng 299/18 Lý Thường Kiệt). Trong khi đó, năm 2014 chỉ có bán lẻ các căn hộ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 51,3%, tăng 116,6% so với cùng kỳ năm 2013 chủ yếu do khoản cổ tức lợi nhuận được chia (250.830 triệu đồng) và đầu tư chứng khoán (99.942 triệu đồng).

+ Thu nhập khác chiếm 1,2%, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2013 là do trong năm 2014 Công ty có các khoản thu từ lãi chậm trả cổ tức, tiền chậm góp vốn dự án, chậm trả tiền thuê,...

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động tài chính và hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 99,6% kế hoạch, giảm 40,3% so với cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 73,4% tổng chi phí, giảm 52,6% so với cùng kỳ năm 2013, tương ứng với sự sụt giảm tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí tài chính chiếm 16,23% tổng chi phí, tăng 407,1% so với cùng kỳ năm 2013, tương ứng với tổng doanh thu hoạt động tài chính tăng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,84%, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2013 do tăng chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, thuế, phí và lệ phí.

+ Chi phí khác chiếm 0,2%, giảm 25,4% so với cùng kỳ năm 2013 là do chi phí điện, nước, chi phí thuê đất giảm.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 47,3% tổng doanh thu thực hiện, giảm 23,9% so với cùng kỳ năm trước. Công ty tiết giảm được chi phí.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 366.614 triệu đồng, tương ứng 100,77% kế hoạch năm, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2013, chủ yếu do tốc độ giảm chi phí nhanh hơn tốc độ giảm doanh thu.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	335.891	366.614	109,15%

2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	297.742	344.535	115,72%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	2.914.101	3.094.660	106,20%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.892.745	3.781.074	97,13%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	11,53%	11,85%	102,78%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,22%	11,13%	108,96%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	7,65%	9,11%	119,13%

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tăng 2,78% so với cùng kỳ năm trước là do tốc độ tăng lợi nhuận tăng cao hơn tốc độ tăng vốn chủ sở hữu

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 8,48 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 2.265.012 triệu đồng/267.032 triệu đồng), lớn hơn 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,176 (586.527 triệu đồng/3.321.408 triệu đồng) nằm trong giới hạn quy định (không vượt quá 3 lần quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.)

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.654.064	3.908.084
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.885.239	2.265.012
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.768.825	1.643.072
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	51,6%	58%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	48,4%	42%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	3.654.063	3.908.083
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	562.226	586.527
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	3.091.837	3.321.556
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	15,4%	15%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	84,6%	85%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm hơn 50% trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn (1.069.560 triệu đồng),

hàng tồn kho (727.070 triệu đồng) là do Tổng công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản; do đó, công trình kéo dài trong nhiều năm, chi phí phát sinh các công trình được tập hợp ở chi phí dở dang cho đến khi công trình được quyết toán.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (15%).

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (85%).

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp $H = 1,07$ (2.694.170 triệu đồng/2.513.611 triệu đồng), doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

+ Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp đến 31/12/2014:

- Đầu tư ngắn hạn: gửi tiết kiệm ngắn hạn 1.420 triệu đồng.

- Đầu tư dài hạn: 1.291.523 triệu đồng, bao gồm:

+ Đầu tư vào 11 Công ty con: 500.797 triệu đồng.

+ Đầu tư vào 11 Công ty liên doanh, liên kết: 190.892 triệu đồng

+ Đầu tư dài hạn khác (15 công ty): 695.730 triệu đồng.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

- Năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 250.831 triệu đồng, tỷ lệ 18,07% trên tổng giá trị vốn đầu tư (1.387.419 triệu đồng), cụ thể:

+ Các công ty 100% vốn nhà nước: 121.433 triệu đồng

+ Các công ty cổ phần chi phối >50% vốn: 11.974 triệu đồng

+ Các công ty cổ phần (20-50% vốn): 8.219 triệu đồng

+ Các công ty liên doanh (20-50% vốn): 95.762 triệu đồng

+ Các công ty khác < 20% vốn: 12.761 triệu đồng

+ Vốn góp tại các dự án khác: 682 triệu đồng

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng 15.180 triệu đồng, giảm 50.858 triệu đồng vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (01/01/2014)	Phát sinh		Giá trị đầu tư 31/12/2014
			Tăng	Giảm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	CÔNG TY KHO BÃI	37.833	-	12.625	25.208
	GÓP VỐN TẠI CÁC CÔNG TY	37.833	-	12.625	25.208
1	Công ty đầu tư KD Nhà	24.708	-	-	24.708
2	Công ty phát triển Hạ tầng	2.000	-	2.000	-
3	Công ty CP DV địa ốc Sài Gòn	500	-	-	500
4	Liên doanh XD KDC, KCN Đức Hòa III	10.625	-	10.625	-
II	VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY	1.385.264	15.180	38.233	1.362.211
II-1	CÁC CÔNG TY CON	499.224	1.574	-	500.798
A	GÓP VỐN TẠI CÁC CÔNG TY 100% VỐN NN	400.490	-	-	400.490
1	Cty TNHH MTV Phát triển KD nhà	52.027	-	-	52.027
2	Cty TNHH MTV PT nhà Bình Thạnh	52.703	-	-	52.703
3	Cty TNHH MTV ĐTPPT Thủ Thiêm	40.000	-	-	40.000
4	Cty TNHH MTV XD TM Sài Gòn 5	219.346	-	-	219.346
5	Cty TNHH MTV Địa ốc Gia Định	36.414	-	-	36.414
B	GÓP VỐN TẠI CÁC CTY CP CHI PHỐI >50%	98.734	1.574	-	100.308
6	Công Ty CP Địa ốc III	7.140	-	-	7.140
7	Công Ty CP Địa ốc 8	9.180	-	-	9.180
8	Công Ty CP Địa ốc 10	15.300	-	-	15.300
9	Công ty CP Địa ốc Tân Bình	41.106	-	-	41.106

10	Công ty CP ĐT XD & KD Nhà Sài Gòn	15.514	-	-	15.514
11	Công ty CP ĐT & ĐÔ Sài Gòn Chợ Lớn	10.494	1.574	-	12.068
II-2	GÓP VỐN TẠI CÁC CTY LIÊN KẾT 20% -> 50%	213.769	-	22.877	190.892
A	CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN (20% -> 50% VỐN)	37.528	-	11.250	26.278
1	Công ty CP Địa ốc 6	2.400	-	-	2.400
2	Công ty CP Địa ốc 7	2.880	-	-	2.880
3	Công ty CP Địa ốc 9	6.000	-	-	6.000
4	Công ty CP Kinh Doanh Nhà Quận 11	12.000	-	6.000	6.000
5	Công Ty CP Địa ốc Chợ Lớn	12.750	-	5.250	7.500
6	Công ty CP Tư Vấn Địa ốc Sài Gòn	748	-	-	748
7	Công ty CP Địa ốc Nam Việt	750	-	-	750
B	CÁC CTY LIÊN DOANH NN (20%->50% VỐN)	164.614	-	-	164.614
1	OceanPlace (8.750.000USD, gồm Tổng DL 491.200USD)	91.737	-	-	91.737
2	SAIGON SKY GARDEN (4.172.400USD)	45.938	-	-	45.938
3	INDOCHINE (1.543.931USD)	16.983	-	-	16.983
4	SAIGON MAINSON (905.100USD)	9.956	-	-	9.956
C	CÁC CTY TNHH (20%->50% VỐN)	11.627	-	11.627	-
1	Cty TNHH ĐT XD và DL Phước Lộc	11.627	-	11.627	-
II-3	GÓP VỐN TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC <20% VỐN	592.135	-	15.000	577.135
A	CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN (<20% VỐN)	204.300	-	15.000	189.300
1	Công ty CP Đầu Tư XD Phát triển Sài Gòn	2.000	-	-	2.000
2	Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh nhà	153.431	-	-	153.431
3	Công ty CP TM & Địa ốc Bình Chánh	12.000	-	-	12.000

4	Công ty CP Địa ốc Sài Gòn	15.927	-	-	15.927
5	Công ty CP Khu CN & ĐT Đức Hòa III	15.000	-	15.000	-
6	Công ty CP PT Nhà Bắc Trung Nam	4.000	-	-	4.000
7	Công Ty CP Kiểm Định XD Sài Gòn	1.942	-	-	1.942
B	CÁC CTY LIÊN DOANH NN (<20% VỐN)	350.185	-	-	350.185
1	SaiGon Center (20.531.205USD)	347.948	-	-	347.948
2	Habour View (132.000USD)	2.237	-	-	2.237
C	VỐN TẠI CÁC CTY NGOÀI NGÀNH (<20% VỐN)	37.650	-	-	37.650
1	Công Ty CP Đầu Tư KD điện lực Tp.HCM	7.650	-	-	7.650
2	NH TMCP Phát Triển Nhà Tp.HCM	30.000	-	-	30.000
II-4	VỐN GÓP CÁC DỰ ÁN	80.136	13.606	356	93.386
1	Dự án Phú Mỹ (Công ty CPĐT XD Nhà SG)	62.545	13.606	-	76.151
2	Dự án khu lưu trú công nhân (Công ty CPDV SG)	1.018	-	356	662
3	Dự án Nhơn Trạch - Đồng Nai (Công ty CP HT SG)	16.573	-	-	16.573
	TỔNG CỘNG	1.423.097	15.180	50.858	1.387.419

Tổng Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 7432/QĐ-UBND ngày 31/12/2013. Theo đó,

+ Cổ phần hóa công ty TNHH MTV Tổng Công ty nắm giữ vốn điều lệ từ 100% xuống còn dưới 50% vốn điều lệ: 5 doanh nghiệp

- Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủ Thiêm
- Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh nhà
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Sài Gòn 5
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Địa ốc Gia Định
- Công ty TNHH MTV Địa ốc Bình Thạnh.

+ Thoái vốn tại các doanh nghiệp Tổng Công ty đang nắm giữ trên 50% xuống dưới 50% vốn điều lệ (bán bớt phần vốn Nhà nước tại đơn vị): 8 doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần Địa ốc Tân Bình
- Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn

- Công ty cổ phần Địa ốc 11
 - Công ty cổ phần Địa ốc III
 - Công ty cổ phần Địa ốc 8
 - Công ty cổ phần Địa ốc 10
 - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh nhà Sài Gòn
 - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa ốc Sài Gòn – Chợ Lớn
- + Thoái vốn tiếp các doanh nghiệp đang giữ dưới 50% vốn điều lệ:
- Công ty CP, Công ty TNHH chuyển thể từ DNNN: 4 doanh nghiệp
 - Công ty CP Đầu tư kinh doanh nhà
 - Công ty CP Địa ốc 9
 - Công ty CP Địa ốc Nam Việt
 - Công ty CP TM Địa ốc Bình Chánh
 - Công ty CP, Công ty TNHH do Công ty mẹ tự đầu tư:
 - Công ty CP XD Phát triển Sài Gòn
 - Công ty CP Phát triển nhà Bắc Trung Nam
 - Công ty CP Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn
 - Công ty liên doanh Sài Gòn Mainson
 - Công ty CP ĐTKD tổng hợp điện lực TP
 - Công ty CP Địa ốc Sài Gòn.

+ Thoái vốn 100% phần vốn ngoài ngành kinh doanh chính: Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Trong năm 2014, Tổng Công ty mua sắm tài sản cố định là hệ thống báo cháy 83.790.000 đồng; đồng thời thanh lý, nhượng bán xe Nissan 323.215.500 đồng.

Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 1.146.055 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 955 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 862 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu là các khoản công nợ kéo dài từ việc thu tiền thuê kho bãi của Công ty Kho Bãi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 586.527 triệu đồng, trong đó khoản nợ phải trả quá hạn của Công ty Kho Bãi là 7,8 triệu đồng.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Tổng Công ty là 33.253 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 2.862 triệu đồng.

+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM: 30.391 triệu đồng

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư dự án “Khu lưu trú công nhân – Khu B xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh.

+ Bổ đắp vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu lưu trú công nhân và nhà ở thu nhập thấp tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh Tp.HCM.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Các dự án cho hoạt động SXKD của Công ty gồm có:

+ Các dự án thuộc nhóm A: không phát sinh

+ Các dự án thuộc nhóm B: gồm 02 dự án với tổng mức đầu tư theo dự toán là 169.313 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu lưu trú công nhân tại Tân Nhựt, Bình Chánh với tổng mức dự toán đầu tư là 57.153 triệu đồng, trong đó vốn vay dự kiến là 48.580 triệu đồng.

Tính đến ngày 31/12/2014 Tổng Công ty đã đầu tư xây dựng một số hạng mục cơ bản như hệ thống giao thông thoát nước mưa, nước bẩn, hạng mục trạm xử lý nước thải với tổng chi phí là 19.525 triệu đồng. Việc thực hiện dự án chưa đúng tiến độ như kế hoạch đề ra (từ năm 2009 đến năm 2011) do dự án phải thi công đồng bộ với dự án xây dựng khu B Tân Nhựt Bình Chánh.

- Dự án xây dựng khu lưu trú công nhân (Khu B) tại Tân Nhựt, Bình Chánh với tổng mức dự toán đầu tư là 112.160 triệu đồng, trong đó vốn vay dự kiến là 90.658 triệu đồng.

Tính đến ngày 31/12/2014 Tổng Công ty đã đầu tư xây dựng khu B khu lưu trú CN xã Tân Nhựt Bình Chánh với tổng chi phí là 64.333 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 236.014 triệu đồng, 380,99% kế hoạch 2014.

+ Nguyên nhân tăng chủ yếu do:

- Tổng Công ty đã tạm nộp thuế GTGT, TNDN trên số tiền thu khách hàng theo tiến độ hợp đồng từ các năm trước của hoạt động kinh doanh địa ốc.
- Lợi nhuận năm 2013 của các Công ty con nộp về

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số đầu kỳ: 59.387 triệu đồng
- Tăng trong kỳ: 2.933 triệu đồng do lãi tiền gửi
- Số giảm trong kỳ: 0 triệu đồng
- Số cuối kỳ: 62.320 triệu đồng

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố: Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ 14/14 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo riêng của Ủy ban nhân dân thành phố: không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty

Trong năm 2014: Tổng doanh thu Tổng công ty thực hiện là 695.641 triệu đồng, đạt 100,23% so với kế hoạch năm 2014 và giảm 21,6% so với năm 2013; Lợi nhuận trước thuế 366.614 triệu đồng, đạt 100,77% so với kế hoạch và tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2013. Do công ty mẹ chiếm tỷ trọng lớn nên chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của toàn Tổng công ty biến động theo công ty mẹ.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong năm 2014, Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

- Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ
GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH 2014/KH 2014	TH 2014/TH 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.071.640	3.105.965	3.931.854	126,59%	128,01%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.877.771		3.797.587		131,96%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	79.390		93.592		117,89%
3	Thu nhập khác	114.479		40.675		35,53%
II	Tổng chi phí	2.926.002	3.013.293	3.743.200	124,22%	127,93%
1	Giá vốn hàng bán	2.683.871		3.497.233		130,31%
2	Chi phí tài chính	38.042		13.627		35,82%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>13.686</i>		<i>23.738</i>		<i>173,45%</i>
3	Chi phí bán hàng	75.474		100.077		132,60%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.213		125.542		134,68%
5	Chi phí khác	35.402		6.721		18,98 %
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu	95,26%	97,02%	95,20%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	3,03%		3,19%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	145.638	92.672	188.654	203,57	129,54
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.561		154.700		232,42
2	Lợi nhuận khác	79.077		33.954		42,94

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 126,59% so với kế hoạch, tăng 128,01% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 96,59%, tăng 31,96% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,38%, tăng 17,89% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 1,03%, giảm 64,47% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 124,22% kế hoạch, tăng 27,93% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 93,43%, tăng 30,31% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,36%, giảm 64,18% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 2,67%, tăng 32,60% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,35%, tăng 34,68% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,19%, giảm 81,02% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 95,20% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (95,26%). Tổng công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,19% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (3,03%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 203,57% kế hoạch, tăng 129,54% so với thực hiện năm 2013.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	145.638	188.654	129,54
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	125.858	163.652	130,03
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.350.047	1.450.646	107,45

4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.413.000	3.140.125	130,13
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	10,79	13,00	120,48
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	9,32	11,28	121,03
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,22	5,21	99,81

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,56 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.189.221 triệu đồng/764.012 triệu đồng). Tổng công ty đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (không bao gồm số dư Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp) của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 1,11 lần (=1.632.287 triệu đồng/1.470.160 triệu đồng), nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.787.929	3.492.321
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	813.914	1.189.221
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.974.015	2.303.100
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	29,19%	34,05%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	70,81%	65,95%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	2.787.929	3.492.321
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.192.108	1.632.287
	- Ngắn hạn	Triệu đồng	630.693	764.012
	- Dài hạn	Triệu đồng	561.415	868.275
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.595.821	1.860.034
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	42,76%	46,74%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	57,24%	53,26%

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục Tài sản cố định (1.085.590 triệu đồng), Đầu tư tài chính dài hạn (1.097.111 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của Tổng công ty là $H = 1,02$. Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị 1.178.449 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 11 Công ty con: 580.410 triệu đồng

- Đầu tư vào 09 Công ty liên kết: 320.343 triệu đồng

- Đầu tư vào 05 Công ty liên doanh: 277.696 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia là 88.747 triệu đồng, tương đương 7,53% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước 4.187 triệu đồng, tỷ lệ 2,12% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 24 triệu đồng, tỷ lệ 0,05% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 28.961 triệu đồng.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện tăng, giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác
1	Cty TNHH VT TH Kumho Samco	36.812	51,00%	21.502			58.314	51,00%

2	Cty TNHH MTV Cảng Sông TP	173.659	100,00%		11.959		161.700	49,00%
3	Cty TNHH MTV Đóng tàu An Phú	41.169	100,00%		11.769		29.400	49,00%
4	Cty CP TV XD GT Mê Kông	300	30,00%		300		0	0,00%
5	Cty Ô tô Vận tải số 1	1.275	20,80%		1.275		0	0,00%

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện tăng vốn đầu tư Công ty TNHH VT TH Kumho Samco là 21.502 triệu đồng.

Tổng công ty thực hiện việc cổ phần hóa 02 đơn vị thành viên làm giảm vốn đầu tư, cụ thể như sau:

- + Công ty TNHH một thành viên Cảng Sông thành phố: 11.959 triệu đồng.
- + Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu An Phú: 11.769 triệu đồng.

- Tổng công ty đã thực hiện việc thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Tư Vấn Xây dựng & Giao thông Mê Kông và Công ty CP Ô tô Vận tải số 1 theo Đề án Tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 7321/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013.

a.4. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 7321/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa sau năm 2015, nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ. Trong giai đoạn 2013 - 2015:

+ Duy trì 3 doanh nghiệp công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, 2 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 7 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Thực hiện cổ phần hóa 2 doanh nghiệp, công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Phá sản 01 doanh nghiệp.

+ Giảm tỷ lệ vốn góp dưới 50% đối với các khoản đầu tư tại 2 doanh nghiệp.

+ Thoái vốn toàn bộ 100% vốn đã đầu tư tại 9 doanh nghiệp.

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện việc cổ phần hóa 02 đơn vị thành viên, thoái toàn bộ vốn góp tại 03 doanh nghiệp khác (như Điểm a.3).

- Theo Bảng Tổng hợp điều chỉnh kế hoạch thoái vốn chung của các Tổng công ty, Công ty mẹ - con theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giai đoạn 2015 đính kèm Công văn 1118/UBND-CNN ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước năm 2015; Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên thực hiện thoái vốn đối với 06 doanh nghiệp là Công ty cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết, Công ty cổ phần Cơ khí Giao thông Quận 4, Công ty cổ phần Công trình giao thông Quận 8, Công ty cổ phần Cơ khí ô tô Thủ Đức, Công ty cổ phần Ô tô vận tải số 5 và Công ty CP Dịch vụ ô tô Hàng Xanh trong năm 2015.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

+ Trong năm, Tổng công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 3.455 triệu đồng, giá trị còn lại là 1.076 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 613.559 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 20.984 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 20.984 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 1.632.287 triệu đồng, Tổng công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Tổng công ty là 464.380 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 391.696 triệu đồng (bao gồm: Vay ngắn hạn: 244.282 triệu đồng, Vay dài hạn: 147.414 triệu đồng).

+ Vay của cá nhân: 6.275 triệu đồng.

+ Vay của các đơn vị thành viên: 66.409 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 147.414 triệu đồng. (Thanh toán chi phí đầu tư dự án Khu văn phòng kinh doanh dịch vụ ô tô và nhà đậu xe cao tầng tại 121-139 Cô Giang).

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 316.966 triệu đồng.

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm 2014, Tổng công ty thực hiện đầu tư 04 dự án, trong đó:

- Tổng công ty thực hiện hoàn thành dự án Nhà để xe cao tầng và kinh doanh dịch vụ thuộc dự án Khu phức hợp 121 Cô Giang và đã hạch toán tăng nguyên giá tài sản trong năm 2014 với giá trị là 430.328 triệu đồng.

- Tổng công ty đang thực hiện đầu tư 03 dự án với tổng giá trị đầu tư là 1.082.647 triệu đồng từ vốn vay ngân sách thành phố.

Các dự án đầu tư của Tổng công ty đều là dự án nhỏ, không thuộc nhóm A, B. Tiến độ triển khai thực hiện đúng theo kế hoạch.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, Tổng công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Tổng công ty có quyết định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý lao động, tiền lương theo Quyết định số 1946/QĐ-XPVPHC ngày 18 tháng 9 năm 2014 của Thanh tra Sở Lao động – Thương binh và Xã hội với số tiền là 400.000 đồng.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 168.132 triệu đồng, đạt 316,77% kế hoạch, tăng 173,90% so với thực hiện năm 2013. Số phát sinh phải nộp tăng do số lợi nhuận sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tạm phân phối, trích lập các quỹ phải nộp về ngân sách nhà nước theo Thông tư 187/2014/TT-BTC ngày 05/12/2014 của Bộ Tài chính; Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng tương ứng với doanh thu và lợi nhuận.

Đến cuối năm 2014, Tổng công ty còn phải nộp ngân sách là 69.513 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Tổng công ty đã mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm để theo dõi số tiền Quỹ hỗ trợ sắp xếp

doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính.

- Số dư đầu kỳ: 151.727 triệu đồng.

- Phát sinh tăng: 195.137 triệu đồng; Cụ thể:

+ Lãi tiền gửi ngân hàng: 1.195 triệu đồng.

+ Lãi chậm nộp các khoản vốn nhà nước khi cổ phần hóa Công ty cổ phần Cơ khí Giao thông Quận 4: 280 triệu đồng.

+ Thu từ bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH một thành viên Đóng tàu An Phú: 25.596 triệu đồng.

+ Thu từ bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH một thành viên Cảng sông thành phố: 168.066 triệu đồng.

- Phát sinh giảm: 0 đồng.

- Số dư cuối kỳ: 346.864 triệu đồng.

e. Tình hình khác:

Tổng công ty thực hiện nộp Báo cáo giám sát tài chính năm 2014 ngày 01 tháng 4 năm 2015 trễ so với thời gian quy định (31 tháng 3 năm 2015).

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Tổng công ty phải thực hiện 14 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau: Thực hiện đầy đủ: 14/14 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Tổng công ty chưa nộp Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 do đó không có cơ sở để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Tổng công ty (Công ty mẹ) đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Ngoài tồn tại trong việc chấp hành các chính sách tiền lương như trình bày ở trên, Công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC
SÀI GÒN – TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của
Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.352.012	2.522.861	2.562.463	101,57%	108,95%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.096.046	2.357.404	2.272.643	96,40%	108,43%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	77.740	65.457	73.907	112,91%	95,07%
3	Thu nhập khác	178.226	100.000	215.913	215,91%	121,15%
II	Tổng chi phí	2.152.387	2.424.961	2.369.620	97,72%	110,09%
1	Giá vốn hàng bán	1.203.597	1.404.690	1.279.821	91,11%	106,33%
2	Chi phí tài chính	39.536	41.898	56.053	133,78%	141,78%
	<i>Trong đó: lãi vay</i>	39.482	41.898	56.045	133,77%	141,95%
3	Chi phí bán hàng	665.241	752.237	754.224	100,26%	113,38%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	138.560	155.615	152.168	97,78%	109,82%
5	Chi phí khác	105.453	70.521	127.354	180,59%	120,77%
III	Tổng chi phí / Tổng doanh thu	91,51%	96,12%	92,47%		
	Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Tổng doanh thu	5,89%	6,17%	5,94%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	199.623	97.900	192.843	196,98%	96,60%
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	126.851	68.421	104.285	152,42%	82,21%
2	Lợi nhuận khác	72.772	29.479	88.558	300,41%	121,69%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 101,57% so với kế hoạch, tăng 8,95% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân là do:

+ Doanh thu hoạt động sản xuất nước đạt 96,40% so với kế hoạch và tăng 8,43% so với cùng kỳ năm trước (2.272.643 triệu đồng/2.096.046 triệu đồng) do tăng sản lượng tiêu thụ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính đạt 112,91% so với kế hoạch và giảm 4,93% so với cùng kỳ năm trước do lãi suất ngân hàng giảm do thay đổi chính sách tại Thông tư 10/2014/TT-BTC ngày 18/01/2014, theo đó lãi tiền gửi từ Quỹ hỗ trợ

sắp xếp doanh nghiệp không được hạch toán doanh thu tài chính trong khi năm 2013 được hạch toán đến 09/3/2013.

+ Doanh thu hoạt động khác đạt 215,91% so với kế hoạch và tăng 21,15% so với cùng kỳ năm trước do tăng doanh thu hoạt động bồi thường di dời.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 88,69%, giảm 0,43% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,88%, giảm 0,42% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 8,43%, tăng 0,85% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 97,92% so với kế hoạch, tăng 10,09% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 54,01%, giảm 1,91% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 2,37%, tăng 0,53% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 31,83%, tăng 0,92% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,42%, giảm 0,02% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 5,37%, tăng 0,48% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 92,47% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện năm 2013 (91,51%). Nguyên nhân là do một số khoản chi phí tăng như chi phí khấu hao mạng cấp nước địa bàn Cần Giờ (tài sản có giá trị lớn, mới đi vào hoạt động chưa tạo nhiều doanh thu), chi phí mua sỉ của Công ty Cổ phần cấp nước Kênh Đông...

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,94% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện năm 2013 (9,8%). Tổng công ty chưa tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

+ Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 196,98% kế hoạch và giảm 3,40% do tăng chi phí mua sỉ, chi phí khấu hao...

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	199.623	192.843	96,60%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	163.103	157.609	96,63%

3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	4.083.729	4.456.096	109,12%
4	Tổng tài sản (bình quân)	Triệu đồng	7.035.412	7.360.843	104,63%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	4,89%	4,33%	88,53%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,99%	3,54%	88,56%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,32%	2,14%	92,36%

Qua bảng phân tích trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn chưa cao so với năm 2013. Nguyên nhân do giảm lợi nhuận theo thuyết minh trên.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,52 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.268.812 triệu đồng/502.765 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,48 (2.347.952 triệu đồng/4.883.600 triệu đồng). Hệ số này nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	7.144.376	7.232.649
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.267.918	1.268.812
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	5.876.458	5.963.837
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	17,75%	17,54%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	82,25%	82,46%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	7.144.376	7.232.649
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	2.454.996	2.347.952
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	4.689.380	4.884.697
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,36%	32,46%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,64%	67,54%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục Tài sản cố định (4.799.865 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,09$ (4.456.096 triệu đồng/4.083.729 triệu đồng), doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và cổ tức dự kiến được chia :

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 1.018.376 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 13 Công ty con: 775.196 triệu đồng

+ Cổ tức và lợi nhuận dự kiến được chia từ các công ty con: 44.669 triệu đồng. Trong đó:

- Các Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công chánh, Tư vấn Giao thông Công chánh, Cấp nước Tân Hòa, Cấp nước Trung An do là công ty TNHH MTV nên thực hiện phân phối theo quy định tại Nghị định 71/2013/NĐ-CP, sau phân phối không phát sinh lợi nhuận được chia.

- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng cấp nước tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư là 4,04% tương ứng 33 triệu đồng, đơn vị này Tổng công ty đang thực hiện thoái vốn theo đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt theo Quyết định số 6416/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Công ty Đầu tư kinh doanh nước sạch Sài Gòn chưa chia cổ tức do hoạt động chính là sản xuất nước chưa đi vào hoạt động, dự kiến sẽ phát nước trong tháng 11/2015.

- Đầu tư vào 3 Công ty liên kết: 111.208 triệu đồng

+ Cổ tức dự kiến được chia từ các công ty liên kết: 369 triệu đồng. Trong đó:

- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước tỷ lệ vốn góp 24,58%, cổ tức là 14%.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Quảng trường Quốc Tế tỷ lệ vốn góp 30%. Dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện, lợi nhuận phát sinh trong năm là từ lãi tiền gửi ngân hàng. Do dự án đang trong giai đoạn triển khai, nhu cầu vốn đầu tư rất lớn nên không chia cổ tức.

- Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp: Dự án đang trong giai đoạn góp vốn theo tiến độ nên không có phát sinh cổ tức được chia.

- Đầu tư dài hạn khác: 131.971 triệu đồng

+ Góp vốn liên doanh: Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh đông.

- Cổ tức dự kiến được chia: 6.716 triệu đồng

+ Đầu tư tài chính khác: là khoản cho các Công ty cổ phần cấp nước vay để phát triển mạng lưới cấp nước. Lãi suất cho vay từ 5,4%/năm đến 8,4%/năm. Các Công ty này phải trả gốc vay từ năm thứ hai kể từ thời điểm rút vốn vay. Lãi và gốc vay sẽ trả hàng quý.

Các công ty không có nợ đọng cổ tức của các năm trước.

a.2. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
01	Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông công chánh	193.575	100%		43.789		149.786	100%
02	Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An	46.661	100%		5.227		41.434	100%
03	Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn	115.527	100%	11.378	668		126.237	100%
04	Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng trường Quốc tế	45.000	30%	45.000			90.000	30%
05	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp			18.750			18.750	25%

- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông công chánh, Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An giảm giá trị đầu tư do bàn giao tài sản theo tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng trường Quốc tế góp bổ sung vốn điều lệ theo tỷ lệ đã cam kết.

- Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn tăng vốn điều lệ từ 115.000 triệu đồng lên 145.000 triệu đồng theo Nghị quyết số 286/NQ-TCT-HĐTV.

- Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép đầu tư theo Quyết định số 5880/UBND-QLDA ngày 04/11/2013. Năm 2014, bắt đầu góp vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn – TNHH MTV giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 6416/QĐ-UBND ngày 09/12/2013. Theo đó:

- Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ: 01 doanh nghiệp

- Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn

- Cổ phần hóa công ty TNHH MTV Tổng Công ty nắm giữ vốn điều lệ từ 100% xuống còn dưới 50% vốn điều lệ: 9 doanh nghiệp

+ Công ty cổ phần chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước:

- Công ty TNHH Cổ phần Cấp nước Bến Thành

- Công ty TNHH Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn

- Công ty TNHH Cổ phần Cấp nước Gia Định

- Công ty TNHH Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

- Công ty TNHH Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

- Công ty TNHH Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

+ Doanh nghiệp do Công ty mẹ tự đầu tư:

- Công ty cổ phần Đầu tư và kinh doanh nước sạch Sài Gòn

+ Doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa:

- Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An

- Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa

- Công ty mẹ có vốn góp dưới 50% vốn điều lệ : 6 doanh nghiệp

+ Công ty cổ phần chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước:

- Công ty cổ phần Cơ khí công trình Cấp nước

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng cấp nước

+ Doanh nghiệp do công ty mẹ tự đầu tư:

- Công ty cổ phần Cấp nước Kênh đông
 - Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quảng trường quốc tế
- + Doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa:
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Giao thông công chánh
 - Công ty TNHH MTV Công trình giao thông công chánh
- Cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Tổng công ty (công ty mẹ): 4 doanh nghiệp

+ Công ty mẹ còn nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An
- Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa

+ Công ty mẹ còn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ:

- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông công chánh
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Giao thông công chánh

- Thoái vốn tại doanh nghiệp công ty mẹ đang nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (bán bớt): 1 doanh nghiệp

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng cấp nước

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Theo báo cáo của Tổng công ty, thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 414.254 triệu đồng. Trong đó nợ khó đòi là 12.138 triệu đồng. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 11.467 triệu đồng (bao gồm cả khoản trích lập dự phòng khoản thất thoát quỹ năm 2003 là 6.680 triệu đồng).

Nợ khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu là các khoản công nợ tiền nước.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 2.347.953 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 502.765 triệu đồng, Tổng Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/4, tổng số vốn Tổng công ty huy động của các tổ chức tín dụng là: 1.077.789 triệu đồng để đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tổng công ty (Công ty mẹ) không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Đầu tư vào các dự án nhóm A

Dự án Giảm thất thoát nước, tăng cường, mở rộng mạng lưới cấp nước và tăng cường thể chế cho Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn giai đoạn 2011-2015:

+ Đơn vị huy động: ADB

+ Tổng mức đầu tư : 2.691.000 triệu đồng

+ Thời gian thực hiện dự án: 2011-2036

+ Quyết định phê duyệt dự án: 5166/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 của UBND Thành phố.

+ Thực hiện đến 31/12/2014: 32.638 triệu đồng

+ Tiến độ của dự án: Đang thực hiện

- Đầu tư vào các dự án nhóm B

+ Tổng số dự án: 12 dự án

+ Tổng mức đầu tư : 3.173.872 triệu đồng

+ Tổng chi phí thực hiện đến 31/12/2014: 2.553.939 triệu đồng

+ Tiến độ của dự án: đã có 8/12 dự án nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Đầu tư vào các dự án nhóm C

+ Tổng số dự án: 118 dự án

+ Tổng mức đầu tư : 1.172.202 triệu đồng

+ Thời gian thực hiện dự án: 2012-2014

+ Thực hiện đến đến 31/12/2014: 765.524 triệu đồng

+ Tiến độ của dự án: đã có 14/118 dự án đã có nghiệm thu đưa vào sử dụng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, Tổng công ty chấp hành đầy đủ việc kê khai và nộp các khoản thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tổng công ty thực hiện xây dựng quỹ lương theo Thông tư 18/2014/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2014 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu và Thông tư 19/2014/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2014 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó

Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 198.465 triệu đồng đạt 225,79% kế hoạch. Nguyên nhân tăng so với năm 2013 do tăng thu thuế Thu nhập doanh nghiệp, tăng các khoản phí, tăng khoản lợi nhuận sau phân phối nộp ngân sách nhà nước. Tổng công ty không còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 423.309 triệu đồng;
- Số tăng trong kỳ (từ lãi tiền gửi ngân hàng của Quỹ và tiền thu về từ cổ phần hóa các doanh nghiệp): 77.683 triệu đồng;
- Số giảm trong kỳ: 400.000 triệu đồng
- Số dư cuối kỳ: 100.992 triệu đồng.

Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 3878/VPCP-KTTH ngày 29/5/2014 cho phép Tổng công ty sử dụng 400.000 triệu đồng từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp để bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực tài chính:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ 14/14 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo riêng của Ủy ban nhân dân thành phố: không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Tổng công ty cho thấy các chỉ tiêu đều tăng so với cùng kỳ năm trước cụ thể:

+ Doanh thu năm 2014 là 4.127.562 triệu đồng tăng 8,32% so với cùng kỳ năm 2013 (tăng 317.111 triệu đồng).

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2014 là 380.401 triệu đồng tăng 30,40% so với cùng kỳ năm 2013 (tăng 88.684 triệu đồng).

+ Các khoản nộp ngân sách năm 2014 là 580.893 triệu đồng tăng 4,46% so với cùng kỳ năm 2013 (tăng 24.786 triệu đồng).

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong năm 2014, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH một thành viên hoàn thành vượt kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách.

- Tình hình chấp hành các quy định về chính sách chế độ: Trong năm 2014 Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính:

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG
NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện năm 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện năm 2014/Thực hiện năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu	7.606.878	5.080.000	5.222.634		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.891.803	1.860.231	1.920.740		
	Tổng doanh thu thuần	4.715.075	3.219.769	3.301.894	102,55%	70,03%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.583.043	3.219.769	3.210.103	99,70%	70,04%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	105.887		64.818		61,21%
3	Thu nhập khác	26.145		26.973		103,17%
II	Tổng chi phí	4.304.774	2.977.769	3.068.522	103,05%	71,28%
1	Giá vốn hàng bán	4.055.863		2.875.698		70,90%
2	Chi phí tài chính	28.726		5.200		18,10%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>20.595</i>		<i>36.659</i>		<i>178,00%</i>
3	Chi phí bán hàng	5.604		6.653		118,72%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	204.932		167.942		81,95%
5	Chi phí khác	9.649		13.029		135,03%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	91,30%	92,48%	92,93%		
	- Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,35%	0,00%	5,09%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	410.301	242.000	233.372	96,43%	56,88%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	393.805	242.000	219.428	90,67%	55,72%
2	Lợi nhuận khác	16.496	-	13.944		84,53%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 102,55 % so với kế hoạch, giảm 29,96% so với thực hiện năm 2013.

Năm 2014 Luật Phòng chống tác hại thuốc lá ra đời, đã siết chặt hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc lá, theo hướng giảm cung-cầu và làm gia tăng đáng kể chi phí sản xuất kinh doanh. Trong đó, quy định in hình cảnh báo sức khỏe trên vỏ bao thuốc lá đã tác động mạnh làm sản lượng các sản phẩm thuốc lá sản xuất trong nước sụt giảm nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, việc phát sinh đóng góp Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá theo tỷ lệ hiện nay là 1% trên giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt, đồng thời với việc in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì đã làm gia tăng đáng kể chi phí sản xuất, dẫn đến cán cân lợi thế cạnh tranh nghiêng hẳn về thuốc lá nhập lậu.

Tại Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, doanh thu của sản xuất kinh doanh thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn, do đó những ảnh hưởng nêu trên đã tác động mạnh đến việc thực hiện kế hoạch 2014, dẫn đến việc sụt giảm mạnh doanh thu, lợi nhuận so với cùng kỳ của Tổng công ty.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,22%, giảm 29,97% so với thực hiện năm 2013

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,96% giảm 38,79% so với thực hiện năm 2013

+ Thu nhập khác chiếm 0,82%, tăng 3,17% so với thực hiện năm 2013

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 103,05% kế hoạch, giảm 28,72% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 93,72%, giảm 29,10% so với thực hiện năm 2013 do sản lượng tiêu thụ thuốc lá điều trong kỳ giảm.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,17%, giảm 81,90% so với thực hiện năm 2013 do hoàn nhập dự phòng 35.668 triệu đồng

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,22%, tăng 18,72% so với thực hiện năm 2013 do tăng chi phí bản quyền thuốc lá Fine

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,47%, giảm 18,05% so với thực hiện năm 2013

+ Chi phí khác chiếm 0,42%, tăng 35,03% so với thực hiện năm 2013 do tăng chi phí thanh lý tài sản.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 92,93% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (92,48%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,09% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (4,35%). Tổng công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013 do phát sinh chi phí mua lại

nhà máy nhựa Saplast Vientiane của công CP nhựa Sài Gòn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố để viện trợ cho tỉnh Hòa Phấn-Lào và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 96,43% kế hoạch, giảm 43,12% so với thực hiện năm 2013 do giảm sản lượng tiêu thụ thuốc lá điếu, giảm doanh thu trong kỳ.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	410.301	233.372	56,88%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	313.644	181.452	57,85%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.621.541	1.775.252	109,48%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	3.674.402	3.922.233	106,74%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	25,30%	13,15%	51,95%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	19,34%	10,22%	52,84%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	8,54%	4,63%	54,20%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 Tổng công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty là 1,42 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.831.486 triệu đồng/ 1.286.965 triệu đồng).

Khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1 cho thấy Tổng công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,645; nằm trong giới hạn cho phép.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	4.031.997	3.812.469
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	2.461.978	1.831.486
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.570.019	1.980.983
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	61,06%	48,04%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	38,94%	51,96%

II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	4.031.997	3.812.469
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.684.141	1.479.373
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.332.155	2.294.170
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	41,93%	39,20%
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	58,07%	60,80%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản (51,96%) của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục chi phí xây dựng cơ bản (718.553 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 là $H = 1,03 > 1$ ($= 1.802.469$ triệu đồng/ $1.748.034$ triệu đồng) cho thấy Tổng công ty đã phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 1.097.953 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 08 Công ty con: 570.916 triệu đồng.

- Đầu tư vào 09 Công ty liên kết: 306.289 triệu đồng.

- Đầu tư vào 01 Công ty liên doanh và góp vốn vào 02 dự án liên doanh: 81.444 triệu đồng.

- Đầu tư dài hạn khác vào 8 Công ty: 139.760 triệu đồng.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Tổng công ty nhận được của 05 Công ty là 4.481 triệu đồng, tương đương 0,41% trên tổng giá trị vốn đầu tư; cụ thể:

Công ty Cổ phần nhựa Sài Gòn (1.487 triệu đồng), Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Hữu Nghị (393,6 triệu đồng), Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (1.720 triệu đồng), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (750 triệu đồng), Công ty Cổ phần Cơ Khí Sinco (130 triệu đồng).

Đối với 02 dự án, hiện đang trong giai đoạn triển khai xây dựng nên chưa có lợi nhuận; Số doanh nghiệp còn lại, chưa tổ chức đại hội cổ đông nên chưa có nghị quyết chia cổ tức, lợi nhuận.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
	Đầu tư vào công ty con	558.916		12.000			570.916	
1	Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	225.310	100%	0			225.310	100%
2	Công ty CP Điện tử và DVCN Sài Gòn (Sagel)	7.650	51%	0			7.650	51%
3	Công ty CP Nhựa Sài Gòn	57.375	57,38%	0			57.375	57,38%
4	Công ty CP Công nghiệp TM Hữu Nghị	34.294	87,26%	0			34.294	87,26%
5	Công ty CP TIE	66.990	70,00%	0			66.990	70%
6	Công ty TNHH MTV CNS Thanh Phát	120.358	100%	12.000			132.358	100%
7	Công ty TNHH CNS Amura Precision	16.239	92,50%	0			16.239	92,50%
8	Công ty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	30.700	73,10%	0			30.700	73,10%
	Đầu tư vào công ty liên kết	205.289		101.000			306.289	
1	Công ty CP Cao su Bến Thành	28.491	19,86%	0			28.491	19,86%
2	Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành	26.910	18,96%	0			26.910	18,96%
3	Công ty CP ĐTTM Bến Thành	14.500	29,00%	0			14.500	29,00%
4	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đông Hà	14.400	9,35%	0			14.400	9,35%
5	Công ty CP SAHABAK	53.750	12,83%	0			53.750	12,83%
6	Công ty CP Công nghệ Định vị Sài Gòn Track	8.188	49,00%	0			8.188	49,00%
7	Công ty TNHH Công nghệ mới Việt - Nga	2.050	41,00%	0			2.050	41,00%
8	Công ty CP Chi sợi Cao su V.R.G SA DO	57.000	49,06%	100.000			157.000	49,06%
9	Công ty CP ĐT PT & DV Công Nghệ Cao	0	0%	1.000			1.000	4,00%
	Đầu tư vào công ty liên doanh	86.444		0	5.000	5.000	81.444	
1	Công ty TNHH Sangor (Việt Nam)	19.194	30,00%	0			19.194	30,00%
2	Dự án 131 Lê Lợi, P03, Quận Gò Vấp	65.000	65,00%	0	5.000	5.000	60.000	60,00%
3	Dự án 11/121 Lê Đức Thọ,	2.250	4,29%	0			2.250	4,29%

S T T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
	Quận Gò Vấp							
	Đầu tư dài hạn khác	139.304		0			139.304	
1	Công ty CP Chế tạo máy Sinco	1.200	5,00%	0			1.200	5,00%
2	Công ty CP ĐT&PT hạ tầng Khu CNC Sài Gòn	19.752	6,58%	0			19.752	6,58%
3	Công ty CP Tập đoàn Hoàng Long	31.964	1,80%	0			31.964	1,80%
4	Công ty CP Đầu tư phát triển Gia Định	40.000	6,6%	0			40.000	6,6%
5	Công ty CP SX-TM May Sài Gòn	11.712	4,29%	0			11.712	4,29%
6	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank)	17.076	0,08%	0			17.076	0,08%
7	Công ty TNHH Đầu Tư Sato	15.000	10,00%	0			15.000	10,00%
8	Công ty CP Cơ khí Sinco	2.600	10,00%	0			2.600	10,00%
	Tổng Cộng	989.953		113.000	5.000	5.000	1.097.953	

Giá trị đầu tư tài chính tăng do Tổng Công ty đầu tư, góp thêm vốn vào một số doanh nghiệp, dự án Tổng Công ty đang đầu tư.

Giá trị đầu tư tài chính giảm do công ty BĐS Sài Gòn Đông Dương hoàn trả vốn góp.

Tổng công ty đã được UBND TP phê duyệt đề án tái cơ cấu tại Quyết định 7436/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 và công văn số 1118/UBND-CNN, theo đó, đến năm cuối 2015 Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn sẽ:

- Giữ 1 doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước: Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất.
- Giữ 1 doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn Nhà nước: Công ty TNHH CNS - Amura Precision.
- Giữ 6 doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn Nhà nước: Công ty CP chỉ sợi cao su V.R.G Sado, Công ty CP Công nghệ định vị Sài Gòn Track, Công ty TNHH Công nghệ mới Việt Nga, Công ty CP Cơ khí Sinco, Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ công nghệ cao.
- Bán bớt phần vốn đầu tư 6 doanh nghiệp: Công ty CP Công nghiệp Thương mại Hữu Nghị, Công ty CP TIE, Công ty CP Nhựa Sài Gòn, Công ty CP Điện tử và dịch vụ công nghiệp Sài Gòn (Sagel), Công ty CP Cao su Bến Thành, Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.
- Bán hết vốn đã đầu tư tại 10 doanh nghiệp: Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đông Hà, Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển hạ tầng khu công nghệ cao Sài Gòn, Công

ty cổ phần Hoàng Long Long An, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định, Công ty cổ phần SX-TM May Sài Gòn, Công ty TNHH Đầu tư Sato, Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB), Công ty CP chế tạo máy Sinco, Công ty CP Đầu tư Thương mại Bến Thành.

6. Giải thể 3 doanh nghiệp: Công ty Sài Gòn Kỹ nghệ nông cơ (Sakyno), Công ty liên doanh Vikotrade (liên doanh với Công ty U-Habour Hongkong đã hết hạn liên doanh), Công ty TNHH Sangor (Việt Nam) (hết hạn liên doanh đang làm thủ tục giải thể).
7. Chuyển 1 công ty từ loại hình TNHH MTV 100% vốn nhà nước thành nhà máy hạch toán phụ thuộc: Công ty TNHH MTV CNS Thanh Phát.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Tổng công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

+ Trong năm 2014: Tổng Công ty có mua tài sản có tổng giá trị 8.962 triệu đồng; và có thanh lý nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 10.242 triệu đồng, giá trị còn lại là 365 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 442.754 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 292 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 292 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của Tổng công ty phát sinh từ năm 2008, chủ yếu là các khoản trả trước cho người bán. Trong năm 2014, Tổng công ty không phát sinh thêm các khoản công nợ khó đòi. Tổng công ty đã có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như: Gửi thư đòi nợ (2 lần), gửi công văn yêu cầu các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh hỗ trợ và khởi kiện doanh nghiệp đã vi phạm hợp đồng.

Tổng công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nợ theo Nghị định số 206/2013/NĐ-CP (Quy chế quản lý nợ số 39/CNS-HĐTV ngày 29/04/2014).

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 1.479.373 triệu đồng, Tổng công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Tổng công ty là 704.223 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 704.223 triệu đồng.

- Tổng công ty huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 634.896 triệu đồng.

+ Các dự án: 69.337 triệu đồng.

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng công ty đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Dự án đầu tư nhà máy sản xuất khuôn mẫu

+ Tổng mức vốn đầu tư: 181.630 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 77.992 triệu đồng (42,94%)

+ Thời gian hoàn thành: đang thực hiện

+ Tiến độ thực hiện: 67,57%

- Dự án 2: Dự án đầu tư xây dựng kho lá thuốc

+ Tổng mức vốn đầu tư: 216.361 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 108.181 triệu đồng (50,00%)

+ Thời gian hoàn thành: đang thực hiện

+ Tiến độ thực hiện: 34,38%

- Dự án 3: Dự án đầu tư nhà máy sản xuất cọc vách nhựa uPVC (giai đoạn 1)

+ Tổng mức vốn đầu tư: 287.933 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 126.486 triệu đồng (43,93%)

+ Thời gian hoàn thành: đang thực hiện

+ Tiến độ thực hiện: 86,48%

- Dự án 4: Dự án đầu tư nhà máy sản xuất cọc vách nhựa uPVC (giai đoạn 2)

+ Tổng mức vốn đầu tư: 284.832 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 125.124 triệu đồng (43,93%)

+ Thời gian hoàn thành: đang thực hiện

+ Tiến độ thực hiện: 1,07%

- Dự án 5: Dự án đầu tư dây chuyền chế biến sợi (điều chỉnh)

+ Tổng mức vốn đầu tư: 296.513 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 148.257 triệu đồng (50,00%)

+ Thời gian hoàn thành: đang thực hiện

+ Tiến độ thực hiện: 56,54%

- Dự án 6: Dự án đầu tư Cao ốc Văn phòng 58-60 Nguyễn Tất Thành, quận 4

+ Tổng mức vốn đầu tư: 154.448 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 109.303 triệu đồng (70,77%)

+ Thời gian hoàn thành: đang thực hiện

+ Tiến độ thực hiện: 74,87%

- Dự án 7: Dự án xưởng sản xuất đầu lọc NM Thuốc lá Bến Thành Craven “A”:

+ Tổng mức vốn đầu tư: 157.802 triệu đồng

- + Nguồn vốn huy động: 110.461 triệu đồng (70,00%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 30,01%
- Dự án 8: Dự án cải tạo xưởng sản xuất Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội
- + Tổng mức vốn đầu tư: 372.036 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 260.425 triệu đồng (70,00%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 1,93%
- Dự án 9: Dự án đầu tư Java Card
- + Tổng mức vốn đầu tư: 208.800 triệu đồng
- + Nguồn vốn huy động: 135.720 triệu đồng (65,00%)
- + Thời gian hoàn thành: đang thực hiện
- + Tiến độ thực hiện: 0,19%

(Ghi chú: Số liệu tổng mức vốn đầu tư và nguồn vốn huy động theo Quyết định phê duyệt đầu tư của cấp có thẩm quyền).

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Tổng công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tổng Công ty thực hiện chính sách quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý theo Nghị định 49, 50, 51/NĐ-CP/2013 ngày 14/05/2013 và thông tư 18, 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013.

Tổng Công ty đã nộp hồ sơ quỹ lương 2014

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 2.607.329 triệu đồng, đạt 113,36% kế hoạch, giảm 27,75% so với thực hiện năm 2013. Do chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt 68,73% so với năm 2013 nên chỉ tiêu nộp ngân sách cũng giảm tương ứng.

Đến 31/12/2014, Tổng công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 260.691 triệu đồng do chưa đến hạn nộp.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số đầu kỳ: 643 triệu đồng

- Số tăng trong kỳ: 80 triệu đồng (Công ty CP CN TM Hữu Nghị chuyển tiền đã thu của người lao động mua cổ phần ưu đãi 10 năm theo Biên bản 25/CNS-BAKS ngày 05/09/2012)

- Số giảm trong kỳ: 0 triệu đồng

- Số cuối kỳ: 723 triệu đồng

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1 Về tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố: đã thực hiện 14/14 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp (Công ty mẹ): đã thực hiện 6/6 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty;

Trong năm 2014: Tổng doanh thu thuần Tổng công ty thực hiện là 6.261.071 triệu đồng, giảm 27,06% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 (8.583.871 triệu đồng); Lợi nhuận trước thuế 283.019 triệu đồng, giảm 41,29% so với cùng kỳ năm 2013 (482.045 triệu đồng).

Do công ty mẹ chiếm tỷ trọng lớn nên chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của toàn Tổng công ty giảm theo công ty mẹ.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Tổng công ty hoàn thành so kế hoạch đối với chỉ tiêu doanh thu, số phát sinh phải nộp ngân sách, đạt 96,43% kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận.

Trong năm 2014, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP – IN – BAO BÌ LIKSIN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH 2014/KH 2014	TH 2014/TH 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.061.880	1.183.863	1.166.218	98,51%	109,83%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.006.627		1.095.890		108,87%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	31.683		57.408		181,19%
3	Thu nhập khác	23.570		12.920		54,82%
II	Tổng chi phí	986.362	1.116.559	1.082.955	96,99%	109,79%
1	Giá vốn hàng bán	856.780		965.825		112,73%
2	Chi phí tài chính	21.266		11.712		55,07%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>17.032</i>		<i>14.610</i>		<i>85,78%</i>
3	Chi phí bán hàng	35.593		36.911		103,70%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.013		68.041		106,29%
5	Chi phí khác	8.710		466		5,35 %
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu	92,89%	94,31%	92,86%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	6,03%		5,83%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	75.518	67.304	83.263	123,71%	110,26%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	60.658		70.809		116,73%
2	Lợi nhuận khác	14.861		12.454		83,80%

a. Chi tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 98,51% so với kế hoạch, tăng 9,83% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 93,97%, tăng 8,87% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 4,92%, tăng 81,19% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 1,11%, giảm 45,18% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 96,99% kế hoạch, tăng 9,79% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,18%, tăng 12,73% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 1,08%, giảm 44,93% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 3,41%, tăng 3,70% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,28%, tăng 6,29% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,04%, giảm 94,65% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 92,86% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (92,89 %). Tổng công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,83% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (6,03%). Tổng công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 123,71% kế hoạch, tăng 10,26% so với thực hiện năm 2013.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	75.518	83.263	110,26%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	57.269	76.173	133,01%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân (tính theo Điều 14 TT 158)	Tr. đ	840.612	846.325	100,68%

4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Tr. đ	1.565.045	1.618.369	103,41%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn CSH bình quân	%	8,98	9,84	109,51%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân (ROE)	%	6,81	9,00	132,11%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS bình quân (ROA)	%	3,66	4,71	128,63%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,69 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 564.551 triệu đồng/333.119 triệu đồng). Tổng công ty đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,70 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.574.986	1.661.752
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	512.423	564.551
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.062.563	1.097.201
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	32,54	33,97
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	67,46	66,03
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.574.986	1.661.752
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	624.211	682.428
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	950.775	979.324
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	39,63	41,07
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	60,37	58,93

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục Tài sản cố định (363.614 triệu đồng), Bất động sản đầu tư (367.284 triệu đồng), Đầu tư tài chính (313.225 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 41% trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 59% trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của Tổng công ty là $H = 1,04$; Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, Tổng công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 363.602 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 08 Công ty con: 145.808 triệu đồng
- Đầu tư vào 01 Công ty liên doanh: 78.085 triệu đồng
- Đầu tư vào 07 Công ty liên kết: 51.404 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác (16 Công ty): 88.305 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia là 53.720 triệu đồng, tương đương 14,8% trên tổng giá trị vốn đầu tư. Cổ tức đầu tư từ Quỹ phúc lợi: 57 triệu đồng, tương đương 3,3% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 42.295 triệu đồng, tỷ lệ 13,6% trên tổng giá trị vốn đầu tư. Cổ tức đầu tư từ Quỹ phúc lợi: 26 triệu đồng, tương đương 14,4% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 11.531 triệu đồng, tỷ lệ 17,7% trên tổng giá trị vốn đầu tư. Cổ tức đầu tư từ Quỹ phúc lợi: 31 triệu đồng, tương đương 2% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện tăng, giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác
1	Cty CP Sơn Bạch Tuyết	12.075	35,00%	12.075			24.150	35,00%
2	Cty CP Văn hóa Tân Bình	4.785	12,19%	652			5.437	12,19%

Việc tăng vốn đầu tư tại Công ty CP Sơn Bạch Tuyết và Công ty CP Văn hóa Tân Bình do Tổng công ty nhận được cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu thưởng.

a.4. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Tổng công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2014-2015 theo Quyết định số 7434/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo đó:

+ Tiếp tục nắm giữ 50% vốn điều lệ trở lên: 7 doanh nghiệp

+ Nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: 10 doanh nghiệp.

+ Thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại 15 doanh nghiệp và 1 dự án hợp tác kinh doanh.

- Theo Bảng Tổng hợp điều chỉnh kế hoạch thoái vốn chung của các Tổng công ty, Công ty mẹ - con theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giai đoạn 2015 đính kèm Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 5 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước năm 2015;

- Tổng công ty thực hiện thoái vốn theo đúng kế hoạch đã đăng ký với Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể:

+ Thoái vốn các doanh nghiệp đang giữ trên 50% xuống dưới 50% vốn điều lệ: 7 đơn vị

+ Thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư: 14 đơn vị

+ Công ty TNHH liên doanh Hoa Việt: theo chỉ đạo của UBND TP chưa thoái vốn.

+ Dự án 51-53 An Dương Vương đang chờ Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giá khởi điểm đấu giá.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

+ Trong năm, Tổng công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 5.755 triệu đồng, giá trị còn lại là 2.079 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 211.009 triệu đồng, bao gồm:

+ Nợ phải thu khách hàng là 187.351 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 4.681 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 4.681 triệu đồng.

+ Trả trước cho người bán: 7.948 triệu đồng

+ Nợ phải thu về cổ tức: 16.355 triệu đồng

+ Nợ phải thu của khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng chưa đến hạn của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: 2.771 triệu đồng

+ Nợ phải thu khác: 1.265 triệu đồng

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 682.429 triệu đồng, không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tổng số vốn đã huy động đến 31/12/2014 là 195.281 triệu đồng từ các tổ chức tín dụng để chi đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị và hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các khoản bảo lãnh vay vốn đối với công ty con đến 31/12/2014 là: 18.500 triệu đồng.

- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại từ việc sử dụng vốn đã huy động:

+ Vay trung, dài hạn đầu tư máy móc thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh giữa các nhà cung cấp cùng ngành bao bì, in.

+ Vay ngắn hạn để phục vụ sản xuất kinh doanh là cần thiết và được sử dụng hợp lý, đạt hiệu quả kinh doanh, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ đúng hạn.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

- Các dự án đầu tư tài sản Tổng công ty đã đưa vào sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014 với tổng giá trị là 4.120 triệu đồng

- Trong năm, Tổng công ty đã tăng bổ sung nguyên giá một số tài sản cố định với tổng giá trị là 5.810 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm vừa qua, Tổng công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tổng công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 132,98% kế hoạch, tăng 22% so với thực hiện năm 2013. Số phát sinh phải nộp tăng do nộp ngân sách bán nhà 3A Võ Thị Sáu Vũng Tàu, tăng thuế GTGT, tăng số lợi nhuận sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tạm phân phối, trích lập các quỹ phải nộp về ngân sách nhà nước theo Thông tư 187/2014/TT-BTC ngày 05/12/2014 của Bộ Tài chính.

Đến cuối năm 2014, Tổng công ty còn phải nộp ngân sách là 7.495 triệu đồng (chưa cần trừ số nộp thừa lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 16.644 triệu đồng)

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Tổng công ty đã thực hiện mở tài khoản riêng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN TP. HCM theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 18/01/2014 của Bộ Tài chính.

- Số dư đầu kỳ:	83.317 triệu đồng
- Số phát sinh tăng:	4.254 triệu đồng
+ Lãi tiền gửi ngân hàng năm 2014:	4.254 triệu đồng
- Số phát sinh giảm (phí dịch vụ quản lý tài khoản):	132.000 đồng
- Số dư cuối kỳ:	87.571 triệu đồng

e. Tình hình khác:

- Tổng công ty thực hiện nộp Báo cáo giám sát tài chính năm 2014 ngày 02 tháng 4 năm 2015 không đúng thời gian quy định.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Tổng công ty chưa thực hiện 01/14 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, chưa xây dựng Quy chế tài chính theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ; có các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Hội đồng thành viên, cụ thể:

+ Ngày 11 tháng 11 năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 9436/VP-THKH phê bình Lãnh đạo các đơn vị vắng mặt tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó có Tổng công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin – TNHH một thành viên.

+ Ủy ban nhân dân thành phố có Thông báo số 229/TB-VP-M ngày 15 tháng 4 năm 2014, Thông báo số 347/TB-VP-M ngày 28 tháng 5 năm 2014 và Công văn số 96/VP-PCNC-M ngày 05 tháng 02 năm 2015 chỉ đạo Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH một thành viên trong việc thực hiện việc thu hồi tiền hoa hồng môi giới sai quy định tại Tổng công ty, và thu hồi hoàn trả Quỹ Khen thưởng chi sai quy định.

- b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.
- c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.
- d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã báo tình hình thực hiện kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính về quản lý, sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo Công văn số 5103/STC-TTr ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Thanh tra Sở Tài chính.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Tổng công ty chưa nộp Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 do đó không có cơ sở để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Ngoài một số tồn tại như trình bày ở trên, Tổng công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN –TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện năm 2014/Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014/ Thực hiện năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện năm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.431.198	1.405.788	1.424.866	101,36%	99,56%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.274.346	1.345.794	1.347.942	100,16%	105,78%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	78.796	59.994	71.080	118,48%	90,21%
3	Thu nhập khác	78.056		5.844		7,49%
II	Tổng chi phí	1.318.890	1.325.417	1.331.220	100,44%	100,93%
1	Giá vốn hàng bán	1.150.158	1.209.397	1.186.788	98,13%	103,18%
2	Chi phí tài chính	9.271	9.300	11.232	120,77%	121,15%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	34.801	26.200	29.653	113,18%	85,21%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.156	80.520	93.151	115,69%	127,33%
5	Chi phí khác	51.504		10.396		20,18%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	92,15%	94,28%	93,43%		101,38%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	5,11%	5,73%	6,54%		127,90%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	112.308	80.371	93.646	116,52%	83,38%
1	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	85.756	80.371	98.198	122,18%	114,51%
2	Lợi nhuận khác	26.552	0	-4.552		-17,14%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 101,36% so với kế hoạch, giảm 0,44% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 94,6% tổng doanh thu, tăng 5,56% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 4,99%, giảm 0,52% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,4%, giảm 5,04% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 gần bằng 49,86% kế hoạch, tăng 0,93% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,15%, tăng 1,94% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,84%, tăng 0,14% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 2,22%, giảm 0,41% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,99%, tăng 1,45% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,78%, giảm 3,12% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 93,43% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (92,15%).

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,54% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với năm 2013 (5,11%). Tổng công ty chưa thực hiện tiết giảm chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 116,52% kế hoạch, giảm 16,62% so với thực hiện năm 2013.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	TH 2014/ TH 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	112.308	93.646	83,38%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	94.938	80.793	85,10%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.529.512	1.696.904	110,94%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.234.191	2.436.071	109,04%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	7,34%	5,52%	75,16%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân ROE)	%	6,21%	4,76%	76,71%

7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,25%	3,32%	78,05%
---	--	---	-------	-------	--------

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013 do điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố và lợi nhuận giảm như nêu trên.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,91 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 994.768 triệu đồng/ 520.876 triệu đồng). Theo đó, doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,28 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	năm 2013	năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.475.880	2.396.262
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.098.511	994.768
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.377.369	1.401.494
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	44,37%	41,51%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	55,63%	58,49%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	2.475.880	2.396.260
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	626.395	526.255
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.849.485	1.870.005
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,30%	21,96%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	74,70%	78,04%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục đầu tư vào công ty con (811.031 triệu đồng) và tài sản cố định (397.532 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,1$, doanh nghiệp bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị là 983.441 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 07 Công ty con: 811.031 triệu đồng
- Đầu tư vào 07 Công ty liên kết: 28.125 triệu đồng
- Đầu tư vào 02 Công ty liên doanh: 34.855 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 109.430 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 37.292 triệu đồng, tương đương 3,79% trên tổng vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm	Cuối kỳ		
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty CP CBTHS Liên Thành	9.216	10,00	918			10.134	15,84
2	Công ty CP Ong mật	468	17,09	375			843	9,37
3	Công ty CP Đầu tư y tế Sài Gòn (88 tỷ)	21.811	10,00	2.185			23.995	10,00
4	Công ty CP CBNS XK Sài Gòn Việt Hưng	20.304	17,09	13.991			34.295	17,09

- Công ty CP Chế biến thủy hải sản Liên Thành: Trong năm 2014, Công ty CP Chế biến thủy hải sản Liên Thành thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 58 tỷ đồng lên 63,8 tỷ đồng bằng nguồn quỹ cổ phiếu thưởng. Căn cứ Đề án tái cơ cấu đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 7437/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty CP Chế biến thủy hải sản Liên Thành thuộc diện giữ nguyên tỷ lệ vốn góp dưới 50% vốn điều lệ. Tổng công ty tiếp nhận cổ phiếu thưởng để đảm bảo tỷ lệ vốn góp tại Công ty CP Chế biến thủy hải sản Liên Thành.

- Công ty CP Ong mật: Trong năm 2014, Công ty CP Ong mật thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng lên 9 tỷ đồng bằng nguồn quỹ cổ phiếu thưởng. Tổng công ty tiếp nhận cổ phiếu thưởng theo chủ trương đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận tại Công văn số 3634/UBND-CNN ngày 29 tháng 7 năm 2014.

- Công ty CP Đầu tư y tế Sài Gòn: Tổng công ty thực hiện tăng vốn góp tại Công ty CP Đầu tư y tế Sài Gòn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2673/VPCP-QHQT ngày 19 tháng 4 năm 2014 và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 2363/UBND-VX ngày 27 tháng 5 năm 2014.

- Công ty CP Chế biến nông sản xuất khẩu Sài Gòn Việt Hưng: Năm 2011, Tổng công ty đã thực hiện hợp tác đầu tư dự án Nhà máy Chế biến nông sản xuất khẩu do Công ty CP Chế biến nông sản xuất khẩu Sài Gòn Việt Hưng làm chủ đầu tư theo chủ trương đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3552/VP-ĐT ngày 01 tháng 6 năm 2011. Trong 6 tháng năm 2014, Tổng công ty thực hiện tăng vốn góp Công ty CP Chế biến nông sản xuất khẩu Sài Gòn Việt Hưng theo lộ trình đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định số 1B/QĐ-CT ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên.

a.4. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 7435/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa sau năm 2015, nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Trong giai đoạn 2013 - 2015:

+ Duy trì 3 doanh nghiệp công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, 2 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 7 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Thực hiện cổ phần hóa 2 doanh nghiệp, công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Bán 01 doanh nghiệp và cổ phần hóa/tái cơ cấu 1 doanh nghiệp.

+ Giảm tỷ lệ vốn góp dưới 50% đối với các khoản đầu tư tại 2 doanh nghiệp

+ Thoái vốn toàn bộ 100% vốn đã đầu tư tại 9 doanh nghiệp

- Theo Bảng Tổng hợp điều chỉnh kế hoạch thoái vốn chung của các Tổng công ty, Công ty mẹ - con theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giai đoạn 2015 đính kèm Công văn 1118/UBND-CNN ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước năm 2015; Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên thực hiện thoái vốn đối với 03 doanh nghiệp là Công ty cổ phần Xây dựng tư vấn Sài Gòn, Công ty cổ phần Dịch vụ nông nghiệp và thương mại Thuận Kiều và Công ty cổ phần Hòa Bình trong Quý II năm 2015.

- Trong năm 2014, Tổng công ty đã hoàn tất thủ tục bán Công ty Chế biến Thủy hải sản xuất khẩu Việt Phú.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 115.454 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu tồn đọng là 13.662 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 8.291 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 526.256 triệu đồng, trong đó nợ trong thời hạn thanh toán là 516.433 triệu đồng, nợ quá hạn là 9.823 triệu đồng.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 32.404 triệu đồng, chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng.

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện đầu tư 10 dự án, bao gồm: 05 dự án nhóm B, 01 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và 04 dự án khác. Tổng giá trị đầu tư là 995.583 triệu đồng; Trong đó, vốn đầu tư Tổng công ty là 743.811 đồng, vốn huy động là 251.772 đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Cục Thuế thành phố có Quyết định số 5734/QĐ-CT-KT3 ngày 05 tháng 12 năm 2014 truy thu thuế là 1.273.670.939 đồng và phạt do kê khai sai là 248.909.658 đồng.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Tổng công ty thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 123.482 triệu đồng, trong đó chủ yếu là khoản lợi nhuận còn lại sau khi đã tạm phân phối và trích lập quỹ theo quy định tại Nghị định 204/2013/NĐ-CP và Thông tư 187/2013/TT-BTC (69.580 triệu đồng).

Đến ngày 31/12/2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 2.650 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Tổng công ty đã thực hiện việc mở tài khoản riêng tại ngân hàng thương mại để theo dõi các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Số dư đầu kỳ: 30.663 triệu đồng.

- Phát sinh tăng: 7.044 triệu đồng (lãi ngân hàng và tiền thu từ bán Công ty CBTHSXX Việt Phú)

- Phát sinh giảm: không có.

- Số dư cuối kỳ: 37.708 triệu đồng.

e. Tình hình khác:

Theo Thông báo số 231/TB-VP ngày 21 tháng 3 năm 2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung kết luận của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tất Thành Cang về Kết luận thanh tra về quản lý sử dụng đất đai tại Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên; Tổng công ty chưa thực hiện kê khai nộp tiền thuê đất 10 mặt bằng, đất đai với tổng diện tích 502.251 m²; Sử dụng một phần diện tích 06 mặt bằng, nhà đất cho các đơn vị thuê lại; Chưa thoái vốn tại 03 dự án không đúng ngành nghề kinh doanh chính; Chưa nộp đủ tiền thuê đất theo đơn giá điều chỉnh của Sở Tài chính tính đến ngày 31/12/2013. Đồng thời giao Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty nghiêm túc tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có sai phạm theo nội dung Kết luận thanh tra.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Về tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực tài chính:

Trong năm 2014, Tổng công ty phải thực hiện 14 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Tổng công ty thực hiện đầy đủ 14/14 chỉ đạo.

a.2 Về tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Ngày 27 tháng 5 năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 2363/UBND-VX đề nghị Tổng công ty thực hiện góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Y tế Sài Gòn theo đúng quy định;

- Ngày 09 tháng 9 năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 4498/QĐ-UBND về điều chuyển nhà đất (nhà kho) tại Khu phố 3, phường Trung Mỹ Tây, Q.12, tại Điều 2 quy định: “Giao Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên khẩn trương thực hiện thanh lý hợp đồng cho thuê, thu hồi lại mặt bằng trống để bàn giao cho Ủy ban nhân dân Quận 12 tiếp nhận quản lý

theo quy định, thời hạn thực hiện không quá 6 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ký Quyết định điều chuyển nhà đất.”;

Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ 02/02 chỉ đạo nêu trên của Ủy ban nhân dân thành phố.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Tổng công ty lập ngày 30 tháng 3 năm 2015; Tổng doanh thu của toàn Tổng công ty là 3.383.644 triệu đồng, giảm 1,75% so với cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận trước thuế là 175.173 triệu đồng, giảm 2,37% so với cùng kỳ năm trước.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố giao; Ngoài các tồn tại trong việc quản lý sử dụng đất đai, Tổng công ty tuân thủ và chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA
SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015 của Ủy
ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014		Thực hiện năm 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện năm 2014/Thực hiện năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	339.490	390.316	327.538	83,92%	96,48%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	300.490	390.316	291.123	74,59%	96,88%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	27.350		27.140		99,23%
3	Thu nhập khác	11.650		9.275		79,61%
II	Tổng chi phí	313.685	362.746	299.926	82,68%	95,61%
1	Giá vốn hàng bán	250.143	286.812	239.664	83,56%	95,81%
2	Chi phí tài chính	13.421	13.000	7.789	59,92%	58,04%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	16.901	20.000	17.888	89,44%	105,84%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.127	42.934	32.112	74,79%	99,95%
5	Chi phí khác	1.093		2.473		226,26%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	92,40%	92,94%	91,57%	98,53%	99,10%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	9,46%	11,00%	9,80%	89,13%	103,60%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	25.803	27.570	27.611	100,15%	107,01%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.246	27.570	20.809	75,48%	136,49%
2	Lợi nhuận khác	10.557		6.802		64,43%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 83,92% so với kế hoạch, giảm 3,52% so với thực hiện năm 2013. Do năm 2014, tình hình thị trường cạnh tranh, sức mua giảm nên doanh thu kinh doanh giấy, máy in của Công ty Xuất nhập khẩu ngành in giảm sút; Doanh thu hoạt động tài chính giảm so với cùng kỳ do cổ tức được chia của các công ty cổ phần giảm.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 88,88% tổng doanh thu, giảm 3,12% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 8,29% tổng doanh thu, giảm 0,77% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 2,83% tổng doanh thu, giảm 20,39% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 của Tổng công ty chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 82,68% kế hoạch, giảm 4,39% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 79,90% tổng chi phí, giảm 4,19% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 2,60% tổng chi phí, giảm 41,96% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 5,96% tổng chi phí, tăng 5,84% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10,71% tổng chi phí, giảm 0,05% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,82% tổng chi phí, tăng nhiều so với thực hiện năm 2013. Do trong năm đơn vị có thanh lý máy in 1 màu tại Công ty In Văn hoá Sài Gòn.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 91,57% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với thực hiện năm 2013 (92,40%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,80% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với năm 2013 (9,46%). Tuy nhiên, so với kế hoạch năm 2014 Tổng công ty đã thực hiện tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp (11,00%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Tổng công ty đạt 100,15% kế hoạch, tăng 7,01% so với thực hiện năm 2013.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.803	27.612	107,01%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	22.586	25.511	112,95%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	420.670	436.500	103,76%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	657.149	677.057	103,03%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	6,13%	6,33%	103,13%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,37%	5,84%	108,85%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,44%	3,77%	109,63%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 Tổng công ty có hiệu quả sử dụng vốn hiệu quả hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty là 1,90 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 335.593 triệu đồng/176.469 triệu đồng).

Tổng công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,40 lần; nằm trong giới hạn cho phép (không quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	660.062	694.049
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	300.443	335.593
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	359.619	358.456
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,52%	48,35%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	54,48%	51,65%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	660.062	694.049
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	215.679	196.798
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	444.383	497.251
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32,68%	28,36%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67,32%	71,64%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty (51,65%); Trong đó, Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 178.265 triệu đồng (49,73%); Tài sản cố định là 171.088 triệu đồng (47,77%)...

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (28,36%) trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (71,64%) trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của Tổng công ty là $H = 1,02$, Tổng công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, Tổng công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị 183.007 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 5 Công ty con: 89.230 triệu đồng
- Đầu tư vào 16 Công ty liên kết: 70.676 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 23.101 triệu đồng.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, Tổng công ty nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia là 12.978 triệu đồng, tương đương 7,09% trên tổng vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty CP In số 7	10.200	51	5.100			15.300	51
2	Công ty CP VHTH Bình Dương	336	8,77		336	440	0	0
3	Công ty CP Phát hành Sách	20.370	47,33				20.370	45,1

- Công ty CP In số 7: Trong năm 2014, Tổng công ty tiếp nhận cổ phiếu thưởng do Công ty CP In số 7 thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng bằng nguồn quỹ cổ phiếu thưởng.

- Công ty CP VHTH Bình Dương: Trong năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện thoái 100% vốn tại Công ty CP VHTH Bình Dương (do Tổng công ty tự đầu tư).

- Công ty CP Phát hành Sách TP.HCM phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho người lao động (thay đổi tỷ lệ nắm giữ vốn Nhà nước của Tổng công ty từ 47,33% xuống còn 45,1%) nhưng Tổng công ty chưa báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

a.4. Tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 7322/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa sau năm 2015. Trong giai đoạn 2013 - 2015:

+ Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ: 1 doanh nghiệp.

+ Thực hiện cổ phần hóa 1 doanh nghiệp, Công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

+ Giữ nguyên tỷ lệ vốn góp 6 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

+ Giảm vốn tại các công ty cổ phần từ 51% xuống còn 45% vốn điều lệ: 2 doanh nghiệp.

+ Thoái 100% vốn nhà nước tại 9 doanh nghiệp.

- Trong năm 2014, Tổng công ty đã hoàn tất cổ phần hóa 01 doanh nghiệp là Công ty TNHH một thành viên Vật Phẩm Văn hóa Sài Gòn.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Tổng công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong năm 2014, Tổng công ty có mua một số tài sản cố định với nguyên giá là 23.406 triệu đồng và thanh lý nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 6.517 triệu đồng, giá trị còn lại là 1.722 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Tổng công ty là 132.012 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 16.875 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 3.742 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của Tổng công ty là 163.872 triệu đồng, Tổng công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Tổng công ty là 88.205 triệu đồng.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng công ty đang thực hiện đầu tư 5 dự án, bao gồm: 2 dự án đang chuẩn bị đầu tư, 2 dự án tạm dừng hoạt động để thay đổi đối tác mới và 1 dự án đang triển khai. Tổng vốn đầu tư là 382.244 triệu đồng; Trong đó: vốn góp của các đối tác là 382.244 triệu đồng, Tổng công ty góp vốn bằng lợi thế địa lý của khu đất và toàn bộ tài sản trên đất.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, Tổng công ty tuân thủ và chấp hành pháp luật về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Tổng công ty thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 152,05% kế hoạch, tăng 50,63% so với thực hiện năm 2013 do tăng tiền thuê đất trong năm 2014.

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp còn phải nộp ngân sách là 3.850 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Tổng công ty đã thực hiện mở tài khoản riêng tại ngân hàng thương mại để theo dõi các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính.

- Số dư đầu kỳ: 2.141 triệu đồng

- Phát sinh tăng: 44.513 triệu đồng, trong đó:

+ Thu từ bán cổ phần lần đầu của Công ty cổ phần In Khánh hội là 64 triệu đồng.

+ Phạt chậm nộp giá trị phần vốn Nhà nước là 647 triệu đồng.

+ Thu từ bán cổ phần lần đầu của Công ty TNHH MTV Vật phẩm Văn hóa Sài Gòn là 43.358 triệu đồng.

+ Lãi tiền gửi ngân hàng năm 2014 là 444 triệu đồng.

- Phát sinh giảm: 415 triệu đồng (Chi giải quyết lao động dôi dư).
- Số dư cuối kỳ: 46.239 triệu đồng.

e. Tình hình khác:

Tổng công ty thực hiện nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp năm 2014 ngày 05 tháng 5 năm 2015 không đúng thời gian quy định.

Báo cáo tài chính và các báo cáo khác (báo cáo tháng, báo cáo quý,...) đúng thời hạn quy định; Các báo cáo có kèm phân tích, đánh giá, nhận xét.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

Về tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực tài chính: Trong năm 2014, Tổng công ty phải thực hiện 14 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

- + Thực hiện đầy đủ: 13/14 chỉ đạo.
- + Thực hiện không đầy đủ: 01/14 chỉ đạo như sau:

Chưa ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của các Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu theo Công văn số 5854/VP-CNN ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

- b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.
- c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.
- d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty (Công ty mẹ):

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Tổng công ty lập ngày 31 tháng 3 năm 2015; Tổng doanh thu của toàn Tổng công ty là 625.298 triệu đồng, giảm 3,55% so với cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận trước thuế là 47.754 triệu đồng, giảm 7,58% so với cùng kỳ năm trước.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Tổng công ty không đạt doanh thu kế hoạch nhưng đạt lợi nhuận kế hoạch do Ủy ban nhân dân thành phố giao; Ngoài một số tồn tại nêu trên, Tổng công ty đã tuân thủ và chấp hành tốt các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	6.345.105	6.413.000	7.255.328	113,13%	114,35%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.032.040		4.922.448		122,08%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.290.776		2.281.797		99,61%
3	Thu nhập khác	22.289		51.083		229,19%
II	Tổng chi phí	4.261.603	4.382.500	5.218.998	119,09%	122,47%
1	Giá vốn hàng bán	3.746.526		4.636.771		123,76%
2	Chi phí tài chính	(20.505)		17.147		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	6.848		7.511		109,67%
3	Chi phí bán hàng	130.628		203.768		155,99%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	402.506		339.608		84,37%
5	Chi phí khác	2.448		21.703		886,60%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	67,16%		71,93%		
	<i>Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)</i>	6,34%		4,68%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.083.502	2.030.500	2.036.331	100,29%	97,74%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.118.929		2.006.950		94,72%
2	Lợi nhuận khác	39.229		51.083		130,21%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 113,13% so với kế hoạch, tăng 14,35% so năm trước.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 67,85% trên tổng doanh thu năm 2014; tăng 4,3% so với năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 31,45% trên tổng doanh thu năm 2014; giảm 4,65% so với năm trước do giảm khoản doanh thu từ hợp tác kinh doanh so với năm trước.

+ Thu nhập khác chiếm 0,7% trên tổng doanh thu năm 2014; tăng 0,35% so với năm trước.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 đạt 119,09% kế hoạch, tăng 22,47% so với năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 88,84%/Tổng chi phí, tăng 0,93% so với năm trước;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,33%/Tổng chi phí, tăng 0,81% so với năm trước;

+ Chi phí bán hàng chiếm 3,9%/Tổng chi phí, tăng 0,84% so với năm trước;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,51%/Tổng chi phí, giảm 2,94% so với năm trước;

+ Chi phí khác chiếm 0,42%/Tổng chi phí, tăng 0,36% so với năm trước.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 71,93% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với năm trước (67,16%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,68% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với năm trước (6,34%). Như vậy, Tổng Công ty đã tiết giảm được Chi phí quản lý.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Tổng Công ty đạt 100,29% kế hoạch, giảm 5,54% so với năm trước do khoản lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh giảm.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH 2014/ TH 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.155.711	2.036.331	94,46 %
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.058.206	2.000.421	97,19 %
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	6.110.772	7.287.219	119,25 %
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	8.973.169	10.377.574	115,65 %
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	35,27 %	27,94 %	79,21%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	33,68 %	27,45 %	81,50%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	22,93 %	19,28 %	84,08%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 Tổng Công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013. Nguyên nhân là do lợi nhuận 2014 giảm so với cùng kỳ năm trước (giảm 5,54%) và Vốn Chủ sở hữu năm 2014 tăng 19,25% làm cho tỷ suất LN/VCSH giảm (20,79%).

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng Công ty là 3,41 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 7.279.088 triệu đồng/2.136.900 triệu đồng). Tổng Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,36 lần (=2.862.684 triệu đồng/8.046.427 triệu đồng), không vượt quá 3 lần (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2013	2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	9.846.038	10.909.111
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	6.322.888	7.279.088
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	3.523.149	3.630.023
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	64,22%	66,72%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	35,78%	33,28%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	9.846.038	10.909.111
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	2.441.278	2.862.684
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	7.404.760	8.046.427
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	24,79%	26,24%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	75,21%	73,76%

- Về cơ cấu tài sản:

Tổng tài sản năm 2014 là 10.990.110 triệu đồng, trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn: 7.279.087 triệu đồng, chiếm 66,23%/Tổng tài sản, trong đó chủ yếu là khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn: 6.260.424 triệu đồng (Tiền gửi có kỳ hạn tại các NHTM).

+ Tài sản dài hạn: 3.630.023 triệu đồng, chiếm 33,77%/Tổng tài sản, trong đó các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 2.108.136 triệu đồng, chiếm 58,07%/Tài sản dài hạn

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của Tổng Công ty tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn năm 2014 là 10.909.110 triệu đồng, trong đó:

+ Nợ phải trả: 2.862.684 triệu đồng, chiếm 26,24%/Tổng nguồn vốn. Trong đó: Nợ ngắn hạn: 2.136.900 triệu đồng, Nợ Dài hạn: 725.783 triệu đồng.

+ Vốn chủ sở hữu: 8.046.426 triệu đồng, chiếm 73,76%/Tổng nguồn vốn.

+ Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước do Tổng Công ty hạch toán tăng giá trị tạm trích quỹ đầu tư phát triển năm 2014, nguồn vốn đầu tư XDCB tăng trong năm do Tổng Công ty nhận vốn từ ngân sách để thực hiện dự án Khu thương mại Bình điền giai đoạn 2A (phần còn lại).

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của Tổng Công ty là $H = 1,09$ Tổng Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, Tổng Công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 2.378.289 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 14 công ty con: 790.206 triệu đồng

- Đầu tư vào 26 công ty liên doanh, liên kết: 880.126 triệu đồng

- Đầu tư dài hạn khác (24 doanh nghiệp): 707.956 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Tổng Công ty nhận được trong năm 2014 là 1.966.575 triệu đồng, chiếm 82,69% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 143.647 triệu đồng, tỷ lệ 6,04% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 42.037 triệu đồng, tỷ lệ 1,77% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 1.780.891 triệu đồng, tỷ lệ 74,88% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ		Ghi chú
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	
1	Cty TNHH MTV VNKNSS Vissan	342.561	100%	99.055			441.616	100%	Bổ sung tăng vốn điều lệ
2	Cty TNHH MTV Satra Tiền giang	37.742	100%		560		37.182	100%	Điều chuyển nhà số 15-17 Phan Chu Trinh về Tổng Công ty Thương mại SG
3	Cty TNHH Lương thực Ngọc Đồng	-		36.000			36.000	30%	Góp vốn đầu tư theo Công văn số 1366/UBND-TM ngày 01/4/2014 của UBND TP
4	Cty TNHH Thành Đồng	3.000	20%		3.000	3.000	-		Thoái vốn đầu tư
5	Cty CP Chứng khoán Rồng Việt	25.758	2,33%		25.758	18.031	-		Thoái vốn đầu tư
6	Cty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn	36.452	16,70%	2.185			38.637	17,67%	Góp thêm vốn đầu tư theo Công văn số 2636/UBND-VX ngày 27/5/2014 của UBND TP
7	Cty CP hợp tác kinh tế & XNK (Savimex)	21.600	13,55%		21.600	32.400	-		Thoái vốn đầu tư
8	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	94.217	0,05%	1.871	96.088	40.425	-		Thoái vốn đầu tư
9	Quỹ đầu tư VN	32.000	2,37%		4.800		27.200	2,02%	Quỹ đầu tư hoán trả một phần vốn góp
10	Cty CP Kinh đô (Cty CP Vinabico)	7.371	14,67%	665			8.036	0,19%	Tăng giá trị đầu tư do Cty Kinh Đô phát hành cổ phiếu trả cổ tức
	Tổng cộng	600.701		139.776	151.806	93.856	588.671		

- Năm 2014, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn thực hiện theo Đề án tái cơ cấu được phê duyệt tại Quyết định số 4730/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố; Trong đó, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính và thực hiện cổ phần hóa các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ; giữ

nguyên vốn đầu tư tại 10 doanh nghiệp (dưới 50%), thực hiện sắp xếp giải thể 05 doanh nghiệp và thoái hết vốn đầu tư tại 32 doanh nghiệp.

Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa 02 doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV Satra Tây Nam và Công ty TNHH MTV Satra Tiền Giang), hiện đang làm thủ tục cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Việt Nam kỹ nghệ súc sản.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Việc mua sắm, thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của nhà nước và Quy chế tài chính của Tổng Công ty.

+ Tổng Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong năm 2014 Tổng Công ty thực hiện thanh lý tài sản cố định: 5.184 triệu đồng, trong đó: Nhà cửa vật kiến trúc là 2.137 triệu đồng, Máy móc thiết bị là 2.532 triệu đồng và Công cụ dụng cụ là 515 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Tổng Công ty là 752.500 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 229.676 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 214.121 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của Tổng Công ty phát sinh từ năm 2008, chủ yếu là các khoản nợ khó đòi của Công ty TNHH Thái Nguyên 1 là 75.033 triệu đồng, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Thành Việt là 34.989 triệu đồng (đã có bản án xét xử của Tòa án).

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của Tổng Công ty là 2.862.684 triệu đồng, trong đó thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 1.247.560 triệu đồng (chủ yếu là khoản lợi nhuận còn lại năm 2014 phải nộp NSNN là 1.225.969 triệu đồng). Tổng Công ty không có phát sinh nợ quá hạn. Khả năng thanh toán nợ đến hạn là 3,41 lần đảm bảo khả năng thanh toán nợ khi đến hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Tổng Công ty tại các tổ chức tín dụng là 193.594 triệu đồng.

- Tổng Công ty huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 105.517 triệu đồng.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 88.077 triệu đồng.

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng Công ty đang thực hiện một số dự án với tổng mức vốn đầu tư: 2.393.282 triệu đồng, trong đó có các dự án:

- Công trình Trung tâm Thương mại Bình Điền:
- + Tổng vốn đầu tư: 1.473.743 triệu đồng.
- + Thời gian hoàn thành: Theo từng hạng mục công trình
- + Tiến độ thực hiện: Đang thực hiện quyết toán các công trình đã đi vào hoạt động và đang thực hiện đối với các hạng mục công trình còn lại.

- Dự án Siêu thị Sài Gòn:

- + Tổng vốn đầu tư: 75.617 triệu đồng
- + Đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và quyết toán công trình.

- Dự án Nhà máy chế biến thủy hải sản Việt Nhật:

- + Tổng vốn đầu tư: 62.710 triệu đồng.
- + Tiến độ thực hiện: Đã thực hiện xong đang chờ quyết toán.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Tổng Công ty thực hiện chính sách chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Tổng Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 1.247.560 triệu đồng (trong đó lợi nhuận sau thuế còn lại nộp ngân sách nhà nước năm 2014 là 1.225.969 triệu đồng), đạt 257,23% kế hoạch năm 2014 (485.000 triệu đồng), tăng 159,45% so với cùng kỳ năm trước (782.427 triệu đồng).

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 93.243 triệu đồng
- Tăng: 5.924 triệu đồng, trong đó:
 - + Lãi tiền gửi ngân hàng: 5.261 triệu đồng
 - + Thu tiền cổ phần trả chậm của người lao động: 475 triệu đồng
 - + Thu tiền đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng: 188 triệu đồng
- Giảm: 4.500 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi xử lý tồn tại tài chính: 3.706 triệu đồng

(Theo Công văn số 1199/UBND-CNN ngày 20/3/2014 của UBND TP về việc xử lý tài chính của Công ty Xuất nhập khẩu hàng công nghiệp (Inexim)).

- + Chi nộp ngân sách nhà nước: 794 triệu đồng

(Theo Quyết định 4399/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND TP về việc xác định phân vốn Nhà nước đến thời điểm quyết toán chuyển thể giai đoạn DNNN của Công ty Bao bì Sài Gòn)

- + Phí quản lý tài khoản: 1 triệu đồng

- Số dư cuối kỳ: 94.667 triệu đồng

Tổng Công ty mở tài khoản, theo dõi riêng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện Kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Tổng Công ty thực hiện 19/19 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong năm 2014, Tổng Công ty thực hiện 3/3 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Tổng công ty.

b. Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước:

Trong năm 2014 Tổng Công ty đã báo cáo thực hiện kiến nghị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV. Theo đó, Tổng Công ty đã chấn chỉnh công tác quản lý tài chính kế toán; Công tác quản lý, khai thác, kinh doanh đất đai, các dự án nhà, đô thị, bất động sản; quyết toán các công trình xây dựng cơ bản; Xây dựng quy chế và chương trình tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh các công việc đã thực hiện, Tổng Công ty đang triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước như: Ký kết hợp đồng thuê đất, nộp tiền thuê đất cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định...

c. Kiến nghị của Thanh tra Thành phố:

- Trong năm 2014, Thanh tra Thành phố không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

c. Kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính:

- Trong năm 2014, Thanh tra Sở Tài chính không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh toàn Tổng Công ty:

Tổng Công ty chưa nộp báo cáo tài chính hợp nhất nên không có cơ sở để đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh toàn Tổng Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các đơn vị thành viên)

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Tổng Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2014: Doanh thu đạt 113,13% kế hoạch, lợi nhuận đạt 100,29% kế hoạch, nộp ngân sách đạt 257,22% kế hoạch.

Trong năm 2014, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Tổng Công ty cần nghiêm túc thực hiện báo cáo các chỉ tiêu tài chính của toàn Tổng Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Tổng Công ty theo quy định./.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MTV**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.393.972	2.282.000	2.553.270	111,89%	106,65%
1	DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.797.094		1.796.964		99,99%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	512.122		683.752		133,51%
3	Thu nhập khác	84.756		72.554		85,60%
II	Tổng chi phí	1.390.832	1.282.000	1.547.911	120,74%	111,29%
1	Giá vốn hàng bán	1.088.655		1.109.550		101,92%
2	Chi phí tài chính	5.655		1.652		29,21%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	71.919		68.807		95,67%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	220.917		360.579		163,22%
5	Chi phí khác	3.686		7.323		198,67%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	58,10%	56,18%	60,62%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	9,23%		14,12%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.003.138	1.000.000	1.005.359	100,54%	100,22%
1	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	937.907		924.989		98,94%
2	Lợi nhuận khác	65.231		81.070		124,28%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 111,89% so với kế hoạch, tăng 6,65% so với năm trước, nguyên nhân do doanh thu hoạt động tài chính tăng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 70,38%, giảm 5% so với năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 26,78%, tăng 5,39% so với cùng kỳ năm trước do trong năm Tổng Công ty thoái vốn nhiều danh mục đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

+ Thu nhập khác chiếm 2,84%, giảm 0,7% so với năm trước.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 đạt 120,74% kế hoạch, tăng 11,29% so với cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 71,68% trên tổng chi phí, giảm 6,59% so với năm trước;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,11% trên tổng chi phí, giảm 0,3% so với năm trước

+ Chi phí bán hàng chiếm 4,46% trên tổng chi phí, giảm 0,71% so với năm trước.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 23,29% trên tổng chi phí, tăng 7,41% so với năm trước do chi phí tiền thuê đất Dự án mở rộng khách sạn Kim Đô từ năm 2010 đến năm 2014 theo thông báo của Cục Thuế thành phố là 123 tỷ và trong năm tài chính 2014 Tổng Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi Công ty CP Địa Ốc M&C với số tiền 38.448 triệu đồng.

+ Chi phí khác phát sinh không đáng kể chiếm 0,47%, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 60,62% trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước (58,01%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 14,12% trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với năm trước (9,23%).

Như vậy, Tổng Công ty chưa tiết kiệm được chi phí quản lý so với năm trước.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 100,54% kế hoạch, tăng 0,22% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ TH 2014/ TH 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.003.138	1.005.359	100,22%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	840.083	902.212	107,40%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	5.479.526	5.713.913	104,28%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	7.031.414	7.432.301	105,70%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,31%	17,59%	96,07%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	15,33%	15,79%	103,00%

7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	11,95%	12,14%	101,59%
---	--	---	--------	--------	---------

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thấp hơn so với năm trước; Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản cao hơn so với năm trước do lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng cao hơn so với năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,12 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 2.343.899 triệu đồng/751.115 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,14 lần (=956.908 triệu đồng /6.630.473 triệu đồng), không vượt quá 3 lần (quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	7.277.220	7.587.381
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	2.134.729	2.343.898
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	5.142.491	5.243.483
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	29,33%	30,89%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	70,67%	69,11%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	7.277.220	7.587.381
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	911.928	956.908
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	6.365.292	6.630.483
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	12,53%	12,61%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	87,47%	87,39%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (3.495.785 triệu đồng), Tài sản cố định (1.597.910 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,04$ doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, Tổng Công ty có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 3.618.776 triệu đồng:

- Đầu tư vào 9 Công ty con: 1.004.061 triệu đồng
- Đầu tư vào 36 Công ty liên kết, liên doanh: 2.052.934 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 561.771 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia là 537.715 triệu đồng, tương đương 16 % trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 155.886 triệu đồng, tỷ lệ 4,3% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 167.316 triệu đồng, tỷ lệ 7% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 214.513 triệu đồng, tỷ lệ 13% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Một số khoản cổ tức, lợi nhuận được chia theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhưng Tổng Công ty chưa thu hồi được:

DVT: triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Số phải thu	Số đã thu	Số còn phải thu	Ghi chú
1	Cty CP Yasaka SG Nha Trang	21.763	3.000	18.763	Theo đề nghị sử dụng lợi nhuận chia cho các cổ đông để mua lại cổ phiếu từ cổ đông Yasaka của Cty, HĐQT đã đồng ý phương án chậm trả lãi cho các cổ đông
2	Công ty CP Vận chuyển Saigontourist	3.129		3.129	Hiện nay, Cty CP kinh doanh không hiệu quả nên Tcty chưa thu được cổ tức các năm trước
3	Công ty CP Eden	1.789		1.789	Hiện nay, Cty CP kinh doanh không hiệu quả nên Tcty chưa thu được cổ tức các năm trước

Đề nghị Tổng Công ty khẩn trương thu hồi các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia còn tồn đọng.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

- Theo Đề án tái cơ cấu của Tổng Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 6638/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố và Kế hoạch thoái vốn chung của các Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước theo Đề án tái cơ cấu DNNN được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giai đoạn 2015 ban hành kèm theo Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 05/3/2015, Công ty phải thực hiện hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài như sau:

- + Thoái toàn bộ 100% vốn tại 28 doanh nghiệp.
- + Giữ nguyên vốn và tỷ lệ tham gia hiện hữu tại 38 doanh nghiệp.

+ Tăng tỷ lệ vốn góp tại 01 doanh nghiệp.

+ Dự án đầu tư mới: 04 doanh nghiệp.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Đầu kỳ		TĂNG	GIẢM		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty TNHH Sài Gòn - Bàn Giốc	14,000	70.00%	14,000			28,000	70.00%
2	Công ty TNHH Truyền Hình Cấp SaigonTourist	180,000	50.00%	55,250			235,250	50.00%
3	Công ty CP Khách sạn Sài Gòn	6,863	38.86%	6,863			13,726	38.86%
4	Công ty CP Bông Sen	100,469	21.12%	103,500			203,969	21.12%
5	Công ty CP Đô Thị Du Lịch Cần Giờ	88,930	21.88%		88,930	138,013	-	0.00%
6	Công ty CP Đầu tư Thương Mại Saigontourist			10,600			10,600	29.50%
7	Công ty CP Phát triển Nam Saigon	469	0.47%	328			797	0.47%
8	Ngân hàng TMCP Phương Đông	2,511	0.09%		2,511	1,990	-	0.00%
9	Công ty CP Quê Hương (Liberty)	222,293	14.44%	9,372			231,665	14.44%
10	Công ty CP Chứng khoán STSC	29,000	9.10%		29,000	29,000	-	0.00%
11	Công ty CP Đầu Tư Y Tế Sài Gòn	21,950	10.04%	2,185			24,135	10.04%
12	Quỹ Đầu tư Việt Nam	32,000	2.37%		4,800	4,800	27,200	2.37%
13	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Hội An	3,957	3.00%		3,957	5,472	-	0.00%

- Vốn đầu tư vào các Công ty: Công ty TNHH Sài Gòn Bàn Giốc, Công ty TNHH Truyền hình cấp Saigon Tourist, Công ty CP Khách sạn Sài Gòn, Công ty CP Bông Sen, Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn, Công ty CP Quê Hương Liberty tăng do Công ty cổ phần tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại từ các năm trước.

- Thực hiện đầu tư mới vào Công ty CP Đầu tư thương mại Saigon Tourist, góp vốn bằng giá trị tài sản trên đất Sân tập Gòn Rạch Chiếc theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư thêm vào Cty CP Đầu tư Y Tế Sài Gòn theo công văn số 2363/UBND-VX ngày 27/05/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn 100% tại Ngân hàng TMCP Phương Đông; Công ty CP Đô thị Du lịch Cần Giờ; Công ty CP Chứng khoán STSC; Công ty CP Dịch vụ du lịch Hội An theo tiến độ thoái vốn tại Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

- Tổng Công ty đang thực hiện thoái vốn tại Quỹ đầu tư Việt Nam và triển khai thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp còn lại theo Đề án tái cơ cấu của Tổng Công ty đã được phê duyệt và tiến độ thoái vốn đầu tư tại Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 05/3/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Việc mua sắm tài sản cố định: trong năm 2014 phát sinh tăng giá trị tài sản cố định: 115.790 triệu đồng.

+ Trong năm Tổng Công ty thanh lý nhượng bán tài sản cố định là: 14.423 triệu đồng.

+ Việc mua sắm và thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế tài chính của Tổng Công ty.

+ Tổng Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Tổng Công ty không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Công nợ phải thu của Tổng Công ty đến 31/12/2014 là 252.120 triệu đồng.

Tổng công nợ phải thu khó đòi đến 31/12/2014 là 109.885 triệu đồng. Công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng đến ngày 31/12/2014 của Công ty mẹ là 59.714 triệu đồng.

- Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty thường xuyên theo dõi đơn đốc thu hồi nợ, đối chiếu công nợ và xác nhận nợ được thực hiện đầy đủ nhằm xác lập chứng từ pháp lý chặt chẽ, hạn chế các khoản nợ tồn đọng và giảm tuổi nợ bình quân. Tổng Công ty tích cực trong việc đơn đốc thu hồi nợ, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, Nợ phải trả của Tổng Công ty là 956.907 triệu đồng, trong đó Nợ ngắn hạn là 751.115 triệu đồng, Nợ dài hạn là 205.793 triệu đồng. Tổng Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

Trong năm 2014 Công ty đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản như sau, trong đó một số dự án có tổng mức đầu tư lớn như sau:

- Dự án Công trình mở rộng Khách sạn Continental :

+ Tổng mức đầu tư : 415.009 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động : từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty.

+ Tiến độ thực hiện : đang thực hiện thiết kế.

- Dự án mở rộng Khách sạn Cửu Long giai đoạn 2.

+ Tổng mức đầu tư là : 1.933.707 triệu đồng.

+ Nguồn vốn đầu tư: nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty và vốn vay ngân hàng.

+ Thời gian hoàn thành : tháng 10/2017

+ Tiến độ thực hiện : đang thực hiện thi công phần ngầm.

- + Đến 31/12/2014 giá trị đầu tư đã thực hiện là 330.770 triệu đồng
- Dự án công trình 135 phòng Tây KS Rex :
- + Tổng mức đầu tư 323.378 triệu đồng.
- + Nguồn vốn đầu tư : từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty.
- + Thời gian hoàn thành: 31/12/2013
- + Tiến độ thực hiện: đang thực hiện quyết toán công trình.
- Dự án công trình Trung tâm hội nghị cao cấp Đà Nẵng (Khách sạn Saigontourane)
- + Tổng mức đầu tư 112.060 triệu đồng.
- + Nguồn vốn đầu tư : 50% từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty, 50% vốn vay ngân hàng.
- + Tiến độ thực hiện : đang phê duyệt dự toán khảo sát địa chất địa hình.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Thanh tra Bộ Tài chính có Quyết định số 178 ngày 30/10/2014 truy thu khoản lợi nhuận năm 2013 của Tổng Công ty số tiền: 157.245 triệu đồng.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014 Tổng Công ty chưa xây dựng Quy chế trả lương, trả thưởng cho Người lao động theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là: 982.806 triệu đồng, đạt 244% so với kế hoạch , tăng 160% so với năm trước; Trong đó nộp các loại thuế là 445.698 triệu đồng, nộp lợi nhuận còn lại sau khi phân phối trích lập các quỹ theo TT 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 năm 2014 là: 537.107 triệu đồng

Đến 31/12/2014, khoản còn phải nộp ngân sách là 156.191 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Số dư đầu kỳ: 431.780 triệu đồng
- Phát sinh tăng (lãi tiền gửi ngân hàng): 11.163 triệu đồng
- Phát sinh giảm: 0 triệu đồng
- Số dư cuối kỳ tại 31/12/2014: 442.943 triệu đồng.

Tổng Công ty đã làm hồ sơ tăng vốn điều lệ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty đã mở tài khoản ngân hàng riêng để theo dõi, quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Tổng Công ty thực hiện 20/20 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tổng Công ty thực hiện 09/09 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến Tổng Công ty thuộc lĩnh vực tài chính.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong năm 2014 Kiểm toán Nhà nước không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

+ Tổng Công ty đã thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước số tiền cho thuê nhà không đúng phương án sắp xếp đã được phê duyệt là 3.844 triệu đồng.

+ Tổng Công ty đang thực hiện một số nội dung Kết luận của Thanh tra thành phố liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà đất của Tổng Công ty.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính:

Tổng Công ty đã chấp hành theo kiến nghị của Đoàn thanh tra, nộp đầy đủ khoản truy thu lợi nhuận năm 2013 là 157.245 triệu đồng vào tài khoản của Cục thuế TP HCM.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Tổng Công ty không nộp báo cáo hợp nhất toàn Tổng Công ty năm 2014 (bao gồm Công ty mẹ và các đơn vị thành viên) nên không có cơ sở đánh giá.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Tổng Công ty (Công ty mẹ) hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch: doanh thu đạt 111,89%; lợi nhuận đạt 100,54%, chỉ tiêu các khoản phải nộp ngân sách nhà nước hoàn thành vượt mức kế hoạch do Tổng Công ty nộp lợi nhuận còn lại sau khi phân phối trích lập các quỹ năm 2014.

Trong năm 2014, Tổng Công ty chấp hành tương đối đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên Tổng Công ty cần nghiêm túc thực hiện báo cáo các chỉ tiêu tài chính của toàn Tổng Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Tổng Công ty theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY
BẾN THÀNH – TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ năm 2013	Năm 2014		Thực hiện năm 2014/Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014/cùng kỳ năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	433.733	325.000	350.943	107,98%	80,91%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	227.770		170.156		74,71%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	198.530		176.269		88,79%
3	Thu nhập khác	7.433		4.518		60,78%
II	Tổng chi phí	234.163	185.822	205.794	110,75%	87,88%
1	Giá vốn hàng bán	155.505		94.074		60,50%
2	Chi phí tài chính	11.341		47.341		417,43%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>14.568</i>		<i>9.924</i>		<i>68,12%</i>
3	Chi phí bán hàng	689		306		44,41%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.324		42.747		67,51%
5	Chi phí khác	3.304		21.326		645,46%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	53,99	57,18	58,64	102,55%	
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	14,60		12,18		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	199.570	139.178	145.149	104,29%	72,73%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	195.052		140.631		72,10%
2	Lợi nhuận khác	7.433		4.518		60,78%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 107,98% so với kế hoạch năm 2014, giảm 19,09% so với năm trước. Doanh thu giảm so với năm 2013 do doanh thu bán xe Ô tô giảm và năm 2013 có giữ lại từ cổ phiếu thưởng là 59.400 triệu đồng từ các Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 48,48% giảm 4,03% so với năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 50,23%, giảm 4,46% so với năm trước.

+ Thu nhập khác chiếm 1,29%, giảm 0,42% so với năm trước.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ doanh thu tài chính (do nhận cổ tức từ các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty) và hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 110,75% so với kế hoạch năm 2014 giảm 12,12% so với năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 45,71% trên tổng chi phí, giảm 20,70% so với năm trước do ảnh hưởng từ việc ngưng kinh doanh xe ô tô Mazda.

+ Chi phí tài chính chiếm 23% trên tổng chi phí, tăng 18,16% so với năm trước do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,15% trên tổng chi phí, giảm 0,14% so với năm trước.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 20,77% trên tổng chi phí, giảm 6,27% so với năm trước.

+ Chi phí khác chiếm 10,36% trên tổng chi phí, tăng 8,95% so với năm trước, do nộp tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất tại dự án Bến Thành Hồ Tràm.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 58,64% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với năm trước (53,99%).

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,18% tổng doanh thu thực hiện, giảm 2,42% so với năm trước (14,60%). Tổng Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm trước.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 104,29% kế hoạch năm 2014, giảm 27,27% so với năm trước.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ thực hiện năm 2014/ năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	199.570	145.149	72,73%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	199.570	139.643	69,97%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.756.133	1.850.383	105,37%

4	Tổng tài sản (<i>bình quân đầu kỳ, cuối kỳ</i>)	Triệu đồng	2.458.763	2.494.594	101,46%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,36	7,84	69,01%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	11,36	7,55	66,46%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	8,12	5,60	68,97%

Hiệu quả sử dụng vốn của Tổng Công ty năm nay thấp hơn năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 5,37 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 809.243 triệu đồng/150.743 triệu đồng). Tổng Công ty đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,26 lần, không vượt quá 3 lần (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.458.763	2.494.594
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	535.263	809.243
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.923.500	1.685.350
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	21,77	32,44
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	78,23	67,56
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	2.458.763	2.494.594
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	462.570	512.077
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.996.193	1.982.516
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	18,81	20,53
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	80,19	79,47

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là các khoản mục đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm 10,70 % so với năm trước, chiếm tỷ lệ 20,53% trên tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm 0,68% so với năm trước, chiếm tỷ lệ 79,47% trên tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,05$ doanh nghiệp bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 1.797.145 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 3 Công ty con: 408.503 triệu đồng
- Đầu tư vào 23 Công ty liên kết: 724.539 triệu đồng
- Đầu tư vào 6 Công ty liên doanh: 288.770 triệu đồng
- Đầu tư tài chính khác: 375.333 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 157.403 triệu đồng, tương đương 8,76% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 80.937 triệu đồng, tỷ lệ 8,86% trên tổng giá trị vốn đầu tư.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 59.548 triệu đồng, tỷ lệ 10,01 % trên tổng giá trị vốn đầu tư.
- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 16.198 triệu đồng, tỷ lệ 5,61% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Một số doanh nghiệp không chia cổ tức, lợi nhuận:

- Công ty TNHH LD Khách sạn Plaza: chia lãi của năm 2013 trong năm 2015 theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

- Công ty TNHH Bến Thành – RSC, Công ty LD Khách sạn Sài Gòn Riverside, Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành, Công ty SX và TM XNK Như Ngọc: lợi nhuận năm 2013 doanh nghiệp giữ lại tái đầu tư. Lợi nhuận của năm 2014 được chia lãi trong năm 2015 theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

- Công ty CP Bến Thành – Mũi Né, Công ty CP Du lịch Huế, Công ty CP Bến Thành – Long Hải, Công ty TNHH Chợ Cửa Khẩu Mộc Bài, Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đà Lạt, Công ty CP Du lịch Daklak: doanh nghiệp đang trong giai đoạn mới đầu tư, còn lỗ lũy kế.

- Công ty TNHH Nhôm Định hình Sapa – Bến Thành, Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Quảng Bình, Công ty CP Bưu chính Viễn thông Sài Gòn, Công ty CP

Đầu tư Địa ốc Bến Thành: giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách (tr.đ)	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm (tr.đ)	Giá trị hạch toán trên sổ sách (tr.đ)	Giá trị chuyển nhượng (tr.đ)	Giá trị đầu tư theo sổ sách (tr.đ)	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty TNHH MTV DVDL Bến Thành	320.000	100		55.452		264.548	100
2	Cty CP Du lịch Bến Thành - Non Nước	29.200	30,90	19.410			48.610	30,90
3	Cty CP Bến Thành – Mũi Né	25.700	36,87	16.086			41.786	47,79
4	Cty CP VBĐQ Bến Thành	27.102	49,90	15.968			43.070	49,90
5	Cty CP SXKD Hàng XK Tân Bình	6.350	51,00	2.540			8.890	49,39
6	Cty CP Đầu tư Địa ốc Bến Thành	30.180	20,77	26.248	56.428	56.428	0	0
7	Ngân hàng TMCP Phương Đông	222.047	6,87	61.423			283.470	8,36

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành: chuyển các khoản đầu tư tài chính dài hạn về Tổng Công ty (Công ty Mẹ) để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Cty CP Du lịch Bến Thành - Non Nước, Cty CP Bến Thành – Mũi Né, Cty CP Cơ khí Tân Bình, Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành: Mua cổ phần theo phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ theo quy định.

- Ngân hàng TMCP Phương Đông: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành chuyển khoản đầu tư tài chính dài hạn về Tổng Công ty khi thực hiện cổ phần hóa (35.239 triệu đồng) và Tổng Công ty ghi tăng giá trị đầu tư của cổ tức được nhận từ năm 2012 trở về trước (26.184 triệu đồng).

- Công ty CP Đầu tư Địa ốc Bến Thành: thực hiện thoái vốn theo đề án tái cơ cấu.

a.4 Tình hình thực hiện đề án tái cơ cấu:

- Công ty đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 7435/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 và kế hoạch

thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước năm 2015 được quy định tại Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 05/3/2015, Theo đó:

+ Thực hiện cổ phần hóa 02 Công ty do Công ty Mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành).

+ Giữ nguyên tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ dưới 50% tại 24 doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần chuyển thể từ DNNN là 8 doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần do Tổng công ty tự đầu tư là 16 doanh nghiệp

+ Giảm tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Tổng Công ty đang nắm giữ trên 50% xuống dưới 50% vốn điều lệ tại 03 doanh nghiệp.

+ Thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại 12 doanh nghiệp.

- Tình hình thực hiện thoái vốn theo Đề án tái cơ cấu:

+ Đã thực hiện thoái vốn: Tổng Công ty đã thoái 100% tại Công ty CP Chứng khoán Phương Đông và Công ty CP Xuất nhập khẩu Bình Thạnh trong năm 2013 và Công ty CP Địa ốc Bến Thành vào cuối năm 2014. Tổng Công ty đã đảm bảo tiến độ thoái vốn đã cam kết với Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 3280/UBND-CNN ngày 11/7/2014 và đang thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp trong năm 2015 theo Công văn 1118/UBND-CNN ngày 03/5/2015 về kế hoạch thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước năm 2015.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Việc mua sắm, thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế tài chính của Tổng Công ty.

- Tổng Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Trong năm 2014, Tổng Công ty đã hạch toán tăng tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án Bến Thành Hồ Tràm: 3.514 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 143.890 triệu đồng, trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả: Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 512.077 triệu đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn là 29.726 triệu đồng và không có nợ quá hạn thanh toán.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Tổng Công ty 84.214 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 84.214 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 59.214 triệu đồng.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 25.000 triệu đồng.

Trong năm 2014, Tổng Công ty không bảo lãnh và hỗ trợ cho vay vốn các công ty con, công ty liên kết trong hệ thống.

d. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng.

ST T	Dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Nguồn vốn huy động	Thời gian hoàn thành	Tiến độ thực hiện
1	Khu dân cư đô thị Cát Lái, Quận 2	3.127.634		TCty đang bổ sung giấy phép đầu tư	Đang triển khai dự án, giá trị đầu tư đến 31/12/2014 là 248.718 trđ.
2	Bến Thành – Hồ Tràm	800.000	352.000	TCty đang bổ sung giấy phép đầu tư	Đang triển khai dự án, giá trị đầu tư đến 31/12/2014 là 25.525 trđ.
3	Khu dân cư Bình Trưng Đông – Cát Lái	1.356.706	133.471	Khu B 2 năm, Khu C 2 năm và Khu D chưa có thời gian cụ thể	Đang thực hiện 3 khu B,C,D
4	Khu nhà công nhân và chuyên gia tại Tân Đông Hiệp, Dĩ An- Bình Dương	105.490	85.490	1 năm	Trễ tiến độ
5	104 Nguyễn Văn Cừ	67.829	5.811	1 năm	Trễ tiến độ
6	21-23-27 Tôn Thất Thiệp	128.955	64.478	Chưa có thời gian	Đang triển khai dự án
7	71-79 Đồng Khởi	73.000	29.000	2 năm	Trễ tiến độ
8	233 Bến Chương Dương	11.101	3.800	Triển khai trong năm 2013	Đang thực hiện dự án
9	50/12 Bến Chương Dương	2.954	0	Triển khai trong năm 2013	Đang thực hiện dự án
10	93 Ba Cu	9.027	0	1 năm	Trễ tiến độ

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Cục Thuế Thành phố có Quyết định số 4959/CT-KT1 ngày 14/10/2014 truy thu và phạt thuế đối với Tổng Công ty Bến Thành với tổng số tiền là 66.277 triệu đồng (bao gồm: tiền chậm nộp là 147 triệu đồng, phạt hành chính 306 triệu đồng và truy thu 65.824 triệu đồng).

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tổng Công ty chấp hành các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định, đã ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Người lao động và Viên chức quản lý, Quy chế quản lý và hoạt động của Người đại diện vốn.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 164.755 triệu đồng đạt 262,67% kế hoạch, tăng 296,08% so với cùng kỳ năm trước; do năm 2014 Tổng Công ty ghi nhận khoản tạm nộp lợi nhuận theo Thông tư 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính của năm 2013 chuyển qua là 26.500 triệu đồng (tiền thuê đất) và năm 2014 là 146.388 triệu đồng (bao gồm lợi nhuận còn lại phải nộp của năm 2013 là 106.750 triệu đồng và một phần lợi nhuận năm 2014 là 39.638 triệu đồng).

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty:

+ Số dư đầu kỳ là: 31.177 triệu đồng.

+ Phát sinh tăng trong kỳ là: 950 triệu đồng (Lãi tiền gửi ngân hàng).

+ Số dư cuối kỳ là: 32.127 triệu đồng.

Tổng Công ty đã mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để theo dõi các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và thực hiện quản lý Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ 19/19 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tổng Công ty thực hiện 6/6 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Tổng Công ty.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong năm 2014, Kiểm toán Nhà nước không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Thành phố:

Trong năm 2014, Thanh tra Thành phố không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính:

Trong năm 2014, Thanh tra Sở Tài chính không có kiến nghị đối với Tổng Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2014 của Tổng Công ty Bến Thành (bao gồm Tổng Công ty Bến Thành và 03 đơn vị thành viên), kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Tổng Công ty như sau: Tổng doanh thu đạt 943.926 triệu đồng, giảm 7,72% so với cùng kỳ năm trước; Tổng lợi nhuận đạt 248.706 triệu đồng, giảm 25,09% so với cùng kỳ năm trước.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Tổng Công ty Bến Thành đã hoàn thành vượt kế hoạch đối với các chỉ tiêu tài chính: doanh thu đạt 107,98% kế hoạch, lợi nhuận đạt 104,29% kế hoạch và các khoản phải nộp ngân sách đạt 262,67% kế hoạch.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã chấp hành đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Tổng Công ty cần chấp hành đầy đủ các quy định và chính sách thuế.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN DỆT MAY GIA ĐỊNH**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	141.337	147.678	165.350	112,0%	117,0%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.830	120.688	87.707	72,7%	82,9%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	15.698	9.990	12.631	126,4%	80,5%
3	Thu nhập khác	19.809	17.000	65.012	382,4%	328,2%
II	Tổng chi phí	133.697	139.570	153.938	110,3%	115,1%
1	Giá vốn hàng bán	85.746	102.345	73.692	72,0%	85,9%
2	Chi phí tài chính	1.062	4.027	1.446	35,9%	136,2%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>196</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
3	Chi phí bán hàng	4.061	1.448	3.906	269,8%	96,2%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.717	14.750	34.951	237,0%	160,9%
5	Chi phí khác	21.111	17.000	39.943	235,0%	189,2%
III	Tổng chi phí / tổng doanh thu (%)	94,6%	94,5%	93,1%	98,5%	98,4%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	15,4%	10,0%	21,1%	211,6%	137,6%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	7.640	8.108	11.412	140,7%	149,4%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.942	8.108	(13.657)	-168,4%	-152,7%
2	Lợi nhuận khác	(1.302)	-	25.069	-	-1925,4%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 112% so với kế hoạch, tăng 17% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 53,04%, giảm 17,1% so với thực hiện năm 2013. Do tình hình kinh tế còn khó khăn các đơn hàng xuất khẩu giảm, khách hàng liên doanh Tamu đã giảm sản lượng tại xưởng may Lê Minh Xuân.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 7,64%, giảm 19,5% so với thực hiện năm 2013 do giảm tỷ lệ chia cổ tức của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định và Công ty CP may Sài Gòn 3.

+ Thu nhập khác chiếm 39,3%, tăng 228.2% so với thực hiện năm 2013 do trong năm Công ty chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Trảng Bàng là 39 tỷ đồng và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại 477/39 Nơ Trang Long là 13 tỷ đồng.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ và thu nhập khác.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 110,3% kế hoạch, tăng 15,1% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 47,87 %, giảm 14,1% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,94 %, tăng 36,2% so với thực hiện năm 2013, do Công ty bán khoản chứng khoán ngắn hạn lỗ.

+ Chi phí bán hàng chiếm 2,54 %, giảm 3,8% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 22,7% tăng 60,9 % so với thực hiện năm 2013, do trong năm 2014 Công ty phát sinh chi phí xử lý khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi để thực hiện cổ phần hóa, các khoản chi phí trả trước còn treo và tăng khoản nộp ngân sách tiền thuê nhà 10-12-14-16 Nam kỳ khởi nghĩa Quận 1 theo CV số 4713/UBND-TM ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Chi phí khác chiếm 25,95 %, tăng 89,2 % so với thực hiện năm 2013. Do nộp ngân sách khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 477 Nơ Trang Long.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 93,1% tổng doanh thu thực hiện;

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 21,1 % tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện năm 2013 (37,6 %). Công ty đã không tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 140,7% kế hoạch, tăng 49,4% so với thực hiện năm 2013. Trong đó:

+ Lợi nhuận hoạt động kinh doanh âm 13.657 triệu đồng. Do trong năm Công ty xử lý các khoản âm quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản chi phí trả trước còn treo.

+ Hoạt động kinh doanh khác là 25.069 triệu đồng tăng so với năm 2013, do trong năm Công ty chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Trảng Bàng.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.640	11.412	149,37%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.640	8.617	112,79%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	379.057	401.716	105,98%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	622.077	643.318	103,41%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	2,02%	2,84%	140,95%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,02%	2,15%	106,43%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,23%	1,34%	109,06%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,86 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 137.502 triệu đồng/73.791 triệu đồng) > 1. Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 là 0,63 (253.425 / 401.717) nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	620.330	666.305
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	91.067	137.502
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	529.263	528.803
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	14,7%	20,6%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	85,3%	79,4%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	620.330	666.305
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	227.446	253.424
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	392.884	412.881
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,7%	38,0%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,3%	62,0%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tài sản vô hình 160.659 triệu đồng; các khoản đầu tư tài chính dài hạn 306.272 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 tăng so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,059$ (401.717/379.056) doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 315.771 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 02 Công ty con: 127.033 triệu đồng.

- Đầu tư vào 06 Công ty liên kết: 100.585 triệu đồng.

- Đầu tư dài hạn khác: 88.093 triệu đồng.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 10.681 triệu đồng, tương đương 4,83% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 8.267 triệu đồng, tỷ lệ 3,54% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 300 triệu đồng, tỷ lệ 0,5% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 2.114 triệu đồng, tỷ lệ 3,5% trên tổng giá trị vốn 9,48% đầu tư.

- Cổ tức được chia nhưng chưa nhận: 11.148 triệu đồng (tại Công ty liên doanh Dệt Sài Gòn-Joubo là 11.148 triệu đồng).

- Đối với khoản đầu tư vào Công ty Bông Bạch Tuyết trị giá: 20.520 triệu đồng, đến ngày 31/12/2014 vốn chủ sở hữu của Công ty Bông Bạch Tuyết đã bị âm 24.427 triệu đồng nhưng Công ty chỉ mới trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trị giá 9.439 triệu đồng; Theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thì Công ty phải trích lập dự phòng bổ sung 11.081 triệu đồng.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách(số trên báo cáo quyết toán công ty năm 2013)	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty Giày da May mặc XK Legamex	37.740	51%	-	-	-	37.740	51%
2	Cty CP SX-TM May Sài Gòn (Garmex)	16.114	10%	-	-	-	16.114	10%
3	Công ty CP May Sài Gòn 2	3.360	10%	-	-	-	3.360	10%
4	Công ty CP May Sài Gòn 3	4.200	10%	-	-	-	4.200	10%
5	Công ty CP May da Sài Gòn	6.269	29,7%	-	-	-	6.269	29,7%
6	Cty CP May Thêu Giày dép WEC SG	2.469	10%	-	-	-	2.469	10%
7	Công ty CP Da giày Sagoda	2.613	15%	-	-	-	2.613	15%
8	Cty CP Dệt may Gia Định - Phong Phú	46.000	38%	-	-	-	46.000	38%
9	Cty CP SX-TM-DV-XNK Indira Gandhi	4.788	25,2%	-	-	-	4.788	25,2%
10	Công ty CP Bông Bạch Tuyết	20.520	30%	-	-	-	20.520	30%
11	Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	60.000	16%	-	-	-	60.000	16%
12	Cty CP Đào tạo Phát triển Nhân lực GD	720	2%	-	-	-	720	2%
13	Công ty Dệt Sài Gòn - Joubo	22.288	30%	-	-	-	22.288	30%

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Theo báo cáo của Công ty, thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Đối với hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất phát sinh từ năm 2005 trở về trước, Công ty chưa tiến hành xử lý theo quy định. Đến thời điểm 31/12/2014, giá trị hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất chưa xử lý là 14.048 triệu đồng Công ty đã trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất là 6.215 triệu đồng. Tuy Công ty đã có biện pháp để tiêu thụ như: bán hàng lưu động, đấu giá thanh lý, nhưng vẫn còn tồn kho với giá trị lớn, chiếm 57,21% trên tổng giá trị hàng tồn kho.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 87.505 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 9.175 triệu đồng (là khoản nợ của Công ty Bông Bạch Tuyết), Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 450 triệu đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa có biện pháp xử lý công nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 253.424 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 19.133 triệu đồng và có khoản vay Ngân sách nhà nước từ năm 1986 thông qua Ngân hàng Đầu tư Phát triển Tp.HCM mà Công ty nhận bàn giao của Công ty SX-XNK Dệt Hồng Gấm là 1.064 triệu đồng.

Đề nghị Công ty có biện pháp xử lý khoản vay Ngân sách nhà nước từ năm 1986 và khoản nợ đến hạn theo quy định.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không có

e. Tình hình đầu tư tài sản: Đến 31/12/2014, Công ty đang thực hiện những dự án sau:

1. Dự án 102-104 Lý Tự Trọng:

- Tổng mức đầu tư: 19.635 triệu đồng.

- Giá trị thực hiện hạch toán đến 31/12/2014: 12.736 triệu đồng.

- Đang thực hiện.

2. Xây dựng trung tâm thời trang tại 527 Âu Cơ, Q.Tân Bình:

- Tổng mức đầu tư: 4.405 triệu đồng

- Giá trị thực hiện hạch toán đến 31/12/2014: 277 triệu đồng .

- Đang thực hiện.

3. Dự án 354 Bến chương Dương, Quận 1:

Công ty ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2010/HĐ-GMGD-GĐI ngày 26/08/2010 giữa Công ty Dệt May Gia Định và Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định thực hiện dự án Trung tâm thương mại, giá trị quyền sở hữu tài sản đánh giá lại là 38.000 triệu đồng.

4. Dự án xây dựng “Trung tâm thiết kế thời trang và nguyên phụ liệu phục vụ ngành dệt may thành phố” tại số 07 đường Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, quận 12.

Công ty ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/2010/HTKD-GIDITEX-GDI-OCEANBANK-LVFC ngày 15/8/2010 với Công ty GDI. Hiện nay Công ty đang trình Ủy ban nhân dân thành phố được tiếp tục thực hiện dự án.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế: Trong năm 2014, Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý: Công ty đã nộp Báo cáo hồ sơ quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2014.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 408% kế hoạch, tăng 52% so với thực hiện năm 2013. Do Công ty nộp thuế vãng lai tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Trảng Bàng; nộp tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại 477/39 Nơ Trang Long và nộp tiền thu cho thuê mặt bằng tại số 10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 10.231 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Đầu kỳ: 2.817.349.774 đồng
- Tăng trong kỳ: 1.155.250.937 đồng
- Giảm trong kỳ: 0 đồng
- Cuối kỳ: 3.972.600.711 đồng

Số tăng do phát sinh khoản lãi chậm nộp phần vốn nhà nước về Quỹ của các công ty cổ phần theo Biên bản kiểm tra của Thanh tra Bộ Tài chính.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1 Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 14/14 chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

+ Thực hiện đầy đủ: 10/14 chỉ đạo.

+ Thực hiện không đầy đủ: 3/14 chỉ đạo, cụ thể:

Công ty chưa xây dựng đầy đủ các Quy chế theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 220/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính theo Thông báo số 273/TB-VP ngày 15/4/2014 về nội dung Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2013 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố, các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Công ty chưa xây dựng Quy chế đánh giá người đại diện vốn của doanh nghiệp tại các doanh nghiệp khác theo quy định tại Thông tư 21/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính theo Thông báo số 315/TB-VP ngày 28/4/2014 về nội dung Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng Quân về tình hình sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm 2014 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố.

Công ty chưa hạch toán bổ sung toàn bộ các khoản lãi tiền gửi của Quỹ HTSX doanh nghiệp tại các Ngân hàng thương mại theo đúng quy định (bao gồm cả các khoản lãi tiền gửi năm 2013) theo công văn số 6245/UBND-CNN ngày 27/11/2014 về nội dung quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại các Tổng công ty, Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước thuộc thành phố.

+ Không thực hiện: 01/14 chỉ đạo.

Công ty chưa ban hành quy chế Quy chế Công bố thông tin và công bố thông tin doanh nghiệp cho công ty con theo Công văn 5854/VP-CNN ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Quy chế công bố thông tin hoạt động của các CTY TNHH 1TV do NN làm chủ sở hữu.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp: Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 2 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả: thực hiện đầy đủ 02/02 chỉ đạo cụ thể như sau:

- Công văn số 767/VP-TM ngày 02/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Báo cáo tiến độ thực hiện phương án xử lý tổng thể nhà đất.

- Thông báo số 457/TB-VB ngày 06/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về giải quyết khó khăn, vướng mắc và tiến độ triển khai thực hiện phương án sắp xếp, xử lý tổng thể nhà đất của Cty TNHH MTV Dệt May Gia Định.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty như sau:

- Tổng doanh thu tăng 8,7% (448.661/412.579) so với thực hiện năm 2013.

- Lợi nhuận tăng 10,5% (17.033/15.410) so với thực hiện năm 2013.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty TNHH MTV Dệt may Gia Định hoàn thành và vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách.

- Trong năm 2014, Công ty thực hiện chưa đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐÀU TƯ CHỢ LỚN
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	253.815	247.500	337.419	136%	133%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	223.998		299.900		133%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	24.344		32.630		134%
3	Thu nhập khác	5.473		4.889		89%
II	Tổng chi phí	238.164	230.340	318.295	138%	133%
1	Giá vốn hàng bán	214.173		288.561		134%
2	Chi phí tài chính	2.287		(318)		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	3.884		5.398		139%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.335		23.967		138%
5	Chi phí khác	485		687		141%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	94%	93%	94,3%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	6,8%		7,1%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	15,651	17.160	19.123	111,4%	122%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10,663	14.010	14.921	106,5%	140%
2	Lợi nhuận khác	4,988	3.150	4.202	133,3%	84%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 136% so với kế hoạch, tăng 36% so với thực hiện năm 2013. Doanh thu năm 2014 cao hơn so với năm 2013 do Công ty đã thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh theo phương thức mới, hợp tác với các đơn vị có thị phần lớn, làm Nhà phân phối sản phẩm các nhãn hàng có thương hiệu trên thị trường.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 88,8%, tăng 0,73% so với cơ cấu năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 9,6%, tăng 0,83% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 1,4%, giảm 33,03% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động chính là bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 138% kế hoạch, tăng 38% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 90,6%, tổng chi phí tăng 0,81% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính: hoàn nhập dự phòng 318 triệu đồng; không phát sinh các khoản chi phí tài chính khác.

+ Chi phí bán hàng chiếm 1,6%, tổng chi phí tăng 3,68% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,5%, tổng chi phí tăng 3,16% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,2%, tổng chi phí tăng 5% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 94,3% tổng doanh thu thực hiện, tăng không đáng kể so với thực hiện năm 2013 (94%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chiếm 7,1% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện năm 2013 (6,8%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013, do trong năm 2014 Công ty trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ 9% thu nhập trước thuế và các khoản chi cho người lao động để giải quyết chế độ thôi việc.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 111% kế hoạch, tăng 22% so với thực hiện năm 2013.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15.651	19.124	122%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15.651	19.124	122%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	203.592	209.996	103.2%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	275.250	274.355	98.3%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	7,7%	9,1%	118%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,5%	9,1%	165%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,7%	7%	123%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 Công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013, lợi nhuận cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 3,7 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 86.042 triệu đồng/23.370 triệu đồng). Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,29 (bằng 60.495 triệu đồng / 207.996 triệu đồng) nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	280.219	268.491
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	89.968	86.042
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	190.250	182.449
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	32,1%	32,0%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	67,8%	68,0%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	280.219	268.491

1	Nợ phải trả	Triệu đồng	76.626	60.495
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	203.592	207.996
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27,3%	22,5%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72,7%	77,5%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là khoản mục: Tài sản cố định là 44.317 triệu đồng và các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 137.817 triệu đồng

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của Công ty tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (22,5%) trong tổng nguồn vốn của Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (77,5%) trong tổng nguồn vốn của Công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của Công ty là $H = 1,02$ Công ty đã bảo toàn, phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, Công ty có đầu tư ra ngoài với tổng số tiền 137.817 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 01 Công ty con : 36.433 triệu đồng
- Đầu tư vào 05 Công ty liên kết : 53.842 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác : 47.542 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 23.694 triệu đồng, tương đương 17,19% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 14.850 triệu đồng, tỷ lệ 47,11% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư do doanh nghiệp tự quyết định, góp vốn liên doanh, liên kết: 8.844 triệu đồng.

- Các công ty sau đây không chia cổ tức, lợi nhuận do hoạt động không hiệu quả:

- + Công ty CP May Cholimex,
- + Công ty CP Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn,

- + Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cholimex,
- + Công ty CP Đầu tư và Xây dựng KCN Vĩnh Lộc – Bến Lức,
- + Công ty CP Thương mại Đầu tư Việt Sô,
- + Công ty CP Thương mại Du lịch Mimoza Xanh

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty CP Dược phẩm - Dược liệu Chợ Lớn	729,8	24,33%		729,8	948,87		
2	Công ty CP đầu tư Phát triển Thủy Sản Chợ Lớn	2.600	20%		200		2.400	18,46%
3	Ngân hàng Sài Gòn Công thương	116,38			116,38	72,88		

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của Công ty phù hợp với thẩm quyền của Công ty.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong năm 2014, Công ty đã thanh lý xe tải đông lạnh Hyundai Biển số 57H – 9447 và xe tải 560 Kg Suzuki Biển số 51C- 101.43 đúng theo Điều 13 Khoản 3 Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

+ Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Công ty là 31.122 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 19.104 triệu đồng giảm so với cùng kỳ năm 2013 (20.360 triệu đồng), đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 9.287 triệu đồng.

+ Trong tổng số nợ phải thu 31.122 triệu đồng, có những khoản công nợ giai đoạn II của Xí nghiệp chế biến Thực phẩm, nợ của các đơn vị trực thuộc cổ phần hóa giai đoạn trước 2006 chuyển về Công ty, tổng số tiền 2.976 triệu đồng. Ngày 14 tháng 4 năm 2015 Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản số 2027/UBND-CNN kiến nghị

Bộ Tài chính về việc đề nghị cho Công ty được xử lý đối với khoản nợ 2.976 triệu đồng nêu trên từ nguồn quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi do Công ty đã trích lập để phục vụ công tác cổ phần hoá Công ty.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 60.495 triệu đồng, trong đó nợ dài hạn 34.823 triệu đồng phải trả cho Công ty KCN Vĩnh Lộc (Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ).

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Trong năm 2014 Công ty không phát sinh khoản vay nợ ngắn hạn, dài hạn. Hoạt động kinh doanh chủ yếu là dựa trên vốn tự có của Công ty.

1.4. Tình hình hập hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty niên độ 2012, 2013. Qua kiểm tra, Cục thuế đã có quyết định số 4325/QĐ-CT-XP ngày 03/9/2014 về việc xử phạt vi phạm pháp luật về thuế phạt Công ty tổng số tiền 2.100.000 đồng do kê khai sai thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty đã tiến hành nộp phạt theo quy định.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Công ty thực hiện chế độ chính sách về lao động tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách là 8.018 triệu đồng, đạt 160,36 % kế hoạch, tăng 169,23% so với thực hiện năm 2013 do nộp lợi nhuận còn lại năm 2013, 2014 theo Thông tư 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013.

Đến cuối năm 2014, Công ty Cholimec đã nộp khoản lợi nhuận còn lại sau phân phối của năm 2014 số tiền 7.877 triệu đồng vào ngân sách nhà nước.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty: Số dư cuối kỳ 6.306 triệu đồng, số tiền lãi phát sinh trong năm là: 64 triệu đồng. Số tiền trên Công ty mở tài khoản theo dõi riêng và hạch toán rõ ràng, đầy đủ, kịp thời các khoản lãi tiền gửi phát sinh của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Công ty đã thực hiện đúng theo Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài Chính.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện đầy đủ 18/19 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

Công ty thực hiện không đầy đủ 01/19 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Công ty: kê khai chậm khoản thu nhập còn lại sau khi phân phối

vào các quỹ theo Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (ý kiến của Kiểm toán Nhà nước tại biên bản kiểm toán lập ngày 26/12/2014).

- Trong năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố không có chỉ đạo cụ thể đối với Công ty.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

- Công ty đã thực hiện nộp ngân sách nhà nước số tiền thuế tăng thêm qua kiểm toán là 80.810.930 đồng.

- Việc trích lập dự phòng bổ sung đối với khoản đầu tư vốn tại Công ty Cổ phần May Cholimex theo công văn số 219/CHOLIMEX-TCKT ngày 28/5/2015 của Công ty Cholimex và công văn số 525/KCNVL-PKT ngày 26/5/2015 của Công ty KCN Vĩnh Lộc về việc báo cáo kết quả thực hiện các nội dung theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2013 hiện nay Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc đang thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa Công ty Cholimex, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2014. Theo điều 9 thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty không trích lập các khoản dự phòng đầu tư tài chính.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Công ty đang thực hiện các kiến nghị tại kết luận của Thanh tra Thành phố:

- Về đối chiếu thu hồi tạm ứng cá nhân và các khoản nợ tồn đọng. Kết quả thu được như sau:

+ Nợ các tổ chức đã kiện ra tòa	:	793 triệu đồng.
+ Nợ các cá nhân	:	43,8 triệu đồng.
+ Công ty Thiện Ân	:	30 triệu đồng.

- Công ty đang tiếp tục xử lý các vấn đề còn tồn tại sau kết luận thanh tra.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty:

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 (đã được kiểm toán) ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Công ty Cholimex, kết quả kinh doanh của toàn Công ty (bao gồm Công ty mẹ Cholimex và Công ty con) như sau: Tổng doanh thu đạt 703.184 triệu đồng, tăng 24,4% so với năm trước; tổng lợi nhuận đạt 46.406 triệu đồng, tăng 25,4% so với năm trước.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty có chỉ tiêu doanh thu đạt 136% kế hoạch, lợi nhuận đạt 111,4% kế hoạch và số phát sinh phải nộp ngân sách đạt 160,36% kế hoạch.

Công ty thực hiện tương đối đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN - SJC**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện năm 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện năm 2014/Thực hiện cùng kỳ 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	2	3	4	5	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	27.953.868	15.925.000	16.095.475	101,07%	57,58%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.645.894		16.024.919		57,96%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	305.778		41.225		13,48%
3	Thu nhập khác	2.196		29.331		1335,66%
II	Tổng chi phí	27.684.337	15.835.000	16.005.437	101,08%	57,81%
1	Giá vốn hàng bán	27.464.679		15.912.801		57,94%
2	Chi phí tài chính	53.605		-13.030		-24,31%
	Trong đó, lãi vay	4.368		180		4,12%
3	Chi phí bán hàng	30.568		35.864		117,33%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	131.758		69.040		52,40%
5	Chi phí khác	3.727		762		20,45%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	99,04%	99,43%	99,44%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	0,47%		0,43%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	269.532	90.000	90.038	100,04%	33,41%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	271.063		61.469		22,68%
2	Lợi nhuận khác	-1.531		28.569		-1866,04%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 101,07% so với kế hoạch, giảm 42,42% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân:

+ Doanh thu Công ty thực hiện gia công vàng miếng SJC cho Ngân hàng Nhà nước với sản lượng năm 2014 là 114.600 lượng, chỉ bằng 5,3% so với năm 2013.

+ Với chính sách của Chính phủ: không khuyến khích mua bán, cất trữ vàng miếng SJC; Ngân hàng Nhà nước không tổ chức đấu thầu vàng miếng SJC khiến nguồn cung hạn hẹp; Giá vàng giảm liên tục ảnh hưởng đến doanh thu kinh doanh vàng miếng.

Những yếu tố trên gây tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh vàng miếng (là lĩnh vực kinh doanh chính) của Công ty SJC.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,56% trong tổng doanh thu và thu nhập khác, tăng 0,67% so với năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,26% trong tổng doanh thu và thu nhập khác, giảm 0,83% so với năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,18% trong tổng doanh thu và thu nhập khác, tăng 0,17% so với năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 đạt 101,08% so với kế hoạch, giảm 42,19% so với thực hiện năm 2013 do Công ty SJC không còn hoạt động kinh doanh vàng miếng, nhằm phát triển sản xuất kinh doanh vàng nữ trang có hiệu quả nên Công ty phải tập trung đầu tư hệ thống sản xuất và mạng lưới cửa hàng kinh doanh nữ trang.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 99,42% tổng chi phí thực hiện, tăng 0,21% so với năm 2013.

+ Chi phí tài chính chiếm -0,08% tổng chi phí thực hiện, giảm 0,27% so với năm 2013.

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,22% tổng chi phí thực hiện, tăng 0,11% so với năm 2013.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 0,43% tổng chi phí thực hiện, giảm 0,05% so với năm 2013.

+ Chi phí khác chiếm 0,013% tổng chi phí thực hiện, giảm 0,003% so với năm 2013.

Chi phí bán hàng tăng so với năm 2013 do tập trung phát triển mạng lưới cửa hàng kinh doanh nữ trang, năm 2014 Công ty mở rộng mạng lưới tiêu thụ với việc khai trương 01 chi nhánh tại Biên Hòa, 01 chi nhánh tại Cần Thơ, 01 chi nhánh tại Huế.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 99,44% tổng doanh thu thực hiện. Công ty đang tập trung đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh nữ trang (trang bị máy móc, thiết bị, tuyển dụng, đào tạo công nhân, chi phí mở rộng thị trường, ...) để từng bước thay thế mặt hàng vàng miếng SJC. Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 0,43% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (0,48%). Công ty đã xây dựng kế hoạch và phân đầu thực hiện tiết giảm chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế 2014 đạt 100,04% kế hoạch, giảm 66,59% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân lợi nhuận giảm so với năm 2013 là do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vàng miếng giảm mạnh.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	269.532	90.038	33,4%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	190.871	79.184	41,5%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	1.134.009	1.309.800	115,5%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.448.578	1.777.132	73%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	23,8%	6,9%	28,9%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,8%	6,1%	35,9%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	7,8%	4,5%	57,2%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 Công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013, chỉ đạt 35,9%. Nguyên nhân: do Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Chính phủ quy định về hoạt động mua bán, cất trữ vàng miếng SJC; Ngân hàng Nhà nước không tổ chức đấu thầu vàng miếng SJC. Do đó lợi nhuận từ nguồn kinh doanh vàng miếng và gia công vàng miếng SJC cho Ngân hàng Nhà nước giảm đáng kể.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 10,3 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 949.168 triệu đồng/92.377 triệu đồng). Như vậy, Công ty SJC đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,07 lần =(113.582/1.635.713) nằm trong giới hạn cho phép, không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.804.970	1.749.295
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.023.921	949.168

2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	781.049	800.127
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	56,7%	54,3%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	43,3%	45,7%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.804.970	1.749.295
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	146.547	113.582
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.658.423	1.635.713
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	8,1%	6,5%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	91,8%	93,5%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho (677.051 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của Công ty tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm 2013, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Tại thời điểm 31/12/2014, vốn chủ sở hữu giảm so với năm 2013 do Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2013 và nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách nhà nước theo TT 187/2013-TT-BTC ngày 05/12/2013.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H=1,11$. Doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 712.141 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 06 Công ty con: 38.934 triệu đồng
- Đầu tư vào 07 Công ty liên kết: 265.183 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 408.024 triệu đồng.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 15.901 triệu đồng, tương đương 2% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 2.470 triệu đồng, tỷ lệ 6,34% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết: 535 triệu đồng, tỷ lệ 0,13% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ đầu tư dài hạn khác: 12.896 triệu đồng, tỷ lệ 3,16% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Các doanh nghiệp khác không chia cổ tức, lợi nhuận:

STT	Tên doanh nghiệp	Lý do
1	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Chợ Lớn	DN phá sản
2	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Bàn Cờ	DN kinh doanh lỗ
3	Công ty TNHH MTV Giám định Rồng Vàng SJC	DN cổ phần hóa
4	Công ty cổ phần Sài Gòn Kim Cương (Tháp SJC)	DN chưa hoạt động
5	Công ty cổ phần Xây dựng và Trang trí nội thất CDF	DN chờ giải thể
6	Công ty Liên doanh Băng từ Sài Gòn Saindes	DN chờ giải thể
7	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Khánh Hội	DN kinh doanh lỗ
8	Công ty cổ phần Sài Gòn Kim Hoàn ACB-SJC	DN kinh doanh lỗ
9	Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	DN kinh doanh lỗ
10	Công ty CP quản lý quỹ đầu tư CK Việt Long	DN kinh doanh lỗ
11	Công ty CP Đầu tư và BĐS Sài Gòn Châu Á	DN kinh doanh lỗ
12	Công ty CP Thương mại Địa Ốc Việt	DN kinh doanh lỗ
13	Công ty CP Du lịch TM Đại Cát Hoàng Long	DN kinh doanh lỗ
14	Công ty cổ phần Trường Lưu Thủy	DN kinh doanh lỗ

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong 2014, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty CP Kim Hoàn Sài Gòn ACB-SJC	4.500	45 %		4.500	4.950		
2	NHTM CP Á Châu	29.725	0.3 %		20.256	31.000	9.468	0.1%
3	CTY CP DV KD Vàng Kim Việt	1.500			1.500	1.500		
4	CTY CP VBĐQ SJC Minh Khai	3.060	51%	3.060			6.120	51 %

- Công ty đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 6066/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2013 và kế hoạch thoái vốn theo công văn 1118/UBND-CNN. Theo đó:

+ Thoái vốn tại các doanh nghiệp Công ty mẹ đang nắm giữ trên 50% xuống dưới 50% vốn điều lệ (bán bớt): 05 doanh nghiệp.

+ Thoái 100% vốn góp của Công ty mẹ (bán hết): 15 doanh nghiệp.

- Tình hình thực hiện thoái vốn theo Đề án tái cơ cấu:

Năm 2014 thoái vốn 100 % tại Công ty CP Kim Việt, Cty CP SGKH ACB-SJC và đã bán bớt vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Á Châu (đến 31/12/2014, giá trị đầu tư là 9.468 triệu đồng).

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Việc mua sắm, thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 43/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong năm 2014, Công ty không phát sinh giảm (thanh lý, nhượng bán, ...) TSCĐ.

+ Đến thời điểm 31/12/2014 Công Ty không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 66.298 triệu đồng, trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 113.582 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 92.377 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 11.289 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của Công đoàn Công ty SJC: 1.300 triệu đồng

+ Vay của cá nhân (CBCNV Công ty SJC): 9.989 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 11.289 triệu đồng.

- Công ty mẹ không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện dự án cụ thể như sau:

Dự án: Trung tâm kinh doanh Vàng bạc đá quý và văn phòng làm việc 418-420 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 45.547 triệu đồng

+ Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có

+ Tiến độ thực hiện: Tháng 7/2014 nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng trong năm 2014 chưa thực hiện kiểm toán và phê duyệt quyết toán công trình.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Cục Thuế TP.HCM có Quyết định số 5139/QĐ-CT ngày 30/10/2014 truy thu và phạt đối với Công ty SJC tổng số tiền là 722 triệu đồng (bao gồm truy thu 553 triệu, phạt hành chính 111 triệu đồng và tiền chậm nộp 58 triệu đồng).

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Công ty thực hiện chính sách chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp trong năm 2014: 115.175 triệu đồng, đạt 255,94% kế hoạch, giảm 33,51% so với cùng kỳ năm 2013. Số đã nộp của Công ty chủ yếu là nộp khoản lợi nhuận còn lại theo Thông tư 187/2013-TT-BTC.

Đến 31/12/2014, Công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 628 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty không có số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014 Công ty thực hiện đầy đủ 19/19 nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong năm 2014 Kiểm toán Nhà nước không có kiến nghị đối với Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Trong năm 2014 Thanh tra thành phố không có kiến nghị đối với Công ty.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Trong năm 2014 Sở Tài chính không có kiến nghị đối với Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Công ty SJC chưa gửi Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 nên không có cơ sở để đánh giá toàn Công ty mẹ.

II. Kết luận của Công ty:

Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2014: Doanh thu đạt 101,07% kế hoạch, lợi nhuận đạt 100,04% kế hoạch, số phát sinh phải nộp ngân sách đạt 255,94% kế hoạch.

Công ty SJC đã chấp hành tương đối đầy đủ quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	417.540	1.126.121	63.227	5,61%	15,14%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.973		17.373		116,03%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	401.882		45.564		11,34%
3	Thu nhập khác	685		290		42,34%
II	Tổng chi phí	53.690	59.764	-1.098.172	-1.837,51%	-2.045,39%
1	Giá vốn hàng bán	1.767		10.446		591,17%
2	Chi phí tài chính	-7.661		-1.214.109		-158,48%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	388		1.875		483,25%
3	Chi phí bán hàng	854		7.631		893,56%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	56.200		94.910		168,88%
5	Chi phí khác	2.530		2.950		116,60%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	12,86%	5,31%	-1.736,87%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	13,46%		150,11%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	363.850	1.066.357	1.161.399	108,91%	319,20%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	365.696		1.164.059		318,31%
2	Lợi nhuận khác	-1.846		-2.660		-144,10%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 5,61% so với kế hoạch, giảm 84,86% so với năm trước. Tổng doanh thu đạt thấp so với kế hoạch do trong năm 2014, Công ty chưa thu hồi khoản lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng 03 năm 2010, 2011, 2012 (khoản lợi nhuận này đã được đưa vào kế hoạch tài chính 2014).

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 27,48%, tăng 23,89% so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu cho thuê văn phòng tòa nhà IPC tăng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 72,06%, giảm 24,19% so với năm trước, chủ yếu do giảm doanh thu từ nguồn dự phòng phải trả của Liên doanh Phú Mỹ Hưng trong năm 2013 là 185,5 tỷ đồng theo kết luận của thanh tra Sở Tài chính

+ Thu nhập khác không đáng kể chiếm 0,46%, giảm 0,3% so với năm trước.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động từ nguồn doanh thu hoạt động tài chính.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 giảm đột biến so với năm trước do trong năm Công ty hoàn nhập khoản dự phòng phải trả Công ty trích lập từ lợi nhuận Liên doanh Phú Mỹ Hưng các năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Chi phí tài chính giảm đột biến so với năm trước do Công ty hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng phải trả Công ty trích lập từ lợi nhuận Liên doanh Phú Mỹ Hưng các năm trước.

+ Giá vốn hàng bán chiếm 0,95% trên tổng chi phí, giảm 2,34% so với năm trước và chi phí bán hàng chiếm 0,69% trên tổng chi phí, giảm 0,9% so với năm trước.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,64% trên tổng chi phí, tăng 96,03% so với năm trước do Quỹ lương tăng tương ứng với lợi nhuận trong kỳ.

+ Chi phí khác không đáng kể chiếm 0,27% trên tổng chi phí, giảm 4,44% so với năm trước.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 bằng 150,11% tổng doanh thu thực hiện, tăng 68,88% so với năm trước

Như vậy, trong năm 2014 Công ty không tiết kiệm được chi phí quản lý doanh nghiệp.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 108,91% kế hoạch, tăng 219,20% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng phải trả dài hạn chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng từ lợi nhuận của Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng như đã nêu trên.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

ĐVT: triệu đồng

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ TH 2014/ TH 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	363.850	1.161.399	319,20%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	363.439	1.160.429	319,29%

3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	3.240.277	3.611.458	111,46%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	4.590.739	4.814.171	104,87%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,23%	32,16%	40,85%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	11,22%	32,13%	40,85%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	7,92%	24,10%	58,97%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm trước, do Lợi nhuận năm 2014 cao hơn so với năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,98 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 901.580 triệu đồng/302.703 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,08 lần (= 369.127 triệu đồng /4.581.683 triệu đồng), không vượt quá 3 lần (quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	4.677.530	4.950.811
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	858.278	901.580
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	3.819.252	4.049.231
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	18,35%	18,21%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	81,65%	81,79%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	4.677.530	4.950.811
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.191.836	369.128
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	3.485.694	4.581.683
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,48%	7,46%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	74,52%	92,54%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang: 2.022.648 triệu đồng, các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 1.820.531 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân do hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng phải trả dài hạn chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng từ lợi nhuận của Công ty Phú Mỹ Hưng như đã nêu trên, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,3$ doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 1.844.398 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 03 Công ty con: 828.291 triệu đồng
- Đầu tư vào 05 Công ty liên kết, liên doanh: 832.474 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 183.633 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 143.980 triệu đồng, tương đương 7,81% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 43.286 triệu đồng, tỷ lệ 8,34% trên giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 63.939 triệu đồng, tỷ lệ 6,82% trên giá trị vốn đầu tư.

- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh: 36.755 triệu đồng, tỷ lệ 5,07% trên giá trị vốn đầu tư.

Một số Công ty không chia lợi nhuận trong năm 2014:

- Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng hoạt động có hiệu quả nhưng không chia lợi nhuận từ năm 2010 đến nay.

- Công ty Cảng trung tâm Container Sài Gòn trong giai đoạn bắt đầu hoạt động.

- Quỹ Đầu tư Việt Nam BIDV và Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp hoạt động không có hiệu quả, không có lãi chia.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

- Theo Đề án tái cơ cấu của Công ty được duyệt theo Quyết định số 7431/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố, Công ty phải thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài như sau:

+ Thoái toàn bộ 100% vốn tại 05 doanh nghiệp.

- + Giữ nguyên vốn và tỷ lệ tham gia hiện hữu tại 04 doanh nghiệp.
- + Giảm tỷ lệ vốn góp tại 03 doanh nghiệp.
- Năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp khác như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyên nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty CP Phát triển Nam Sài Gòn	74.795	74,8%	52.357			127.152	74,8%
2	Cty CP TM DV Hiệp Tân	24.750	50%		8.250	9.322,5	16.500	33,3%
3	Cty CP Kiểm định Xây dựng Sài Gòn	1.942	8,3%		1.942	2.070	0	0%
4	Cty LD Quản lý Đầu tư BIDV (Quỹ VIF)	40.000	2,96%		6.000	6.000	34.000	2,96%
5	Góp vốn hợp tác với Cty CP Long Hậu theo Hợp đồng liên doanh, liên kết để xây dựng nhà xưởng Long Hậu	20.025	66,4%	5.438	3.822	3.822	21.640	66,4%

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong năm 2014 Công ty phát sinh tăng tài sản cố định là 9.418 triệu đồng, trong đó tăng chủ yếu từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành công trình Tòa nhà IPC là 9.388 triệu đồng.

+ Việc mua sắm và thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính.

+ Trong năm Công ty không phát sinh thanh lý tài sản cố định.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 610.424 triệu đồng; trong đó khoản nợ phải thu kéo dài từ trước năm 2013 của 02 công ty: Công ty TNHH Kỹ thuật cơ điện lạnh số 8 là 17.980 triệu đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 là 24.731 triệu đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 369.127 triệu đồng. Trong kỳ, Công ty giảm toàn bộ khoản dự phòng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng từ lợi nhuận Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng là 1.020.851 triệu đồng.

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty 21.640 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 21.640 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: hợp tác kinh doanh xây dựng nhà cho thuê tại KCN Long Hậu: 21.640 triệu đồng.

d. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

STT	Dự án	Tổng mức vốn đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian hoàn thành	Tiến độ thực hiện
1	Xây dựng hoàn thiện khu dân cư Long Thới	44.816 triệu đồng	tự có	Năm 2015	3 năm
2	Khu dân cư Hiệp Phước 1	211.340 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đã hoàn thiện hạng mục hạ tầng giao thông.
3	Khu dân cư Hiệp Phước 2	101.844 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng.
4	Khu dân cư Long Hậu	76.090 triệu đồng	tự có	Năm 2015	5 năm
5	Khu chung cư An Phú Tây	198.422 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đã xây xong đến tầng 2, công trình tạm dừng do dân giải tỏa không có nhu cầu tái định cư tại căn hộ chung cư.
6	Khu dân cư An Phú Tây	336.214 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đang tìm đối tác để chuyển nhượng lại
7	Đường trục Bắc - Nam	7.266.927 triệu đồng	tự có	chưa xác định	đã thực hiện công tác khảo sát lập dự án, đang chờ chỉ đạo của UBND TP.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà IPC Công ty đã đưa vào sử dụng và tạm hạch toán tăng tài sản cố định từ năm 2011 và trích khấu hao theo quy định. Tuy nhiên đến nay, Công ty chưa quyết toán hoàn thành tòa nhà IPC. Đề nghị Công ty khẩn trương hoàn tất quyết toán công trình tòa nhà IPC theo quy định tại Điều lệ và Quy chế tài chính của doanh nghiệp.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Công ty không có vi phạm về lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014 Công ty thực hiện chính sách chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 81.473 triệu đồng vượt 78.173 triệu đồng so với kế hoạch năm 2014, tăng 127,38% so với cùng kỳ năm trước do trong năm 2014 Công ty tạm nộp Lợi nhuận sau khi phân phối trích lập các quỹ năm 2013 nộp ngân sách nhà nước.

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp đã nộp thừa vào ngân sách nhà nước tiền thuế (TNDN): 1.348 triệu đồng.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 19 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

+ Công ty thực hiện 16/19 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố

+ Công ty chưa thực hiện đầy đủ 03/19 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể:

• Công ty chưa nộp đầy đủ khoản lợi nhuận còn lại năm 2013, 2014 sau khi phân phối trích lập các quỹ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 839/UBND –TM ngày 26/02/2014 và Công văn số 4026/UBND-CNN ngày 15/8/2014.

• Công ty chưa thu hồi cổ tức lợi nhuận được chia 03 năm 2010, 2011, 2012 từ Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Công văn số 1056/UBND-ĐT ngày 12/3/2014.

- Trong năm 2014 Công ty phải thực hiện 05 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực tài chính liên quan đến Công ty.

+ Công ty thực hiện 02/05 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Công ty:

+ Công ty chưa thực hiện đầy đủ và kịp thời 03/05 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Công ty thuộc lĩnh vực tài chính :

- Công ty chưa thực hiện đầy đủ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại các công văn số: 4552/VP-ĐT ngày 13/6/2014, số 5688/VP-CNN ngày 17/7/2014: Công ty chưa thu hồi cổ tức 03 năm từ liên doanh Phú Mỹ Hưng và chưa nộp đầy đủ lợi nhuận còn lại sau khi phân phối trích lập các quỹ năm 2013 vào ngân sách nhà nước.

- Công ty chưa thực hiện đầy đủ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 315/UBND-CNN ngày 21/01/2014: Công ty TNHH MTV Phát triển KCN Sài Gòn chưa thực hiện việc xác định rõ nguyên nhân và kiểm điểm, xử lý trách nhiệm bồi thường vật chất đối với các cá nhân có liên quan đến khoản lỗ lũy kế trong giai đoạn nhà nước của Công ty Chế tạo máy Sài Gòn.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Trong năm 2014, Kiểm toán Nhà nước không có kiến nghị đối với Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Sở Tài chính:

+ Công ty đã tiến hành cuộc họp kiểm điểm trách nhiệm cá nhân có liên quan đến việc thực hiện sai hợp đồng xây dựng đã ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8, tuy nhiên chưa đạt kết quả.

+ Công ty đang thực hiện rà soát công nợ và yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8 hoàn trả cho Công ty.

+ Công ty đang quyết toán công trình trụ sở tòa nhà IPC của Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty:

Công ty không nộp báo cáo hợp nhất toàn Công ty năm 2014 nên không có cơ sở đánh giá.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty đã đạt 5,82% kế hoạch doanh thu; đạt 108,91% kế hoạch lợi nhuận, chỉ tiêu các khoản phải nộp ngân sách nhà nước hoàn thành vượt mức kế hoạch do Công ty nộp một phần lợi nhuận còn lại sau khi phân phối trích lập các quỹ năm 2013.

Trong năm 2014, Công ty chưa chấp hành đầy đủ và kịp thời một số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh. Công ty cần nghiêm túc thực hiện báo cáo các chỉ tiêu tài chính của toàn Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Công ty theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN**

**Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014**

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH năm 2014/KH năm 2014 (%)	TH năm 2014/ TH năm 2013 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện năm 2014		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.991.908	2.319.453	2.170.273	93,57	108,95
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.912.836	2.295.453	2.126.316	92,63	111,16
2	Doanh thu hoạt động tài chính	70.400	17.000	33.498	197,05	47,58
3	Thu nhập khác	8.672	7.000	10.459	149,41	120,61
II	Tổng chi phí	1.974.220	2.301.603	2.151.100	93,46	108,96
1	Giá vốn hàng bán	1.757.635	2.169.603	1.977.194	91,13	112,49
2	Chi phí tài chính	47.648	16.000	29.773	186,08	62,49
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	12.956	9.000	6.110	67,89	47,16
3	Chi phí bán hàng	125.923	100.000	120.370	120,37	95,59
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.968	15.000	23.068	153,79	59,20
5	Chi phí khác	4.046	1.000	695	69,50	17,18
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	99,11	99,23	99,12		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	1,96	0,65	1,06		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	17.688	17.850	19,173	107,41	108,40
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.062	11.850	9.409	79,40	72,03
2	Lợi nhuận khác	4.626	6.000	9.764	162,73	211,07

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 93,57% so với kế hoạch, tăng 8,95% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,97%, tăng 1,94% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,54%, giảm 1,99% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,48%, tăng 0,05% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 93,46% kế hoạch, tăng 0,96% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 91,92%, tăng 2,89% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 1,38%, giảm 1,03% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 5,60%, giảm 0,78% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 1,07%, giảm 0,90% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,03%, giảm 0,17% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 99,12% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 (0,01%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 1,06% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 (giảm 0,86%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Công ty đạt 107,41% kế hoạch, tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 (tăng 8,40%).

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	17.688	19.173	108,40
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	17.688	19.173	108,40
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	496.457	516.778	104,09
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.023.757	1.833.997	74,38
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	3,56	3,71	-
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	3,56	3,71	-
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,87	1,05	-

Qua bảng trên cho thấy năm 2014, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,13 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 1.659.844 triệu đồng/ 1.470.993 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 2,84 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.676.949	1.991.045
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.346.385	1.659.844
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	330.564	331.201
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,29	83,37
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,71	16,63
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.676.948	1.991.045
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.168.971	1.473.013
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	507.977	518.032
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,71	73,98
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	30,29	26,02

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (83,37%); Trong đó: Các khoản phải thu ngắn hạn 778.589 triệu đồng (46,91%), hàng tồn kho 776.313 triệu đồng (46,77%).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (73,98%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (26,02%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,01$, doanh nghiệp đã bảo toàn, phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị 186.228 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 02 Công ty con: 78.750 triệu đồng
- Đầu tư vào 12 Công ty liên kết: 92.038 triệu đồng
- Đầu tư dài hạn khác: 15.439 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty nhận được là 27.484 triệu đồng, tương đương 14,75% trên tổng giá trị vốn đầu tư. Đây là số cổ tức, lợi nhuận nhận được từ đầu tư vào công ty con, các doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước.

Có 04 doanh nghiệp không chia cổ tức, lợi nhuận, trong đó:

- 03 doanh nghiệp không chia cổ tức do lợi nhuận phải bù lỗ các năm trước: Công ty CP DP Cần Giờ; Công ty CP Phân phối Dược Sài Gòn; Công ty CP DP Phong Phú.

- Công ty CP Mắt kính Sài Gòn Leningrad: Chưa có thông báo chia cổ tức năm 2014.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

- Trong năm 2014, tình hình tăng, giảm vốn đầu tư và tỷ lệ đầu tư ra ngoài như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
01	Công ty CP Mắt kính Sài Gòn Leningrad	0	0	3.248			3.248	29,00
02	Công ty CP Dược phẩm Phong Phú	3.900	13,09				3.900	8,67

+ Công ty đã tiếp nhận vốn đầu tư vào Công ty CP Mắt kính Sài Gòn Leningrad chuyển từ liên doanh của Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm và Sinh học y tế (Mebiphar) theo Quyết định số 5047/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Tỷ lệ đầu tư vào Công ty CP Dược phẩm Phong Phú giảm còn 8,67% là do Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn không mua cổ phần tăng thêm trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ tại Công ty CP Dược phẩm Phong Phú theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 5291/UBND-CNN ngày 14/10/2014.

a.4. Tình hình thực hiện thoái vốn theo Đề án tái cơ cấu:

- Theo Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được Ủy ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 7433/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty thực hiện cổ phần hóa sau năm 2015, nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Trong giai đoạn 2013 - 2015:

+ Duy trì 01 doanh nghiệp công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 13 công ty cổ phần công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Thực hiện cổ phần hóa 01 doanh nghiệp, công ty mẹ nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

+ Giải thể 01 doanh nghiệp.

+ Thoái vốn toàn bộ 100% vốn đã đầu tư tại 03 doanh nghiệp

- Trong năm 2014, Công ty đang tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm và Sinh học y tế; Đã giải thể Công ty CP Y khoa Hoàng Gia.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp có thanh lý nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 457,9 triệu đồng, giá trị còn lại là 57,5 triệu đồng.

+ Đối với hàng hóa mất, kém phẩm chất Công ty xử lý theo quy định của quản lý Dược. Đến thời điểm 31/12/2014, giá trị hàng hóa cận hạn dùng khó tiêu thụ là 191 triệu đồng; Công ty đã trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho cận hạn dùng là 191 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 778.589 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 100.921 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 100.389 triệu đồng.

Công nợ phải thu khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ năm 2011, chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng (các công ty: Tiến Phúc, Khang Phúc, Cần Giờ, XKPP và tiếp thị Dược Sài Gòn (MED), Phúc Nghi). Trong năm 2014, doanh nghiệp phát sinh khoản công nợ khó đòi là Công ty CP XNK An Bình là 553 triệu đồng, đã lập dự phòng 166 triệu đồng. Doanh nghiệp đã có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như trích lập dự phòng và tích cực thu hồi nợ.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 1.473.013 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 1.397.484 triệu đồng, doanh nghiệp có nợ phải trả quá hạn là 75.529 triệu đồng.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 64.468 triệu đồng, trong đó: Vay của các tổ chức tín dụng: 64.468 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Văn phòng Roussel Việt Nam:

+ Thực hiện theo Quyết định số 3584/QĐ-UBND ngày 08/8/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao đất cho Công ty Roussel Việt Nam để đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng tại số 2B Cộng Hòa; Quyết định số 68/QĐ-CTD.TGD ngày 05/4/2010 của Công ty về phê duyệt dự án đầu tư Văn phòng Roussel Việt Nam.

+ Tổng giá trị đầu tư là 123.201 triệu đồng, trong đó:

- Vốn tự có: 39.823 triệu đồng;

- Vốn huy động: 83.379 triệu đồng (vay ngân hàng BIDV, thời hạn 5 năm, lãi suất 12%/năm).

+ Thời gian thực hiện là 56 tháng.

+ Thực hiện đến ngày 31/12/2014: 28.299 triệu đồng.

+ Giải ngân đến ngày 31/12/2014: 33.182 triệu đồng.

- Dự án tổng kho phân phối Dược tiêu chuẩn GSP-Sapharco:

+ Thực hiện theo Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 11/6/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về cho thuê đất để xây dựng kho tồn trữ thuốc và Quyết định số 21/QĐ-SPC-HĐTV ngày 22/4/2011 của Hội đồng thành viên Công ty.

+ Tổng giá trị đầu tư: 65.363 triệu đồng, trong đó:

- Vốn tự có: 19.609 triệu đồng;

- Vốn huy động: 45.754 triệu đồng. (vay Ngân hàng BIDV, thời hạn 7 năm, lãi suất 12%/năm).

+ Thời gian thực hiện 9 tháng.

+ Thực hiện đến 31/12/2014: 62.408 triệu đồng.

+ Giải ngân đến ngày 31/12/2014: 62.406 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 158,15% kế hoạch; tăng 22,14% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 do lượng hàng công ty nhập khẩu tự doanh, ủy thác mua bán tăng hơn so với cùng kỳ năm 2013.

Đến ngày 31/12/2014, Công ty không còn tồn đọng số phải nộp ngân sách.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Căn cứ Biên bản kiểm toán năm 2013 của Công ty do Kiểm toán nhà nước lập ngày 27 tháng 01 năm 2015, Công ty không còn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

f. Tình hình chấp hành các chế độ quy định khác:

Công ty thực hiện nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo tháng, báo cáo quý đúng thời hạn quy định; Tuy nhiên, báo cáo tháng, báo cáo quý không kèm phân tích, đánh giá, nhận xét.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 14 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau: Thực hiện đầy đủ: 14/14 chỉ đạo.

- Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện 01 nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Cụ thể:

Công ty đã phối hợp với Chi cục Tài chính doanh nghiệp kiểm tra Báo cáo tài chính của Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm và Sinh học y tế theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2365/VP-CNN ngày 02/4/2014.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo Biên bản kiểm toán ngày 27 tháng 01 năm 2015:

- Đã điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo ý kiến kết luận của KTNN.

- Đã nộp thuế GTGT là 286 triệu đồng và thuế TNDN là 496 triệu đồng tại công ty con là Công ty TNHH MTV Dược phẩm và sinh học y tế (Mebiphar).

- Đang lập thủ tục nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp 1.596 triệu đồng.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty (Công ty mẹ):

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty lập ngày 15 tháng 4 năm 2015;

- Tổng Doanh thu và thu nhập khác năm 2014 đạt 2.625.542 triệu đồng, tăng 9,27% so với cùng kỳ năm 2013.

- Lợi nhuận năm 2014 đạt 49.347 triệu đồng, tăng 223,36% so với cùng kỳ năm 2013.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có chiều hướng phát triển tốt, đã trích lập dự phòng đầy đủ số nợ phải thu khó đòi từ năm 2011. Tình hình tài chính công ty tương đối ổn định, sử dụng đồng vốn có hiệu quả, bảo toàn vốn theo quy định, tiết giảm các chi phí không cần thiết để tăng lợi nhuận.

Công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. Đề nghị Công ty khẩn trương khắc phục một số tồn tại nêu trên, nghiêm túc

thực hiện báo cáo các chỉ tiêu tài chính của toàn Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Công ty theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015 của
Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện/Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014/Thực hiện năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	771.270	742.388	822.107	110,74%	106,59%
1	Doanh thu thuần	685.761		767.005		111,85%
2	Thu nhập khác	85.509		55.102		64,44%
II	Tổng chi phí	299.881	237.172	255.848	107,87%	85,32%
1	Chi phí hoạt động	228.785		151.461		66,20%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.045		104.277		148,87%
3	Chi phí khác	1.051		110		10,47%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	38,88%	31,95%	31,12%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	9,08%		12,68%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	471.387	505.216	566.259	112,08%	120,13%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	386.930		511.267		132,13%
2	Lợi nhuận khác	84.457		54.992		65,11%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 110,74% so với kế hoạch năm, tăng 6,59% so với cùng kỳ năm trước do trong năm 2014, Công ty có thực hiện bán quyền mua trái phiếu chuyển đổi năm 2014 của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CII) với doanh thu là 58.132 triệu đồng, chuyển nhượng cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu CII với doanh thu là 28.122 triệu đồng.

- Cơ cấu doanh thu: Doanh thu thực hiện năm 2014 của Công ty chủ yếu từ hoạt động kinh doanh chính (chiếm 93,30% trên tổng doanh thu).

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 107,87% kế hoạch, giảm 14,68% so với năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Chi phí hoạt động chiếm 59,20%, giảm 17,09% so với cùng kỳ năm trước;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 40,76%, tăng 17,40% so với cùng kỳ năm trước;

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 chiếm 31,12% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với năm trước (38,88%). Công ty đã tiết giảm được chi phí so với cùng kỳ năm trước.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,68% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với năm trước (9,08%). Công ty chưa tiết giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm trước.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 112,08% kế hoạch, tăng 20,13% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do có khoản thu từ bán quyền mua trái phiếu chuyển đổi năm 2014 của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (CII), chuyển nhượng cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu CII.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	471.387	566.259	120,13%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	406.532	498.864	122,71%
3	Vốn chủ sở hữu (bình quân)	Triệu đồng	5.142.354	5.299.123	103,05%
4	Tổng tài sản (bình quân)	Triệu đồng	9.011.038	10.299.443	114,30%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	9,17%	10,69%	116,57%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,91%	9,41%	119,08%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,51%	4,84%	107,36%

Qua bảng trên cho thấy trong năm 2014, doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 18,36 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 2.849.329 triệu đồng/155.190 triệu đồng). Doanh nghiệp đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,66 lần, không vượt quá 3 lần (theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	9.980.315	10.618.570
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.816.011	2.849.329
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	8.164.304	7.769.241
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	18,20%	26,83%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	81,80%	73,17%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	9.980.315	10.618.570
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	3.976.270	4.213.597
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	6.004.046	6.404.974
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	39,84%	39,68%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	60,16%	60,32%

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là các khoản đầu tư tài chính dài hạn (4.191.233 triệu đồng) và các khoản phải thu dài hạn (3.465.697 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm dưới 50% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm trên 50% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,04$, doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 4.312.616 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 6 Công ty con: 2.107.109 triệu đồng
- Đầu tư vào 8 Công ty liên kết: 1.248.885 triệu đồng
- Đầu tư vào Công ty liên doanh: Không có
- Đầu tư dài hạn khác: 956.622 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty nhận được là 266.413 triệu đồng, tương đương 6,17% trên tổng giá trị vốn đầu tư, bao gồm:

- Lợi nhuận được chia từ các công ty con 100% vốn nhà nước là 95.680 triệu đồng, tương đương 4,54% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là 24.862 triệu đồng, tỷ lệ 6,06% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư là 139.772 triệu đồng, tỷ lệ 7,98% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Trái tức: 6.099 triệu đồng.

Một số doanh nghiệp khác không chia cổ tức, lợi nhuận cụ thể như sau:

STT	Tên doanh nghiệp	Nguyên nhân
1	Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Dự án đang trong giai đoạn triển khai
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh	Đầu năm 2015, Công ty cổ phần có phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2013-2014 để tăng vốn điều lệ.
3	Công ty CP Cấp nước Kênh Đông	Dự án mới đưa vào hoạt động năm 2013
4	Công ty CP Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc	Dự án đang trong giai đoạn triển khai
5	Công ty CP In Thanh Niên	Công ty CP In Thanh niên hoạt động không có hiệu quả. Công ty đã thực hiện thoái vốn trong tháng 9/2014.
6	Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	Dự án mới đi vào hoạt động, chưa có kế hoạch chia cổ tức.
7	Công ty CP Him Lam Phát triển Trí tuệ trẻ em Việt	Dự án mới đi vào hoạt động năm 2014
8	Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản nên gặp nhiều khó khăn, kế hoạch chia cổ tức trong Q1/2015.
9	Ngân hàng TMCP Việt Á	Doanh nghiệp có kế hoạch chia cổ tức 2014 trong năm 2015.
10	Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn	Dự án đang trong giai đoạn triển khai
11	Công ty CP Cao Su TPHCM	Dự án đang trong giai đoạn triển khai
12	Công ty CP Phát triển Nông Nghiệp TNXP	Dự án mới đi vào hoạt động, chưa có kế hoạch chia cổ tức.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty CP Chứng khoán TP.HCM	476.465	29,75%	75.000			551.465	29,47%
2	Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn	25.529	16,67%	13.108			38.637	17,67%
3	Công ty CP In Thanh niên	11.587	30,18%		11.587	15.527	0	0
4	Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	101.573	10%	8.427			110.000	10%
5	Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM	194.790	11,61%	26.655	26.655	54.695	194.790	11,61%

- Về việc đầu tư thêm vào Công ty cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn: Công ty đã thực hiện khi chưa được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

Các khoản tăng, giảm vốn khác được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương trước khi thực hiện.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Cuối năm 2014, Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng tại số 33 - 39 Pasteur, Quận 1 khi chưa được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014, Công ty có thanh lý một số tài sản với nguyên giá là 318 triệu đồng, giá trị còn lại là 88 đồng.

+ Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty không có hàng tồn kho.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 3.600.059 triệu đồng.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp có một số khoản nợ phải thu quá hạn với tổng số tiền là 46.429 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 4.213.597 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 3.549.128 triệu đồng, bao gồm:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 1.311.875 triệu đồng.

+ Vay lại Bộ Tài chính: 2.237.253 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Đến cuối năm 2014, Công ty đang thực hiện 02 dự án như sau:

- Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc Khu tái định cư 15ha, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh và phường Tân tạo, huyện Bình Tân (dự án nhóm B):

+ Tổng mức vốn đầu tư: 228.841 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có của Công ty (15%) và vốn huy động (85%).

+ Thời gian hoàn thành: Năm 2015

+ Tiến độ thực hiện: Giá trị thực hiện đến 31/12/2014 là 6.192 triệu đồng. Giá trị thực hiện đạt thấp là do hiện nay đang gặp khó khăn trong công tác giải tỏa đền bù.

- Dự án đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng tại số 33 - 39 Pasteur, Quận 1: Giá trị thực hiện đến 31/12/2014 là 19 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm Công ty không vi phạm quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 410.083 triệu đồng, đạt 118,61% kế hoạch, tăng 13,87% so với năm trước.

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 27.766 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Công ty không có số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Công ty thực hiện 19/19 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong năm 2014 Công ty thực hiện 08/08 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với Công ty.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong năm 2014, Kiểm toán Nhà nước không có kiến nghị đối với Công ty.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Trong năm 2014, Thanh tra thành phố không có kiến nghị đối với Công ty.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Trong năm 2014, Sở Tài chính không có kiến nghị đối với Công ty.

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty mẹ:

Công ty không gửi Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 nên không có cơ sở để đánh giá toàn Công ty mẹ (bao gồm Công ty Đầu tư tài chính nhà nước thành phố và các đơn vị thành viên).

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2014: Doanh thu đạt 110,74% kế hoạch, lợi nhuận đạt 112,08% kế hoạch và số phát sinh phải nộp ngân sách đạt 118,61% kế hoạch.

Công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật hiện hành. Đề nghị Công ty nghiêm túc thực hiện báo cáo các chỉ tiêu tài chính của toàn Công ty để có cơ sở đánh giá, giám sát tài chính của toàn Công ty theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI (FOSCO)**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện năm 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện năm 2014/cùng kỳ năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	169.160	171.820	145.714	84,80%	86,14%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.059		121.989		99,94%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	24.195		17.573		72,63%
3	Thu nhập khác	22.906		6.152		26,86%
II	Tổng chi phí	106.965	103.697	107.674	103,83%	100,66%
1	Giá vốn hàng bán	11.395	7.200	16.208	225,11%	142,23%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	92.715		88.729		95,70%
5	Chi phí khác	2.855		2.737		95,87%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	63,23%	60,35%	73,89%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	54,80%		60,89%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	62.193	68.123	38.037	55,84%	61,16%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	42.143	49.718	34.623	69,64%	82,16%
2	Lợi nhuận khác	20.050	18.405	3.414	18,55%	17,02%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 84,80 % so với kế hoạch năm 2014 do tình hình kinh tế khó khăn, công suất cho thuê nhà giảm, doanh thu giảm 13,86% so với thực hiện năm trước do trong năm 2013 Công ty “Hạch toán quyền có giá trị kinh tế theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án 64 Phó Đức Chính” theo kết luận của Kiểm toán nhà nước làm tăng thu nhập khác lên 20.000 triệu đồng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 83,72%, tăng 16,02 % so với năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 12,05 %, giảm 15,74 % so với năm trước.

+ Thu nhập khác chiếm 4,22 %, giảm 68,84 % so với năm trước.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 đạt 103,83% kế hoạch năm, tăng 0,66% so với cùng kỳ năm trước.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 15,05% trên tổng chi phí, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 82,40% trên tổng chi phí, tăng 4,27% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí khác chiếm 2,54% trên tổng chi phí, giảm 0,12% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 73,89% trên tổng doanh thu thực hiện, tăng 10,66% so với năm trước.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 60,89% tổng doanh thu thực hiện. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp/ doanh thu thực hiện tăng 6,09% so với năm trước chủ yếu do doanh thu thực hiện năm 2014 giảm so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 55,84% kế hoạch, giảm 38,84% so với năm trước chủ yếu do lợi nhuận cho thuê nhà và lãi tiền gửi ngân hàng giảm so với năm trước; trong năm 2013 Công ty hạch toán tăng thu nhập khác giá trị “Hạch toán quyền có giá trị kinh tế dự án 64 Phó Đức Chính” theo kết luận của Kiểm toán nhà nước 20.000 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	62.194	38.038	61,16%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44.260	27.035	61,08%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	164.921	290.598	176,20%

4	Tổng tài sản (<i>bình quân đầu kỳ, cuối kỳ</i>)	Triệu đồng	427.843	436.450	102,09%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	37,71%	13,08%	34,68%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	26,83%	9,30%	34,66%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	10,34%	6,19%	59,86%

Qua bảng trên cho thấy khả năng sinh lời năm 2014 của công ty thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 4,08 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 335.449 triệu đồng/ 82.047 triệu đồng). Doanh nghiệp đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,48 lần (=139.857 triệu đồng/291.771 triệu đồng), không vượt quá 3 lần (quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	441.269	431.629
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	343.118	335.449
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	98.150	96.180
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	77,76 %	77,72 %
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	22,24 %	22,28 %
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	441.269	431.629
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	133.242	139.857
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	275.098	284.200
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,19 %	32,40 %
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	52,34 %	65,84 %

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục: tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (286.552 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,03$; Doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Tại thời điểm 31/12/2014 Công ty có hợp tác liên doanh tại 02 dự án:

a.1 Công ty hợp tác kinh doanh với Công ty Thủy sản Chiến Thắng (Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 91/KH ngày 12/01/1996 không thành lập pháp nhân mới).

Thời gian hợp tác kinh doanh: 20 năm kể từ ngày 02/3/1996

Công ty Fosco góp vốn đầu tư: 5.505 triệu đồng.

a.2 Công ty hợp tác kinh doanh dự án 64 Phó Đức Chính với 02 đối tác là Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Thành Đô và Công ty TNHH Minh Long, không thành lập pháp nhân mới.

- Tổng mức đầu tư dự án là 437.648 triệu đồng.

- Đến ngày 31/12/2014, Công ty Fosco góp 175.059 triệu đồng, tương đương 40% tổng trị giá vốn đầu tư của dự án.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2, Điều 29 của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính Phủ về tài chính đối với doanh nghiệp, việc Công ty Fosco hợp tác kinh doanh như trên là hình thức đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp không hình thành pháp nhân mới. Công ty Fosco là chủ đầu tư thực hiện dự án.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Việc mua sắm, thanh lý tài sản cố định: thủ tục, trình tự mua sắm, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của nhà nước và Quy chế tài chính của Tổng Công ty.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp không có thanh lý nhượng bán tài sản.

+ Doanh nghiệp không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 27.418 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi và quá hạn thanh toán trên 6 tháng là 935 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 393 triệu đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 139.858 triệu đồng. Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không phát sinh

e. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Cao ốc Trung tâm Giao dịch Thương mại Quốc tế FOSCO tại 64 Phó Đức Chính, Quận 1

+ Tổng mức vốn đầu tư: 397.648 triệu đồng. Trong đó:

• Vốn chủ sở hữu: 135.061 triệu đồng

• Nguồn vốn huy động: 262.587 triệu đồng

Từ ngày 09/8/2013 đến nay công trình tạm dừng để kiểm định, kiểm tra do thi công không đúng thiết kế.

Ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân thành phố có thông báo số 95/TB-VP về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Hoàng Quân: giao Thanh tra thành phố thực hiện thanh tra dự án trên.

- Dự án 2: Phần mềm Trung tâm Cung ứng lao động

+ Tổng mức vốn đầu tư: 879 triệu đồng.

Nguồn vốn tự đầu tư của doanh nghiệp.

Dự án chưa được nghiệm thu.

- Dự án 3: Nhà trẻ quốc tế 23-25 Phùng Khắc Khoan, Quận 1

+ Tổng mức vốn đầu tư: 197.968 triệu đồng.

Nguồn vốn tự đầu tư của doanh nghiệp.

Dự án đã ngừng thực hiện theo Thông báo số 303/TB-VP ngày 13/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận cuộc họp nghe báo cáo về địa điểm xây dựng trường mầm non và tiểu học quốc tế 23-25 Phùng Khắc Khoan, quận 1.

- Dự án 4: Cao ốc văn phòng, căn hộ 40 Phùng Khắc Khoan, Quận 1

+ Tổng mức vốn đầu tư: 430.000 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 391.430 triệu đồng

Dự án đang tạm ngừng thực hiện theo Thông báo số 123/TB-VP ngày 06/3/2012, Công văn số 1008/UBND-ĐTMT ngày 08/3/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố do chờ chủ trương mới của Ủy ban nhân dân.

- Dự án 5: Khách sạn Quảng trường quốc tế 39 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1 Đang triển khai dự án, chưa thành lập pháp nhân mới

+ Tổng mức vốn đầu tư: 250.000 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 220.000 triệu đồng

- Dự án 6: Trang bị phần mềm máy tính toàn công ty; tổng mức vốn đầu tư: 6.701 triệu đồng, từ nguồn vốn tự đầu tư của doanh nghiệp (đang triển khai thực hiện).

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Công ty có quyết định xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế tổng số tiền là 272,4 triệu đồng (do khai sai 18,6 triệu đồng, chậm nộp 67,3 triệu đồng và truy thu 186,4 triệu đồng) theo quyết định số 1006/QĐ-CT-XP ngày 25/3/2014 của Cục Thuế Thành phố.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty Fosco chưa gửi báo cáo về tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật năm 2014 (biểu số 5 mẫu 01 ban hành kèm Thông tư 158/2015/TT-BTC ngày 30/3/2015 của Bộ Tài chính) theo quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 58.220 triệu đồng, đạt 113,52% kế hoạch, tăng 31,14% so với cùng kỳ năm trước do công ty nộp khoản lợi nhuận sau thuế vào ngân sách nhà nước trong năm 2014 (27.002 triệu đồng) cao hơn khoản phải nộp năm 2013 (5.421 triệu đồng).

Đến 31/12/2014, công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 1.465 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Công ty thực hiện đầy đủ 17/17 nội dung chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố không có chỉ đạo cụ thể đối với Công ty.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

- Công ty đang thực hiện các thủ tục giảm tiền thuê đất quy định tại Điều 2 Thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính.

- Công ty đang triển khai các thủ tục liên quan đến việc ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên Môi trường TP đối với các mặt bằng nhà đất chưa có hợp đồng thuê đất.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty có chỉ tiêu doanh thu đạt 84,80% kế hoạch, lợi nhuận đạt 55,84% kế hoạch, nộp ngân sách đạt 113,52% kế hoạch. Như vậy năm 2013 chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận công ty không hoàn thành kế hoạch.

Trong năm 2014, Công ty thực hiện tương đối đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015 của
 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh (không tính hoạt động công ích):

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH 2014/KH 2014	TH 2014/TH 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	85.730	87.385	91.092	104,24%	106,25%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.392		89.591		106,16%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	261		270		103,45%
3	Thu nhập khác	1.077		1.231		114,30%
II	Tổng chi phí	83.154	84.634	88.235	104,25%	106,11%
1	Giá vốn hàng bán	67.062		83.130		123,96%
2	Chi phí tài chính	1.042		788		75,62%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>1.042</i>		<i>788</i>		<i>75,62%</i>
3	Chi phí bán hàng	0		257		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.653		3.895		26,58%
5	Chi phí khác	397		165		41,56%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu	97,00%	96,85%	96,86%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	17,62%		5,83%		33,08%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.577	2.751	2.858	103,89%	110,90%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.915		1.791		93,52%
2	Lợi nhuận khác	662		1.067		161,18%

a. Chi tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 104,24% so với kế hoạch, tăng 6,25% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,35%, tăng 6,16% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,30%, tăng 3,45% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 1,35%, tăng 14,3% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 104,25% kế hoạch, tăng 6,11% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 94,21%, tăng 23,96% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,89%, giảm 24,38% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,29% trong tổng chi phí thực hiện năm 2014.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,41%, giảm 73,42% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,19%, giảm 58,44% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 96,86% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (97 %). Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,83% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (17,62%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 103,89% kế hoạch, tăng 10,90% so với thực hiện năm 2013. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 6,48% so với năm trước.

1.2. Hoạt động quản lý khai thác các công trình thủy lợi:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH 2014/KH 2014	TH 2014/TH 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
1	Tổng doanh thu	12.413	650	13.025	2.003,85%	104,93%
2	Tổng chi phí	23.481	24.118	33.556	139,13%	142,91%
3	Chênh lệch thu chi (ngân sách cấp bù)	-11.068	-23.468	-20.531	87,49%	185,50%

Tổng doanh thu từ hoạt động quản lý khai thác các công trình thủy lợi của Công ty năm 2014 đạt 2.003,85% so với kế hoạch, tăng 4,93% so với năm 2013. Tổng doanh thu thực hiện cao hơn nhiều so với kế hoạch là do tại thời điểm thực hiện xây dựng dự toán thu – chi trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi năm 2014 (tháng 7 năm 2013), chưa phát sinh việc cấp nước thô cho Nhà máy nước Kênh Đông; trong đó, thu thủy lợi phí và thu khác là 803 triệu (đạt 123,5% kế hoạch), thu tiền nước thô là 12.222 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	2.577	2.858	110,90%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	1.912	2.212	115,69%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân (tính theo Điều 14 TT 158)(*)	Tr. đ	13.908	13.908	100,00%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)(**)	Tr. đ	1.262.998	1.414.454	111,99%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn CSH bình quân	%	18,53%	20,55%	110,90%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân (ROE)	%	13,75%	15,90%	115,69%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS bình quân (ROA)	%	0,15%	0,16%	103,30%

(*) Chỉ tính vốn hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài công ích, không tính vốn phục vụ việc quản lý khai thác các công trình thủy lợi.

(**) Tổng tài sản của Văn phòng Công ty, không tính tài sản của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,99 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 84.169 triệu đồng/42.323 triệu đồng). Doanh nghiệp đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,08 lần (=103.042 triệu đồng/1.367.754 triệu đồng), nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.356.748	1.470.796
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	115.320	84.169
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.241.428	1.386.627
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	8,50	5,72
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	91,50	94,28
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.356.748	1.470.796
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	81.370	103.042
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.275.378	1.367.754
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	6,00	7,01
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	94,00	92,99

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tài sản cố định (1.379.986 triệu đồng) và đầu tư dài hạn khác (3.000 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 31/12/2014 của doanh nghiệp là $H = 1$, doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp đầu tư vào Công ty cổ phần Cấp nước Kênh Đông với tổng giá trị là 3.000 triệu đồng. Đây là khoản đầu tư từ trước năm 2013; trong năm 2014, Công ty không có phát sinh tăng, giảm các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Trong năm 2014, Công ty chưa nhận được cổ tức từ khoản đầu tư này do Công ty cổ phần Cấp nước Kênh Đông mới đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014 Công ty không có phát sinh việc thanh lý, nhượng bán tài sản.

+ Tính đến ngày 31/12/2014, giá trị hàng tồn kho của Công ty là 5.004 triệu đồng, chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây dựng, Công ty không có hàng chậm luân chuyển, kém mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

+ Đến 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 59.934 triệu đồng, trong đó ứng trước cho nhà thầu xây dựng, tạm ứng cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng – phần của Ban QLDA là 33.145 triệu đồng; phải thu của khách hàng và trả trước người bán về hoạt động xây dựng là 26.789 triệu đồng.

+ Nợ phải thu khó đòi: trong năm không có phát sinh.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 103.042 triệu đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 92.111 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

Trong tổng số nợ phải trả, chủ yếu là trả cho nhà thầu xây dựng, đơn vị cung ứng vật tư 20.437 triệu đồng; Bên giao thầu tạm ứng trước để thi công xây dựng là 6.251 triệu đồng; Kinh phí cấp bù hụt thu thủy lợi phí chưa kết chuyển khi quyết toán (số tạm cấp năm 2012, 2013, 2014) là 49.788 triệu đồng; Giá trị các công trình xây lắp đã nghiệm thu, được bên giao thầu trả tiền nhưng chưa đủ điều kiện kết chuyển doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là 2.893 triệu đồng.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến 31/12/2014, tổng số vốn vay của Công ty là 6.000 triệu đồng (toàn bộ là các khoản vay của cá nhân).

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Năm 2014, Công ty thực hiện đầu tư 12 dự án thủy lợi, phòng chống lụt bão từ nguồn ngân sách thành phố, tổng giá trị vốn đầu tư là 1.436.260 triệu đồng, trong đó:

+ 08 dự án nhóm B: 1.372.443 triệu đồng

+ 04 dự án khác: 63.817 triệu đồng

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, Công ty có 01 Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế (Quyết định số 2356/QĐ-CT-XP ngày 28/5/2014 về xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế), trong đó phạt vi phạm hành chính do kê khai sai là 5 triệu đồng, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp là 26 triệu đồng. Công ty đã nộp phạt theo quy định.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty chấp hành các chính sách về tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 6.947 triệu đồng, đạt 109,14% kế hoạch, tăng 119,18% so với cùng kỳ năm trước.

Đến ngày 31/12/2014, doanh nghiệp còn các khoản phải nộp ngân sách là 888 triệu đồng.

d. Tình hình khác:

Công ty thực hiện nộp báo cáo giám sát tài chính năm 2014 ngày 27 tháng 3 năm 2015 trễ hạn so với thời gian quy định (31/01/2015).

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, cụ thể:

- Diện tích phục vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi là 65.706 ha, đạt 127,58% so với kế hoạch, tăng 14,89% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu từ lĩnh vực quản lý khai thác năm 2014 là 13.025 triệu đồng, đạt 2.003,85% so với kế hoạch năm, tăng 4,93% so với năm 2013 do bán nước thô cho Công ty cổ phần Cấp nước Kênh Đông; ứng với tổng chi phí là 33.556 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 14 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

+ Thực hiện đầy đủ: 13/14 chỉ đạo

+ Không thực hiện: 01/14 chỉ đạo, cụ thể: Công ty không thực hiện việc xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động đối với người đại diện vốn và Quy chế đánh giá người đại diện vốn theo Thông báo số 315/TB-VP ngày 28 tháng 4 năm 2014.

a.2. Về tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 01 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố. Công ty thực hiện đầy đủ 01/01 chỉ đạo, cụ thể:

- Theo Thông báo số 322/TB-VP ngày 5 tháng 5 năm 2014 về kết luận, chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Thanh Liêm về đầu tư kinh phí thực hiện chế tạo máy cắt, vớt rong cỏ, lục bình trên hệ thống sông, kênh, rạch. Hiện Công ty đang phối hợp với Trường Đại học Công nghiệp thành phố thực hiện chế tạo máy cắt, vớt rong, cỏ, lục bình.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Năm 2014 doanh nghiệp đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.

Ngoài việc vi phạm pháp luật về thuế trong kỳ kế toán 2012-2013 như trình bày ở trên, Công ty chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phân loại doanh nghiệp:
- An toàn về tài chính
 - Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THANH NIÊN XUNG PHONG**

**Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014**

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH năm 2014/KH năm 2014	TH năm 2014/ TH năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	926.348	764.424	723.366	94,63%	78,09%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	893.806	736.934	698.414	94,77%	78,14%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	29.835	15.490	22.365	144,38%	74,96%
3	Thu nhập khác	2.707	12.000	2.587	21,56%	95,57%
II	Tổng chi phí	898.706	736.244	707.336	96,07%	78,71%
1	Giá vốn hàng bán	848.852	700.244	660.886	94,38%	77,86%
2	Chi phí tài chính	997	-	8.151		817,85%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-	-	-		
3	Chi phí bán hàng	48	-	-		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.275	36.000	37.077	102,99%	102,21%
5	Chi phí khác	12.535	-	1.222		9,75%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	97,02%	96,31%	97,78%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,04%	4,89%	5,24%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	27.642	28.180	16.030	56,88%	57,99%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37.470	16.180	14.665	90,63%	39,14%
2	Lợi nhuận khác	(9.828)	12.000	1.365	11,38%	-13,89%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 94,63% so với kế hoạch, giảm 21,91% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 96,55%, tăng 0,06% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 3,09%, giảm 0,13% so với thực hiện năm 2013 do lãi tiền gửi giảm nhiều (lãi suất giảm nên Công ty rút tiền gửi đầu tư vào lĩnh vực khác).

+ Thu nhập khác chiếm 0,36%, tăng 0,07% so với thực hiện năm 2013 do năm 2014.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 96,07% kế hoạch, giảm 21,29% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 93,43%, giảm 1,02% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí tài chính chiếm 1,15%, tăng 1,04% so với thực hiện năm 2013, chi phí tài chính tăng nhiều so với cùng kỳ năm 2013 là do trích lập dự phòng một số khoản đầu tư ra ngoài;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,24%, giảm 1,21% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,17%, giảm 1,22% so với thực hiện năm 2013 do năm 2013 có khoản chi phí phạt do điều chỉnh hồi tố doanh thu hoạt động thi công xây dựng.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 97,78% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (0,77%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với thực hiện đầu năm 2013 do trong năm 2014 phần doanh thu không lãi của dự án bất động sản tăng hơn năm trước kéo theo giá vốn tăng tương ứng.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,24% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (tăng 1,20%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với thực hiện năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Công ty đạt 56,88% kế hoạch, giảm 22,68% so với thực hiện năm 2013. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014

của Công ty không đạt kế hoạch do có khoản doanh thu hoạt động thi công xây dựng Công ty xây dựng kế hoạch năm 2014 và đã hạch toán thực hiện trong năm 2014 nhưng cơ quan thuế xử lý điều chỉnh lại về năm 2013; vì vậy, lợi nhuận trước thuế giảm tương ứng.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	27.642	16.030	57,99%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.733	16.030	77,32%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	298.273	315.314	105,71%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.120.835	1.351.923	63,74%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	9,27%	5,08%	54,86%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	6,95%	5,08%	73,14%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,98%	1,19%	121,29%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014, tuy lợi nhuận giảm nhưng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,77 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 957.884 triệu đồng/ 541.815 triệu đồng). Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 1,55 lần nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.120.835	1.351.923
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.733.650	957.884
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	387.185	394.039
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	81,74%	70,85%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	18,26%	29,15%

II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	2.120.150	1.351.923
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.622.243	821.763
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	497.907	530.160
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	76,52%	60,78%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	23,48%	39,22%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (70,85%); Trong đó: Hàng tồn kho 411.127 triệu đồng (42,92%), tài sản ngắn hạn khác 247.214 triệu đồng (25,81%).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (60,78%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (39,22%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,02$, doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị 146.563 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 5 Công ty liên kết: 110.555 triệu đồng

- Đầu tư dài hạn khác: 36.008 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty nhận được là 18.099 triệu đồng, tương đương 12,35% trên tổng giá trị vốn đầu tư. Trong đó:

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: 0 đồng (Công ty CP Du lịch TNXP: Lợi nhuận thấp, bù lỗ các năm trước).

- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư: 18.099 triệu đồng, tỷ lệ 12,62% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

Có 03 doanh nghiệp không chia cổ tức, lợi nhuận:

Công ty CP Phát triển nông nghiệp TNXP; Xí nghiệp Chăn nuôi heo Tây Nguyên; Trung tâm Tổ chức biểu diễn và điện ảnh thành phố.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
01	Công ty CP Cảng Cát Lái	61.425	24,38	5.850			67.275	24,38

- Công ty CP Cảng Cát Lái thực hiện việc chi trả cổ tức bằng nguồn quỹ cổ phiếu thưởng. Công ty tiếp nhận cổ phiếu thưởng nên giá trị đầu tư tại Công ty CP Cảng Cát Lái tăng.

- Công ty đã thực hiện thủ tục bán đấu giá cổ phần Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vina sau khi được chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2878/UBND-CNN ngày 20/6/2014 về việc thoái vốn đầu tư của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích TNXP. Tuy nhiên số lượng bán thành công chỉ có 1500 cổ phiếu và rơi vào thời điểm cuối năm 2014 chưa hoàn tất thủ tục chuyển cổ phiếu cho nhà đầu tư nên Công ty chưa hạch toán giảm giá trị đầu tư.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp có thanh lý nhượng bán một số dụng cụ không còn giá trị trên sổ sách, giá trị thanh lý thu hồi là 20 triệu đồng.

+ Đối với hàng hóa mất, kém phẩm chất: Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nguyên liệu, thành phẩm, bán thành phẩm gổ tồn kho kém phẩm chất đang chờ bán thanh lý của Công ty là 4.966 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 206.356 triệu đồng.

Trong tổng nợ phải thu, nợ phải thu khó đòi là 3.209 triệu đồng, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 3.071 triệu đồng, đây là các khoản nợ phát sinh từ nhiều năm trước, chủ yếu là các khoản nợ của Công ty Vyfaco nhận bàn giao từ Nông trường cây công nghiệp số 7 và chi phí xây dựng các công trình cũ của Công ty Dịch vụ Công ích TNXP. Trong năm 2014 Công ty không phát sinh các khoản nợ khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 821.763 triệu đồng, trong đó: không có nợ đến hạn và nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 11.361 triệu đồng, đây là khoản vay Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố: 11.361 triệu đồng (vay không lãi) để phục vụ dự án vốn ngân sách (Chung cư Ngô Tất Tố - quận Bình Thạnh).

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014:

- Cục Thuế thành phố có các Quyết định:

+ Quyết định số 4418/QĐ-CT-XP ngày 10/09/2014 phạt vi phạm hành chính về thuế: Phạt vi phạm thủ tục về Thuế 1,1 triệu đồng; Phạt hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp 3.612 triệu đồng.

+ Quyết định số 336/QĐ-CT-XP ngày 29/01/2015 phạt hành chính về hóa đơn 2,5 triệu đồng.

b. Tình hình thực hiện các chính sách lao động, tiền lương:

Công ty thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 326% so với kế hoạch năm (số phát sinh phải nộp ngân sách tăng cao là do các công trình thi công xây dựng, dự án đến thời điểm xuất hóa đơn nhưng chi phí đầu vào tương ứng đã được tập hợp từ những năm trước).

Đến 31 tháng 12 năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 17.611 triệu đồng.

d. Về tình hình chấp hành các chế độ quy định khác:

Công ty nộp báo cáo giám sát ngày 27 tháng 3 năm 2015 và báo cáo xếp loại doanh nghiệp ngày 07 tháng 5 năm 2015 trễ thời hạn quy định (31/3/2015).

Báo cáo tài chính và các báo cáo khác (báo cáo tháng, báo cáo quý,...) đúng thời hạn quy định; Các báo cáo có kèm phân tích, đánh giá, nhận xét.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Tổng công ty phải thực hiện 13 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

- Thực hiện đầy đủ: 12/13 chỉ đạo
- Thực hiện chưa đầy đủ: 01/13 chỉ đạo. Cụ thể:

Công ty chưa xây dựng Quy chế quản lý tài chính theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại Thông báo số 273/TB-VP ngày 15/4/2014 về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2013 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố, các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Theo giải trình của Công ty là do Công ty đang thực hiện việc điều chỉnh Điều lệ Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định số 19/2014/NĐ-CP về ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Sau khi hoàn tất điều chỉnh Điều lệ, Công ty sẽ thực hiện và ban hành Quy chế quản lý tài chính.

Tình hình thực hiện chỉ đạo riêng của Ủy ban nhân dân thành phố: Không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp không đạt kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Doanh nghiệp thực hiện tương đối đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, tuy nhiên còn một số vi phạm pháp luật về thuế.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
27/7 TP.HCM

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
Của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	132.650	242.000	172.533	71,29%	130,07%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.326		166.928		128,08%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	406		7		1,72%
3	Thu nhập khác	1.918		5.598		291,87%
II	Tổng chi phí	128.579	236.720	130.616	55,18%	101,58%
1	Giá vốn hàng bán	116.405		114.767		98,59%
2	Chi phí tài chính	3.023		1.908		63,12%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>2.905</i>		<i>1.908</i>		<i>65,68%</i>
3	Chi phí bán hàng	2.721		4.553		167,33%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.825		5.673		148,31%
5	Chi phí khác	2.604		3.717		142,74%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	96,93%	97,82%	75,70%	77,40%	78,10%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	2,88%		3,29%		114,03%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.071	5.280	4.985	94,41%	122,45%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.758		3.103		65,22%
2	Lợi nhuận khác	-687		1.882		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 71,29% so với kế hoạch và cao hơn 30,07% so với doanh thu thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 96,75% tổng doanh thu, tăng 28,08% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,004% tổng doanh thu, giảm 98,28% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 3,24% tổng doanh thu, tăng 191,87% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 đạt 55,18% so với kế hoạch và tăng 1,58% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 87,87% tổng chi phí, giảm 1,41% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 1,46% tổng chi phí, giảm 36,88% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 3,49% tổng chi phí, tăng 67,33% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,34% tổng chi phí, tăng 48,31% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí khác chiếm 2,85% tổng chi phí, tăng 42,74% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 75,70% tổng doanh thu thực hiện, giảm 21,90% so với thực hiện năm 2013.

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,29% tổng doanh thu thực hiện, tăng cao 14,03% so với thực hiện năm 2013. Công ty chưa tiết giảm được chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 94,41% so với kế hoạch và tăng 22,45% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.071	4.985	122,45%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.517	3.889	110,58%

3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	38.425	37.605	97,87%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	91.300	85.708	93,88%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	10,59%	13,26%	125,12%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,15%	10,34%	112,99%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	3,85%	4,54%	117,79%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 1,28 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 39.261 triệu đồng/30.787 triệu đồng). Theo đó, Công ty đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,77 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	87.995	82.359
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	40.411	39.261
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	47.583	43.098
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,92%	47,67%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	54,07%	52,33%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	87.994	82.359
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	45.906	35.829
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	42.087	46.530
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	52,17%	43,50%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	47,83%	56,50%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm tỉ lệ 52,33% trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là các tài sản cố định hữu hình (41.936 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với năm 2013.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 tăng so với năm 2013.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,11$, doanh nghiệp bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

- Đến 31/12/2014, Công ty có đầu tư dài hạn vào công ty con là Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Chế biến nguyên phụ liệu thuốc lá Sài Gòn với tổng giá trị là 1.000 triệu đồng, tỷ lệ góp vốn là 100% từ năm 2006.

Hiệu quả đầu tư :

- Theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Chế biến nguyên phụ liệu thuốc lá Sài Gòn kết quả kinh doanh năm 2012 Lãi: 266.836.906 đồng, năm 2013 lãi 393.501.915 đồng, năm 2014 lỗ: 119.749.965 đồng.

- Lợi nhuận, cổ tức được chia: năm 2012 Công Ty TNHH MTV 27/7 TP HCM đã hạch toán vào khoản thu khác của chủ sở hữu: 266.836.906 đồng.

- Trong năm 2013, năm 2014 chưa thực hiện hạch toán.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Quý thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu (chưa trừ các khoản dự phòng) của Công ty là 18.699 triệu đồng, Công ty không có nợ phải thu khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 35.829 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của công ty là 22.064 triệu đồng (trong đó vay ngân hàng là 15.000 triệu đồng và vay cá nhân là 7.064 triệu đồng).

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm 2014 Công ty TNHH MTV 27/7 mua và lắp đặt tài sản với tổng trị giá :1.135.782.945 đồng. Trong đó, mua tài sản xe ô tô khách 35 chỗ dùng cho hoạt động của Trung tâm Du lịch 727 trị giá : 636.363.636 đồng và lắp đặt hệ thống PCCC Nhà Máy Thuốc Lá 27/7 trị giá : 291.098.400 đồng , hệ thống PCCC Trạm Xăng 27/7 trị giá : 59.090.909 đồng và nâng cấp máy đóng gói và phong cây thuốc lá trị giá: 149.230.000 đồng.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

- Trong năm 2014, Cục Thuế TP HCM có Quyết định số 3993/QĐ-CT-XP ngày 11 tháng 8 năm 2014 với số tiền truy thu thuế là 201.873.946 đồng và phạt vi phạm hành chính về thuế là 40.374.789 đồng.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

- Công ty chưa thực hiện đầy đủ quy chế nâng bậc lương đối với người lao động và viên chức quản lý, quy chế trả lương, thù lao, quy chế thưởng đối với viên chức quản lý;

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 45.050 triệu đồng, trong đó chủ yếu là thuế tiêu thụ đặc biệt thuốc lá (36.373 triệu đồng).

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 6.153 triệu đồng.

d. Tình hình khác:

- Ủy ban nhân dân thành phố phê bình các doanh nghiệp chưa thực hiện kiểm toán năm 2014, trong đó có Công ty TNHH một thành viên 27/7

- Công ty thực hiện nộp báo cáo giám sát năm 2014 ngày 12 tháng 5 năm 2015 và báo cáo tài chính năm 2014 ngày 13 tháng 3 năm 2015 trễ so với thời gian quy định (31/01/2015).

- Báo cáo xếp loại doanh nghiệp năm 2014 và các báo cáo khác (báo cáo tháng, báo cáo quý,...) nộp đúng thời hạn quy định; Các báo cáo có kèm phân tích, đánh giá, nhận xét.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Thực hiện đầy đủ: 10/11 chỉ đạo.

- Không thực hiện: 01/11 chỉ đạo; Cụ thể như sau:

+ Công ty có tạm trích nhưng chưa thực hiện nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN theo Công văn 4026 UBND-CNN ngày 15/8/2014 về việc đôn đốc nộp và xác nhận các khoản nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2013.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty chưa hoàn thành so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận nhưng mức độ hoàn thành cao hơn so với thực hiện năm 2013. Ngoài một số tồn tại nêu trên, Công ty chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.172.493	1.282.210	1.294.278	101%	110%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.169.132	1.279.437	1.291.479	101%	110%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.697	699	705	101%	42%
3	Thu nhập khác	1.664	2.074	2.094	101%	126%
II	Tổng chi phí	1.131.143	1.257.023	1.250.004	99%	111%
1	Giá vốn hàng bán	1.058.155	1.196.758	1.190.075	99%	112%
2	Chi phí tài chính	6.599	4.031	4.009	99%	61%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.387	55.136	54.828	99%	84%
5	Chi phí khác	1.002	1.098	1.092	99%	109%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	96,47%	98,03%	96,58%	99%	100%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	5,58%	4,30%	4,24%	99%	76%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	41.349	25.186	44.274	176%	107%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.687	24.210	43.273	179%	106%
2	Lợi nhuận khác	662	976	1.001	103%	151%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 101% so với kế hoạch, tăng 10% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm hơn 99% tổng doanh thu, tăng 10% so với thực hiện năm 2013;

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỉ trọng thấp (dưới 1%), giảm 58% so với thực hiện năm 2013 do chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng;

+ Thu nhập khác chiếm tỉ trọng thấp (dưới 1%), tăng 26% so với thực hiện năm 2013 bán hồ sơ mời thầu, thanh lý phế liệu, giữ xe;

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 của Công ty phát sinh chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 99% kế hoạch, tăng 11% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 95,20% tổng chi phí, tăng 12% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm tỉ trọng thấp (dưới 1%), giảm 39% so với thực hiện năm 2013 do chi phí lãi vay giảm;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,3% tổng chi phí, giảm 16% so với thực hiện năm 2013 do tiết kiệm các chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, hành chính phí;

+ Chi phí khác chiếm tỉ trọng thấp (dưới 1%), tăng 9% so với thực hiện năm 2013;

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 96,58% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với tỷ trọng năm 2013 (96,47%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,24% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với tỷ trọng năm 2013 (5,58%);

Như vậy, Công ty tiết giảm được chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 176% kế hoạch, tăng 7% so với thực hiện năm 2013. Theo đó, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH 2014/ TH 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	41.439	44.275	106,84%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	36.421	36.263	99,57%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	301.379	316.145	104,90%

4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	1.309.938	1.334.197	101,85%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	13,75	14,00	101,85%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,08	11,47	94,92%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,78	2,72	97,76%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 Công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013, tuy nhiên lợi nhuận thực hiện năm 2014 cao hơn so với năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 1,01 (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 369.066 triệu đồng/365.976 triệu đồng). Tỷ suất này lớn hơn 1 cho thấy doanh nghiệp có đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,46 lần. Hệ số này nằm trong giới hạn cho phép (không quá 3 lần) theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.343.665	1.319.991
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	309.148	369.066
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.034.516	950.924
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	23	39
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	77	61
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.343.665	1.319.991
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	304.262	417.089
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.039.403	902.902
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	23	32
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	77	68

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn (61%) trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty, chủ yếu là tài sản cố định hữu hình (số dư tại thời điểm 31/12/2014 là 743.788 triệu đồng). Cơ cấu tài sản năm 2014 của Công ty không thay đổi nhiều so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng năm 2014, chiếm tỷ lệ thấp (32%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao hơn (68%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Công ty có Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 là $H = 1,01$, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài Công ty:

Trong năm 2014, Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị thành phố không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu và công nợ phải trả:

- Về quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong năm 2014, Công ty có mua một số tài sản với nguyên giá là 25.428 triệu đồng và thanh lý nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 2.770 triệu đồng và đã khấu hao hết.

- Về quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Công ty là 287.371 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 4.527 triệu đồng.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 7.853 triệu đồng.

- Về quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của Công ty là 168.314 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 61.609 triệu đồng, 100% huy động từ các tổ chức tín dụng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Công ty đang thực hiện 2 dự án thuộc nhóm B, cụ thể như sau:

- Dự án 1: Nghĩa trang Đa Phước giai đoạn 2 – đợt đầu:

+ Tổng mức vốn đầu tư: 99.107 triệu đồng (100% vốn tự có)

+ Thời gian hoàn thành: 3 năm (2011-2013)

+ Tiến độ thực hiện: Tính đến ngày 31/12/2014, tổng số vốn thực hiện là 74.145 triệu đồng và tổng số vốn đã giải ngân là 64.490 triệu đồng.

- Dự án 2: Xây dựng bãi chôn lấp số 3:

+ Tổng mức vốn đầu tư: 976.450 triệu đồng

+ Tổng vốn huy động: 356.404 triệu đồng (chiếm 36,5% tổng vốn đầu tư)

+ Thời gian hoàn thành: 11 năm (2013-2023)

+ Tiến độ thực hiện: Tính đến ngày 31/12/2014, tổng số vốn thực hiện là 211.964 triệu đồng và tổng số vốn đã giải ngân là 160.979 triệu đồng.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, Công ty tuân thủ và chấp hành các chính sách pháp luật về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Công ty chấp hành các chính sách pháp luật về lao động, tiền lương.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 42.377 triệu đồng, tăng nhiều so với kế hoạch năm 2014 (6.857 triệu đồng) (chủ yếu là gia tăng các khoản thuế GTGT hàng bán nội địa và thuế thu nhập doanh nghiệp), tăng 239,50% so với số thực hiện năm 2013.

Đến cuối năm 2014, Công ty còn phải nộp ngân sách là 16.446 triệu đồng.

d. Tình hình khác:

Công ty thực hiện nộp Báo cáo tài chính, Báo cáo giám sát năm 2014 ngày 27 tháng 3 năm 2015 trễ so với thời gian quy định (31/01/2015).

Các báo cáo khác (Báo cáo tháng, báo cáo quý,...) nộp đúng thời hạn quy định, có kèm phân tích, đánh giá, nhận xét.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Căn cứ xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2014 ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch về sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích với chất lượng dịch vụ đảm bảo tiêu chuẩn quy định. Cụ thể:

- Hoạt động bảo quản nghĩa trang: khối lượng thực hiện 770,01 ha, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động nhặt tử thi: khối lượng thực hiện 401 tử thi, đạt 135,47% kế hoạch.

- Hoạt động bảo quản tử thi: khối lượng thực hiện 542 tử thi, đạt 122,62% kế hoạch.

- Hoạt động thiêu tử thi: khối lượng thực hiện 145 tử thi, đạt 100,00% kế hoạch.

- Hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng thực hiện 62.999.439,28 T/km, đạt 101,62% kế hoạch.

- Hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng thực hiện 1.028.467,35 Tấn, đạt 100,00% kế hoạch.

- Hoạt động thu gom, xử lý chất thải y tế: khối lượng thực hiện 5.506.837,20 Kg, đạt 99,54% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 949.472 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 953.561 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

Về tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực tài chính:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 10 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Công ty thực hiện đầy đủ: 10/10 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách do thực hiện và áp dụng các biện pháp quản lý doanh nghiệp hiệu quả. Ngoài một số tồn tại nêu trên, Công ty chấp hành tốt các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH 2014/KH 2014	TH 2014/TH 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	177.252	209.000	196.138	93,85%	110,65%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	163.904	197.317	183.307	92,90%	111,84%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	246	360	164	45,56%	66,67%
3	Thu nhập khác	13.102	11.323	12.667	111,87%	96,68%
II	Tổng chi phí	166.927	197.780	184.443	93,26%	110,49%
1	Giá vốn hàng bán	146.300	177.263	164.673	92,90%	112,56%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.614	9.194	8.492	92,36%	111,53%
5	Chi phí khác	13.013	11.323	11.278	99,60%	86,67%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu	94,17%	94,63%	94,04%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	4,30%	4,40%	4,33%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.325	11.220	11.695	104,23%	113,27%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.236	11.220	10.306	91,85%	100,68%
2	Lợi nhuận khác	89		1.389		1560,67%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 93,85% so với kế hoạch, tăng 10,65% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 93,46%, tăng 11,84% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,08%, giảm 33,33% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 6,46%, giảm 3,32% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 93,26% kế hoạch, tăng 10,49% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,28%, tăng 12,56% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,60%, tăng 11,53% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 6,12%, giảm 13,33% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 94,04% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (94,17%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,33% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (4,30%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 104,23% kế hoạch, tăng 13,27% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.325	11.695	113,27
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.744	9.122	117,79
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	51.573	53.930	104,57
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	236.608	319.474	135,02
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	20,40	21,68	106,27
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	15,02	16,91	112,58
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,27	2,86	87,46

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,52 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 360.166 triệu đồng/236.850 triệu đồng). Công ty đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 5,86 lần, vượt quá 3 lần theo quy định tại Điều a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. Nguyên nhân chủ yếu là do:

+ Khoản chậm nộp ngân sách đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chung cư phục vụ tái định cư phục vụ tái định cư tại phường Hiệp Phú và Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 theo Công văn số 3561/VP-CNN ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố: 20.302 triệu đồng.

+ Khoản ngân sách cấp bù theo Công văn 2400/UBND-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố cho 194 lô nền và chung cư C1-C2 thuộc Dự án Tái bố trí dân cư phường Hiệp Phú và Tăng Nhơn Phú A, Quận 9 – Phân kỳ 1: 10.000 triệu đồng.

+ Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn để xây dựng Chung cư 15 tầng lô C7-C8 thuộc Khu bố trí dân cư Khu công nghệ cao, khoản vay này được đảm bảo bằng quyền phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng Cụm chung cư 9 tầng C7-C8 Khu công nghệ cao: 89.538 triệu đồng.

+ Khoản trích trước chi phí thực hiện chung cư C7-C8: 100.177 triệu đồng.

+ Nợ nhà thầu dự án vốn Ngân sách là: 77.606 triệu đồng.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	266.436	372.511
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	255.228	360.166
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	11.208	12.346
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	95,79	96,69
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	4,21	3,31
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	266.436	372.511
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	226.166	359.049

2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	40.270	13.462
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84,89	93,39
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	15,11	3,61

- Về cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục phải thu khách hàng (271.669 triệu đồng), tiền và các khoản tương đương tiền (31.976 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Công ty.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,07$, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty đã góp vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và Dịch vụ Công nghệ cao theo chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 8080/VP-CNN ngày 04 tháng 10 năm 2013 là 450 triệu đồng.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

b.1. Quản lý tài sản:

- Trong năm 2014, Công ty không có đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản.

- Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Công ty không có hàng hóa thiếu hụt, kém hoặc mất phẩm chất.

b.2. Quản lý công nợ phải thu:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 317.015 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 270 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 270 triệu đồng.

- Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2009, chủ yếu là khoản nợ của các hộ dân thuê nhà tạm cư thuộc dự án tái bố trí dân cư trong Khu công nghệ cao.

b.3. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 359.049 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn là 89.538 triệu đồng để đầu tư xây dựng Chung cư 15 tầng lô C7-C8 thuộc Khu bố trí dân cư Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm 2014, Công ty không thực hiện đầu tư vào các dự án hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm vừa qua, Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Công ty thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 bằng 98,86% kế hoạch, tăng 28,50% so với thực hiện năm 2013. Số phát sinh phải nộp ngân sách tăng do doanh thu và lợi nhuận thực hiện trong năm tăng.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 2.563 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 12 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau: Thực hiện đầy đủ: 12/12 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty đã hoàn thành hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách. Riêng chỉ tiêu doanh thu không đạt kế hoạch là do tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, có một số hoạt động theo kế hoạch đặt ra nhưng không triển khai được.

Công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH PHÁT
TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH 2014/KH 2014	TH 2014/TH 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	173.405	165.000	183.552	111,24%	105,85%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.639	160.900	179.904	111,81%	106,68%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.164	2.900	3.191	110,03%	147,46%
3	Thu nhập khác	2.602	1.200	457	38,08%	17,56%
II	Tổng chi phí	155.574	149.016	163.781	109,91%	105,28%
1	Giá vốn hàng bán	147.094	134.016	154.397	115,21%	104,96%
2	Chi phí tài chính	1.115	2.500	1.223	48,92%	109,69%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>1.115</i>	<i>2.500</i>	<i>1.223</i>	<i>48,92%</i>	<i>109,69%</i>
3	Chi phí bán hàng	2.240	5.200	2.608	50,15%	116,43%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.080	6.200	5.473	88,27%	107,74%
5	Chi phí khác	45	1.100	80	7,27%	177,78%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu	89,72%	90,31%	89,23%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	2,93%	3,76%	2,98%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	17.831	15.984	19.771	123,69%	110,88%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.274	15.884	19.394	122,10%	126,97%
2	Lợi nhuận khác	2.557	100	377	377,00%	14,74%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 111,24% so với kế hoạch, tăng 5,85% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,01%, tăng 6,68% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,74%, tăng 47,46% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0.25%, giảm 82,44% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 109,91% kế hoạch, tăng 5,28% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 94,27%, tăng 4,96% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,75%, tăng 9,69% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 1,59%, tăng 16,43% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,34%, tăng 7,74% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,05%, tăng 77,78% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 89,23% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (89,72%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 2,98% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (2,93%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 123,69% kế hoạch, tăng 10,88% so với thực hiện năm 2013. Lợi nhuận của Công ty có xu hướng tăng tương ứng với tốc độ tăng doanh số.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	17.831	19.771	110,88
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.914	15.419	119,40
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	124.315	147.232	118,43
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	260.651	259.243	99,46

5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	14,34	13,43	93,65
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	10,39	10,47	100,77
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,95	5,95	120,20

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,52 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 79.078 triệu đồng/31.406 triệu đồng). Doanh nghiệp đảm bảo khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,33 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	269.355	249.131
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	76.899	79.078
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	192.456	170.053
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	28,55	31,74
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	71,45	68,26
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	269.355	249.131
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	82.679	50.106
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	186.676	199.025
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,70	20,11
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69,30	79,89

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là tài sản cố định hữu hình (129.833 triệu đồng), bất động sản đầu tư (31.571 triệu đồng).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm 20,11% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,18$, doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 535 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 01 Công ty con: 85 triệu đồng (Công ty TNHH Ươm tạo doanh nghiệp phần mềm Quang Trung).

- Đầu tư vào 01 Công ty liên kết: 450 triệu đồng (Công ty cổ phần Dịch vụ thương mại phần mềm Quang Trung).

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 54 triệu đồng, tương đương 10,09% trên tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp từ Công ty CP Dịch vụ Thương mại Phần mềm Quang Trung (doanh nghiệp do đơn vị tự quyết định đầu tư).

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong năm, Công ty đã bàn giao tài sản cố định Lưới điện trung thế trong Khu Công viên phần mềm Quang Trung cho Tổng công ty Điện lực thành phố quản lý theo Quyết định số 393/QĐ-STC và Quyết định số 394/QĐ-STC ngày 13 tháng 01 năm 2014 của Sở Tài chính với nguyên giá là 21.168 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

+ Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 8.096 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 384 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 324 triệu đồng.

+ Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2008, chủ yếu là các khoản nợ từ Công ty TNHH EQUASIAN, Công ty CP Công nghệ thông tin GENPACIFIC, Công ty TNHH Thần Hộ...

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 50.106 triệu đồng, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

Hệ số nợ phải trả/tổng nguồn vốn = 0,33, nằm trong giới hạn cho phép.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty vay dài hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Xuyên Á là 11.197 triệu đồng để xây dựng Dự án Chính phủ điện tử thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 3.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm 2014, Công ty thực hiện đầu tư 08 dự án, trong đó:

- Công ty đã hoàn thành 03 dự án và đưa vào sử dụng với tổng giá trị là 4.268 triệu đồng; cụ thể:

+ Khoan giếng và lắp đặt thiết bị: 733 triệu đồng;

+ Nâng cấp, đầu tư mới thiết bị định tuyến cho hệ thống Internet Gateway: 2.766 triệu đồng.

+ Đầu tư mới UPS cho IDC: 769 triệu đồng.

- Công ty đang thực hiện đầu tư 05 dự án với tổng giá trị đầu tư là 30.269 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư của Công ty là 15.074 triệu đồng, vốn huy động là 15.195 triệu đồng.

Các dự án đầu tư của Công ty đều là dự án nhỏ, không thuộc nhóm A, B. Tuy nhiên tiến độ thực hiện chậm hơn so với kế hoạch do phát sinh một số khó khăn khách quan khi thực hiện các thủ tục đấu thầu dự án.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm vừa qua, Công ty có quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế, với mức xử phạt là 13 triệu đồng (Quyết định số 4372/QĐ-CT-XP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Cục Thuế thành phố).

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Công ty thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 155,88% kế hoạch, tăng 43,87% so với thực hiện năm 2013 do doanh thu và lợi nhuận thực hiện trong năm tăng.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 3.387 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 13 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau: thực hiện đầy đủ 13/13 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Tuy gặp nhiều khó khăn do tác động của nền kinh tế, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Ngoài tồn tại trong việc chấp hành các quy định về chính sách thuế như trình bày ở trên, Công ty đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

*(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH năm 2014/KH năm 2014	TH năm 2014/ TH năm 2013
			Kế hoạch	Thực hiện năm 2014		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	29.689	32.040	34.892	108,90%	117,53%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.419	32.000	34.845	108,89%	118,45%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	29	20	38	188,98%	130,92%
3	Thu nhập khác	241	20	9	45,00%	3,73%
II	Tổng chi phí	37.374	30.940	42.437	137,16%	113,54%
1	Giá vốn hàng bán	31.291	27.000	35.231	130,48%	112,59%
2	Chi phí tài chính	1.831	1.200	1.775	147,95%	96,98%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	1.203	1.200	1.381	115,12%	114,81%
3	Chi phí bán hàng	875	1.000	1.057	105,66%	120,80%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.188	1.720	4.202	244,31%	131,83%
5	Chi phí khác	191	20	172	860,00%	90,29%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	125,89%	96,57%	121,62%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	10,74%	5,37%	12,04%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	(7.686)	1.100	(7.545)		
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.736)	1.100	(7.382)		
2	Lợi nhuận khác	51	-	(163)		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 108,90% so với kế hoạch, tăng 17,53% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 do doanh thu gia công thủy sản cho khách hàng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,87%, tăng 0,77% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,11%, tăng 0,01% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,03%, giảm 0,79% so với thực hiện cùng kỳ do năm 2013 có khoản thu nhập từ thanh lý tài sản cố định.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 đạt 137,16% kế hoạch, tăng 13,54% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 83,02%, giảm 0,70% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 4,18%, giảm 0,71% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 2,49%, tăng 0,15% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,90%, tăng 1,37% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 do Công ty;

+ Chi phí khác chiếm 0,41%, giảm 0,10% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 121,62% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 (giảm 4,26%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với cùng kỳ năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,04% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 (tăng 1,31%); Công ty không tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp do tiền thuê đất và chi phí khấu hao các hạng mục của nhà máy chế biến hải sản tăng.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty không đạt kế hoạch và bị lỗ do Công ty hoạt động chủ yếu là nhận gia công các loại thủy hải sản đông lạnh và kinh doanh kho lạnh. Hiệu quả từ hoạt động này không đủ để khấu hao toàn bộ tài sản hiện có của Công ty.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(7.686)	(7.545)	-
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(7.686)	(7.545)	-
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	225.569	226.124	100,25%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	129.123	125.352	97,08%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	-	-	-
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-	-	-
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-	-	-

Qua bảng trên cho thấy năm 2014, hiệu quả sử dụng vốn thấp; Công ty đã làm thâm hụt vốn nhà nước.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 0,14 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 8.693 triệu đồng/ 61.321 triệu đồng). Doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt theo Điều 10 Nghị định 61/2013/NĐ-CP.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 13,8 lần, vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

Nợ phải trả của doanh nghiệp gồm:

- Nợ ngắn hạn: Vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh 10.120.000.000 đồng; Khoản nợ thuế phát sinh từ trước năm 1995 và đã được Thủ tướng Chính phủ cho khoan nợ, chậm nộp theo Công văn số 343/KTTH ngày 21/01/1995 của Thủ tướng Chính phủ 21.649.572.770 đồng; Khoản tiền Công ty cổ phần thương mại xây dựng Phương Nghi đã thanh toán cho Công ty 18.570.000.000 đồng theo hợp đồng số 22/K/1994 để thuê mặt bằng tại 139 Hùng Vương, phường 6, quận 6 thành phố Hồ Chí Minh, phải trả cho tài sản cố định xác định từ đầu tư dự án 5.935.054.254 đồng, phải trả cho các khách hàng cung cấp dịch vụ, vật tư, vật liệu phục vụ sản xuất 3.965.865.318 đồng.

- Nợ dài hạn: Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương số tiền 51.266.467.125 đồng tương đương 2.412.993,84 USD.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	129.944	120.760
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	11.430	8.693
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	118.514	112.067
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	8,80%	7,20%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	91,20%	92,80%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	129.944	120.760
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	114.245	112.607
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	15.699	8.153
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,92%	93,25%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,08%	6,75%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp (91,20%); Trong đó: Tài sản cố định 85.520 triệu đồng (76,31%), chi phí trả trước dài hạn 26.547 triệu đồng (23,69%).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (93,25%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (6,75%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 0,52$, doanh nghiệp chưa bảo toàn được vốn do năm 2014, doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh thua lỗ.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Doanh nghiệp thực hiện trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 6.966 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 638,7 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 638,7 triệu đồng.

Công nợ phải thu khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 1998. Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 112.607 triệu đồng, trong đó nợ quá hạn là 51.266 triệu đồng.

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 61.386 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 51.266 triệu đồng (Vay dài hạn của SaigonBank).

+ Vay của cá nhân: 10.120 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện dự án: Di dời và xây dựng mới nhà máy chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 220.000 triệu đồng

+ Vốn tự có: 180.000 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động: 40.000 triệu đồng.

+ Thời gian hoàn thành: 18 tháng

+ Thực hiện đến 31/12/2014: 126.548 triệu đồng. Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng 98.337 triệu đồng.

+ Đã giải ngân: 125.048 triệu đồng.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

doanh nghiệp tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty chưa xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng quỹ Khen thưởng phúc lợi vì không có lợi nhuận.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 63,4% kế hoạch, tăng 40% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 21.649 triệu đồng (Nợ thuế xuất nhập khẩu cũ từ trước năm 1994 là 21.613 triệu đồng).

d. Tình hình chấp hành các chế độ quy định khác:

Công ty thực hiện nộp báo cáo quý, báo cáo giám sát đặc biệt, báo cáo xếp loại doanh nghiệp đúng thời hạn quy định;

Tuy nhiên, Công ty nộp báo cáo tài chính và báo cáo giám sát tài chính ngày 11 tháng 02 năm 2015 trễ thời gian quy định (31/01/2015).

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 2892/UBND-CNN về phê bình Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương chưa thực hiện và gửi báo cáo kiểm toán năm 2014.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 09 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

- Thực hiện đầy đủ: 08/09 chỉ đạo
- Không thực hiện: 01/09 chỉ đạo. Cụ thể:

Quyết định số 3793/QĐ-UB ngày 11 tháng 9 năm 2003, Công ty xếp hạng IV. Đến 31/12/2014, Công ty chưa tiến hành thủ tục đề nghị xếp lại hạng doanh nghiệp nhà nước.

- Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 02 chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố:

+ Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về giám sát tài chính đặc biệt đối với Công ty CBTPXK Hùng Vương; Theo đó: Ủy ban nhân dân thành phố giao Giám đốc Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương:

- Lập phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính để trình chủ sở hữu trong thời gian 20 ngày kể từ khi có Quyết định giám sát tài chính đặc biệt.

- Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp) các chỉ tiêu theo quy định tại Biểu 09 - Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính.

+ Công văn số 5989/UBND-CNN ngày 14/11/2014 về tái cơ cấu thông qua xử lý nợ để chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Theo đó: Giao Công ty CBTPXK Hùng Vương phối hợp với Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng và Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp để thực hiện tái cơ cấu.

Công ty thực hiện đầy đủ 02/02 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh thu thực hiện của Công ty đạt 108,90% so với kế hoạch, tăng 17,53% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013; tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận Công ty lỗ 7.545 triệu đồng do chí phí khấu hao cao; Công ty không tiếp cận được nguồn vốn của các tổ chức tín dụng dẫn đến không đủ nguồn vốn để sản xuất kinh doanh và sử dụng không hết công suất tài sản cố định. Công ty hoạt động chủ yếu là nhận gia công các loại thủy hải sản đông lạnh và kinh doanh kho lạnh; hiệu quả từ hoạt động này không đủ để khấu hao toàn bộ tài sản hiện có của Công ty. Vì vậy, Công ty tiếp tục lỗ và làm thâm hụt vốn nhà nước. Công ty chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2014 của UBND TP)

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		TH 2014 /KH 2014	TH 2014 /TH 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	113.181	123.994	67.562	54,49%	59,69%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.443	123.109	66.676	54,16%	59,30%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	194	250	183	73,20%	94,33%
3	Thu nhập khác	544	635	703	110,71%	129,23%
II	Tổng chi phí	109.924	121.024	109.881	90,79%	99,96%
1	Giá vốn hàng bán	99.354	108.189	96.626	89,31%	97,25%
2	Chi phí tài chính	127	200	56	28,00%	44,09%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	66	-	-	-	-
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.919	12.000	12.947	107,89%	130,53%
5	Chi phí khác	524	635	252	39,69%	48,09%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	97,12%	97,60%	162,64%	166,63%	167,46%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	8,76%	9,68%	19,16%	198,01%	218,66%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.257	2.970	(42.319)	-	-
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.237	2.970	(42.770)	-	-
2	Lợi nhuận khác	20	-	451	-	2255%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 54,49% so với kế hoạch, giảm 40,7% so với thực hiện năm 2013. Doanh thu Năm 2014 giảm do:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm trước do toàn bộ chi phí chăm sóc, trưng bày động thực vật tại Thảo Cẩm Viên và công viên Sài Gòn Safari được ngân sách cấp kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng thú và hoa viên. Năm 2014, ngân sách thành phố sẽ không cấp phát kinh phí hoạt động cho Thảo Cẩm viên Sài Gòn chăm sóc, nuôi dưỡng động vật, cây xanh. Trường hợp Công ty TNHH một thành viên Thảo Cẩm viên Sài Gòn mất cân đối thu – chi khi cung cấp sản phẩm công ích, chấp thuận hỗ trợ giá vé vào

công Thảo cầm viên cho doanh nghiệp... Do đó trong năm 2014 ngân sách chỉ hỗ trợ giá vé cho công ty để đảm bảo thu chi.

Tuy nhiên, Sản lượng vé năm 2014 đạt được là 2.299.145 lượt khách tham quan, bằng với cùng kỳ năm 2013. Doanh thu vé đạt 39.442 triệu đồng, tăng 92% so với cùng kỳ năm 2013. Doanh thu vé tăng cao là do từ tháng 05/2014, đơn vị tiến hành tăng giá vé 15.000 đ – 20.000đ – 30.000đ để tăng nguồn thu.

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm do lãi tiền gửi ngân hàng giảm.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,7%, giảm 40,7 % so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,3%, giảm 5,67% so với thực hiện năm 2013. Doanh thu giảm do lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm.

+ Thu nhập khác chiếm 1%, tăng 29,23% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2013 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 90,79% kế hoạch, giảm 9,21% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 87,9%, giảm 2,75% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,05 %, giảm 55,9% so với thực hiện năm 2013 do trong năm 2014 công ty không có vay ngân hàng;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,78%, tăng 30,5% so với thực hiện năm 2013 do chi phí tiền lương và bảo hiểm tăng;

+ Chi phí khác chiếm 0,23%, giảm 51,9% so với thực hiện năm 2013. Chi phí khác giảm so với năm 2013 do trong năm 2014 thú chết và cây chết khô, ngã đổ giảm;

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 162,64% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (97,12%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 19,16% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (8,76%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty âm (-) 42.319 triệu đồng.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.257	(42.319)	0%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(3.486)	(42.319)	1213,97%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	658.666	661.483	100,43%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	708.573	691.033	97,52%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	0,49%	0%	0%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0%	0%	1208,80%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0%	0%	1261,46%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 0,6 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 36.672 triệu đồng/60.782 triệu đồng) <1. Doanh nghiệp không đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,1 = (60.802 / 616.697) nằm trong giới hạn cho phép tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	704.290	677.777
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	69.976	36.672
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	634.314	641.105
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>9,94%</i>	<i>5,41%</i>
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	<i>90,06%</i>	<i>94,59%</i>
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	704.290	677.777
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	47.772	60.802
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	656.518	616.975
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>6,78%</i>	<i>8,97%</i>
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	<i>93,22%</i>	<i>91,03%</i>

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 599.987 triệu đồng (trong đó chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án Sài Gòn Safari 592.647 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm 6% so với cùng kỳ năm trước do lợi nhuận năm 2014 lỗ, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 0,94 < 1$ doanh nghiệp không bảo toàn được vốn (doanh nghiệp bị lỗ).

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: trong năm 2014 doanh nghiệp không có đầu tư ra ngoài.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Tổng tài sản tăng trong năm 2014 của công ty là 6.915 triệu đồng (trong đó: Tăng từ hoạt động xây dựng cơ bản: 1.213 triệu đồng; Tăng thú nuôi: 5.702 triệu đồng)

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Tổng tài sản giảm trong năm 2014 của công ty là 238 triệu đồng (trong đó: Giảm thú chết và cây xanh: 238 triệu đồng).

- Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 23.885 triệu đồng (không có nợ phải thu khó đòi).

- Quản lý nợ phải trả: Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 60.802 triệu đồng (không có nợ quá hạn và đến hạn trả).

e. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không có

f. Tình hình đầu tư tài sản: Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Chương trình Giáo dục bảo tồn và Bảo vệ môi trường.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 1.213 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Ngân sách nhà nước cấp.

+ Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Dự án 2: Dự án công viên Sài Gòn Safari.

ĐVT: triệu đồng

ST T	Tên hạng mục	Dự toán được duyệt	Ngân sách đã cấp	Chi phí đã thực hiện đến 31/12/2014
1	Giải phóng mặt bằng	619.230	570.427	566.041
2	Trồng cây phủ xanh giai đoạn I	3.306	3.178	2.449
3	Trồng cây phủ xanh giai đoạn II	28.455	22.700	21.550
4	Quy hoạch tỷ lệ 1/2000 Công viên Safari	1.443	675	1.052
5	Chuẩn bị đầu tư công viên Safari	4.508	2.609	2.609
	Tổng cộng	656.944	599.589	593.701

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế: Trong năm 2014, Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý: Công ty đã nộp Báo cáo hồ sơ quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2014

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 124% kế hoạch, tăng 25 % so với thực hiện năm 2013 do thuế giá trị gia tăng của doanh thu vé tăng (tăng giá vé).

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp không còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách.

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 11/14 chỉ đạo thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 09/11 chỉ đạo

- Thực hiện không đầy đủ: 02/11 chỉ đạo, cụ thể:

+ Công ty chưa công bố thông tin đại chúng theo Công văn số 1163/UBND-CNN ngày 19/03/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013.

+ Công ty chưa xây dựng đầy đủ các Quy chế theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 220/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính theo Thông báo số 273/TB-VP ngày 15/4/2014 về nội dung Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2013 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố, các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty mẹ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	352.776	495.000	337.054	68,1%	95,5%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.837		331.967		96,3%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	7.935		4.007		50,5%
3	Thu nhập khác	4		1.080		27000,0%
II	Tổng chi phí	352.206	484.000	333.122	68,8%	94,6%
1	Giá vốn hàng bán	309.869		297.791		96,1%
2	Chi phí tài chính	-		137		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>			<i>115</i>		
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.646		33.598		80,7%
5	Chi phí khác	691		1.596		231,0%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	99,8%	97,8%	98,8%	101,1%	99,0%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	11,8%	0,0%	10,0%		84,4%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	570	11.000	3.932	35,7%	689,8%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.257		4.448		353,9%
2	Lợi nhuận khác	(687)	-	(516)	-	75,1%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 68,1% so với kế hoạch, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,49% tổng doanh thu, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2013 là do doanh thu hoạt động chăm sóc bảo quản cây xanh giảm.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,19%, giảm 49,5% so với cùng kỳ năm 2013 do các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm.

+ Thu nhập khác chiếm 0,32%, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chi tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 68,8% kế hoạch, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,39% tổng chi phí, giảm 3,9% so với cùng kỳ năm 2013 do chi phí các dịch vụ và sản phẩm công ty cung cấp giảm.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,04% tổng chi phí;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10,09%, giảm 19,3% so với cùng kỳ năm 2013. Đây là kết quả của việc thực hiện tiết kiệm chi phí;

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 97,78% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với cùng kỳ năm trước (99,84%). Công ty tiết giảm được chi phí.

c. Chi tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 35,75% kế hoạch năm, tăng 689,8% so với cùng kỳ năm 2013 do tốc độ giảm chi phí nhanh hơn tốc độ giảm doanh thu và lợi nhuận năm 2013 Công ty đạt thấp đột biến so với các năm trước.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH 2014/ TH 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	570	3.932	689,82%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	405	2.747	678,27%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	39.670	45.272	114,12%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	208.879	193.126	92,46%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1,44%	8,69%	604,47%

6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,02%	6,07%	594,34%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,19%	1,42%	733,60%

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tăng 604,47% so với cùng kỳ năm trước là do năm 2013 Công ty có sự giảm đột biến về chỉ tiêu lợi nhuận từ việc điều chỉnh đơn giá tiền lương sản phẩm công ích.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,44 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 152.746 triệu đồng/106.118 triệu đồng), lớn hơn 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 2,35 lần (106.223 triệu đồng/45.150 triệu đồng) nằm trong giới hạn quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	227.602	158.649
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	220.490	152.746
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	7.112	5.903
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	96,88%	96,28%
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	3,12%	3,72%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	227.602	158.649
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	175.018	106.223
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	52.584	52.426
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	76,90%	66,95%
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	23,10%	33,05%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn (79.711 triệu đồng) và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (36.000 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm 39,3% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (66,95%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm 0,29% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (33,05%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp $H = 1,14$ (45.272 triệu đồng/39.670 triệu đồng), doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: trong năm 2014 doanh nghiệp không có đầu tư ra ngoài.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Trong năm 2014, Công ty có mua sắm tài sản cố định với giá trị cụ thể như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc 559.565.149 đồng, chủ yếu là hệ thống nền bê tông trạm xăng 209 Lý Thường Kiệt (172 triệu đồng) và nhà văn phòng Công viên 23/9 (387 triệu đồng).

+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn 1.191.061.200 đồng, chủ yếu là 4 xe tải nhẹ phục vụ công tác duy tu.

+ Thiết bị quản lý (máy quay, phụ kiện) 40.800.000 đồng.

Năm 2014, Công ty thực hiện thanh lý, nhượng bán một số tài sản cố định với nguyên giá như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: 62.969.091 đồng.

+ Máy móc, thiết bị 1.308.257.667 đồng bao gồm: máy cưa, tủ điện chiếu sáng, hệ thống phun nước, chiếu sáng công viên.

+ Thiết bị quản lý 37.703.112 đồng (máy in).

Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 79.711 triệu đồng. Công ty không có nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 106.223 triệu đồng, không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không có

e. Tình hình đầu tư các dự án để hình thành hàng hóa kinh doanh: không có

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế. Trong năm 2014, Công ty không có quyết định phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 10.291 triệu đồng, đạt 77,66% kế hoạch 2014 (13.250 triệu đồng).

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không có.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Trong năm 2014, Công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động Bảo quản công viên: Khối lượng thực hiện là 128,75 ha, đạt 101,04% kế hoạch.

- Hoạt động Bảo quản cây xanh: Khối lượng thực hiện là 95,227 cây, đạt 102,33% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 276.387 triệu đồng (đạt 101,13% kế hoạch), ứng với tổng chi phí là 274.164 triệu đồng.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1. Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 9 chỉ đạo chung thuộc lĩnh vực tài chính của Ủy ban nhân dân thành phố. Kết quả thực hiện như sau:

+ Thực hiện đầy đủ: 7/9 chỉ đạo.

+ Thực hiện không đầy đủ: 2/9 chỉ đạo, cụ thể như sau:

Công ty chưa công bố thông tin đại chúng theo Công văn số 1163/UBND-CNN ngày 19/03/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013.

Công ty chưa xây dựng đầy đủ các Quy chế theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 220/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính theo Thông báo số 273/TB-VP ngày 15/4/2014 về nội dung Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2013 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố, các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp: không có.

- b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.
- c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.
- d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty đạt trên 50% kế hoạch đối với chỉ tiêu về doanh thu, và nộp ngân sách nhà nước, đạt dưới 50% kế hoạch đối với chỉ tiêu lợi nhuận.

Công ty thực hiện chưa đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính:

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ TP.HCM**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số..... /UBND-CNN ngày..... /..... /..... của

Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	532.381	576.228	516.622	89,66%	97,04%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	517.555	572.228	511.467	89,38%	98,82%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	14.821	4.000	5.012	125,30%	33,82%
3	Thu nhập khác	5		143		2860%
II	Tổng chi phí	501.734	536.606	493.749	92,01%	98,41%
1	Giá vốn hàng bán	431.972		434.431		100,56%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.168		56.660		88,30%
3	Chi phí khác	5.594		2.658		47,52%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	94,24%	93,12%	95,57%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	12,05%	0,00%	10,97%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	30.647	39.622	22.873	57,73%	74,63%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.235		25.388		70,06%
2	Lợi nhuận khác	(5.588)		(2.515)		45,01%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 89,66% so với kế hoạch, giảm 2,96% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99%, tăng 1,79% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,97%, giảm 1,81% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,028%, tăng 0,027% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 92,01% kế hoạch, giảm 1,74% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 87,99%, tăng 1,89% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,48%, giảm 1,31% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,54%, giảm 0,73% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 95,57% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (94,39%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10,97% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với thực hiện năm 2013 (12,05%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 57,73% kế hoạch, giảm 23,47% so với thực hiện năm 2013.

Lợi nhuận không đạt so với kế hoạch và giảm so với năm 2013 do doanh thu hoạt động công ích và doanh thu tài chính giảm.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	29.889	22.873	76,53%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	22.317	17.256	77,32%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	235.862	235.862	100,00%
4	Tổng tài sản (bình quân)	Triệu đồng	605.941	573.852	94,70%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	12,67%	9,70%	76,53%

6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,46%	7,32%	77,32%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	3,68%	3,01%	81,65%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,87 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 405.500 triệu đồng/ 216.551 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,63 (216.551 triệu đồng/343.054 triệu đồng) không vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	588.099	559.605
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	409.572	405.500
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	178.527	154.105
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	69,64%	72,46%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	30,36%	27,54%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	588.099	559.605
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	248.081	216.551
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	340.018	343.054
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	42,18%	38,70%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	57,82%	61,30%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục nợ phải thu ngắn hạn (235.037 triệu đồng), tiền và các khoản tương đương tiền (82.133 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm 12,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (dưới 50%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng 0,89% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (trên 50%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$ (235.862 triệu đồng /235.862 triệu đồng). Doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 6.500 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào 02 Công ty liên kết: 6.500 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận công ty chưa được chia, do là khoản đầu tư mới phát sinh trong năm 2013.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện đầu tư tại các doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
01	Công ty Cổ phần Dịch vụ tư vấn thiết kế Môi trường Sài Gòn	0		1.500	0	0	1.500	25,00%
02	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật ngầm	0	0	5.000	0	0	5.000	27,78%
Tổng cộng		0		6.500	0		6.500	

Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại 2 Công ty trên không thay đổi so với năm 2013.

Công ty chưa được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án Tái cơ cấu.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thâm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/TT-BTC ngày 25/4/2013

+ Trong năm 2014, Công ty có thanh lý nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 4.771 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 235.037 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 13.008 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm 2014 là 2.729, cụ thể như sau:

- Khu quản lý giao thông Đô Thị: 329 triệu đồng. Là khoản công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2005, 2008, 2012 chủ yếu là các khoản nợ trong công tác thi công, sửa chữa hệ thống duy tu thoát nước bằng vốn ngân sách.

- Các công trình thi công ngoài vốn ngân sách: 2.400 triệu đồng. Công trình kích ống D1500 và lắp đặt hệ thống điện khu vực Bang Phlat thuộc dự án xây dựng hệ thống tàu điện tuyến Blue Line từ Tawpun đến Thapra (Hợp đồng số 887/HĐ-TNĐT ngày 02/07/2012). Trong năm 2013, Công ty đã trích dự phòng phải thu khó đòi là 6.024 triệu đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 216.551 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 216.551 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm 2014 Công ty thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Mua 02 xe bán tải phục vụ công tác ứng cứu duy tu chống ngập

+ Tổng mức vốn đầu tư: 2.160 triệu đồng

- Dự án 2: Mua 02 xe bồn chở bùn 4m³ phục vụ công tác duy tu chống ngập

+ Tổng mức vốn đầu tư: 5.400 triệu đồng

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 có Quyết định số 5710/QĐ-CT-XP ngày 04/12/2014 của cơ quan thuế phạt 9.198 triệu đồng trong đó xử phạt 2.382 triệu đồng, truy thu thuế 6.816 triệu đồng.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty đã nộp Báo cáo hồ sơ quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2014

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Nộp ngân sách năm 2014 gần bằng so với năm 2013 (45.150 triệu đồng/45.171 triệu đồng), đạt 90,9% kế hoạch năm do giảm doanh thu và lợi nhuận

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp không còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Doanh thu công ích năm 2014 là 418.989 triệu đồng đạt 90,46% so với cùng kỳ năm 2013, đạt 65% so với kế hoạch.

Trong năm 2014, Công ty đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, sản phẩm dịch vụ công ích với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch cụ thể như sau:

- Công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước: Giá trị thực hiện là 275.237 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Vận hành các trạm bơm kiểm soát triều: Giá trị thực hiện là 30.730 triệu đồng, đạt 91% kế hoạch.

- Nhà máy Xử lý nước thải Bình Hưng: Khối lượng thực hiện là 56.148.033 m³, đạt 103% kế hoạch

- Nhà máy Xử lý nước thải Tân Quy Đông: Khối lượng thực hiện là 174.888 m³, đạt 101% kế hoạch

- Trạm bơm Nhiêu Lộc – Thị Nghè: Khối lượng thực hiện là 167.230.173 m³, đạt 131% kế hoạch

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 418.989 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 401.770 triệu đồng.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố:

a.1 Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực tài chính:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 13 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố. Công ty thực hiện đầy đủ 13/13 chỉ đạo.

a.2. Tình hình thực hiện các chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố đối với doanh nghiệp:

Công ty nộp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 không đúng thời gian quy định, Ủy ban nhân dân thành phố đã có Công văn số 2892/UBND-CNN ngày 15/5/2015 phê bình Công ty.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị thành phố:

+ Không hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Công ty cần tăng cường biện pháp khắc phục các sai phạm trước đây, hoàn thành kế hoạch được giao.

+ Thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Tuy nhiên, Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 5710/QĐ-CT-XP ngày 04/12/2014 của Cục Thuế thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 2892/UBND-CNN ngày 15/5/2015 phê bình Công ty chưa thực hiện nộp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014
(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	154.388	185.603	151.013	81,36	97,81
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.741		147.541		96,59
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.312		2.739		208,76
3	Thu nhập khác	335		733		218,80
II	Tổng chi phí	145.684	171.393	143.334	83,62	98,38
1	Giá vốn hàng bán	130.456		126.795		97,19
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.114		16.365		108,27
5	Chi phí khác	114		174		152,63
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	94,36		94,91		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	9,79		10,83		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.704	13.981	7.679	54,92	88,22
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.171		4.381		
2	Lợi nhuận khác	1.533		3.298		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 81,36 % so với kế hoạch, giảm 2,19 % so với thực hiện năm 2013. Công ty không đạt kế hoạch năm 2014 do Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch đối với doanh thu hoạt động công ích theo đơn giá với mức lương tối thiểu 2.000.000 đồng, công ty chưa tính đủ doanh thu hoạt động công ích năm 2014, thực hiện doanh thu tạm tính theo mức lương tối thiểu 1.512.000 đồng thay vì 2.700.000 đồng theo quy định (hoạt động quét thu gom rác đường phố và thu gom vận chuyển rác),

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,7 %, giảm 3,41 % so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,81 %, tăng 108,76 % so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,48 %, tăng 118,8 % so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 83,62 % so với kế hoạch, giảm 1,62 % so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 88,46 %, giảm 2,81 % so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,41 %, tăng 8,27 % so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,12 %, tăng 52,63 % so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 94,91 % tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng 0,55 % so với thực hiện năm 2013. Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10,83 % tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng 1,04 % so với thực hiện năm 2013. Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 54,92 % so với kế hoạch, giảm 11,78 % so với thực hiện năm 2013. Lợi nhuận không đạt kế hoạch do doanh thu hoạt động công ích tạm tính theo đơn giá với mức lương tối thiểu 1.512.000 đồng, thay vì mức lương tối thiểu 2.700.000 đồng theo quy định.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.704	7.679	88,22
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.550	5.989	91,43
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	135.354	135.354	100,000
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	273.061	267.528	97,97
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	6,43	5,67	88,18
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,83	4,42	91,51
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,39	2,23	93,30

b. Khả năng thanh toán:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,63 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 167.203 triệu đồng/63.570 triệu đồng).

Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,54 lần nằm trong giới hạn cho phép.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	259.807	275.252
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	154.575	167.203
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	105.232	108.049
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	59,49	60,75
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	40,50	39,25
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	259.807	275.252
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	63.914	73.304
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	195.893	201.948
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	24,60	26,63
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	75,40	73,36

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng hóa.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,49$ doanh nghiệp đã bảo toàn vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 51.229 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư dài hạn khác với Công ty cổ phần Dịch vụ Bru chính Viễn thông Sài Gòn (SPT): 51.229 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Theo báo cáo của doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay Công ty SPT vẫn chưa công bố báo cáo tài chính đến 31/12/2014 và chính sách chia cổ tức năm 2014, doanh nghiệp không nhận được cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư vào Công ty SPT.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty không thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp khác.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013 /TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Doanh nghiệp không có hàng hóa tồn đọng kém phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 58.196 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 320 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2010, chủ yếu là các khoản nợ khách hàng. Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 73.304 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 27.788 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng mục đích khác 27.788 triệu đồng (nhận vốn góp liên doanh cho dự án Bình Trưng Đông tiểu khu số 14 A-C).

- Tổng công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 không có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Doanh nghiệp trích và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý đúng chế độ.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 131,37 % kế hoạch. Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 6.519 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Duy tu bảo dưỡng công viên:

Khối lượng thực hiện 1.544 ha tương đương 8.414 triệu đồng.

- Nạo vét, duy tu thoát nước:

Khối lượng thực hiện :

. Hầm 60x60:	3.625 cái
. Hầm 75x75:	1.923 cái
. Hầm 90x90:	1.425 cái
. Hầm 90x110:	130 cái

. Công D<400:	17.658,2 md
. Công D<600:	14.685,6 md
. Công D<800:	2.006 md
. Công D<1200:	22,5 md
. Công D ≥ 200:	15 md
. Công vòm có B= 80cm:	1.664,5 md
. Mương:	722,5 md

Tương đương 6.078 triệu đồng.

- Sự nghiệp môi trường: 73.237 triệu đồng
- + Quét rác đường phố: 42.469 triệu đồng, tỷ lệ giảm trừ tiết kiệm 20 %;

- Sản lượng, đơn giá:

. Quét ngày:	168.893,63036 1000m ² , 63.035 đồng/1000m ² ;
. Quét đêm:	517.895,88760 1000m ² , 81.946 đồng/1000m ² ;

- + Thu gom, vận chuyển rác : 22.765 triệu đồng, tỷ lệ giảm trừ tiết kiệm 10 %;

- Sản lượng, đơn giá (tạm tính theo năm 2013):

. Vận chuyển ngày:	983.531,79 TKm
. Vận chuyển đêm:	1.248.238,86 TKm

- + Sự nghiệp môi trường khác: 1.479 triệu đồng.
- + Thuế giá trị gia tăng: 6.524 triệu đồng

Tổng doanh thu hoạt động công ích tạm tính là 87.729 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

- a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:
Tốt.
- b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:
Tốt.
- c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:
Tốt.
- d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:
Tốt.

II. KẾT LUẬN CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Trong năm 2014, đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận doanh nghiệp chưa hoàn thành kế hoạch do Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch đối với doanh thu hoạt động công ích theo đơn giá với mức lương tối thiểu 2.000.000 đồng, công ty chưa tính đủ doanh thu hoạt động công ích năm 2014, doanh thu tạm

tính theo mức lương tối thiểu 1.512.000 đồng thay vì 2.700.000 đồng theo quy định (hoạt động quét thu gom rác đường phố và thu gom vận chuyển rác). Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá quét thu gom rác đường phố và thu gom vận chuyển rác với mức lương tối thiểu 2.700.000 đồng, doanh nghiệp tính đúng lại doanh thu sẽ cao hơn.

Đối với chỉ tiêu số phát sinh phải nộp ngân sách doanh nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Doanh nghiệp chấp hành đúng các quy định hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính.

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	391.733	320.739	322.656	106,60%	82,37%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	377.964	311.513	311.632	100,04%	82,45%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	11.310	9.000	9.810	109,00%	86,74%
3	Thu nhập khác	2.459	226	1.214	537,17%	49,37%
II	Tổng chi phí	353.137	285.711	287.269	100,55%	81,35%
1	Giá vốn hàng bán	333.407		263.429		79,01%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.280		23.138		120,01%
5	Chi phí khác	450		702		156,00%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	90,15%		89,03%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,92%		7,17%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	38.596	35.028	35.387	101,02%	91,69%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.587		34.875		95,32%
2	Lợi nhuận khác	2.009		512		25,49%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 106,60% so với kế hoạch Ủy ban nhân dân thành phố giao, giảm 17,63% so với thực hiện năm 2013, nguyên nhân giảm so với năm 2013 là do giảm doanh thu từ hoạt động kinh doanh các dự án bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và xây dựng công trình.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu kinh doanh và cung cấp dịch vụ (Công ích, xây lắp, bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp và quản lý nhà chợ) chiếm tỷ lệ 96,58% tổng doanh thu, tăng 0,09% so với tỷ lệ thực hiện năm 2013 là 96,49%.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỷ lệ 3,04% tổng doanh thu, tăng 0,15% so với tỷ lệ thực hiện năm 2013 là 2,89%.

+ Thu nhập khác chiếm tỷ lệ 0,38% tổng doanh thu, giảm 0,24% so với tỷ lệ thực hiện năm 2013 là 0,62%.

Như vậy, doanh thu thực hiện chủ yếu từ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 100,55% kế hoạch, giảm 18,65% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ 91,70% tổng chi phí, giảm 2,71% so với tỷ lệ thực hiện năm 2013 là 94,41%;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 8,05% tổng chi phí, tăng 2,59% so với tỷ lệ thực hiện năm 2013 là 5,46%;

+ Chi phí khác chiếm 0,25% tổng chi phí, tăng 0,12% so với tỷ lệ thực hiện năm 2013 là 0,13%.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 89,03% tổng doanh thu thực hiện, giảm 1,12% so với thực hiện năm 2013 là 90,15%. Công ty đã tiết giảm nhẹ chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 101,02% kế hoạch, giảm 8,31% so với thực hiện năm 2013, nguyên nhân do doanh thu và chi phí thực hiện năm 2014 đều giảm so với năm 2013, tuy nhiên mức độ giảm của doanh thu cao hơn mức độ giảm của chi phí, tương ứng lợi nhuận giảm theo.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	38.596	35.387	91,69%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	28.947	28.986	100,13%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	72.257	86.100	119,16%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	1.182.592	1.048.915	88,70%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	53,41%	41,10%	76,94%

6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	40,06%	33,67%	84,04%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,45%	2,76%	112,65%

Qua bảng phân tích trên cho thấy tỷ lệ thực hiện tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 giảm 8,31% so với tỷ lệ thực hiện tổng lợi nhuận trước thuế năm 2013; tuy nhiên, tỷ lệ thực tổng lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 0,13% so với tỷ lệ thực tổng lợi nhuận sau thuế năm 2013. Nguyên nhân là thuế nhập doanh nghiệp năm 2014 là 22%, giảm 6% so với năm 2013 là 22%.

Tỷ lệ thực hiện tổng tài sản trên vốn (*bình quân đầu kỳ, cuối kỳ*) năm 2014 giảm 11,3% so với năm với tỷ lệ thực hiện tổng tài sản trên vốn (*bình quân đầu kỳ, cuối kỳ*) năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty kết chuyển giá vốn, giảm chi tiêu hàng tồn kho dẫn đến tổng tài sản (*bình quân đầu kỳ, cuối kỳ*) năm 2014 giảm 133.677 triệu đồng do với tổng tài sản (*bình quân đầu kỳ, cuối kỳ*) năm 2013.

Do vậy tỷ lệ thực hiện tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) năm 2014 tăng 12,65% so với tỷ lệ thực hiện tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) năm 2013.

Như vậy, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty năm 2014 thật chất không cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,76 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 865.193 triệu đồng/491.531 triệu đồng).

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

- Nợ phải trả: 764.044 triệu đồng, cụ thể:

+ Phải trả người bán: 2.223 triệu đồng

+ Người mua trả tiền trước: 28.733 triệu đồng

+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 17.954 triệu đồng

+ Phải trả người lao động: 6.709 triệu đồng

+ Chi phí phải trả: 346.937 triệu đồng (chi phí trích trước các công trình và dự án kinh doanh bất động sản).

+ Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác: 97.973 triệu đồng (phải nộp tiền thu từ bán chung cư nền đất tái định cư, phải trả khác).

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: (8.998) triệu đồng (do chưa trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2012, 2013, 2014 vì chưa có quyết định về công bố xếp loại của năm 2012, 2013, 2014).

+ Phải trả dài hạn khác: 208.314 triệu đồng (tiền ký quỹ đầu tư dự án 2,3,4 và ký quỹ thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng)

+ Doanh thu chưa thực hiện: 64.199 triệu đồng

- Vốn chủ sở hữu: 86.100 triệu đồng.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 8,87, vượt quá 3 lần theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ. Tuy nhiên, các khoản nợ trên vẫn an toàn do khách hàng chỉ thanh toán trước tiền mua sản phẩm của Công ty, sau khi hoàn tất pháp lý các dự án và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng thì khoản nợ này được giảm xuống. Các khoản nợ được đảm bảo bằng hàng tồn kho, sản phẩm của các công trình, dự án là 588.197 triệu đồng.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	1.139.738	958.091
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	974.889	865.193
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	164.849	92.898
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85,54%	90,30%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14,46%	9,70%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.139.738	958.091
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	903.261	764.044
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	236.477	194.047
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	79,25%	79,75%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	20,75%	20,25%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho 588.197 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn 101.932 triệu đồng.

+ Tổng tài sản năm 2014 là 958.091 triệu đồng, giảm 181.647 triệu đồng so với tổng tài sản năm 2013 là 1.139.738 triệu đồng. Nguyên do: chỉ tiêu tài sản ngắn hạn giảm từ 974.889 triệu đồng xuống còn 865.193 triệu đồng, giảm 109.696 triệu đồng, chủ yếu do năm 2014 Công ty kết chuyển giá vốn dẫn đến giảm chỉ tiêu hàng tồn kho từ 718.886 triệu đồng xuống còn 588.197 triệu đồng, giảm 130.689 triệu đồng; chỉ tiêu tài sản dài hạn giảm từ 164.849 triệu đồng xuống còn 92.898 triệu đồng, giảm 71.951 triệu đồng, chủ yếu do giảm chi phí xây dựng cơ bản.

Việc giảm tài sản này chỉ là hạch toán về sổ sách, công nợ, không phải là tài sản của Công ty đang bị giảm.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 là 958.091 triệu đồng, giảm 182.361 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là 1.139.738 triệu đồng. Tổng nợ phải trả vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (chiếm 79,25% tổng nguồn vốn). Nguyên nhân giảm:

+ Chỉ tiêu tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 là 764.044 triệu đồng, giảm 139.217 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là 903.261 triệu đồng. Nguyên do trong năm 2014, Công ty đã kết chuyển doanh thu dẫn đến giảm chỉ tiêu người mua trả tiền trước từ 158.798 triệu đồng xuống còn 28.733 triệu đồng, giảm 130.065 triệu đồng.

+ Chỉ tiêu tổng vốn chủ sở hữu trả tại thời điểm 31/12/2014 là 194.048 triệu đồng, giảm 42.431 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là 236.478 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn kinh phí năm 2014 là 44.385 triệu đồng, giảm 81.449 triệu đồng so với năm 2013 là 125.834 triệu đồng

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo là 86.100 triệu đồng, vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo báo cáo là 72.257 triệu đồng. Vậy hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp $H = \text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo} / \text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo}$ là 1,19, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 12.983 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thủ Thiêm: 7.560 triệu đồng

- Đầu tư vào Công ty CP Khai thác khoáng sản Vạn Đức Long: 5.423 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia Công ty nhận được bằng tiền là 5.100 triệu đồng (cổ tức của năm 2011 và một phần của năm 2012 của Công ty CP Đầu tư Thủ Thiêm), tương đương 22,49% trên tổng giá trị vốn đầu tư. Đến 31/12/2014, Công ty CP Đầu tư Thủ Thiêm còn nợ cổ tức, lợi nhuận được chia của năm 2012, 2013, 2014 là 6.240 triệu đồng, tương đương 27,51% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

+ Công ty CP Khai thác khoáng sản Vạn Đức Long: không chia cổ tức, nguyên nhân Công ty mới góp vốn đầu năm 2013, hiện nay đơn vị được góp vốn mới đi vào hoạt động ổn định, đang tiếp tục đầu tư trang thiết bị máy móc để hạ giá thành, nâng cao tính cạnh tranh.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty không thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Cty CP ĐT Thu Thiêm	7.560	18,93%	0	0		7.560	18,93%
2	Cty CP KT KS Vạn Đức Long	5.423	33,33%	0	0		5.423	33,33%

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Riêng nhà thuộc sở hữu nhà nước thực hiện mức trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/TC/TT ngày 10/02/1993 của Bộ Tài chính về hướng dẫn tính và thu nộp khấu hao cơ bản đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho thuê

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp có thu tiền sát phế liệu thanh lý với giá trị là 17,155 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 101.932 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 276 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 là 276 triệu đồng. Công nợ khó đòi của doanh nghiệp ghi nhận theo biên bản kiểm tra năm 2009, chủ yếu là các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả. Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh thêm công nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 764.044 triệu đồng, doanh nghiệp không vay ngân hàng và không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty không có dư nợ vay của các tổ chức tín dụng, cá nhân.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Ngày 31/12/2014, Cục Thuế thành phố có Quyết định số 0145/QĐ-CT về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế liên quan đến niên độ kế toán năm 2013 với số tiền là 15.013 triệu đồng; trong đó:

- Phạt tiền về hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp: 1.077 triệu đồng.
- Truy thu thuế: 12.680 triệu đồng.
 - + Thuế TNDN: 1.522 triệu đồng
 - + Thuế GTGT đối với hoạt động thu hộ tiền bán căn hộ, nền đất tái định cư: 6.739 triệu đồng
 - + Thuế GTGT các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: 4.419 triệu đồng
- Số tiền chậm nộp thuế: 1.256 triệu đồng

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

- + Quỹ tiền lương thực hiện năm 2014: 55.997 triệu đồng
 - Người lao động (gồm XDCB): 53.863 triệu đồng
 - Viên chức quản lý: 2.134 triệu đồng
- + Quỹ tiền lương đã chi năm 2014: 53.656 triệu đồng
 - Người lao động (gồm XDCB): 52.175 triệu đồng
 - Viên chức quản lý (80%): 1.481 triệu đồng

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 17.954 triệu đồng, đạt 38,54% so với kế hoạch là 46.589 triệu đồng và giảm 33,34% so với thực hiện năm 2013 là 26.933 triệu đồng. Nguyên nhân giảm chủ yếu do doanh thu năm 2014 giảm so với năm 2013.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 17.954 triệu đồng, trong tháng 01/2015 Công ty đã nộp đầy đủ các khoản nợ này.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không có

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

Tổng sản lượng thực hiện năm 2014 đối với hoạt động công ích do Ủy ban nhân dân quận giao là 43.311 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch năm 2014, trong đó:

+ Vệ sinh công cộng: Sản lượng thực hiện là 18.724 triệu đồng đạt 100% kế hoạch 2014.

+ Chăm sóc cây xanh: Sản lượng thực hiện là 9.419 triệu đồng đạt 100% kế hoạch 2014.

+ Nạo vét hệ thống thoát nước: Sản lượng thực hiện là 13.150 triệu đồng đạt 100% kế hoạch 2014.

+ Duy tu đảm bảo giao thông: Sản lượng thực hiện là 2.018 triệu đồng đạt 100% kế hoạch 2014.

Tổng doanh thu thực hiện công ích trong năm (gồm cả công ích do Ủy ban nhân dân quận giao và cả phần Công ty chủ động nhận thầu bên ngoài) đạt 67.869 triệu đồng, đạt 102,82% so với kế hoạch 2014 là 66.005 triệu đồng và đạt 106,77% so với năm 2013.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Thực hiện Công văn số 839/UBND-TM ngày 26/02/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài Chính, Công ty đã thực hiện nộp khoản lợi nhuận còn lại năm 2013, 2014 sau khi trích lập các quỹ vào Ngân sách Nhà nước.

+ Ngày 03/01/2014 nộp 1.797 triệu đồng vào ngân sách nhà nước số lợi nhuận còn lại ước tính 09 tháng đầu năm 2013.

+ Ngày 08/4/2014 nộp 1.952 triệu đồng vào ngân sách nhà nước số lợi nhuận còn lại của cả năm 2013.

+ Ngày 12/8/2014 nộp 0,5 triệu đồng vào ngân sách nhà nước số lợi nhuận còn lại của cả năm 2013.

+ Ngày 30/3/2015 nộp 5.553 triệu đồng vào ngân sách nhà nước số lợi nhuận còn lại của cả năm 2014.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Công ty đã thực hiện các nội dung theo kết luận, kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Đoàn Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV (KTNN) như sau:

+ Đã điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo ý kiến kết luận của KTNN.

+ Nộp vào ngân sách Nhà nước số thuế KTNN xác định phải nộp tăng thêm: 18.525 triệu đồng (trong đó thuế GTGT: 17.990 triệu đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp: 535 triệu đồng).

+ Đối chiếu với Sở Tài chính và Ban quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm đối với các khoản thu, nộp tiền bán căn hộ chung cư, nền đất tái định cư.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Ngày 02/01/2014, Công ty đã thực hiện nộp tiền thuê đất từ năm 2006 đến năm 2011 số tiền 2.782 triệu đồng, nộp tiền đất do nhà nước trực tiếp quản lý giai đoạn 1 số tiền 3.500 triệu đồng vào ngân sách nhà nước theo Quyết định số 845/KL-TTTP-P.3 ngày 26/12/2012 của Thanh tra thành phố.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Công ty đã thực hiện việc nộp vào ngân sách nhà nước đối với khoản lợi nhuận còn lại của năm 2013 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 839/UBND-TM ngày 26/02/2014 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài Chính

II. Kết luận :

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

- + Phân loại doanh nghiệp – An toàn về tài chính:
- Mất an toàn về tài chính:

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	146.250	138.350	88.857	64,22%	60,76%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.163	137.350	87.038	63,37%	60,80%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.671	1.000	1.620	162%	60,65%
3	Thu nhập khác	417	-	199	-	47,72%
II	Tổng chi phí	138.588,897	132.060	82.449,36	62,43%	59,49%
1	Giá vốn hàng bán	120.460	115.033	66.921	58,18%	55,55%
2	Chi phí tài chính	196	-	(73)	-	-37,24%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-	-	-	-	-
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.932	17.027	15.575	91,47%	86,85%
5	Chi phí khác	0,897	-	26,360	-	2938,68%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	95%	95,45%	92,78%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	12,26%	12,3%	17,53%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	7.661	6.290	6.408	101,88%	83,65%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.245	6.290	6.236	99,14%	86,07%
2	Lợi nhuận khác	416	-	173	-	41,59%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 64,22% so với kế hoạch, giảm 39,24% so với thực hiện năm 2013. Doanh thu công ty chưa hoàn thành kế hoạch tài chính thành phố giao do không tham gia đấu thầu xây lắp các công trình từ 5 tỷ trở xuống theo qui

định về ưu đãi đấu thầu trong nước tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP, đồng thời không có công trình thi công giá trị lớn.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,96%, giảm 39,2 % so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,82%, giảm 39,35% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,22%, giảm 52,28 % so với thực hiện năm 2013.

Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng doanh thu nên không ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 62,43% kế hoạch, giảm 40,51% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 81,17%, giảm 44,45% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính -73.045.200 đồng, - 0,089%, giảm 137,24% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng: không có

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 18,89%, giảm 13,14% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,032%, tăng 2.939% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 92,78% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (95%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 17,53% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (12,26%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013 do năm 2014 phát sinh chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng và trợ cấp thôi việc. Chi phí quản lý là chi phí cố định hàng tháng phát sinh.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 101,88% kế hoạch, giảm 16,34% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.661	6.409	83,65%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.808	4.999	86,06%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	39.824	39.316	0,99
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	169.169	144.715	85,55%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	19,23	16,30	84,76%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,58	12,71	87,17%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	3,43	3,45	100,58%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,5 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 118.978triệu đồng/47.408triệu đồng).

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn theo các trường hợp sau: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 1,59 lần (62.349 triệu đồng/39.315 triệu đồng), nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	169.169	144.716
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	142.093	118.978
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	27.076	25.738
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	84	82
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16	18
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	169.169	144.716
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	96.230	62.349

2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	72.939	82.366
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	57	43
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43	57

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục các khoản phải thu khách hàng 43.436(triệu đồng) và khoản trả trước cho người bán 19.740 (triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm khoản 43% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ 57% tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 0,99$ (39.315 triệu đồng/39.823 triệu đồng), doanh nghiệp chưa bảo toàn được vốn. Nguyên nhân nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty năm trước đã trừ quỹ dự phòng tài chính căn cứ Biên bản thẩm định phương án xử lý tài chính và xác định vốn điều lệ chuyển Công ty Dịch vụ Công ích quận 3 thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 3 tại thời điểm 31/12/2009 để xử lý công nợ phải thu phân nộp truy thu nhà 120 Lý Thái Tổ.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư vào Ngân hàng Phương Nam dưới hình thức cổ phần. Số vốn góp là 750 triệu đồng tương đương 75.000 cổ phần và chưa được chia cổ tức do Ngân hàng vẫn đang lỗ lũy kế.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp không trang bị thêm tài sản trong năm 2014.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp không có thanh lý nhượng bán tài sản.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 63.749 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 1.642 triệu đồng, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1.024 triệu đồng và được Đoàn thanh tra thuế chấp nhận theo Quyết định số 2431/QĐ-TTr1 ngày 17/6/2013 của Cục thuế Thành phố. Đến ngày 24/11/2014 Đoàn kiểm tra thuế số 3 đến kiểm tra niên độ năm 2013 thì Đoàn kiểm tra đã giảm khoản dự phòng nợ khó đòi do khoản trích dự phòng chủ yếu các công trình xây dựng cơ bản. Các công trình xây dựng cơ bản được trích nguồn vốn từ ngân sách nhà nước do đó công ty chắc chắn sẽ được thanh toán nhưng không xác định được thời gian thanh toán tùy thuộc vào cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ trước khi sáp nhập vào Công ty; một số hoạt động XDCCB. Trong năm 2014, doanh nghiệp đã rà soát các khoản nợ công nợ khó đòi tăng do phải thu tiền thuê nhà và tiền thuê đất Công ty Bất Động sản Á Châu, Công ty Việt Mỹ. Doanh nghiệp cố gắng khắc phục, có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như: thường xuyên phát hành công văn đòi nợ, đối chiếu công nợ 6 tháng và cuối năm, họp hội đồng xử lý công nợ hàng tháng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 62.349 triệu đồng, trong đó nợ chưa đến hạn là 961 triệu đồng, nợ đến hạn 46.736 triệu đồng, nợ quá hạn 14.652 triệu đồng.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty không có huy động vốn.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Đến thời điểm 31/12/2014, doanh nghiệp không có thực hiện dự án.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Công ty không có Quyết định của cơ quan thuế về xử lý vi phạm về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty đã nộp Báo cáo quỹ lương kế hoạch và thực hiện 2014.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 121,68 % kế hoạch, 78,49 % so với thực hiện năm 2013.

Đến thời điểm 31/12/2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 10.148 triệu đồng. Công ty đã thực hiện nộp các khoản nghĩa vụ với số tiền 4.173

triệu đồng trong quý 1 năm 2015, các khoản thuế phải nộp tại 120 Lý Thái Tổ 4.235 triệu đồng đang chờ Cục thuế giải quyết

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty không hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Quét dọn vệ sinh: Khối lượng thực hiện là 254.249.290 m², tương đương 19.407 triệu đồng, đạt 93,23% kế hoạch do giảm diện tích quét mỗi bên lòng đường ban đêm từ 3m xuống 2m trong 02 tháng cuối năm.

- Duy tu mảng xanh, công viên: Khối lượng thực hiện là 6.243.063 m², tương đương 5.671 triệu đồng, đạt 93,60 % kế hoạch giảm diện tích do giảm mảng xanh Hoàng Sa từ tháng 4 năm 2014.

- Nạo vét cống: Khối lượng thực hiện là 60.387 md, tương đương 4.406 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Nạo vét hầm ga: Khối lượng thực hiện là 4.303 hầm, tương đương 1.700 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 1.420.188 tấn, tương đương 15.155 triệu đồng, đạt 105,40% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 64.318 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 61.102 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 18 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 14/18 chỉ đạo

- Không thực hiện: 4/18 chỉ đạo, do không nhận được văn bản chỉ đạo của UBNDTP, cụ thể:

Công văn số 512/UBND-CNN ngày 06/2/2014 về việc thực hiện báo cáo định kỳ triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2013-2015: Không thuộc đối tượng thực hiện và cũng không nhận được văn bản

Công văn số 1056/UBND-CNN ngày 12 tháng 3 năm 2014 về tình hình thu nộp cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp khác: Không nhận được văn bản của thành phố. Công ty không có Người đại diện vốn ở doanh nghiệp khác. Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp chưa được UBND thành phố phê duyệt.

Thông báo số 315/TB-VP ngày 28 tháng 4 năm 2014 về Thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng Quân về tình hình sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm 2014 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố: Công ty không có người đại diện vốn tại các doanh nghiệp khác nên không thuộc đối tượng thực hiện.

Công văn số 6245/UBND – CNN ngày 27 tháng 11 năm 2014 về quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại các TCTY, CTY TNHH 1TV 100% vốn NN thuộc TP: công ty không nhận được văn bản

- b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.
- c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có
- d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách. Công ty chưa hoàn thành kế hoạch đối với chỉ tiêu doanh thu do không tham gia đấu thầu xây lắp các công trình từ 5 tỷ trở xuống theo qui định về ưu đãi đấu thầu trong nước tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP, đồng thời không có công trình thi công giá trị lớn.

Doanh nghiệp đã chấp hành tốt các quy định hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 4**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.582.272	187.000	338.276	180,90%	21,38%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.569.388	187.000	334.795	179,03%	21,33%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	616		283		45,94%
3	Thu nhập khác	12.268		3.198		26,07%
II	Tổng chi phí	1.393.811	0	245.038		17,58%
1	Giá vốn hàng bán	1.367.191		193.957		14,19%
2	Chi phí tài chính	0				
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>0</i>				
3	Chi phí bán hàng	0				
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.604		43.663		184,98%
5	Chi phí khác	3.016		7.418		245,95%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	88,09%	0,00%	72,44%		82,23%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	1,49%	0,00%	12,91%		865,24%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	188.461		93.238		49,47%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	179.209		97.458		54,38%
2	Lợi nhuận khác	9.252	0	-4.220		-45,61%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 180,9% so với kế hoạch, giảm 78,62% so với thực hiện năm 2013.

Năm 2014 so với 2013, doanh thu đã giảm rất lớn (thực hiện 2014 chỉ bằng 21,4% thực hiện 2013) nguyên nhân chính là do năm 2013 hoàn thành 3 lô A, D, E chung cư Belleza nên kết chuyển toàn bộ doanh thu đã bán các căn hộ ở chung cư này trong các năm trước, trong đó doanh thu kết chuyển khi bàn giao giá trị căn hộ liên doanh giữa công ty và Sacomreal (doanh thu Sacomreal 865.681.309.668

đồng). Doanh thu dịch vụ công ích vẫn ổn định và đảm bảo chất lượng môi trường trên địa bàn quận. Năm 2014 so với kế hoạch được giao vượt gần 81% nguyên nhân chính do doanh thu bất động sản tăng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,97%, giảm 0,21% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,08%, tăng 0,04% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,95%, tăng 0,17% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 giảm 82,42% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 79,15%, giảm 18,94% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 17,82%, tăng 16,13% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 3,03%, tăng 2,81% so với thực hiện năm 2013.

Chi phí 2014 giảm so với 2013 chiếm tỉ lệ 17,58% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

+ Giá vốn: bằng 14,2% so với cùng kỳ nguyên nhân chính là do doanh thu bất động sản giảm nên các yếu tố phụ thuộc giảm theo tương ứng, do tỉ lệ giá vốn giảm nhiều hơn so với tỉ lệ của doanh thu nên lợi nhuận cũng giảm nhưng vẫn tăng so với kế hoạch.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 85 % so với cùng kỳ chủ yếu là do chi phí điện nước, điều chỉnh lương theo qui định mặt bằng lương, trợ cấp thôi việc...

+ Chi phí khác tăng 146% so với cùng kỳ, nguyên nhân là do chênh lệch tỉ giá, chênh lệch vàng của nhiều năm trước đây, bên cạnh đó khoản chi phí điều chỉnh dự án.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 72,44% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (88,09%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,91% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (1,49%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận năm 2014 giảm so với 2013 (bằng 49,5% so với 2013) nguyên nhân kết chuyển lãi lỗ các doanh thu bất động sản và giảm doanh thu so với năm 2013 như nêu trên. So với kế hoạch tăng 284,97% là do xác định lãi lỗ khi làm chủ quyền các công trình bất động sản.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	188.461	93.238	49,47%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	131.157	71.312	54,37%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	150.501	172.195	114,41%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	2.190.014	2.284.314	104,31%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	125,22%	54,15%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	87,15%	41,41%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	5,99%	3,12%	

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013 do doanh thu năm 2014 giảm mạnh dẫn đến lợi nhuận giảm.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,30 lần (=Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 2.020.597 triệu đồng/1.559.326 triệu đồng): doanh nghiệp đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 8,74 vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ do trong tổng nợ phải trả 1.996.589 triệu đồng có khoản tiền nhận trước của khách hàng mua nền đất, căn hộ của dự án (807.929 triệu đồng), nhận của đối tác liên doanh để thực hiện dự án (443.724 triệu đồng), phải nộp thuế và các khoản phí lệ phí (189.673 triệu đồng). Tuy nhiên, các khoản nợ này đã được đảm bảo bằng hàng tồn kho, sản phẩm dở dang của các dự án là 1.831.008 triệu đồng.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.190.014	2.284.314
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	2.030.736	2.020.597
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	159.278	263.717

3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92,73%	88,46%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	7,27%	11,54%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	2.190.014	2.284.313
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.920.804	1.996.589
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	269.210	287.724
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,71%	87,40%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,29%	12,60%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho (1.831.008 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,14$. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Công ty có góp vốn liên doanh 5 tỷ đồng với Công ty cổ phần Đay Sài Gòn (do Công ty Cổ Phần Đay là chủ đầu tư) để thực hiện dự án tại số 1 Tôn Thất Thuyết, phường 1, quận 4. Phương án liên doanh là chia sản phẩm, phần của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 4 là bố trí tái định cư. Dự án đã xây dựng và hoàn thành năm 2005, đang chờ Chủ đầu tư quyết toán. Cty TNHH MTV DVCI Q4 đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở Công ty cổ phần Đay Sài Gòn quyết toán dự án này, dự kiến năm 2015 sẽ quyết toán xong.

Dự án tại số 1 Tôn Thất Thuyết, phường 1, quận 4 góp vốn với Công ty cổ phần Đay Sài Gòn được thực hiện với phương án liên doanh là chia sản phẩm.

Trong năm 2014 Công ty không phát sinh đầu tư vốn ra ngoài hay thoái vốn.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong năm 2014 Công ty không mua sắm tài sản thêm mà tập trung khai thác các tài sản cố định hiện có

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp không có thanh lý nhượng bán tài sản.

- Quản lý công nợ phải thu:

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	TH 2013 so TH 2012
Phải thu khách hàng	25.362	33.688	132,83%
Phải thu khác	60.662	60.507	99,75%
Dự phòng nợ khó đòi	(817)	(817)	

Khoản phải thu của khách hàng tăng 8,326 tỷ tương ứng 32,83% so với cùng kỳ, chủ yếu là khoản quyết toán các công trình công ích như vệ sinh thoát nước, văn phòng cho thuê... nhưng sang tháng 1,2 năm 2015 thì đều được thanh toán ngay

c. Quản lý nợ phải trả:

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	TH 2013 so TH 2012
Tổng nợ phải trả	1.920.803	1.996.589	103,94%
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>			

Nợ phải trả 2014 tăng 3,94% chủ yếu là do tăng từ khoản vay ngân hàng để hoàn chỉnh lô C Chung cư Phú Mỹ là 67,758 tỷ, bên cạnh đó khoản vay ngắn hạn giảm rất lớn. Công ty không có nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Năm 2014, công ty chỉ vay ngân hàng, không huy động vốn từ các nguồn khác

Nợ vay đầu kỳ: 465.025.513.203 đ

Tăng trong kỳ: 86.227.782.090 đ

Giảm trong kỳ: 147.073.168.361 đ

Nợ vay cuối kỳ: 404.180.126.932 đ

Công ty cũng chú ý tập trung nguồn vốn để giảm nợ vay ngân hàng để tiết giảm chi phí và tình hình quản lý nợ

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

• Các dự án thuộc nhóm A: gồm 4 dự án với tổng mức dự toán đầu tư là 3.697 tỷ đồng, cụ thể như sau:

+ Chung cư 430 Nguyễn Tất Thành với tổng mức dự toán đầu tư là 595.896 triệu đồng. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 150.754 triệu đồng.

+ Chung cư 299 Tôn Thất Thuyết với tổng mức dự toán đầu tư là 1.163.329 triệu đồng. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 599.624 triệu đồng.

+ Chung cư Phú Mỹ Q.7 lô C với tổng mức dự toán đầu tư là 544.172 triệu đồng. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 254.784 triệu đồng.

+ Chung cư Belleza Phú Mỹ Q.7 lô A,D,E với tổng mức dự toán đầu tư là 1.393.948 triệu đồng. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 312.087 triệu đồng.

• Các dự án thuộc nhóm B: gồm 3 dự án với tổng mức dự toán đầu tư là 721,398 tỷ đồng, cụ thể như sau:

+ Cao ốc số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4 với tổng mức dự toán đầu tư là 163.387 triệu đồng. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 160.697 triệu đồng.

+ Chung cư P.8, Q.4 lô H2 Hoàng Diệu với tổng mức dự toán đầu tư là 307.450 triệu đồng. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 162.331 triệu đồng.

+ Chung cư P.6, Q.4 lô H3 Hoàng Diệu với tổng mức dự toán đầu tư là 250.561 triệu đồng. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện một số hạng mục với tổng chi phí là 21.436 triệu đồng.

Hầu hết các dự án trên công ty đã có nhiều cố gắng nhưng không hoàn thành tiến độ, nguyên nhân chính là các dự án đều phải điều chỉnh quy mô, thiết kế phù hợp với quy hoạch chung theo quy định.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty đã nộp Báo cáo tiền lương thực hiện năm 2014.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 370,1% kế hoạch, giảm 54% so với thực hiện năm 2013 do năm 2014 công ty vẫn tiếp tục kê khai và nộp các khoản ứng trước hoạt động bất động sản, nhưng giảm so với 2013 là do doanh thu và lợi nhuận giảm.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích: Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động 1 (vệ sinh môi trường): Khối lượng thực hiện là 62.204m², đạt 100% kế hoạch, đạt 83,42% so với cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động 2 (duy tu):

+ Thông lòng cống: Khối lượng thực hiện là 60.519m, đạt 99,9% kế hoạch, tăng 1,45% so với cùng kỳ năm trước.

+ Vét hầm ga: Khối lượng thực hiện là 7.212 hầm, đạt 99,97% kế hoạch, tăng 1,53% so với cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động 3 (cây xanh hoa viên): Khối lượng thực hiện là 26.783m², đạt 100% kế hoạch, đạt 100% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm công ích năm 2013 là 15.845 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 74,45% trên doanh thu hoạt động công ích (21.282 triệu đồng). Đây là hoạt động mang tính chất an sinh xã hội.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

-Tập trung xử lý các khoản công nợ.

-Nộp ngân sách các khoản thuế, nợ ngân sách của năm 2013

Thực hiện kiến nghị của Thanh tra cục Thuế

-Tập trung nộp ngân sách của khoản thuế 2011,2012

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong năm 2014, doanh nghiệp hoàn thành vượt mức đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách. Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.

Phân loại doanh nghiệp – An toàn về tài chính

– Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 5**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	224.952	148.998	147.030	98,68%	65,36%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	224.265	148.000	139.443	94,22%	62,18%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	466	500	1.357	271,40%	291,20%
3	Thu nhập khác	221	498	6.230	1.251,00%	2.819,00%
II	Tổng chi phí	221.443	142.180	139.845	98,36%	63,15%
1	Giá vốn hàng bán	191.821	126.600	124.206	98,10%	64,75%
2	Chi phí tài chính	2.874	2.535	2.293	90,45%	79,78%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>2.874</i>	<i>2.535</i>	<i>2.293</i>		
3	Chi phí bán hàng	7.239	500	333	66,60%	4,60%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.207	12.000	12.236	101,97%	100,23%
5	Chi phí khác	7.302	545	777	142,57%	10,64%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	98,4	95,4	95,1		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	5,4	8	8,3		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.507	6.818	7.184	105,37%	204,85%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.589	6.865	1.732	25,23%	16,36%
2	Lợi nhuận khác	-7.082	-47	5.452		

1.1. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 98,68% so với kế hoạch, giảm 34,64% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân, doanh thu không đạt kế hoạch chủ yếu là do nguồn thu từ việc chuyển nhượng vốn của dự án Tân Đà - Hàm Tử chỉ đạt 584 triệu đồng (phần lãi từ chuyển nhượng) so với kế hoạch đề ra là 16 tỷ đồng (tổng giá trị chuyển nhượng). Ngoài ra, doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản giảm, chỉ đạt 39% so với kế hoạch đề ra.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 94,84% trong tổng doanh thu, giảm 37,82% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu kinh doanh bất động sản năm 2014 (54,49 tỷ đồng) giảm mạnh so với năm 2013 (139,443 tỷ đồng).

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,92% trong tổng doanh thu, tăng 191,2% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân tăng cao là do trong năm 2014 đơn vị có phát sinh phân lãi từ việc chuyển nhượng vốn góp của dự án Khu liên hợp nhà ở - Văn phòng - Thương mại Tân Đà - Hàm Tử với số tiền là 584 triệu đồng và thu hoạt động tài chính khác là 336 triệu đồng.

+ Thu nhập khác chiếm 4,24% trong tổng doanh thu, tăng 2.719% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân tăng cao là do trong năm 2014, đơn vị hạch toán điều chỉnh giảm chi phí để bổ sung tăng thu nhập khác (theo biên bản kiểm tra quyết toán năm 2012 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp) với tổng số tiền là 6.018 triệu đồng.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 của đơn vị chủ yếu từ các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, chiếm 94,84% trong tổng doanh thu nhưng chỉ đạt 98,68% so với kế hoạch. Bên cạnh đó, các khoản thu nhập còn lại tuy đều thu vượt rất cao so với kế hoạch nhưng lại chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với tổng doanh thu.

1.2. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 98,36% so với kế hoạch, giảm 36,85% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 88,82% trên tổng chi phí, giảm 35,25% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 1,64% trên tổng chi phí, giảm 20,22% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,24% trên tổng chi phí, giảm 95,4% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,75% trên tổng chi phí, tăng 0,23% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,55% trên tổng chi phí, giảm 89,36% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, tổng chi phí trong năm 2014 bằng 95,11% so với tổng doanh thu thực hiện và có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (bằng 98,44%). Nhìn chung Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ công ích có thực hiện tiết giảm chi phí so với năm 2013. Tuy nhiên, chi phí quản lý doanh nghiệp lại chiếm 8,32% so với tổng doanh thu thực hiện và tăng so với thực hiện năm 2013 (chiếm 5,43%).

13. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của đơn vị tăng 5,37% so với kế hoạch và tăng 104,85% so với thực hiện năm 2013 nhưng lợi nhuận này không phải thu được từ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chính của đơn vị mang lại. Bởi vì:

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ của đơn vị giảm nhiều so với kế hoạch, chỉ đạt 25,23% và chỉ bằng 16,36% so với lợi nhuận thực hiện trong năm 2013 nhưng lợi nhuận khác lại tăng cao so với kế hoạch, cụ thể số kế hoạch là - 47 triệu đồng nhưng số thực hiện là 5.452 triệu đồng. Nguyên nhân đạt cao là do đơn vị điều chỉnh giảm chi phí (theo biên bản kiểm tra quyết toán năm 2012 của Chi cục Tài chính doanh nghiệp) và hạch toán tăng nguồn thu nhập khác.

- Ngoài ra, việc hạch toán vào thu nhập khác và chi phí khác của đơn vị trong hai năm 2013 và 2014 có sự biến động, không tương xứng. Cụ thể:

+ Trong năm 2013 :

* Thu nhập khác : 220, 88 triệu đồng

* Chi phí khác : 7, 3 tỷ đồng

* Lỗ : 7,08 tỷ đồng

+ Trong năm 2014:

* Thu nhập khác : 6, 230 tỷ đồng

* Chi phí khác: 777, 4 triệu đồng.

* Lãi : 5,45 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

2.1. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.507	7.184	204,85%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.618	5.177	197,75%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	90.706	90.706	100,00%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	807.353	767.650	95,08%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	3,86	7,92	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,88	5,7	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,32	0,67	

Qua phân tích, đánh giá các số liệu ở bảng trên cho thấy trong năm 2014, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 5 sử dụng vốn có cao hiệu quả hơn năm 2013.

2.2. Khả năng thanh khoản:

Theo số liệu báo cáo tài chính của đơn vị, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là **2,5** lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 628.512 triệu đồng/245.754 triệu đồng). Tuy nhiên, khoản chi phí đầu tư xây dựng các căn hộ chung cư lô B Phan Văn Trị, chung cư Hùng Vương, Nguyễn Trãi và chung cư Ngô Quyền (nhận bàn giao từ Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình Quận 5) chưa được đơn vị hạch toán trích trước chi phí và thể hiện công nợ còn phải nộp ngân sách quận từ nguồn thu bán các căn hộ chung cư này. Do đó, hệ số 2,5 lần chưa phản ánh đúng khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của đơn vị.

2.3. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là **4,71** vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP.

Doanh nghiệp có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vượt quá 3 lần do doanh nghiệp thực hiện huy động vốn đầu tư các dự án là 242.815 triệu đồng, nhưng hiện nay các dự án đều tạm dừng. Ngoài ra, doanh nghiệp còn thực hiện trích trước chi phí đầu tư cho khu dân cư Vĩnh Lộc là 101.654 triệu đồng.

2.4. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	763.653	771.648
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	615.522	628.512
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	148.131	143.136
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,60	81,45
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,40	18,55
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	763.653	771.648
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	584.420	587.847
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	112.065	124.577
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	76,53	76,18
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	14,67	16,14

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho là 426, 186 tỷ đồng và các khoản phải thu khác là 119,652 tỷ đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, nhưng lại chiếm tỷ lệ cao (76,18%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 16,14% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

2.5. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$ và doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

3.1. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

3.1.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, đơn vị đã đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 5,7 tỷ đồng, bao gồm:

- Đầu tư vào Công Ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 30-4: 4, 5 tỷ đồng
- Đầu tư vào Công Ty TNHH Bất động sản Tam Đức : 1 tỷ đồng
- Đầu tư vào Công Ty TNHH TM Đại Thế Giới : 200 triệu đồng

3.1.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức và lợi nhuận được chia, đơn vị đã nhận được là 8,5 triệu đồng, tương đương 0,15% trên tổng giá trị vốn đầu tư, trong đó:

- Cổ tức được chia từ hoạt động góp vốn vào Quỹ tín dụng nhân dân Chợ Lớn: 8,5 triệu đồng, tỷ lệ 17% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

- Do việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 30-4, Công ty TNHH Bất động sản Tam Đức và Công Ty TNHH Thương mại Đại Thế Giới đã tạm dừng nên không phát sinh lợi nhuận hay cổ tức.

3.1.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển 30-4			4.500			4.500	
2	Công ty TNHH BĐS Tam Đức	1.000					1.000	
3	Công ty TNHH TM Đại Thế Giới	200					200	
4	Quỹ tín dụng nhân dân Chợ Lớn	50			50			
Tổng cộng		1.250		4.500	50		5.700	

3.2. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

3.2.1 Quản lý tài sản:

- Việc mua sắm tài sản trong năm 2014 của đơn vị phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đơn vị thực hiện việc trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Đơn vị đã tổ chức thanh lý nhượng bán một số tài sản đã khấu hao hết với nguyên giá là 316 triệu đồng đúng theo quy định.

3.2.2 Quản lý công nợ phải thu:

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 157,492 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 57,968 tỷ đồng và đơn vị đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 20 tỷ đồng.

Công nợ khó đòi của đơn vị chủ yếu là các khoản còn phải thu của Ông Phan Việt Tiến - Đội thi công 3, trong năm 2014 không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

3.2.3. Quản lý nợ phải trả:

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng nợ phải trả của đơn vị là 587,847 tỷ đồng, trong đó nợ đến hạn là 90,418 tỷ đồng, đơn vị không có nợ phải trả quá hạn.

3.2.4. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 282,815 tỷ đồng, trong đó:

+ Vay Ngân hàng NN & PTNT : 40 tỷ đồng.

+ Tiền đầu tư của các đơn vị : 242,815 tỷ đồng.

- Việc huy động vốn, đơn vị sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư các dự án : 242,815 tỷ đồng.

+ Bổ sung vốn lưu động : 40 tỷ đồng.

3.2.5. Tình hình đầu tư tài sản: không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

4.1. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, đơn vị chưa nhận được Quyết định kiểm tra của cơ quan thuế.

4.2. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, quỹ lương thực hiện của người lao động là 38,386 tỷ đồng và quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách và thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách là 2,338 tỷ đồng. Doanh nghiệp đã chi trả tiền lương cho người lao động là 36,319 tỷ đồng và cho viên chức quản lý chuyên trách là 2,3 tỷ đồng.

4.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Trong năm, số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 36,8 tỷ đồng, đạt 150,56% kế hoạch, tăng 850% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân tăng so với năm 2013 và vượt kế hoạch là do các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp tăng, các dịch vụ công ích chuyển từ không chịu thuế GTGT chuyển sang hoạt động chịu thuế GTGT, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Ngoài ra, còn phát sinh phải nộp thuế nhà đất và tiền thuê đất với số tiền là 12,365 tỷ đồng.

Đến cuối năm 2014, đơn vị còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 19,701 tỷ đồng.

4.4. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Đơn vị không có Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích.

Đơn vị hoàn thành ở mức tương đối kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích và chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động vệ sinh, quét dọn thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 251.491.823 m², tương đương 19, 624 tỷ đồng, đạt 86,6% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do giảm diện tích quét thu gom rác đường phố theo Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng.

- Hoạt động chăm sóc, bảo dưỡng công viên: Khối lượng thực hiện là 23.107.558 m², tương đương 7, 367 tỷ đồng, đạt 97% so với kế hoạch.

- Hoạt động duy tu thoát nước: Khối lượng thực hiện:

+ Nạo vét hầm ga hẻm cấp 4 là 5.355cái;

+ Thông lòng cống hẻm cấp 4 là 44.298md;

+ Nạo vét hầm ga hẻm cấp 3 là 704 cái;

+ Thông lòng cống hẻm cấp 3 là 11.733md,

Tổng giá trị thực hiện là 6, 117 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 58.562,55 tấn, tương đương 7,989 tỷ đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích (theo đơn giá tạm tính) là 41.097 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 41.396 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

6.1. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Đơn vị đã thực hiện 14/20 ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6.2. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong những năm qua, đơn vị cũng đã chủ động thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước nhưng vẫn còn một số kiến nghị chưa thực hiện xong do đơn vị gặp khó khăn về tài chính. Cụ thể như sau:

- Chưa thu hồi hết số tiền **5.133.362.462 đồng** do tăng đơn giá cho thuê nhà của 22 căn nhà cho thuê sản xuất kinh doanh (SXKD) và nộp bổ sung thuế giá trị gia tăng số tiền **1.249.421.593 đồng** của khoản phát sinh trên.

- Nộp bổ sung lợi nhuận sau thuế cho thuê nhà tạm giữ tính đến ngày 31/12/2010 (thời điểm kiểm tra của Đoàn Kiểm toán nhà nước) số tiền **2.702.907.315 đồng**

- Nộp ngân sách số tiền **9.780.000.000 đồng** do Ủy ban nhân dân Quận 5 chuyển cho Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 5 từ nguồn trích khấu hao cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước để sửa chữa nhà ở nhưng chưa sử dụng hết.

6.3. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Hiện tại, đơn vị chưa thực hiện xong 02 nội dung theo kiến nghị của Thanh tra Thành phố tại Kết luận thanh tra số 32/KL-TTTP-KT1 ngày 20 tháng 01 năm 2010. Cụ thể như sau:

- **Tại dự án xây dựng chung cư 1015 Trần Hưng Đạo:** Công ty chưa thực hiện thu hồi khoản nợ phải thu số tiền: **1.555.535.800 đồng** của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Phú Hào (là đơn vị đã nhận chuyên nhượng dự án xây dựng Cao ốc văn phòng tại 1015 Trần Hưng Đạo, Quận 5 từ năm 2009).

- **Tại dự án 107 – 107B Trung tâm Thương mại – Giải trí – Văn phòng Trần Hưng Đạo:** Chưa thực hiện trả khoản tiền nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hồng Quang **85,444 tỷ đồng** (đây là khoản tiền Công ty Hồng Quang đóng hộ tiền sử dụng đất tại khu đất 107B Trần Hưng Đạo Quận 5) do Quận 5 đang làm thủ tục trình duyệt giá bán đấu giá (đã đo vẽ lại khu đất để thuê thẩm định lại giá theo yêu cầu của Sở Tài chính).

6.4. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Đơn vị đã thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Tài chính.

II. Kết luận của đơn vị được ủy quyền nhiệm vụ quản lý:


Trong năm 2014, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích quận 5 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách, nhưng không hoàn thành kế hoạch đối với chỉ tiêu doanh thu do doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản giảm.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

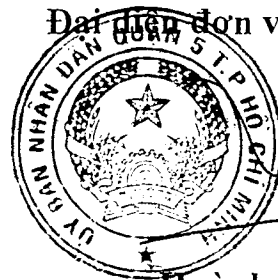
Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

Quận 5, ngày 29 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu


Trần Minh Sang

Đại diện đơn vị được ủy quyền




Huỳnh Thị Thảo

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014 so Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	94.575	84.561	86.663	102.49	91.63
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.577	83.819	85.921	102.5%	91.8%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	881	613	613	100%	69.58%
3	Thu nhập khác	117	129	129	100%	110.26%
II	Tổng chi phí	83.880	76.605	77.796	101.55%	92.75%
1	Giá vốn hàng bán	72.128		71.052		98.51%
2	Chi phí tài chính	0		0		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.747		6.743		57.4%
5	Chi phí khác	5		1		20%
III	Tổng chi phí / tổng doanh thu (%)	88.69		89.77		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	12.42		7.78		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.695	7.956	8.867	111.45%	82.91%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.583		8.739		82.58%
2	Lợi nhuận khác	112		128		114.29%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 102.49% so với kế hoạch, giảm 8,37% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,14% tổng doanh thu, giảm 8.18% so với thực hiện năm 2013;

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,71% so tổng doanh thu, giảm 30.42% so với thực hiện năm 2013 do lãi suất tiền gửi năm 2014 giảm mạnh;

+ Thu nhập khác chiếm 0,15% so tổng doanh thu, Tăng 10.26% so với thực hiện năm 2013, do trong năm 2014 thu hồi khoản nợ cũ tiền thuê nhà SXKD thuộc SHNN (Ông Châu Đệ mặt bằng 241/21 Bis Nguyễn Văn Luông P.10 Q.6) 127.240.864 đồng.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 101.55% kế hoạch, giảm 7.25% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 91.331% so với tổng chi phí, giảm 1.49% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính và chi phí bán hàng trong năm 2014: không phát sinh;

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8.67 % tổng chi phí, giảm 42.6% so với thực hiện năm 2013 do năm 2013 phát sinh chi phí tiền thuê đất là 4.914 triệu đồng.

+ Chi phí khác chiếm 0,0013% so với tổng chi phí, giảm 80% so với thực hiện năm 2013 do trong năm 2013 phát sinh chi phí thẩm định xe Lavi và xe ép;

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 89.77% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (88,69%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 100,97% kế hoạch, giảm 17.09% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10.695	8.867	82.91%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8.022	6.916	86.21%
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Tr.đồng	47.931	27.139	56.62%
4	Tổng tài sản	Tr.đồng	116.867	119.183	101.98%

5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	22.31%	32.67%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16.74%	25.48%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	6.86%	5.8%	

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,64 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 63.100 triệu đồng/23.905 triệu đồng) Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 1.1 lần, nằm trong giới hạn cho phép

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	119.206	119.159
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	63.044	63.100
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	56.162	56.059
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	52.89%	52.95%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	47.11%	47.05%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	119.206	119.159
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	36.291	33.538
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	82.915	85.621
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30.44	28.15
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69.56	71.85

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ cao hơn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục Tiền 58.842 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ rất cao trong nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2013 của doanh nghiệp là $H = 1.05$. Công ty bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh thanh lý, nhượng bán tài sản.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 28.691 triệu đồng. Công nợ phải thu khó đòi là 0 đồng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 33.538 triệu đồng. Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không có

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đầu tư 276 triệu đồng mua thùng container phục vụ cho hoạt động vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn quận 6.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, doanh nghiệp tuân thủ và chấp hành chính sách thuế đúng quy định.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, doanh nghiệp tuân thủ và chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 111,48% kế hoạch, giảm 27,01% so với năm 2013.

Số nộp ngân sách năm 2014 giảm so với năm 2013 do thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp giảm so với năm 2013.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không có

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động quét, vệ sinh đường phố: khối lượng thực hiện là 337.040.318 m², tương đương 24.624 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động duy tu hệ thống thoát nước: khối lượng thực hiện là 137.157 m³ cống và 10.860 hầm ga, tương đương 14.609 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động chăm sóc hoa viên: khối lượng thực hiện 64.994,98 m², tương đương 8.899 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 44.566 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 36.395 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

Căn cứ báo cáo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6 về thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2014: Trong năm 2014, Công ty thực hiện đầy đủ 12/16 chỉ đạo, còn 4/16 chỉ đạo tại Công ty không có phát sinh bao gồm: công văn số 1056/UBND-CNN ngày 12/3/2014; Thông báo số 315/TB-VP ngày 28/4/2014; công văn số 4026/UBND-CNN ngày 15/8/2014, công văn số 6245/UBND-CNN ngày 27/11/2014.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong năm 2014, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách. Doanh nghiệp chấp hành đúng các quy định hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
 - Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	NĂM 2014		TỶ LỆ	
			Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	153.203	154.500	154.501	100%	100,85%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.652	151.000	150.698		
2	Doanh thu hoạt động tài chính	3.518	3.300	3.578		
3	Thu nhập khác	33	200	225		
II	Tổng chi phí	144.832	146.030	145.897	99,91%	100,73%
1	Giá vốn hàng bán	136.196	135.800	137.213		
2	Chi phí tài chính	486	1.550	952		
	<i>Trong đó: lãi vay</i>	<i>226</i>	<i>350</i>	<i>199</i>		
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.053	8.500	7.525		
5	Chi phí khác	97	180	207		
III	Tổng chi phí / Tổng doanh thu	94,54%	94,52%	94,43%		
	Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Tổng doanh thu (%)	5,25%	5,5%	4,87%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.371	8.470	8.604	101,6%	102,78%
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.435	8.450	8.586		
2	Lợi nhuận khác	-64	20	18		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 100% so với kế hoạch, tăng 0,85% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu năm 2014 như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,5% trên tổng doanh thu, tăng 0,7% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,3% trên tổng doanh thu, tăng 1,7% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,2% trên tổng doanh thu, tăng 681,8% so với thực hiện năm 2013.

Thu nhập khác biến động nhiều nhưng chiếm tỷ lệ nhỏ trên tổng doanh thu, do trong năm có bán thanh lý một số tài sản đã khấu hao xong nhưng còn giá trị thu hồi.

Như vậy doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 99,91% kế hoạch, tăng 0,73% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 94,05%, tăng 0,75% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,65%, tăng 195,8% so với thực hiện năm 2013; (chi phí tài chính tăng cao do chi phí trực tiếp tại các mặt bằng hợp tác kinh doanh tăng như chi phí quản lý, tiền thuê đất, lãi tiền vay NH, ...)

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,15%, giảm 6,55% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,14%, tăng 213,4% so với thực hiện năm 2013 (chi phí khác tăng cao so với năm 2013 do điều chỉnh quyết toán cắt giảm kinh phí các công trình các năm trước nhưng chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng chi phí nên không ảnh hưởng nhiều)

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 94.43% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (94.54%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4.87% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (5.25%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 101,6% kế hoạch, tăng 2,78% so với thực hiện năm 2013, do năm 2014 đơn vị đã thực hiện tiết giảm CPQL so với năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.369	8.603	102,8%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.276	6.710	106,9%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	22.972	23.972	104,3%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	96.265	110.078	114,3%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	36,44	35,89	98,5
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	27,32	27,99	102,45
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	6,52	6,1	93,56

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là **1,53 lần** (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 103.789 triệu đồng/67.868 triệu đồng). **Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.**

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn theo các trường hợp sau:

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là **3 lần, nằm trong giới hạn cho phép.**

Nợ phải trả của đơn vị chủ yếu là tiền hàng phải trả cho các nhà cung cấp vật tư thi công công trình, nợ vay ngân hàng, nợ lương của người lao động, ...

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	95.891	124.267
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	76.855	103.789
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	19.036	20.478

3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,15	83,52
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,85	16,48
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	95.891	124.267
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	50.357	72.085
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	45.534	52.182
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	52,51	58,01
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	47,49	41,99

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tiền và tương đương tiền 22.475 (triệu đồng), phải thu ngắn hạn 68.550 (triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp ổn định, khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ lệ 55.1 % trên tổng tài sản, các khoản nợ này đã được chủ đầu tư chi trả trong 2 tháng đầu năm 2015 khoảng 50% tổng nợ (do hồ sơ nghiệm thu rơi vào thời điểm cuối năm nên chủ đầu tư không thanh toán kịp thời).

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu từ quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 23.972/22.972 = 1,04$ doanh nghiệp đã bảo toàn/phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 650 triệu đồng, số vốn này được đầu tư từ đầu năm 2010, doanh nghiệp liên doanh, liên kết với Công ty CP đầu tư Thành Hiếu để xây dựng nghĩa trang xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, Long An, tổng mức đầu tư khoảng 200 tỷ đồng, tỷ lệ công ty nắm giữ là 49%, hiện đã đầu tư 650 triệu đồng.

Việc liên doanh này chưa phát sinh lợi nhuận, do Công Ty CP đầu tư Thành Hiếu đang khó khăn về tài chính do đó dự án chưa được triển khai các bước tiếp theo.

Hiện doanh nghiệp đang làm việc với công ty CP đầu tư Thành Hiếu để thoái vốn đầu tư.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là: không có

Trường hợp đã được chia cổ tức, lợi nhuận theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị nhưng chưa thu: không có.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Đầu kỳ		Tăng	Giảm		Cuối kỳ	
		Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)	Giá trị đầu tư tăng thêm	Giá trị hạch toán trên sổ sách	Giá trị chuyển nhượng	Giá trị đầu tư theo sổ sách	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ tại DN khác (%)
1	Công ty Cổ phần đầu tư Thành Hiếu	650	49%				650	49%

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều lệ hoạt động và quy chế đầu tư mua sắm tài sản của công ty, (các dự án đầu tư dưới 50% vốn điều lệ do HĐQT phê duyệt, trên 50% vốn điều lệ phải trình chủ sở hữu phê duyệt).

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp có thanh lý nhượng bán một xe ép rác số 57K 1018 với nguyên giá là 278 triệu đồng, giá trị còn lại là 0 triệu đồng

(theo công văn số 484/TCDN-CN ngày 30/05/2013 của Chi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp về thanh lý xe ép rác biển số 57K 1018 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 7)

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 68.550 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 0 triệu đồng, và không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Nợ phải thu của đơn vị chủ yếu là khoản phải thu khách hàng là chủ đầu tư các công trình XDCB mà công ty đã thi công và được nghiệm thu nhưng chưa thanh toán, một phần của khoản nợ này được thanh toán trong quý 1/2015; ngoài ra hoạt động cung cấp dịch vụ công ích quý 4/2014 của công ty cũng được nghiệm thu vào cuối năm 2014 nhưng chưa được thanh toán làm khoản nợ phải thu tăng cao so với năm trước.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 72.085 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

Nợ phải trả của công ty chủ yếu là khoản nợ các đơn vị cung cấp vật tư, dịch vụ cho việc thi công các công trình và cung cấp dịch vụ công ích (phần nhiều chưa đến hạn thanh toán, công ty đã chủ động vay vốn ngân hàng để thanh toán một phần nợ cho khách hàng, các khoản nợ còn lại công ty đã cân đối thanh toán khi được chủ đầu tư thanh toán tiền thi công công trình.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 8.679 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng : 8.679 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 8.679 triệu đồng.

d. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- **Dự án 1:** Xây dựng trạm kinh doanh bán lẻ xăng dầu Đào Trí

+ Tổng mức vốn đầu tư: 3.500 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: nguồn vốn kinh doanh tại đơn vị

+ Thời gian hoàn thành: năm 2015

+ Tiến độ thực hiện: 70%

Dự án 2 : Trạm rác ép kín:

+ Đang tiến hành các thủ tục đầu tư.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 12.500 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Ngân sách NN

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 cơ quan thuế thanh tra tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế tại công ty của các năm 2008 đến năm 2011, đã có Quyết định số 38/QĐ-CT-XP ngày 06/01/2015 truy thu thuế GTGT 68.348.988 đồng, thuế TNDN 44.658.470 đồng, phạt chậm nộp theo quy định của luật thuế 70.332.011 đồng, phạt kê khai sai, thiếu thuế 10.778.910 đồng (Công ty đã thực hiện nộp tiền đầy đủ vào ngân sách nhà nước ngày 13/01/2015).

Tiền thuế GTGT chủ yếu là thu tiền thuê nhà thuộc SHNN mà không tính thuế GTGT của năm 2008-2009.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý.

- Tiền lương của người lao động:

+ Tổng quỹ lương năm 2014: 27.798 triệu đồng

+ Số đã chi trong năm: 21.482 triệu đồng

+ Số còn lại cuối năm: 6.316 triệu đồng

- Tiền lương của viên chức quản lý:

+ Tổng quỹ lương năm 2014: 2.044 triệu đồng

+ Số đã chi trong năm: 1.307 triệu đồng

+ Số còn lại cuối năm: 737 triệu đồng

Số tồn quỹ lương của người lao động năm 2014 đã chi một phần vào đầu năm 2015 và sau khi quỹ lương năm 2014 được phê duyệt sẽ giải chi phần còn lại cho người lao động; Quỹ lương của VCQL phải tuân thủ nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ đã quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 số tiền 7.665 triệu đồng đạt 139,2% kế hoạch, tăng 17,3% so với thực hiện năm 2013. Do chính sách thuế có thay đổi về thuế GTGT có điều chỉnh một số lĩnh vực thu thuế và doanh thu cao hơn nên thuế GTGT cao hơn.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 2.077 triệu đồng, số này đã nộp vào trước ngày 20 của tháng liền kề theo luật thuế hiện hành.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Trình bày tình hình biến động, số dư cuối kỳ, tình hình quản lý: **Không có**

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động vận chuyển rác : Khối lượng thực hiện là 68.986 tấn, tương đương 14.123 triệu đồng, đạt 109% kế hoạch.

- Hoạt động quét rác đường: Khối lượng thực hiện là 225.057(1.000m²), tương đương 16.790 triệu đồng, đạt 99.5% kế hoạch.

- Hoạt động vận chuyển rác các DN: Khối lượng thực hiện là 8.190 m³, tương đương 3.239 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động duy tu SC đường : Khối lượng thực hiện là 30.997 m², tương đương 43.935 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động nạo vét cống: Khối lượng thực hiện là 107.928 md, tương đương 12.382 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động chăm sóc công viên - cây xanh: Giá trị thực hiện 11.126 triệu đồng, đạt 103,5% kế hoạch.

- Hoạt động công ích khác: Giá trị thực hiện 2.377 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 103.972 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 92.974 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố: (Theo báo cáo của công ty)

a.1. Văn bản số 4834/UBND-CNN ngày 13/09/2013 về việc tăng cường quản lý doanh nghiệp nhà nước: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.2. Văn bản số 512/UBND-CNN ngày 06/02/2014 về thực hiện báo cáo định kỳ triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2013 – 2015: Thực hiện cổ phần hóa sau năm 2015

a.3. Văn bản số 839/UBND-TM ngày 26/02/2014 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 và Công văn số 17731/BTC-TCT ngày 20/12/2013 của Bộ Tài Chính: Lợi nhuận không đủ trích quỹ KTPL cho người lao động.

a.4. Văn bản số 1056/UBND-CNN ngày 12/03/2014 về tình hình thu nộp cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp khác: không có

a.5. Văn bản số 1059/UBND-CNN ngày 12/03/2014 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 206/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/12/2013 về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.6. Văn bản số 1163/UBND-CNN ngày 19/03/2014 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.7. Văn bản số 2605/VP-CNN ngày 10/04/2014 về việc báo cáo kết quả thực hiện tiết giảm chi phí, giảm giá thành năm 2013: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.8. Văn bản số 273/TB-VP ngày 15/04/2014:

- Hội đồng thành viên các Tổng Công ty, Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thuộc UBND xây dựng Quy chế quản lý tài chính và các quy chế khác theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 220/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính: báo cáo thực hiện đầy đủ

- Xây dựng Quy chế trả lương, thù lao và Quy chế thưởng của viên chức quản lý doanh nghiệp và công nhân, người lao động gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội: báo cáo thực hiện đầy đủ

- Triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2013-2015 đã được phê duyệt; Hoàn thành cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên giai đoạn 2013-2015 theo kế hoạch đã cam kết thực hiện với Ủy ban nhân dân thành phố: chưa được phê duyệt

- Khẩn trương trình quyết toán chuyển thể giai đoạn DNNN; Triển khai thực hiện việc giám sát theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ về ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.9. Văn bản số 2882/VP-CNN ngày 19/04/2014 về việc xếp loại doanh nghiệp nhà nước năm 2012: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.10. Văn bản số 315/TB-VP ngày 28/04/2014 Thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng Quân về tình hình sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm 2014 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố: không có

a.11. Văn bản số 2646/UBND-CNN ngày 11/06/2014 Về việc Kiểm soát viên chuyên trách không kiêm nhiệm ở các phòng, ban: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.12. Văn bản số 5854/VP-CNN ngày 24/07/2014 Ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của các CTY TNHH 1TV do NN làm chủ sở hữu: báo cáo thực hiện không đầy đủ

a.13. Văn bản số 4026/UBND-CNN ngày 15/08/2014 về Đơn đốc nộp và xác nhận các khoản nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN tại thời điểm ngày 31/12/2013: Lợi nhuận không đủ trích quỹ KTPL cho người lao động

a.14. Văn bản số 4165/UBND-CNN ngày 22/08/2014 Xây dựng kế hoạch TC năm 2015 của các DN 100% vốn NN thuộc TP: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.15. Văn bản số 6137/UBND-CNN ngày 22/11/2014 Kiểm kê, đánh giá lại TS, vốn tại DNNN: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.16. Văn bản số 6245/UBND-CNN ngày 27/11/2014 Quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại các TCTY, CTY TNHH 1TV 100% vốn NN thuộc TP: không có

a.17. Văn bản số 3400/UBND-CNN ngày 15/07/2014 về giao kế hoạch tài chính và giao chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp: báo cáo cuối năm đầy đủ

a.18. Văn bản số 3270/UBND-CNN ngày 10/07/2014 về kiêm nhiệm các chức vụ điều hành của viên chức quản lý tại doanh nghiệp khác: không có.

a.19. Văn bản số 6246/UBND-CNN ngày 27/11/2014 về tăng cường quản lý lao động, tiền lương trong các công ty TNHH một thành viên: báo cáo thực hiện đầy đủ

a.20. Văn bản số 6625/UBND-CNN ngày 13/12/2014 về tình hình xếp hạng doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố: chưa thực hiện.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Trong năm 2014, Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán năm 2012, 2013 tại công ty nhưng báo cáo kiểm toán nhà nước chuyển đến công ty vào thời điểm tháng 01/2015 nên công ty đã thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước tại báo cáo tài chính quý 01/2015.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Công ty đã thực hiện các quyết định số 38/QĐ-CT-XP ngày 06/01/2015 nêu trên và các kiến nghị của thanh tra Cục thuế thành phố tại thời điểm quý 01/2015.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

- Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

- Trong năm doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản nộp NSNN, tuân thủ đầy đủ các quy trình về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải và phòng chống cháy nổ, ...

- Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chính sách về tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, ... cho người lao động theo quy định của nhà nước hiện hành và thỏa ước lao động được ký kết, sửa đổi hàng năm tại đại hội người lao động.

- Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	136.652	128.660	130.122	101,14%	95,22%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.188	128.660	129.978	101,02%	95,44%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	275	-	85	-	30,91%
3	Thu nhập khác	189	-	59	-	31,22%
II	Tổng chi phí	126.780	123.737	125.475	101,40%	99,97%
1	Giá vốn hàng bán	104.938	-	106.383	-	101,38%
2	Chi phí tài chính	2.957	-	4.109	-	138,96%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>2957</i>	<i>-</i>	<i>4109</i>	<i>-</i>	<i>138,96%</i>
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.658	-	14.787	-	79,25%
5	Chi phí khác	227	-	196	-	86,34%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	92,78%		96,43%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	13,65%		11,36%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.871	4.923	4.646	94,37%	47,07%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.910	-	4.783	-	48,15%
2	Lợi nhuận khác	-38	-	-137	-	360,53%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 101,14% so với kế hoạch, giảm 4,78% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,89%, tăng 0,23% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,07%, giảm 0,13% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,05%, giảm 0,09% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 97,52% kế hoạch, giảm 7,48% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 84,78%, tăng 2,01%% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 3,27%, tăng 0,94% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,78%, giảm 2,94% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,16%, giảm 0,02% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 96,43% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (3,65%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,36% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (2,29%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 94,37% kế hoạch, tăng 3,58% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.871	4.646	47,07%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.141	3.581	58,31%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	34.040	34.040	100%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	597.712	661.767	110,72%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	29%	13,65%	47,07%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,04%	10,52%	58,31%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1,03%	0,54%	52,67%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,49 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 621.586 triệu đồng/177.893 triệu đồng). > 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 18,06 lần, vượt mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP).

Nợ phải trả bao gồm các khoản như:

- Nhận vốn góp liên doanh để đầu tư dự án Trương Đình Hội 2 (49.095 triệu đồng), dự án Trương Đình Hội 3 (45.244 triệu đồng), dự án An Sinh (41.225 triệu đồng), dự án Âu Dương Lâm (2.200 triệu đồng), dự án Tạ Quang Bửu 5.200 triệu đồng).

- Ngân sách tạm ứng đền bù giải toả dự án Trương Đình Hội 2 là 251.174 triệu đồng (theo hợp đồng tạm ứng vốn với phòng Tài chính – Kế hoạch quận 8 số 01/HĐ-TCKH ngày 12/09/2008, hợp đồng tạm ứng ngân sách số 01/2006-STC-NS ngày 24/10/2006 và phụ lục hợp đồng tạm ứng ngân sách số 8997/2008/STC-NS ngày 12/09/2008 với Sở Tài chính, công văn chấp thuận tạm ứng của UBND TPHCM số 248/UBND-ĐTMT ngày 27/05/2013)

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	660.440	663.262
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	624.859	621.586
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	35.581	41.676
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	94,61%	93,72%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	5,39%	6,28%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	660.440	663.262
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	610.521	614.816
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	49.919	48.446
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	92,44%	92,70%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	7,56%	7,30%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là các khoản phải thu: 160.788 triệu đồng, hàng tồn kho: 441.794 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$ (34.040 triệu đồng/34.040 triệu đồng, doanh nghiệp bảo toàn và phát triển.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp không có thanh lý nhượng bán tài sản.

+ Doanh nghiệp không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 160.788 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 2.701 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu phát sinh là các khoản ứng trước cho người bán thi công các công trình XDCCB phát sinh từ năm 2010.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 614.816 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 421.359 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 27.110 triệu đồng.

+ Ngân sách ứng kinh phí đền bù giải tỏa dự án Trương Đình Hội 2: 251.175 triệu đồng.

+ Nhận vốn góp liên doanh thực hiện dự án: 143.074 triệu đồng

- Doanh nghiệp huy động vốn để đầu tư thi công các dự án nhà ở xã hội và chung cư tái định cư: 421.359 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Đầu tư 04 sà lan, 02 tàu composite, đóng mới 100 thùng rác.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 5.700 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: 1 năm

+ Tiến độ thực hiện: đã và đang hoàn thành

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế 0 triệu đồng

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

+ Công ty đã nộp Báo cáo hồ sơ quyết toán quỹ lương 2014

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 628,7% kế hoạch, tăng 59,78% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân tăng chủ yếu do tăng thuế VAT đối với các hoạt động công ích.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 1.907 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng và chất lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, cụ thể:

- Hoạt động quét dọn vệ sinh: Khối lượng thực hiện là 327.845.544 m², tương đương 23.459 triệu đồng, đạt 100 % kế hoạch.

- Hoạt động quét dọn xà bần rác cần: Khối lượng thực hiện là 5.747 m³, tương đương 0,380 triệu đồng, đạt 100 % kế hoạch.

- Hoạt động thu gom rác trong dân: Khối lượng thực hiện là 694.263 lượt hộ, tương đương 14.069 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 2.065.965 T/tấn tương đương 22.443 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động vớt rác trên sông: Khối lượng thực hiện là 161.644 m² tương đương 8.458 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động chăm sóc công viên cây xanh; Khối lượng thực hiện 12.008.755 lượt m² tương ứng doanh thu 2.736 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động thoát nước: khối lượng thực hiện thông lòng cống là 153.995 md, nạo vét hố ga là 14.259 cái tương đương 16.471 triệu đồng, đạt 99,97% kế hoạch.

- Hoạt động sửa chữa thay thế nắp đan hố ga: khối lượng thực hiện 393 hố ga các loại tương đương 0,299 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động điện chiếu sáng dân lập: khối lượng 10.573 bộ bóng đèn tương đương 1.417 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 98.631 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 94.636 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Công ty thực hiện 16 chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 13/16 chỉ đạo

- Không thực hiện: 3/16 chỉ đạo do không thuộc đối tượng

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 9

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	74.242	76.778	79.960	104,1%	107,7%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.098	76.778	79.915	104,1%	107,9%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	34	-	44	-	129,4%
3	Thu nhập khác	110	-	1	-	
II	Tổng chi phí	71.948	74.523	77.512	104,01%	107,7%
1	Giá vốn hàng bán	62.002	65.103	64.840	99,6%	104,6%
2	Chi phí tài chính	1.024	910	1.382	-	135%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>1.008</i>	<i>910</i>	<i>1.381</i>	-	137%
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.510	8.510	11.191	131,5%	131,5%
5	Chi phí khác	412	-	99	-	24%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	96,9%	97%	97%	-	-
	Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	11,46%	11,79%	14%	-	-
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.294	2.255	2.448	108,6%	106,7%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.596	2.255	2.546	112,9%	98,1%
2	Lợi nhuận khác	(302)	-	(98)	-	32,5%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 104,1% so với kế hoạch, tăng 7,7% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,94%, tăng 7,9 % so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,06%, tăng 29,4% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 104,01% kế hoạch, tăng 7,7% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 83,7%, tăng 4,6% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 1,8%, tăng 35% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí bán hàng: không có.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 14,4%, tăng 31,56% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,1% giảm 76% so với thực hiện năm 2013. Đây là chi phí bị phạt vi phạm hành chính về thuế theo Quyết định số 146/QĐ-CT ngày 31/12/2014 của Cục thuế thành phố.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 97% tổng doanh thu thực hiện, tương đương so với thực hiện năm 2013 (96,91%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 14,4% tổng doanh thu thực hiện, tăng 31,56% so với thực hiện năm 2013 (11,46%). Chi phí này tăng chủ yếu do công ty bổ sung lương, thưởng cho nhân viên quản lý.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 108,6% kế hoạch, giảm 1,7% so với thực hiện năm 2013.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.294	2.447	106,7%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.500	1.887	125,8%
3	Vốn chủ sở hữu bình quân	Triệu đồng	21.613	17.657	81,7%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	877.018	1.106.919	126,2%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	10,61%	13,86%	130,6%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,94%	10,69%	154%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,17%	0,17%	99,7%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 2,5 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 941.578 triệu đồng/ 375.771 triệu đồng) >1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 51,92 lần (963.856 / 18.564) vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP và có chiều hướng tăng so với năm trước. Do đó đề nghị công ty có biện pháp để giải quyết hệ số này và thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 6987/UBND-ĐTMT ngày 27/12/2013 yêu cầu công ty nhanh chóng bán quỹ nhà 154 căn hộ chung cư Hiệp Phú theo giá kinh doanh để thanh toán nợ cho Quỹ phát triển nhà ở để giảm hệ số này theo quy định. Song song đó công ty nhanh chóng hoàn thành hồ sơ quyết toán các dự án, kiểm toán các dự án hoàn thành, trình các Sở ngành thành phố phê duyệt giá chính thức.

Doanh nghiệp có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vượt quá 3 lần do huy động để đầu tư dự án:

a. **Dự án tái định cư ấp Cầu Xây:** Tổng mức đầu tư tạm tính: 7.614 triệu đồng. Khởi công ngày 04/9/2000. Đã xây dựng hoàn thành cơ sở hạ tầng, bàn giao năm 2004 bố trí được 49 nền, Công ty đã thu của các hộ dân là: 5.725 triệu đồng và Ban bồi thường GPMB quận 9 tạm ứng cho Công ty là: 5.614 triệu đồng.

b. **Dự án tái định cư ấp Cây Dầu:** Tổng mức đầu tư tạm tính: 48.757 triệu đồng (theo phương án giá). Công ty đã bàn giao nền cho Ban bồi thường GPMB quận 9 theo biên bản số 584/BB-CT là 101 nền và Ban bồi thường GPMB quận 9 đã tạm ứng cho Công ty 32.000 triệu đồng tương đương 80%.

c. **Dự án tái định cư Long Bửu (giai đoạn I):** Tổng mức đầu tư tạm tính: 147.541 triệu đồng. Ban bồi thường GPMB quận 9 đã tạm ứng tiền mua nền cho Công ty là 81 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty đã thu tiền nền của các hộ dân đủ điều kiện bố trí tái định cư là: 117.002 triệu đồng. Ngoài ra, khi triển khai dự án, Kho bạc thành phố tạm ứng cho Công ty tiền đền bù, kiến thiết cơ bản khác là: 35.139 triệu đồng.

d. **Dự án tái định cư Long Bửu (giai đoạn II):** Tổng mức đầu tư tạm tính: 880.757 triệu đồng (chia thành 4 tiểu khu: TK1: 221.893 triệu đồng, TK2: 258.403 triệu đồng, TK3: 235.399 triệu đồng, TK4: 165.061 triệu đồng). TK1: qui mô 21,40 ha có 235 nền cơ bản hoàn thành nền thô; TK2: qui mô 18,50ha có 563 nền đã thi công san lấp mặt bằng đạt 90%; TK3: qui mô 18ha có 105 nền cơ bản hoàn thành nền thô; TK4: qui mô 21,1ha có 836 nền, đã thực hiện cơ bản xong công tác bồi thường; Cấp điện: đã có kết quả đấu thầu, công ty đang triển khai thi công. Cấp nước đã thực hiện thi công xong trên các cụm lô nền thuộc tiểu khu 1, 3, đã cung cấp nước sạch cho người dân vào xây dựng nhà ở. Hiện nay, Công ty đã thu được 22.000 triệu đồng. Trong đó bao gồm: Tiền của các hộ dân đủ điều kiện bố trí tái định cư là: 13.432 triệu đồng. Ban bồi thường GPMB quận 9 tạm ứng mua nền là: 8.568 triệu đồng.

e. **Dự án tái định cư Long Sơn:** Tổng mức đầu tư tạm tính: 255.484 triệu đồng. Công ty đã ký với Ban bồi thường GPMB quận 9 Hợp đồng số 179/HĐ-CTY

ngày 29/11/2011 về chuyển nhượng 150 nền đất tái định cư giá tạm tính: 79.399 triệu đồng. Đến nay, Ban bồi thường đã tạm ứng 45.700 triệu đồng, ngân sách tạm ứng để chi trả kinh phí bồi thường GPMB là 57.490 triệu đồng, Công ty đã thu tiền nền của các hộ dân đủ điều kiện bố trí tái định cư là: 19.761 triệu đồng.

f. **Dự án cụm công nghiệp Long Sơn (DA Khu nhà ở Long Sơn):** Hiện nay, dự án đang tạm ngưng do phải thực hiện các thủ tục điều chỉnh chức năng, Công ty đang thực hiện tất toán các công việc dở dang liên quan đến Cụm công nghiệp Long Sơn. Công ty đã nộp hồ sơ xin cấp phép quy hoạch ở Sở QH-KT thành phố, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa được cấp phép quy hoạch do chưa xác định được phạm vi ảnh hưởng của tuyến vành đai 3 mới. Tổng chi phí đã đầu tư khá lớn (khoảng 300 tỷ đồng), trong đó phần lớn là vay ngân hàng phải trả lãi vay hàng tháng.

g. **Dự án chung cư tái định cư Hiệp Phú:** Tổng mức đầu tư tạm tính: 177.000 triệu đồng. Hiện nay, đã hoàn thành cơ bản, đang tiếp tục thi công phần hoàn thiện: điện, nước, PCCC... để bàn giao căn hộ.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	877.018	1.106.919
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	832.086	941.578
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	44.932	165.341
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	94,9%	85,1%
4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	5,1%	14,9%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	877.018	1.106.918
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	849.322	963.856
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	27.696	143.062
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	96,8%	87,1%
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	3,2%	12,9%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho 879.984 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp có nhiều thay đổi so với năm 2013. Tỷ lệ tài sản dài hạn trên Tổng tài sản năm 2014 (14,9%) chiếm tỷ lệ cao gấp 3 lần hơn so với năm 2013 (5,1%). Do công ty nhận quản lý (hoặc bán) căn hộ chung cư C3, C4 Man Thiện.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 0,82$ (17.657/21.613) doanh nghiệp chưa bảo toàn được vốn. Tuy nhiên, do vốn chủ sở hữu của

Công ty có phần vốn nhà thuộc SHNN tạm giao quản lý và giữ hộ. Do đó, nếu loại trừ phần vốn này thì hệ số bảo toàn vốn của công ty = $11.671/11.671 = 1$

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Trong năm 2014 công ty không có thực hiện đầu tư vốn ra ngoài.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong năm Công ty mua thêm 02 xe ép rác với giá trị là 5.583.636.363 đồng. Việc mua sắm có quyết định của Hội đồng thành viên, thủ tục mua sắm phù hợp với quy định pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 22.114 triệu đồng, không có nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 963.856 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 141.247 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 484.503 triệu đồng, trong đó:

- Ngân hàng NNPTNT – CN 9: 33.405 triệu đồng

+ Vay thi công dự án Khu TĐC Long Sơn 19.150 triệu đồng

+ Vay xây dựng Trụ sở Công ty 7.784 triệu đồng

+ Vay đầu tư mua xe vận chuyển rác 6.471 triệu đồng

- Ngân hàng NNPTNT – Chi nhánh Mỹ Thành 20.000 triệu đồng
(Vay thi công dự án TĐC Long Bửu II)

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín 225.390 triệu đồng
(Vay thi công cụm CN Long Sơn)

* Tiền VN 225.390 triệu đồng

- Công ty CP Bệnh viện Đa Khoa Triều An 92.000 triệu đồng
(Góp vốn thi công cụm CN Long Sơn)

- Quỹ phát triển nhà ở thành phố 83.707 triệu đồng
(Vay thi công dự án Chung cư TĐC Hiệp Phú)

- Vay ngắn hạn Ông Nguyễn Hữu Tài 30.000 triệu đồng
(12 tháng thi công dự án TĐC Long Bửu gđ II).

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Công ty bị phạt hành chính về thuế với số tiền là: 97.357.144 đồng theo Quyết định số 146/QĐ-CT ngày 31/12/2014 của Cục thuế Thành phố về việc xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý. Công ty đã chi trả tiền lương cho người lao động tính vào giá thành là: 18.126 triệu đồng và viên chức quản lý 1.235 triệu đồng. Số tiền lương thực trả cho người lao động và viên chức quản lý không vượt quá tổng quỹ lương được duyệt.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh nộp ngân sách năm 2014 đạt 83,6% kế hoạch, giảm 37,5% so với thực hiện năm 2013. Giảm do trong năm 2013 công ty có khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên số tiền thu được của các dự án bất động sản chưa hoàn thành năm 2012 là 4.263 triệu đồng.

Trong năm 2014 Công ty nộp các khoản thuế, phí lệ phí là 2.243 triệu đồng đạt 95,5% so với thực hiện năm 2013.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Ủy ban nhân dân Quận 9 đã xác nhận Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích. Tuy nhiên chưa có nhận xét về chất lượng, cụ thể:

- Hoạt động thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 284.041.312 m², tương đương 16.779 triệu đồng, đạt 127% kế hoạch.

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 2.892.738 tấn.km, tương đương 11.680 triệu đồng, đạt 86.56% kế hoạch.

- Thoát nước, vỉa hè: 7.524 triệu đồng, duy tu đảm bảo giao thông: 15.532 triệu đồng,...

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 67.600 triệu đồng.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố có 20 chỉ đạo. Song liên quan đến Công ty phải thực hiện có 12 chỉ đạo, trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 11/12 chỉ đạo

- Chưa thực hiện: 1/12 chỉ đạo

+ Công văn số 5854VP-CNN ngày 24/7/2014 về Ban hành quy chế công bố thông tin hoạt động của các Cty TNHH 1TV do nhà nước làm chủ sở hữu;

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Công ty thực hiện chưa đầy đủ kiến nghị sai phạm năm 2012 của Kiểm toán nhà nước và công ty đã có ý kiến gửi Kiểm toán nhà nước tại Công văn số 161/BC-CTY ngày 19/3/2014.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có

2. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận riêng khoản thuế phát sinh nộp giảm so với kế hoạch.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm đạt kế hoạch được giao tăng so với năm trước, Công ty có tăng trưởng. Tuy nhiên, đặc biệt lưu ý về nợ phải trả của Công ty trên vốn chủ sở hữu vượt quá quy định và có xu hướng ngày càng tăng. Hàng tồn kho bất động sản chiếm tỷ lệ cao trong tổng tài sản. Hệ số nợ phải trả vượt quá quy định trong đó là các khoản vay ngân hàng và lãi vay phải trả sẽ là yếu tố tiềm ẩn, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh và vốn chủ sở hữu. Do đó, Công ty cần có biện pháp cải thiện để giảm dần các yếu tố tồn thất nêu trên.

- Trong năm 2014, Công ty thực hiện chưa đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và vi phạm quy định về chính sách thuế.

- Công ty cần thực hiện nghiêm túc kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2012; thuế và đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	80.759	98.192	114.846	116,96%	142,21%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.016	94.066	111.399	118,43%	150,51%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	6.447	3.791	2.888	76,18%	44,8%
3	Thu nhập khác	296	335	559	166,87%	188,85%
II	Tổng chi phí	73.230	89.533	106.892	119,39%	145,97%
1	Giá vốn hàng bán	62.842	78.000	96.856	124,17%	154,13%
2	Chi phí tài chính		50		0%	
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	112	140	12	8,57%	10,71%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.924	10.843	10.013	92,35%	100,9%
5	Chi phí khác	352	500	11	2,2%	3,13%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	90,68%	91,18%	93,07%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	12,29%	11,04%	8,72%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	7.529	8.659	7.954	91,86%	105,64%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.585	8.824	7.407	83,94%	97,65%
2	Lợi nhuận khác	(56)	(165)	547		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 116,96% so với kế hoạch, tăng 42,21% so với thực hiện năm 2013.

Cơ cấu doanh thu như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97%, tăng 50,51% so với thực hiện năm 2013 do Công ty thu tiền bán nền đất Cao Thắng nổi dài 38,88 tỷ (tồn tại từ năm 1999 đến nay UBND thành phố mới giải quyết).

- Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,51%, giảm 55,2% so với thực hiện năm 2013 do Công ty nhận cổ tức Eximbank năm 2013 trong năm 2014 giảm nhiều so với các năm trước (4%).

- Thu nhập khác chiếm 0,49%, tăng 88,85% so với thực hiện năm 2013 do trong năm 2014 thu tiền từ thanh lý 02 xe hơi 04 chỗ của Công ty.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 119,39% kế hoạch, tăng 45,97% so với thực hiện năm 2013.

Cơ cấu chi phí như sau:

- Giá vốn hàng bán chiếm 90,61%, tăng 54,13% so với thực hiện năm 2013 do doanh thu thực hiện và chi phí nguyên vật liệu trong năm 2014 tăng;

- Chi phí bán hàng chiếm 0,01%, giảm 89,29% so với thực hiện năm 2013. Hiện tại không còn chi phí này (do có công trình cầu vượt 3/2 - Nguyễn Tri Phương - Lý Thái Tổ ngay tại địa điểm kinh doanh nên không thể kinh doanh), đây là chi phí còn lại của năm 2013 đến năm 2014 mới thanh toán;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 9,37%, tăng 0,9% so với thực hiện năm 2013;

- Chi phí khác chiếm 0,01%, giảm 96,87% so với thực hiện năm 2013. Do trong năm 2013, Cục Thuế Thành phố kiểm tra tình hình nộp thuế năm 2011 và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,72% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (3,57%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

Tổng chi phí năm 2014 chiếm 93,07% tổng doanh thu thực hiện, tăng 2,39% so với thực hiện năm 2013 do Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013. Trong đó, Công ty đã nộp tiền thuê đất năm 2010-2014 (953 triệu đồng) chiếm 0,83% và chi phí nguyên vật liệu tăng.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 91,86% kế hoạch do chi phí nguyên vật liệu tăng, tăng 5,64% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.529	7.954	105,64%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.436	6.433	99,95%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	46.523	46.523	100%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	241.978	196.630	81,26%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	16,18%	17,1%	105,69%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,83%	13,83%	100%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,66%	3,27%	122,93%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,53 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 72.670 triệu đồng / 47.391 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 1,53, nằm trong giới hạn cho phép (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	241.978	196.630
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	110.586	72.670
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	131.392	123.960
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,7%	36,96%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	54,3%	63,04%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	241.978	196.630
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	98.059	63.578
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	143.919	133.052
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40,52%	32,33%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	59,48%	67,67%

Về cơ cấu tài sản:

- Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tài sản cố định (29.903 triệu đồng), bất động sản đầu tư (77.482 triệu đồng), đầu tư dài hạn khác (mua cổ phiếu Eximbank 15.177 triệu đồng).

- Cơ cấu tài sản của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

Về cơ cấu nguồn vốn:

- Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm 35,16% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

- Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm 7,55% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Do trong năm 2013, vốn chủ sở hữu của Công ty có bao gồm cả lợi nhuận chưa phân phối, sang năm 2014, Công ty đã sử dụng lợi nhuận chưa phân phối của năm 2013 để trích lập các quỹ theo quy định.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp theo Điều 14 Thông tư 158 được tính bằng tỷ lệ giữa vốn chủ sở hữu thực hiện năm 2014 so với vốn chủ sở hữu năm 2013 của doanh nghiệp là $H = 1$, doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, doanh nghiệp có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng số tiền 15.177 triệu đồng, mua cổ phiếu của Eximbank (2.599.695 cổ phiếu, giá trị sổ sách 15.177 triệu đồng). Đến 31/12/2014, giá trị thị trường ước tính của 2.599.695 cổ phiếu này trị giá khoảng 33.276 triệu đồng

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia:

Trong năm 2014, tổng số cổ tức, lợi nhuận được chia công ty nhận được là 1.040 triệu đồng (thu cổ tức năm 2013 của Eximbank), tương đương 6,85% trên tổng giá trị vốn đầu tư.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài:

Trong năm 2014, Công ty không có thực hiện tăng và giảm vốn đầu tư.

Công ty chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án tái cơ cấu..

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

Quản lý tài sản:

- Trong năm 2014, Công ty không mua sắm tài sản, chỉ có tăng tài sản do xây dựng phần phát sinh Nhà nghỉ Công nhân 520 Ter Thành Thái (198 triệu đồng) phù hợp với quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Trong năm 2014, doanh nghiệp có thanh lý nhượng bán một số tài sản (2 xe ô tô 4 chỗ). Cụ thể:

Xe ô tô 4 chỗ hiệu Ford Mondeo biển số 51A-073.49 (nguyên giá 544 triệu đồng, đã khấu hao hết), Hợp đồng mua bán xe 742 ngày 12/06/2014, số tiền 272.250.000 đ (đã gồm thuế VAT)

Xe ô tô 4 chỗ hiệu Toyota biển số 51A-071.45 (nguyên giá 495 triệu đồng, đã khấu hao hết), Hợp đồng mua bán xe 741 ngày 12/06/2014, số tiền 285.000.000 đ (đã gồm thuế VAT).

Quản lý công nợ phải thu: Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 19.514.000.000 đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 15.182.000.000 đồng. Theo báo cáo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10 cụ thể như sau:

- Phải thu từ ngân sách số tiền **61.947.900 đ**. Đây là số tiền Công ty đã thanh toán cho đơn vị tư vấn Công trình Xây dựng mới nhà xe Chung cư Trần Văn Kiêu do Công ty làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, đến năm 2011, Ủy ban nhân dân Quận 10 thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành Phố không giao chủ đầu tư các công trình xây dựng cho các Công ty công ích nữa, Công ty đã có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Quận 10 để thu hồi từ ngân sách và đang được giải quyết.

- Phải thu chênh lệch chi phí quản lý nhà số tiền **488.263.113 đ**. Đây là số tiền chi sửa chữa nhà SHNN từ năm 2011 trở về trước vượt quá 40% Công ty được giữ lại. Công ty đã có công văn gửi Ủy ban nhân dân Thành Phố để xử lý số tiền này. Hiện nay Chi cục Tài chính Doanh nghiệp đang đề xuất Ủy ban nhân dân Thành Phố giao Sở Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân Quận 10 và Công ty quyết toán chi phí này.

- Phải thu tiền thuê nhà thuộc SHNN số tiền **5.618.956.887 đ**. Đây là các khoản nợ của các hộ thuê nhà thuộc SHNN. Do:

+ Đa số các hộ thuê nhà là người dân lao động, khó khăn về kinh tế, nhiều hộ thuộc diện xóa đói giảm nghèo, người già neo đơn, bệnh tật sống bằng trợ cấp của Phường. Bên cạnh đó, do giá thuê nhà không còn phù hợp kể từ tháng 3/2010 (tăng gấp 4 lần giá cũ trước đây) nên khó thu tiền thuê nhà và giải quyết nợ đọng;

+ Một số hộ chây ỳ không đóng tiền thuê nhà thời gian dài do có suy nghĩ không ai bị trục xuất ra khỏi nhà vì nợ tiền thuê nhà.

Do đó, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10 có đề xuất một số biện pháp như sau:

- Định kỳ 2 tháng/lần gửi Giấy báo thanh toán tiền thuê nhà đến các hộ dân, đồng thời phân công nhân viên tăng cường đi địa bàn tuyên truyền, giải thích, vận động người dân thực hiện đúng nghĩa vụ của người sử dụng nhà thuộc SHNN, đôn đốc nộp tiền thuê nhà, tạo mọi điều kiện cho người dân nộp tiền kể cả ngày nghỉ;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các Phường liên quan, Ban quản trị chung cư trong việc thu tiền thuê nhà.

- Phải thu của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 10 số tiền **9.013.000.000 đ**. Đây là giá trị còn lại của hợp đồng thu mua Cao ốc B Nguyễn Kim do vượt dự toán ban đầu, hiện tại Ủy ban nhân dân Quận 10 đang chờ hướng dẫn của Sở Xây dựng và Sở Tài chính để có cơ sở thanh toán cho Công ty.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 63.578 triệu đồng. Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty không huy động vốn

e. Tình hình đầu tư tài sản: không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Thực hiện đầy đủ.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Thực hiện chi trả lương theo Thông tư 19/2013 hướng dẫn việc xây dựng và chi trả lương cho Viên chức quản lý và Thông tư 18/2013 về việc chi trả lương cho người lao động.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 285,92% kế hoạch (41.086/14.370), tăng 119,7% so với thực hiện năm 2013 (18.701 triệu đồng) do doanh thu tăng và xuất hóa đơn quyết toán Cao ốc B Ngô Gia Tự.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 699 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Đến cuối năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố vẫn chưa xếp loại doanh nghiệp năm 2012-2013, do đó Công ty tạm phân phối lợi nhuận trên cơ sở loại A nên lợi nhuận còn lại không còn để chuyển vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Quét dọn vệ sinh ban đêm: Khối lượng thực hiện là 202.701.290 m², đạt 100% kế hoạch.

- Chăm sóc cây xanh: Khối lượng thực hiện là 450,2 ha, đạt 100% kế hoạch.

- Thông vét hầm ga: Khối lượng thực hiện là 9.320 cái, đạt 100% kế hoạch.

- Thông vét lòng cống: Khối lượng thực hiện là 102.233 m, đạt 100% kế hoạch.

- Vận chuyển rác sinh hoạt: Khối lượng thực hiện là 1.554.303,4 tấn.km, đạt 100% kế hoạch.
- Lau kính: Khối lượng thực hiện là 8.132 m², đạt 100% kế hoạch.
- Tưới rửa đường: Khối lượng thực hiện 2.150.120 m², đạt 100% kế hoạch.
- Lau thùng 50L: Khối lượng thực hiện là 7.680 lần, đạt 100% kế hoạch.
- Thu gom rác thải thùng 50L: Khối lượng thực hiện là 7.680 lần, đạt 100% kế hoạch.
- Thay bao nilon thùng 50L: Khối lượng thực hiện là 2.335,8 kg, đạt 100% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 57.984 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 55.365 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 20 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố (theo phụ lục đính kèm), trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 13/20 chỉ đạo.
- Thực hiện không đầy đủ: 0/20 chỉ đạo.
- Không thực hiện: 07/20 chỉ đạo do Công ty không thuộc diện phải thực hiện. Cụ thể:

+ Công văn số 512/UBND-CNN ngày 06/02/2014 về việc thực hiện báo cáo định kỳ triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2013-2015.

+ Công văn số 839/UBND-TM ngày 26/02/2014 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 và Công văn số 17731/BTC-TCT ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính.

+ Thông báo số 315/TB-VP ngày 28/04/2014 về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng Quân về tình hình sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm 2014 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố.

+ Công văn số 3270/UBND-CNN ngày 10/07/2014 về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng Quân về tình hình sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm 2014 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố.

+ Công văn số 4026/UBND-CNN ngày 15/08/2014 về Đơn đốc nộp và xác nhận các khoản nợ về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN tại thời điểm ngày 31/12/2013.

+ Công văn số 6245/UBND-CNN ngày 27/11/2014 về Quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại các Tổng Công ty, Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn NN thuộc TP.

+ Công văn số 6625/UBND-CNN ngày 13/12/2014 về Tình hình xếp hạng doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Công ty đã thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 và đã có công văn báo cáo số 1670/CV-KT-CTY ngày 29/12/2014 gửi các ban ngành.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Ngày 17 tháng 12 năm 2014 Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận 10 thực hiện một số quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận 10 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Do đó, Ủy ban nhân dân quận 10 căn cứ số liệu báo cáo do Công ty cung cấp và kết luận của Kiểm toán độc lập để thực hiện báo cáo giám sát tại Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích quận 10 năm 2014 như sau:

- Trong năm, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Năm 2014, doanh nghiệp đã không hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

- Công ty hoàn thành đối với chỉ tiêu số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014.

- Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng trong năm theo quy định.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	103.435	104.942	105.844	100.86%	102,33%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.320		102.947		104,71%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	4.950		2.784		56,24%
3	Thu nhập khác	165		113		68,52%
II	Tổng chi phí	94.664	96.123	102.083	106.20%	107,84%
1	Giá vốn hàng bán	86.775		94.479		108,88%
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.876		6.536		82,99%
5	Chi phí khác	13		1.068		8247,15%
III	Tổng chi phí / tổng doanh thu (%)	91,52%	91,59%	96,45%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	7,61%		6,18%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.771	8.819	3.761	42,65%	42,88%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.618		4.716		54,72%
2	Lợi nhuận khác	152		-955		-626,14%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 100,86% so với kế hoạch, tăng 2,33% so với thực hiện năm 2013 do doanh thu mảng dịch vụ công cộng tăng.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 97,26%, tăng 2,21% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 2,63%, giảm 2,16% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,11%, giảm 0,05% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chi tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 106,2 % kế hoạch; tăng 7,84% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 92,58%, tăng 0,88% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí tài chính: không phát sinh.

+ Chi phí bán hàng: không phát sinh.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,4%, giảm 1,92% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí khác chiếm 1,05%, tăng 1,03% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 6,18% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (4,93%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,18% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (1,44%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 42,6% kế hoạch, giảm 57,12% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	8.771	3.761	42,88%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	6.562	2.699	41,13%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14TT 158)	triệu đồng	34.950	34.950	100%
4	Tổng tài sản	triệu đồng	656.050	626.062	95,43%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	25,1%	10,76%	42,88%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,77%	7,72%	41,13%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	1%	0,43%	43,1%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 6,5 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn=79.490 triệu đồng/12.217 triệu đồng).

Doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,45 lần nằm trong giới hạn cho phép.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	656.050	626.062
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	82.647	79.490
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	573.403	546.573
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	12,6%	12,70%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	87,4%	87,30%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	656.050	626.062
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	27.813	15.930
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	40.870	43.569
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	4,24%	2,54%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	6,23%	6,96%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục bất động sản đầu tư (542.403 triệu đồng), Tài sản cố định (3.108 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 17$, doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: đến 31/12/2014 doanh nghiệp không đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Đối với hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất: không có

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 8.123 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 657 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 657 triệu đồng.

STT	Hạng mục	Năm phát sinh nợ	Giá trị công nợ	Giá trị đã thanh toán	Giá trị còn lại chưa thanh toán
1	Nhà SXKD 2004	2004	4.715.760		4.715.760
2	Nhà SXKD các năm trước	Trước 2004	82.236.662		82.236.662
3	Nhà SXKD 2005	2005	5.940.180		5.940.180
4	Nhà SXKD 2006	2006	8.266.615		8.266.615
5	Nhà SXKD 2007	2007	41.018.990	2.300.000	38.718.990
6	Nhà SXKD 2008	2008	15.791.244		15.791.244
7	Nhà SXKD 2009	2009	235.270.922		235.270.922
8	Nhà SXKD 2010	2010	139.786.053	20.700.000	119.086.053
9	Nhà ở năm 2005	2005	4.978.795		4.978.795

10	Nhà ở các năm trước	Trước 2004	35.941.124	2.983.360	32.957.764
11	Nhà ở năm 2006	2006	9.236.230	10.000	9.226.230
12	Nhà ở năm 2007	2007	14.521.464		14.521.464
13	Nhà ở năm 2008	2008	6.638.914	137.953	6.500.961
14	Nhà ở năm 2009	2009	20.396.305	500.000	19.896.305
15	Nhà ở năm 2010	2010	61.550.129	3.078.781	58.471.348
Tổng cộng			686.289.387	29.710.094	656.579.293

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2004, chủ yếu là các khoản phải thu tiền thuê nhà SHNN (nhà ở và kinh doanh). Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi. Doanh nghiệp đã phân công bộ phận quản lý nhà tích cực thu hồi công nợ còn tồn đọng.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 15.930 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 15.930 triệu đồng

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 0 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản: không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Công ty không có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý.

+ Công ty đã xây dựng Quy chế trả lương, thưởng viên chức quản lý theo Quyết định 03/QĐ-HĐ-CIQ11 ngày 11/2/2014 và Quy chế trả lương, thưởng cho CBCNV theo Quyết định 05/ QĐ-HĐ-CIQ11 ngày 25/4/2014.

+ Công ty đã nộp Báo cáo hồ sơ quyết toán quỹ lương 2014

+ Quỹ lương năm 2014 Công ty trích vào giá thành của:

- Người lao động: 20.166 triệu đồng

- Viên chức quản lý: 1.824 triệu đồng

+ Quỹ lương năm 2014 Công ty thực chi cho:

- Người lao động: 25.789 triệu đồng
- Viên chức quản lý: 1.824 triệu đồng

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 (27.553 triệu đồng) đạt 214,29% kế hoạch, tăng 33,47% so với thực hiện năm 2013 (20.644 triệu đồng). Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách trong năm 2014 tăng so với năm trước do tăng khoản nộp nhà sở hữu nhà nước sau khi trừ chi phí hợp lý hợp lệ.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 13.798.542.246 đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không có biến động.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch ở một số hoạt động về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Quét thu gom rác đường phố ban đêm: Khối lượng thực hiện là 263.859,232 m², đạt 100,02% kế hoạch.

- Quét thu gom rác đường phố ban ngày: Khối lượng thực hiện là 7.248,80 m², đạt 107,60% kế hoạch.

- Thu gom rác thùng công cộng: Khối lượng thực hiện là 298,06 tấn, đạt 49,68% kế hoạch do thùng rác công cộng bị hư hỏng không sử dụng được.

- Nạo vét lòng cống các loại: Khối lượng thực hiện là 101.013 m, đạt 96,85% kế hoạch do bàn giao về thành phố một số tuyến cống.

- Nạo vét hầm ga các loại: Khối lượng thực hiện là 8.515 m, đạt 98,08% kế hoạch do bàn giao về thành phố một số tuyến cống.

- Chăm sóc cây xanh: Khối lượng thực hiện là 2,0434 ha, đạt 98,00% kế hoạch do mảng xanh bị giải tỏa để thi công dự án, và bị hư hỏng chờ xử lý tái lập.

- Vận chuyển rác từ điểm hẹn về TTC Tổng Văn Trân: Khối lượng thực hiện là 9.951,07 tấn đạt 91,13% kế hoạch.

- Vận chuyển rác từ bờ Tân Hóa đến các bãi đổ: Khối lượng thực hiện là 159.525 tấn, đạt 99,6% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 63.608 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 57.538 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014 Công ty phải thực hiện 20 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

+ Thực hiện đầy đủ: 16/20 chỉ đạo.

+ Thực hiện không đầy đủ: 0/14 chỉ đạo.

+ Không thực hiện: 04/20 chỉ đạo do không thuộc đối tượng, cụ thể:

- Công văn số 1056/UBND-CNN ngày 12/3/2014 về tình hình thu nộp cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp khác;

- Thông báo số 315/TB-VP ngày 28/04/2014 về Thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Hoàng Quân về tình hình sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm 2014 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố;

- Công văn số 6245/UBND-CNN ngày 27/11/2014 về Quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp tại các TCTY, Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thuộc TP;

- Công văn số 3270/UBND-CNN ngày 10/7/2014 về kiêm nhiệm các chức danh điều hành của viên chức quản lý tại doanh nghiệp khác.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Thực hiện 100%

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Không có

II. Kết luận:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, số phát sinh phải nộp ngân sách. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận doanh nghiệp chưa hoàn thành kế hoạch được giao vì lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm, doanh thu hoạt động tài chính giảm, chi phí khác tăng so với năm trước.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	89.808	91.526	94.051	102,76%	104,72%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.596		92.589		103,34%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	185		214		115,68%
3	Thu nhập khác	27		1.248		4622,22%
II	Tổng chi phí	84.923	83.696	86.221	103,02%	101,53%
1	Giá vốn hàng bán	75.091		73.581		97,99%
2	Chi phí tài chính	172		789		458,72%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>172</i>		<i>789</i>		<i>458,72%</i>
3	Chi phí bán hàng	22		2		9,09%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.561		10.801		112,97%
5	Chi phí khác	77		1.048		1361,04%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	94,56	91,45	91,67		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	10,65	-	11,48		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.885	7.830	7.830	100,00%	160,29%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.935		7.630		154,61
2	Lợi nhuận khác	-50		200		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 102,76% so với kế hoạch, tăng 4,72% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,45%, tăng 3,34% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,23%, tăng 15,68% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 1,33%, tăng 4.522% so với thực hiện năm 2013 do trong năm 2014 công ty có thanh lý 01 xe ben và 01 căn tin.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 103,02% kế hoạch, tăng 1.53% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 85,34%, giảm 2,01% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,92%, tăng 358,72% so với thực hiện năm 2013 do phát sinh chi phí lãi vay để mua 2 xe vận chuyển rác và xây dựng các công trình;

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,01%, giảm 90,91% so với thực hiện năm 2013 do trong năm 2014 công ty ít thực hiện quảng cáo trên truyền thông;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12,53%, tăng 12,97% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 1,2%, tăng 1261,04% so với thực hiện năm 2013 do trong năm 2014 công ty thanh lý 01 xe ben và 01 căn tin.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 91,67% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (94,56%). Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,48% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (10,65%). Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013 do số lao động trong năm 2014 tăng so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 100% kế hoạch, tăng 60,29 % so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân: do năm 2013 công ty thực hiện điều giảm mức lương tối thiểu theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố làm cho doanh thu và lợi nhuận giảm.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.885	7.830	160,29%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.644	6.004	164,76%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	7.933	9.139	115,20%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	95.533	139.620	146,15%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	61,58	85,68	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	45,93	65,70	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	3,81	4,30	

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,03 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 131.472 triệu đồng/ 128.106 triệu đồng).

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp (130.506/9.139) tại thời điểm 31/12/2014 là 14,28 nằm ngoài giới hạn cho phép (vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP). Do vốn ngân sách ứng trước cho nhà tái định cư là: 89.432 triệu đồng nên hệ số lớn hơn 3 lần. Nợ phải trả thực tế của công ty là 41.074 triệu đồng (130.506 – 89.432). Nên hệ số nợ phải trả thực tế trên vốn chủ sở hữu của công ty (41.074/9.139) tại thời điểm 31/12/2014 là 4,49 lần. Nguyên nhân:

- Tại thời điểm 31/12/2014 tiền còn tồn đọng tại ngân hàng là 7.249 triệu đồng, chưa kịp thanh toán nên nợ cuối năm còn cao.

- Trong năm 2014, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12 vay ngân hàng để đầu tư xây dựng một số công trình lớn như xây dựng trường Hòa Mi 1 (435 triệu đồng); sửa chữa trường TH Kim Đồng, trường THCS Phan Bội Châu, trường TH Nguyễn Du (1.159 triệu đồng). Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12 còn thực hiện các công trình như xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Nhị Bình (4.581 triệu đồng), công trình nạo vét hệ thống thoát nước các

phường nhưng chưa quyết toán trong năm 2014 mà quyết toán, nhận tiền trong năm 2015.

- Cuối năm 2014, Công ty Môi trường đô thị thành phố còn nợ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12 kinh phí vận chuyển rác tháng 10, 11, 12 năm 2014 nên công ty còn nợ khách hàng tiền dầu 3.798 triệu đồng.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	135.110	144.130
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	125.704	131.472
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	9.406	12.658
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	93,04	91,22
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	6,96	8,78
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	135.110	144.130
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	114.582	130.506
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	7.933	9.139
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	84,81	90,55
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	5,87	6,34

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn (111.674 triệu đồng), hàng tồn kho (12.051 triệu đồng), tiền và các khoản tương đương tiền (7.490 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp đã thay đổi so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Nguyên nhân do công ty vay đầu tư nhiều hơn năm 2013.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,15$: doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp có thanh lý nhượng bán 02 tài sản gồm: 1 chiếc xe ben và căn tin UBND Quận 12 với nguyên giá 1.359 triệu đồng, giá trị còn lại là 496 triệu đồng (Xe ben: nguyên giá: 309 triệu đồng, giá trị còn lại: 0 đồng; Căn tin: nguyên giá: 1.050 triệu đồng, giá trị còn lại: 496 triệu đồng).

+ Đối với hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất: không có.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 111.674 triệu đồng, trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 130.506 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 0 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12 là 14.198 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 13.498 triệu đồng.

+ Vay của cá nhân: 700 triệu đồng.

+ Phát hành trái phiếu: 0 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: 0 triệu đồng.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 10.598 triệu đồng.

- Mua 02 xe ép rác loại 11 tấn: 3.600 triệu đồng.

+ Mục đích khác: 0 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản: không có

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt, truy thu thuế: không có.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý: đã có hồ sơ đăng ký tiền lương năm 2014.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12 có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 9.481 triệu đồng đạt 235,73% so với kế hoạch, tăng 80,83% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân do doanh thu năm 2014 cao hơn năm 2013 nên thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cao hơn năm 2013.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 3.619 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN: không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động 1: Thu gom rác đường phố.

Khối lượng thực hiện là 821.067 m², đạt 100 % kế hoạch.

- Hoạt động 2: Chăm sóc cây xanh.

Khối lượng thực hiện là 62.072 m², đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động 3: Nạo vét mương thoát nước.

Khối lượng thực hiện là 3.072md, đạt 108,86% kế hoạch.

- Hoạt động 4: nạo vét cống.

Khối lượng thực hiện là 9.645md, đạt 112,61% kế hoạch.

- Hoạt động 5: Nạo vét hồ ga.

Khối lượng thực hiện là 2.281 cái, đạt 100,18% kế hoạch.

- Hoạt động 6: Duy tu đường giao thông.

Khối lượng thực hiện là 30.257 m², đạt 94,02% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 57.130 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 38.906 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố: không có.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Doanh nghiệp đã hoàn thành vượt mức đối với các chỉ tiêu doanh thu (đạt 102,76%) và số phát sinh phải nộp ngân sách (đạt 235,73%); hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận (đạt 100%)

Công ty đã hoàn thành kế hoạch tài chính năm 2014 và chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp, đánh giá: xếp loại A, hoàn thành nhiệm vụ.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2013	Thực hiện năm 2014		Biến động thực hiện 2014 so với tỷ lệ(%)	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013
		(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)
I. Tổng doanh thu và thu nhập khác	161.629	151.482	153.387	101,3%	94,9%
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.691	151.482	151.724	100,2%	95,0%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.865		1.503		80,6%
3. Thu nhập khác	73		160		220,3%
Ghi chú:					
Khoản giảm trừ doanh thu	23.918		18.384		76,9%
II. Tổng chi phí	132.866	146.338	127.903	87,4%	96,3%
1. Giá vốn hàng bán	121.735	135.440	117.974	87,1%	96,9%
2. Chi phí tài chính	318	317	314	99,2%	99,0%
3. Chi phí bán hàng	-				
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.582	10.582	9.580	90,5%	90,5%
5. Chi phí khác	231		36		15,5%
III. Tổng chi phí trên tổng doanh thu	82%		83%		101,4%
Trong đó chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	6,5%		6,2%		95,4%
IV. Tổng lợi nhuận trước thuế	4.845	5.144	7.100	138,0%	146,5%
1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.003	5.144	6.976		139%
2. Lợi nhuận khác	(158)	-	124		-79%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 101,3% so với kế hoạch, đạt 94,9% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,91% tổng doanh thu, giảm 5% so với thực hiện 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,97% tổng doanh thu

+ Thu nhập khác chiếm 0,10% tổng doanh thu, tăng 120,3% so với thực hiện năm 2013.

- Thu nhập khác có tỷ lệ tăng cao so với năm 2013, tuy nhiên về giá trị tuyệt đối thì không cao (87 triệu đồng).

- Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ (lĩnh vực ngành nghề chính) => đơn vị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ trên giấy phép đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 87,4% so với kế hoạch, giảm 3,7% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 92,23% so với tổng chi phí, giảm 3,1% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,24%;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,48% so với tổng chi phí, giảm 9,5% so với năm 2013.

* Do 2 nguyên nhân:

Ø Doanh nghiệp tăng cường tiết kiệm giảm chi phí quản lý.

Ø Do chính sách thuế GTGT thay đổi (hoạt động công ích chịu thuế GTGT được khấu trừ và không hạch toán chi phí).

+ Chi phí khác 0,028% so với tổng chi phí.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 94,7 % so với doanh thu thuần 2014, giảm 3,7% so tổng chi phí năm 2013 chiếm 96,4% so với doanh thu thuần 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,09% so với doanh thu thuần thu năm 2014, giảm so với thực hiện năm 2013 (0,3%). Công ty đã tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

1. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	4.845	7.100,2	146,6%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	3.633,6	5.568,9	153,3%
3	Vốn chủ sở hữu (theo điều 14 TT 158)	triệu đồng	14.844,9	18.615,4	125,4%
4	Tổng tài sản 9 bình quân đầu kỳ, cuối kỳ	triệu đồng	155.202	131.281,3	84,6%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn CSH	%	0,326	0,381	116,9%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,245	0,299	122,2%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,0234	0,0424	181,2%

ROE, ROA đều tăng so với cùng kỳ năm 2013, cho thấy việc sử dụng vốn tại doanh nghiệp hiệu quả hơn năm 2013.

Qua các chỉ số ROE, ROA năm 2014, cho biết: 01 đồng vốn chủ sở hữu đầu tư vào kinh doanh đem lại 1.222 đồng lợi nhuận, bình quân một đồng tài sản trong sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra 1.812 đồng lợi nhuận.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,43 lần (=Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 104.515 triệu đồng/76.758 triệu đồng), cho thấy: doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,55 nằm trong giới hạn cho phép.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	124,131	137,723
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	92.207	104.515
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	32.420	33.418
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	73,88%	75,89%
4	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	26,12%	24,26%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	124.131	137.934
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	57.900	73.202
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	66.727	61.176
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46,64%	53,65%
4	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	53,76%	44,35%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền (50.061 triệu đồng), hàng tồn kho (21.843 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo tồn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1,25$; cho thấy doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Công ty không có khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Công ty không có hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu khách hàng ngắn hạn của doanh nghiệp là 34.080 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ năm 2002 là các khoản thuê tài định của các đơn vị thi công do Công ty Quản Lý Nhà Bình Thạnh và nợ tiền thuê nhà thuộc SHNN.

Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi. Doanh nghiệp đã có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như: cắt điện, cắt nước đối với một số hộ lâu năm không trả.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả ngắn hạn của doanh nghiệp là 73.266 triệu đồng, Công ty không có khoản nợ phải trả không ai đòi.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 5.100 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 5.100 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 5.100 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án đầu tư 2 xe ép rác:

+ Tổng mức vốn đầu tư: 5.100 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: 5.100 triệu đồng

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 có kiểm toán nhà nước khu vực IV kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 (biên bản kiểm toán ngày 24/09/2014).

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Doanh nghiệp tuân thủ đúng qui định quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

- Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 191 % kế hoạch.
- Trình bày nguyên nhân tăng so với 2013: Nộp tiền thu thuê nhà thuộc SHNN theo văn bản của UBND Thành phố, và chính sách thuế GTGT thay đổi (hoạt động công ích chịu thuế GTGT).
- Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 6.847 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

- Trình bày tình hình biến động, số dư cuối kỳ, tình hình quản lý: Không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 651.717.256 m², đạt 100% kế hoạch, tăng 5% so với thực hiện 2013.
- Hoạt động thu gom rác từ thùng rác công cộng: Khối lượng thực hiện là 43 thùng, đạt 46% kế hoạch (do thùng rác công cộng bị hao hụt nhiều nguyên nhân khách quan).
- Hoạt động duy tu từ bảo quản công viên cây xanh: Khối lượng thực hiện là 283.141,91 m²; đạt 90 % kế hoạch (diện tích duy tu giảm do yếu tố khách quan).
- Hoạt động vận chuyển rác công cộng: Khối lượng thực hiện là 1.355.317 tấn/km, đạt 108% kế hoạch.
- Hoạt động nạo vét hầm ga: Khối lượng công thực hiện 1 205.389 md và hầm ga 18.459 cái đều đạt 99% kế hoạch.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

Doanh nghiệp đã tuân thủ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, chế độ chính sách nhà nước qui định.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, chỉ tiêu doanh thu đạt 101,3% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 138% so kế hoạch, nộp ngân sách nhà nước đạt 191% kế hoạch.

Như vậy, trong năm 2014, doanh nghiệp hoàn thành vượt kế hoạch về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và số phát sinh phải nộp ngân sách.

- Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

- Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

S TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/ Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/ Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	2	3	4	5	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	40.685	50.782	55.686	110	136,87
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.692		55.451		147,12
2	Doanh thu hoạt động tài chính	320		143		44,69
3	Thu nhập khác	2.673		92		3,44
II	Tổng chi phí	40.538	45.670	50.573	111	124,75
1	Giá vốn hàng bán	31.801		42.364		133,22
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng	2.686		2.288		85,18
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.028		5.895		97,79
5	Chi phí khác	23		26		113,04
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	99,64	89,93	90,82	101	91,15
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	14,82		10,59		71,45
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	147	5.112	5.113	100	3.478,23
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.503		5.047		201,64
2	Lợi nhuận khác	2.650		66		2,49

1.1. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 110% so với kế hoạch, tăng 36,87% so với thực hiện năm 2013. Tổng doanh thu tăng cao so với năm 2013 là do doanh thu từ dịch vụ chăm sóc cây xanh trong năm 2013 được hạch toán vào doanh thu của năm 2014 với số tiền là 3.924 triệu đồng. Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,58%, tăng 47,12% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,26%, giảm 55,31% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,16%, giảm 96,56 % so với thực hiện năm 2013. Thu nhập khác giảm so với năm 2013 là do trong năm 2013 có nguồn thu từ bán thanh lý tài sản số tiền 2.436 triệu đồng.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 tăng 11% kế hoạch, tăng 24,75% so với thực hiện năm 2013. Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 83,77%, tăng 33,22% so với thực hiện năm 2013. Giá vốn hàng bán tăng so với năm 2013 (tăng 33,22%) là do tăng giá vốn các công trình xây dựng cơ bản được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách huyện.

+ Chi phí bán hàng chiếm 4,52%, giảm 15% so với thực hiện năm 2013. Giảm so với năm 2013 từ việc giảm chi phí cho nhân viên và chi phí khác.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11,66%, giảm 12% so với thực hiện năm 2013, chủ yếu giảm chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ Chi phí khác chiếm 0,05%, giảm 0,01% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 90,81% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với thực hiện năm 2013 (99,64%). Do Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 10,58% tổng doanh thu thực hiện, giảm so với thực hiện năm 2013 (thực hiện năm 2013 là 14,81%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

1.3. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 100% kế hoạch, tăng 3.478% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân lợi nhuận trước thuế năm 2014 tăng cao so với năm 2013 là do doanh thu từ dịch vụ chăm sóc cây xanh trong năm 2013 được hạch toán vào doanh thu của năm 2014 với số tiền là 3.924 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

2.1. Khả năng sinh lời:

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	147	5.113	3.478
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	110	3.984	3.622
3	Vốn chủ sở hữu (theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	42.172	42.172	100

4	Tổng tài sản (<i>bình quân đầu kỳ, cuối kỳ</i>)	Triệu đồng	73.621	71.845	98
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	0,003	0,121	3.478
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,003	0,094	3.622
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,001	0,055	3.711

Qua bảng số liệu trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

2.2. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,87 lần (67.842 triệu đồng/36.172 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

2.3. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 0,85% nằm trong giới hạn cho phép (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP).

2.4. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	77.069	74.706
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	70.432	67.842
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	6.637	6.864
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	91,39	90,81
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8,61	9,19
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	77.069	74.706
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	35.839	36.172
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	41.230	38.534
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46,50	48,42
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,50	51,58

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn 40.162 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 7.339 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 48,42% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 51,58% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

2.5. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$. Doanh nghiệp đã bảo toàn vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

3.1. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thâm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định.

- Quản lý công nợ phải thu:

+ Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 29.812 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 616 triệu đồng.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả: Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 36.172 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 36.172 triệu đồng (doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn).

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

4.1. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 không có văn bản nhắc nhở và không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật.

4.2. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện đúng chính sách tiền lương đối với người lao động theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Nghị định số 50/2013/NĐ-CP: “Tạm ứng tiền lương không vượt quá 80% quỹ lương thực hiện năm trước liền kề để trả cho người lao động. Cụ thể trong năm 2014 Công ty đã ứng tiền lương cho người lao động với số tiền 5.780.000.000 đồng, so với quỹ lương thực hiện năm 2013 chiếm 69,01% (5.870.000.000 đồng/8.506.000.000 đồng).

Công ty thực hiện chưa đúng chính sách tiền lương đối với viên chức quản lý quy định tại Khoản 3, Điều 4 của Nghị định số 51/2013/NĐ-CP: “Hàng tháng, viên chức quản lý được tạm ứng bằng quá 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính trong tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán và chi trả cuối năm”. Cụ thể trong năm 2014 Công ty đã ứng cho viên chức quản lý số tiền lương 1.108.000.000 đồng, so với quỹ lương kế hoạch chiếm 83,94% (1.108.000.000 đồng/1.320.000.000 đồng).

4.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

- Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 74,47% kế hoạch, giảm 7,19% so với thực hiện năm 2013.

- Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 1.940 triệu đồng.

4.4. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:
Trong năm Công ty chưa thực hiện trích lập quỹ.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động 1: Quét dọn, thu gom vận chuyển và xử lý rác trên địa bàn các xã, thị trấn năm 2014. Khối lượng thực hiện quét dọn đường phố: quét ngày 969.000m² và quét đêm là 86.532.000 m²; thu gom vận chuyển rác đường bộ 194,969 tấn/km; thu gom vận chuyển rác đường thủy: 17,855 tấn/km. Tương đương 9.291 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động 2: Bảo quản chăm sóc cây xanh trên địa bàn các xã, thị trấn. Khối lượng thực hiện chăm sóc cỏ bồn hoa, dây cỏ vỉa hè, phát cỏ công viên thị trấn: 49.012 m²; Quét vôi gốc cây, mé nhánh tạo hình cây, bảo quản chăm sóc cây xanh đô thị: 26.076 cây. Tương đương 2.400 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động 3: Nạo vét cống trên địa bàn các xã, thị trấn: Khối lượng thực hiện cống thoát nước là 24.579 md, hầm ga: 671 cái. Tương đương 2.574 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động 4: Duy tu giao thông nội xã và duy tu giao thông đường Rừng Sác năm 2014 đạt 4.094.000.000 đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 17.334 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

6.1. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 13/16 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, kết quả thực hiện như sau:

- Thực hiện đầy đủ: 13/13 chỉ đạo.

- Không thực hiện: 3/16 chỉ đạo, 01 trường hợp không nhận được văn bản, 02 trường hợp do Công ty không có những nội dung liên quan đến chỉ đạo trong văn bản, cụ thể như sau:

+ Công văn 5854/VP-CCN ngày 27 tháng 4 năm 2014 về ban hành quy chế công bố thông tin hoạt động của các Công ty TNHH Một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

+ Thông báo 315/TB-VP ngày 28 tháng 4 năm 2014 thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Hoàng Quân về tình hình sản xuất kinh doanh 3 tháng đầu năm 2014 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc thành phố

+ Công văn 2646/UBND-CNN ngày 11 tháng 6 năm 2014 về việc Kiểm soát viên chuyên trách không kiêm nhiệm ở các phòng, ban.

Trong năm, Công ty không có Biên bản, Quyết định xử phạt về thuế.

6.2. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không.

6.3. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không.

6.4. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành vượt kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Chưa hoàn thành tốt chỉ tiêu phải nộp ngân sách.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

- Phân loại doanh nghiệp:
- An toàn về tài chính
 - Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	152.026	168.000	168.053	1,001	1,105
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.086		165.440		1,102
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.940		1.718		0,886
3	Thu nhập khác	0		895		-
II	Tổng chi phí	133.665		149.680		1,120
1	Giá vốn hàng bán	126.190		141.635		1,122
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.475		7.765		1,039
5	Chi phí khác	0		280		
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	87,92%		89,07%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,92%		4,62%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	18.361	17.200	18.374	1,068	1,001
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.361		17.759		0,967
2	Lợi nhuận khác	0		615		-

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 100% so với kế hoạch, tăng 10,5% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,45%, tăng 10,23% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,02%, giảm 12,92% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,53%, tăng 100 % so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 tăng 11,98% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 94,62%, tăng 12,24% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,19%, tăng 3,88% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí khác chiếm 0,19%, tăng 100% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 89,07% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (1,15%).

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,62% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (0.3%). Doanh nghiệp đã thực hiện tốt biện pháp tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 107% kế hoạch, tăng 0,1% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH2014/TH2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.361	18.374	1,001
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	13.772	14.275	1,037
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	46.126	46.126	1,020

4	Tổng tài sản (<i>bình quân đầu kỳ, cuối kỳ</i>)	Triệu đồng	123.543	127.318	1,031
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	39,81%	39,83%	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	29,86%	30,95%	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	11,15%	11,21%	

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,23 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 94.434 triệu đồng/29.197 triệu đồng).

Đánh giá khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp:

+ Lớn hơn 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,7, nằm trong giới hạn cho phép không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	123.543	127.318
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	86.189	94.434
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	37.354	32.884
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	69,76%	74,17%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	30,24%	25,83%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	123.543	127.318
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	35.219	32.927
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	88.323	94.391

3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,51%	25,86%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,49%	74,14%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 2,01$, doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a.1. Vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Không đầu tư.

a.2. Lợi nhuận, cổ tức được chia: Không có.

a.3. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư ra ngoài: Không đầu tư.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp có thanh lý nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 2.208 triệu đồng, giá trị còn lại là 0 triệu đồng, giá trị thanh lý là 895 triệu đồng.

+ Đối với hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất: Không có..

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 28.456 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 673 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 673 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2013 (đã trích lập dự phòng), chủ yếu là các khoản bảo hành công trình. Trong năm 2014, doanh nghiệp vẫn tiếp tục theo dõi các khoản công nợ khó đòi này (cụ thể bao gồm: Công ty CP cấp nước Gia Định – 161.335.410đ, Trường đào tạo dạy nghề Việt Thái – 474.824.000đ, UBND Phường 14 – 37.044.000đ). Doanh nghiệp đã có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như: có đối chiếu thường xuyên với đối tác và được bên nợ xác nhận công nợ và sẽ thanh toán trong các năm sau.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 32.927 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 32.927 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không có.

e. Tình hình đầu tư tài sản: Không có.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế: không có vi phạm về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý:

- Công ty thực hiện thanh toán tiền lương cho Viên chức quản lý và Người lao động theo quy chế.

- Thực hiện đầy đủ các báo cáo tháng, quý về tiền lương cho Sở Lao động Thương binh xã hội.

- Tại thời điểm thực hiện báo cáo giám sát, Sở Lao động Thương binh xã hội và Phòng Lao động, Thương binh xã hội chưa duyệt quỹ lương 2014 cho công ty.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 22.482 triệu đồng đạt 155% kế hoạch.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp không còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách. (Đính kèm Thông báo số 3399/TB-CT của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc xác nhận số tiền thuế, tiền phạt đã nộp NSNN cho NNT và Thông báo số 2019/TB-KK&KTT của Chi cục thuế Phú Nhuận về việc xác nhận nghĩa vụ thuế cho NNT).

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Không có.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 50.603 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 47.568 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Có thực hiện (đính kèm báo cáo của công ty).

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Không có.

II. Kết luận:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN THỦ ĐỨC**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	79.806	86.326	81.918	94,89	102,65
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.619	86.326	81.169	94,02	101,95
2	Doanh thu hoạt động tài chính	85	-	72		84,70
3	Thu nhập khác	102	-	677		663,72
II	Tổng chi phí	75.063	83.008	78.528	94,60	104,61
1	Giá vốn hàng bán	67.500	75.239	70.273	93,40	104,11
2	Chi phí tài chính	-	-	56		
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	-	-			
3	Chi phí bán hàng	-	-	-		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.862	7.769	6.948	89,44	101,25
5	Chi phí khác	701	-	1.251		178,46
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	94.05	96,16	95,86	99,69	101,92
	<i>Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)</i>	8,6	9,00	8,48	94,22	98,60
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.743	3.318	3.390	102,16	71,47
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.341	3.318	3.964	119,50	74,22
2	Lợi nhuận khác	(598)	-	(574)		95,98

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 94,89% kế hoạch, tăng 2,65% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013. Doanh thu thực hiện năm 2014 chưa đạt kế hoạch là do tình hình hoạt động xây dựng cơ bản gặp nhiều khó khăn. Hoạt động chủ yếu của đơn vị là thực hiện nhiệm vụ công ích (quét, thu gom, vận chuyển rác; cho thuê nhà thuộc SHNN; duy tu chăm sóc cây xanh; cường chế).

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,09%, tăng 1,95% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và thu nhập của đơn vị (0,08%), giảm so với năm 2013 do lãi tiền gửi ngân hàng giảm.

+ Thu nhập khác chiếm 0,83%, tăng 563,72% so năm 2013, do trong năm 2014 trích 2% phí quản lý nhà chung cư Hiệp Bình (450 triệu đồng); Thu phạt nợ trả chậm (156,2 triệu đồng)...

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong đó doanh thu hoạt động công ích thực hiện là 57.623 triệu đồng, chiếm tỉ trọng 70,34% trên tổng doanh thu.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 94,6% kế hoạch, tăng 4,61% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,48% trên tổng chi phí, tương ứng với năm 2013.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,07% trên tổng chi phí.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,84% trên tổng chi phí, tương ứng so với năm 2013.

+ Chi phí khác chiếm 1,59%, tăng 0,66% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013. *Chi phí khác năm 2014 tăng là do truy thu thuế đất từ năm 2006 đến năm 2013 của phân xưởng sà lan ở số 512B An Phú- Quận 2, với số tiền: 1.233 triệu đồng.*

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 95,86% tổng doanh thu thực hiện, cao hơn năm 2013 là do tăng chi phí khác.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,48% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với kế hoạch và so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 102,16% /kế hoạch, giảm 28,53% so cùng kỳ năm 2013. Nguyên nhân:

- Do Nhà Nước điều chỉnh đơn giá thực hiện dịch vụ công ích.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2013/ TH năm 2014 (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.743	3.390	71,47
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.382	2.548	75,31

3	Vốn chủ sở hữu (tính theo điều 14 TT 158) (*)	Triệu đồng	13.668	13.668	
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	128.364	123.222	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	34,70	24,80	71,50
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	24,75	18,64	75,31
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,63	2,06	78,32

(*) Vốn chủ sở hữu được tính theo hướng dẫn tại điểm b, khoản 2, Điều 14 Thông tư 158/2013/TT-BTC. Trong đó, đã cộng thêm số trích quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận năm 2014 của doanh nghiệp giảm đã làm cho hiệu quả sử dụng vốn của đơn vị thấp hơn so với năm 2013. Lợi nhuận của đơn vị giảm là do nguyên nhân khách quan như đã nêu trên.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,18 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 45.250 triệu đồng/38.494 triệu đồng) > 1: Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Nợ phải trả đến 31/12/2014 là 43.178 triệu đồng. Tuy nhiên, để phản ánh đúng thực chất khoản phải trả, đơn vị đã loại trừ 02 khoản nợ, bao gồm:

- Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các căn hộ tại Chung cư Hiệp Bình Chánh (5.749 triệu đồng): Đây là khoản đơn vị phân nguồn thu. Trong thực tế, toàn bộ khoản tiền thu được, đơn vị đã hoàn trả Quỹ đầu tư. Sau khi hoàn tất trả nợ quỹ đầu tư, số tiền thu được sẽ được nộp vào ngân sách và giảm khoản nợ này. Do chính sách bán trả góp của thành phố được thực hiện từ 10 đến 15 năm, nên đơn vị đang thu tiền theo tiến độ.

- Khoản nợ 6.823 triệu đồng đối với các hộ dân tại Chung cư Hiệp Bình Chánh: phản ánh khoản tiền đơn vị đã thu được của người dân nhưng chưa thực hiện việc cấp chủ quyền. Sau khi người dân hoàn tất nghĩa vụ thanh toán, được cấp chủ quyền, đơn vị sẽ ghi giảm khoản nợ này.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 1,59 lần = (43.178 - 5.749 - 6.623)/19.332, không vượt quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	128.364	123.222
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	46.843	45.250
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	81.521	77.972
3	<i>Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản</i>	%	36,49%	36,67%

4	<i>Tài sản dài hạn/Tổng tài sản</i>	%	63,5%	63,3%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	128.364	123.222
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	47.381	43.178
2	Nguồn Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	80.983	80.044
3	<i>Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn</i>	%	36,91%	35,04%
4	<i>Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn</i>	%	63,09%	64,96%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục bất động sản đầu tư 69.479 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp và giảm so với cùng kỳ.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ (do nguồn kinh phí giảm) và chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$ (13.668/13.668) doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

* Quản lý tài sản:

+ Tổng tài sản tăng trong năm 2014 của công ty là 1.737 triệu đồng. Trong năm đã đầu tư thêm 01 xe ép rác nhỏ giá trị 1.612 triệu đồng, 1 xe lu 4 tấn giá trị 64 triệu đồng. Công ty thực hiện việc mua sắm tài sản theo đúng qui định.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

* Quản lý nợ:

Công ty thực hiện quản lý nợ theo quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP và Quy chế quản lý nợ do Công ty xây dựng và ban hành. Trong quản lý, đã phân công và xác định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân theo dõi, phân loại, đối chiếu, xác nhận, đôn đốc thu hồi nợ. Công ty rất quyết liệt trong giải quyết nợ tồn đọng, thực hiện khởi kiện gần như toàn bộ các trường hợp nợ chây ì, không có thiện chí trả nợ. Bên cạnh giải quyết các khoản nợ lâu, Công ty cũng chủ động xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi; chú trọng ngăn ngừa không để phát sinh nợ mới.

- Quản lý nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 28.882 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 4.095 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1.313 triệu đồng. Bao gồm :

+ Khoản lãi chiếm dụng vốn 2.516 triệu (phát sinh từ năm 2009): đây là khoản lãi người chiếm dụng tiền của Công ty cam kết trả (số tiền chiếm dụng Công ty đã thu hết). Công ty đã khởi kiện và Tòa đã hòa giải thành, đối tượng nợ đã cam kết trả nợ trong vòng 9 tháng, hạn chót hết tháng 1/2016 nếu không trả thì sẽ chuyển qua thi hành án. Do chưa thu được nên Công ty chưa ghi vào thu nhập và không trích lập dự phòng. Việc thu được khoản tiền này sẽ góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Trường hợp không có khả năng thu được cũng không làm mất vốn chủ sở hữu.

+ Các khoản nợ khác: 1.579 triệu đồng

Trong đó:

- 9 đối tượng với tổng số tiền là 1.313 triệu. Công ty đã khởi kiện ra tòa 7 trường hợp, 02 trường hợp là cơ quan nhà nước, Công ty đang nhờ UBND quận hỗ trợ giải quyết. Việc xử lý các khoản nợ này trong trường hợp không còn khả năng thu hồi đã được đảm bảo bằng nguồn dự phòng mà Công ty đã trích lập, không làm mất vốn chủ sở hữu.

- 13 đối tượng thuê nhà thuộc SHNN với tổng số tiền 266 triệu đồng, Công ty đã khởi kiện 10 trường hợp, còn lại 03 trường hợp đang lập hồ sơ để khởi kiện. Đây là khoản thu hộ, không phải là thu nhập của đơn vị nên Công ty không trích lập dự phòng.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014 tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 43.178 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không có..

d. Tình hình đầu tư tài sản: không có.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế với số tiền là: 11,9 triệu đồng theo Thông báo số 4927/QĐ-CT-XP ngày 10/10/2014 của Cục thuế thành phố.

b. Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý:

- Công ty đã ban hành “Quy chế quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong Công ty TNHH MTV DV Công ích Quận Thủ Đức” (QĐ số 47/QĐ-DVCI). Quy chế ban hành với quy định của chính phủ và các bộ ngành liên quan. Công ty thực hiện quản lý và sử dụng quỹ tiền lương; thực hiện công khai và báo cáo theo đúng quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 194,15% kế hoạch, tăng 30,6% so với năm 2013. Nộp ngân sách tăng so với kế hoạch là do truy thu tiền thuế đất các năm trước và tăng thuế GTGT của hoạt động quét thu gom vận chuyển rác, các năm trước không chịu thuế GTGT.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn nợ các khoản phải nộp ngân sách là 3.880 triệu đồng, chủ yếu là tiền thuế GTGT phát sinh tháng 12 năm 2014. Công ty đã nộp vào ngân sách vào tháng 1 năm 2015.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

- Hoạt động quét thu gom rác công cộng: Khối lượng thực hiện là 164.97 triệu m², đạt 100% kế hoạch.

- Hoạt động vận chuyển rác công cộng: Khối lượng thực hiện là 120.483,34 tấn, đạt 107,57% kế hoạch.

- Hoạt động cho thuê nhà SHNN: Doanh thu thực hiện là 6.318 triệu đồng, đạt 157,9% kế hoạch.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 57.623 triệu đồng, gồm: doanh thu quét rác là 12.531 triệu đồng; doanh thu vận chuyển rác là 31.610 triệu đồng; doanh thu duy tu, chăm sóc cây xanh, cưỡng chế ,... là 7.164 triệu đồng; doanh thu cho thuê nhà SHNN là 6.318 triệu đồng. Ứng với tổng chi phí là 54.058 triệu đồng.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân quận theo chỉ đạo của Sở Tài chính:

Chưa thực hiện nộp ngân sách kinh phí thu hồi do điều chỉnh giảm tiền lương tối thiểu tính trong đơn giá sản phẩm dịch vụ công ích năm 2012 và năm 2013, số tiền là 4.749 triệu đồng.

2. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch đối với chỉ tiêu doanh thu. Lợi nhuận thực hiện đạt 102,16% kế hoạch, nộp ngân sách đạt 194,15% kế hoạch.

Công ty còn khoản nợ phải thu khó đòi sẽ là yếu tố tiềm ẩn, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh và vốn chủ sở hữu. Do đó, Công ty cần có biện pháp cải thiện để giảm dần các yếu tố tồn thất nêu trên.

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN TÂN BÌNH**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I/ Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu :

1/ Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	89.808	91.526	94.051	102,76%	104,72%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.596		92.589		103,34%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	185		214		115,68%
3	Thu nhập khác	27		1.248		4622,22%
II	Tổng chi phí	84.923	83.696	86.221	103,02%	101,53%
1	Giá vốn hàng bán	75.091		73.581		97,99%
2	Chi phí tài chính	172		789		458,72%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>172</i>		<i>789</i>		<i>458,72%</i>
3	Chi phí bán hàng	22		2		9,09%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.561		10.801		112,97%
5	Chi phí khác	77		1.048		1361,04%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	94,56	91,45	91,67		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	10,65	-	11,48		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.885	7.830	7.830	100,00%	160,29%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.935		7.630		154,61
2	Lợi nhuận khác	-50		200		

a) Chỉ tiêu doanh thu :

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 104% so với kế hoạch , tăng 9,36% so với thực hiện năm 2013

- Cơ cấu doanh thu như sau :

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,06 % , tăng 9,95% so với thực hiện năm 2013

"+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,85 % , giảm 15,37 % so với thực hiện năm 2013. Doanh thu hoạt động tài chính giảm so với năm 2013

là do lãi suất tiền gửi giảm"

+ Doanh thu khác chiếm 0,09 % , tăng 36,58% so với thực hiện năm 2013

"Nhu vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Nhìn chung, doanh thu thực hiện năm 2014 tăng so với kế hoạch và tăng so với năm 2013"

b) Chỉ tiêu chi phí :

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 106,38 % so với kế hoạch, tăng 9,73% so với thực hiện năm 2013, tương ứng với tốc độ tăng doanh thu.

- Cơ cấu như sau :

+ Giá vốn hàng bán chiếm 95,95%, tăng 10,49% so với thực hiện năm 2013

+ Chi phí tài chính chiếm 0,0001%, tăng so với thực hiện năm 2013

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 4,02%, giảm 5,58 % so với thực hiện năm 2013

+ Chi phí khác chiếm 0,03%, giảm 26,99 % so với thực hiện năm 2013

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 94,86 % trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng nhẹ so với thực hiện năm 2013 là 0,31% do doanh thu thực hiện tăng nên chi phí cũng đồng thời gia tăng tương ứng.

"+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp : Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 3,81 % trên tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với năm 2013 (4,42%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013."

c) Chỉ tiêu lợi nhuận :

Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 73,60 % so với kế hoạch và tăng 3,05% so với thực hiện năm 2013. Tuy tổng lợi nhuận trước thuế của công ty giảm so với kế hoạch nhưng xét về lợi nhuận kinh doanh của công ty thì lợi nhuận từ kinh doanh của công ty vẫn tăng 56,33 % so với kế hoạch, cụ thể như sau :

Lợi nhuận (triệu đồng)			
Kế hoạch		Thực hiện	
Công ích	Kinh doanh	Công ích	Kinh doanh
13.964	4.891	6.231	7.646

2/ Tình hình tài chính của doanh nghiệp :

a) Khả năng sinh lời :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.466	13.877	103,05%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.116	11.295	111,65%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	53.926	53.926	100,00%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	344.937	364.075	105,55%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	24,97	25,73	103,05%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,76	20,95	111,65%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,93	3,10	105,79%

Qua bảng trên cho thấy, năm 2014 công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với năm 2013

b) Khả năng thanh khoản :

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,28 lần (223.096 triệu đồng / 173.660 triệu đồng)

Như vậy, công ty đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c) Các chỉ tiêu cân đối nợ :

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 5,24= 282.516 triệu đồng / 53.926 triệu đồng.

Nợ phải trả là 282.516 triệu đồng, trong đó :

+ Phải trả Ngân sách nhà nước liên quan đến công trình xây dựng chung cư Tân Trụ : 105.072 triệu đồng (a)

+ Doanh thu chưa thực hiện (nợ tiền thuê nhà ở chưa thu được lũy kế đến 31/12/2014) : 3.327 triệu đồng (b).

- + Quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ : 458 triệu đồng (c).
- + Phải trả khách hàng (Ban quản lý dự án công trình "Trường Âu Lạc") là 19.949 triệu đồng (d).

Nếu loại trừ các yếu tố (a),(b),(c) là những khoản nợ nằm ngoài khả năng chủ quan của doanh nghiệp thì chỉ tiêu nợ phải trả chỉ còn 173.659 triệu đồng , bằng 3,22 lần vốn điều lệ .

Ngoài ra, khi công trình “ Trường Âu Lạc” (d) sẽ được quyết toán trong năm 2015, khi ấy sẽ làm tỷ suất nợ phải trả/ vốn điều lệ xuống < 3 lần. Cụ thể là 2,85 lần = 128.806 triệu đồng / 53.926 triệu đồng.

d) Cơ cấu tài sản, nguồn vốn :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	344.937	364.075
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	218.499	223.096
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	126.438	140.979
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	63,34	61,28
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	36,66	38,72
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	344.937	364.075
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	269.118	282.516
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	75.819	81.559
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78,02	77,60
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,98	22,40

- Về cơ cấu tài sản :

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong tổng tài sản của công ty, chủ yếu là khoản mục "tiền và các khoản tương đương tiền" (90.972 triệu đồng) và khoản mục "Các khoản phải thu" (85.510 triệu đồng)

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 tương đối ổn định so với năm 2013

- Về cơ cấu nguồn vốn :

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng 4,98 % so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ 77,60 % trong tổng nguồn vốn của công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng 7,57 % so với cùng kỳ năm trước, Chiếm 22,40 % trong tổng nguồn vốn của công ty.

e) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn :

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của công ty H = 53.926 triệu đồng / 53.926 triệu đồng = 1. Vốn nhà nước tại công ty được bảo toàn và tăng lên so với đầu năm, hệ số bảo toàn của Vốn chủ sở hữu là 1 , tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là

20,94%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 3,10%

3/ Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản :

a) Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp :

- Công ty có đầu tư vốn vào công ty con là Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Tân Bình, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304855078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/06/2011 với ngành nghề kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng và đồ dùng trang trí nội thất, vốn điều lệ 2.351.500.000 đồng.

"- Trong năm 2014, lợi nhuận được chia từ công ty vật liệu xây dựng Tân Bình là 76.871.392 đồng, chiếm tỷ lệ 3,27 % trên vốn đầu tư. "

- Theo đề án tái cơ cấu doanh nghiệp, Công ty vật liệu xây dựng Tân Bình sẽ được tạm thời tiếp tục duy trì hoạt động đến năm 2015 nhằm cung cấp vật tư, thiết bị, trang trí nội thất cho các công trình do công ty công ích Tân Bình nhận thầu, sau năm 2015, công ty sẽ xây dựng lộ trình pháp lý và kế hoạch thoái vốn theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Tình hình quản lý tài sản và công nợ phải thu, phải trả :

"- Công ty mua sắm tài sản hoặc thanh lý tài sản có giá trị lớn đều thực hiện tổ chức đấu thầu, đấu giá theo quy định, việc khấu hao tài sản cố định cũng được thực hiện nghiêm túc theo quy định hiện hành."

"- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của công ty là 85.510 triệu đồng. Chủ yếu là tiền ứng trước cho các công trình xây dựng cơ bản của công ty."

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải trả của công ty là 282.516 triệu đồng.

- Công ty không có nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn.

c) Tình hình đầu tư tài sản và huy động vốn

- Công ty không sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án cũng như không huy động vốn từ các nguồn khác để đầu tư dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh.

4/ Tình hình chấp hành chế độ chính sách :

a) Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế :

"Trong năm 2014 vừa qua, công ty có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước"

b) Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương :

Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động. Quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý theo đúng quy định.

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước :

- Công ty có số phát sinh phải nộp Ngân sách năm 2014 là 24.956 triệu đồng đạt 138,95% kế hoạch, tăng 48,66 % so với thực hiện năm 2013, và đã vượt kế hoạch 38,95 %.

"- Đến cuối năm 2014, công ty còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 5.728 triệu đồng. Công ty dự kiến sẽ nộp số tiền này vào quý I năm 2015"

d) Tình hình sử dụng quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp.

Trong năm 2014, công ty không phát sinh và không sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

5/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích :

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể :

- Vệ sinh quét dọn : Khối lượng thực hiện là 630.412.784 lượt/m², đạt 100 % kế hoạch.

- Chăm sóc cây xanh : Khối lượng thực hiện là 105.412.731 m², đạt 100 % kế hoạch.

- Vận chuyển rác : Khối lượng thực hiện là 6.146.221 tấn.km, đạt 101,09 % kế hoạch.

- Xây dựng cơ bản : 145.718 triệu đồng, đạt 104.75 % kế hoạch

Tổng doanh thu công ích là 199.413 triệu đồng, ứng với tổng chi phí công ích là 193.182 triệu đồng.

6/ Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan :

a) Tình hình thực hiện kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố : không có

b) Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước : Về kiến nghị của Kiểm toán nhà nước trong Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2013 đối với Công ty, Công ty đã thực hiện nộp vào Ngân sách Nhà nước 3.677.522.247 đồng theo yêu cầu.

c) Tình hình thực hiện kiến nghị của Thanh tra thành phố : không có

d) Tình hình thực hiện kiến nghị của Sở Tài chính : không có

I. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	47.561	52.366	40.182	76,7%	84,5%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.078	52.266	39.939	76,4%	84,8%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	438	100	239	239%	54,6%
3	Thu nhập khác	45		4		8,9%
II	Tổng chi phí	39.596	48.347	36.524	75,5%	92,2%
1	Giá vốn hàng bán	37.591	43.641	30.960	70,9%	82,4%
2	Chi phí tài chính	0				
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>0</i>				
3	Chi phí bán hàng	0				
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.980	4.706	5.456	115,9%	275,6%
5	Chi phí khác	25		108		432%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	83%	92,3%	90,9%	98,5%	109,5%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	4,2%	8,9%	13,6%	152%	324%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	7.965	4.019	3.658	91%	45,9%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.944	4.019	3.762	93,6%	47,4%
2	Lợi nhuận khác	21		-104		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 76,7% so với kế hoạch, giảm 15,5% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân giảm so với thực hiện năm

2013 chủ yếu do giảm doanh thu quét, thu gom rác (giảm đơn giá) và doanh thu thi công các công trình.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,4%, giảm 15,2% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,59%, giảm 45,4% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,01% giảm 91,1% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác chiếm một tỷ trọng rất nhỏ, do đó 2 hoạt động này giảm nhiều nhưng cũng không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 75,5% kế hoạch, giảm 7,8% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 84,8%, giảm 17,6% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 14,9% tăng 175,6% so với thực hiện năm 2013 (chi phí quản lý năm 2013 đã được hạch toán giảm 2.486 triệu đồng do hoàn nhập khoản dự phòng tiền lương năm 2012 và khoản dự phòng phải thu khó đòi; nếu chưa hoàn nhập số tiền trên thì chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2013 là 4.466 triệu đồng, vậy chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 chỉ tăng 22,2% so với năm 2013).

+ Chi phí khác chiếm 0,3% tăng 332% so với thực hiện năm 2013.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 90,9% tổng doanh thu thực hiện, tăng 7,9% so với thực hiện năm 2013. Công ty chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 13,6% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (tăng 9,4%). Công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 91% kế hoạch, giảm 54,1% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân: do quỹ lương dự phòng năm 2012 chưa chi hết 3.792 triệu đồng được kết chuyển lãi năm 2013, năm 2014 không có khoản này.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2013 (loại trừ hoàn nhập tiền lương năm 2012)	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/TH năm 2013	Tỷ lệ TH năm 2014/TH năm 2013 (loại trừ lương)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.965	4.173	3.658	45,9%	87,7%
2	Tổng nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.968	3.130	2.829	47,4%	90,4%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	20.570	20.570	20.570	100%	100%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	48.425	48.425	45.771	94,5%	94,5%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	38,7%	20,3%	17,8%	46%	87,7%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	29%	15,2%	13,7%	47,2%	90,1%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	12,3%	6,5%	6,2%	50%	95,4%

Qua bảng này cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 3,62 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 36.952 triệu đồng/10.212 triệu đồng). Như vậy, công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 0,5, nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	48.425	45.771
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	38.716	36.952
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	9.709	8.819
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80%	80,7%
4	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	20%	19,3%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	48.425	45.771
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	14.374	10.668
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	34.051	35.103
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,7%	23,3%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	70,3%	76,7%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục phải thu của khách hàng (18.970 triệu đồng) và khoản mục tiền (16.860 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn vốn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 01$, doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Năm 2014, Công ty không có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong năm 2014 doanh nghiệp không có mua sắm tài sản cố định, không thanh lý tài sản.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 20.689 triệu đồng, trong đó nợ khó đòi và không có khả năng thu hồi là 366 triệu đồng, đã trích lập dự phòng 726 triệu đồng. Xử lý công nợ khó đòi của ông Trần Văn Nghiệm 377 triệu đồng.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2002 đến 2007. Trong năm 2014, doanh nghiệp không có phát sinh nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải trả của doanh nghiệp là 10.668 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 698 triệu đồng, doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Năm 2014, Công ty không có huy động vốn.

e. Tình hình đầu tư tài sản: Năm 2014, Công ty không có đầu tư tài sản.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Đơn vị luôn chấp hành các quy định về thuế, nộp thuế đầy đủ, kịp thời, không để nợ thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý: đơn vị xác định quỹ lương theo Thông tư 18/2013, 19/2013 ngày 9/9/2013 của Bộ Lao động – Thương binh Xã hội.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 6.442 triệu đồng đạt 211,3% (kế hoạch năm 2014: 3.049 triệu đồng), tăng 43,8% so với thực hiện năm 2013 (thực hiện 2013: 4.481 triệu đồng). Nguyên nhân tăng so với năm 2013: chủ yếu do hoạt động quét, thu gom vận chuyển rác và duy tu cống thoát nước năm 2014 chịu thuế GTGT áp dụng thuế suất 10%, nên số

phát sinh nộp ngân sách tăng. (Văn bản số 2803/CT-TTHT ngày 17/4/2014 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh về chính sách thuế).

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn các khoản phải nộp ngân sách là 1.771 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: Không

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Thu gom vận chuyển rác: khối lượng thực hiện là 1.242.897,02 T.Km, tương đương 9.255 triệu đồng, đạt 109% kế hoạch.

- Quét rác đường phố: khối lượng thực hiện là 145.978,99 (1000 m²), tương đương 9.205 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch (do một số tuyến đường thi công công thoát nước nên giảm diện tích quét).

- Chăm sóc công viên cây xanh:

+ Diện tích cỏ: Khối lượng thực hiện là 75.231,52 m², tương đương 2.809 triệu đồng, đạt 99,8% kế hoạch (do giảm diện tích quét cỏ khu vực nhà truyền thống).

+ Diện tích bồn hoa: Khối lượng thực hiện là 10.242,96 m², tương đương 230 triệu đồng, đạt 118,3% kế hoạch.

+ Diện tích đường nội bộ: Khối lượng thực hiện là 57.566,6 m², tương đương 192 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Nạo vét đường cống hố ga:

+ Đường cống: Khối lượng thực hiện 4.738 m, tương đương 294 triệu đồng, đạt 94,9% kế hoạch (do làm mới cống hộp đường Trần Tử Bình, xây dựng mới chợ Tân Thạnh Tây và trước cổng nhà văn hóa xã Tân Thông Hội đổ bê tông không nạo vét được).

+ Hố ga: Khối lượng thực hiện 226 hố, tương đương 34 triệu đồng, đạt 97,4% kế hoạch (do xây dựng mới chợ Tân Thạnh tây, khu vực chợ sáng Tân Phú Trung người dân đổ bê tông trùm lên nắp hố ga nên không nạo vét được).

- Thi công các công trình: 10.681 triệu đồng.

- Cho thuê nhà sở hữu nhà nước: 257 triệu đồng.

- Trang trí hoa kiểng, kinh phí phục vụ lễ: 465 triệu đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 33.422 triệu đồng (doanh thu thuần: 33.211 triệu đồng), ứng với tổng giá vốn là 24.695 triệu đồng (chưa phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp).

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố: chưa chấp hành đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trong năm 2014, Công ty phải thực hiện 20 chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó:

- Thực hiện đầy đủ: 18/20 chỉ đạo
- Không thực hiện: 2/20 chỉ đạo, cụ thể:

Công văn số 512/UBND-CNN ngày 6/2/2014 về việc thực hiện báo cáo định kỳ triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2013-2015: Tổng Công ty, Công ty hoạt động theo mô hình công ty me-con thực hiện Tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2013-2015; Công ty TNHH MTV thực hiện cổ phần hóa giai đoạn 2013-2015 định kỳ gửi báo cáo tiến độ triển khai thực hiện cổ phần hóa gửi Ban Đổi mới, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa của doanh nghiệp, Sở Tài chính trước ngày 25 hàng tháng. Công ty chưa thực hiện.

Công văn số 6245/UBND-CNN ngày 27/11/2014 về việc Quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các TCTY, Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thuộc thành phố, trong đó Giao HĐTV các Tổng công ty, công ty mẹ - công ty con thuộc thành phố thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND thành phố tại các VB số 6099/UBND-CNN ngày 16/11/2013, VB số 6314/UBND-CNN ngày 27/11/2013 và các quy định pháp luật hiện hành về việc thu nộp về Quỹ HTSX doanh nghiệp; Rà soát, hạch toán bổ sung toàn bộ các khoản lãi tiền gửi của Quỹ HTSX doanh nghiệp tại các Ngân hàng thương mại theo đúng quy định (bao gồm cả các khoản lãi tiền gửi năm 2013); Mở tài khoản riêng tại các ngân hàng thương mại để theo dõi các khoản thu, chi của Quỹ HTSX doanh nghiệp theo quy định. Công ty chưa thực hiện.

b. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính 2012:

- Về việc ký hợp đồng thuê đất 6 mặt bằng công ty đang quản lý, sử dụng: đơn vị đã gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang chờ Sở Tài nguyên – Môi trường thành phố xem xét cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất rồi mới thực hiện ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên – Môi trường thành phố.

II. KẾT LUẬN CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã không hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nguyên nhân do giảm doanh thu quét, thu gom rác (giảm đơn giá) và doanh thu thi công các công trình, riêng số phát sinh phải nộp ngân sách hoàn thành so với kế hoạch đầu năm do có phát sinh thuế giá trị gia tăng 10% đối với hoạt động quét thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và duy tu nạo vét cống thoát nước.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp: Doanh nghiệp chấp hành chế độ, chính sách pháp luật đầy đủ và đúng quy định. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chưa đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Phân loại doanh nghiệp:

- An toàn về tài chính
- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	105.155	108.952	116.664	107,80	110,94
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.071	108.852	115.734	106,32	110,15
2	Doanh thu hoạt động tài chính	84	100	38	38,00	45,24
3	Thu nhập khác	0	0	892		
II	Tổng chi phí	100.148	104.022	111.355	107,05	111,19
1	Giá vốn hàng bán	94.441	97.482	104.812	107,52	110,98
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.701	6.540	6.473	98,98	113,54
5	Chi phí khác	6		70		1.166,67
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	95,24	95,47	95,45		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	5,42	6	5,55		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	5.007	4.930	5.309	107,69	106,03
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.013	4.930	4.487	91,01	89,51
2	Lợi nhuận khác	-6		822		13.700

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 107,8% so với kế hoạch, tăng 10,94% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,2%, tăng 10,15% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,03%, giảm 54,76% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,77%, tăng so với thực hiện năm 2013. Bao gồm

khoản hoàn nhập dự phòng tiền lương năm 2014: 822 triệu đồng và tiền bồi thường bảo hiểm tai nạn: 70 triệu đồng.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 107,05% kế hoạch, tăng 11,19% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 94,13%, tăng 10,98% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,81%, tăng 13,54% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 0,06%, tăng 1.166,67% so với thực hiện năm 2013. Chi phí khác là khoản bồi thường tai nạn: 70 triệu đồng.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 95,45% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (95,24%). Tổng chi phí năm 2014 đã bao gồm khoản dự phòng tiền lương năm 2015 (4.127 triệu đồng). Nếu trừ khoản dự phòng tiền lương năm 2015 thì tổng chi phí năm 2014 chiếm 91,91% (107.228/116.664) tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013. Doanh nghiệp đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,55% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (5,42%). Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 đã bao gồm khoản dự phòng tiền lương năm 2015 (519 triệu đồng). Nếu trừ khoản dự phòng tiền lương năm 2015 thì chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 chiếm 5,1% (5.954/116.664) tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013. Doanh nghiệp đã tiết giảm chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đạt 107,69% kế hoạch, tăng 6,03% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.007	5.309	106,03
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.750	4.106	109,49
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	7.089	8.434	118,97
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	39.313	48.630	123,70
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	70,63	62,95	89,13
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	52,90	48,68	92,02
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	9,53	8,44	88,56

- Vốn Chủ sở hữu từ quý 1 đến quý 3 năm 2013 chưa bao gồm quỹ dự phòng tài chính, đến cuối 31/12/2013 chuyển Quỹ dự phòng tài chính (1.538 triệu đồng) về Quỹ đầu tư phát triển, nên Vốn Chủ sở hữu bình quân năm 2014 cao hơn Vốn Chủ sở hữu bình quân năm 2013, do đó Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn Chủ sở hữu năm 2014 thấp hơn năm 2013. Trường hợp Vốn Chủ sở hữu từ quý 1 đến quý 3 năm 2014 loại trừ Quỹ dự phòng tài chính thì Vốn Chủ sở hữu bình quân năm 2014 là 7.140 triệu đồng, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu (ROE) năm 2014 (57,51%) cao hơn năm 2013.

- Tổng tài sản cuối năm 2014 đã bao gồm khoản thu hộ ngân sách: 11.114 triệu đồng (do đã thu tiền các hộ dân nhưng chưa xuất hóa đơn). Nếu trừ khoản thu hộ ngân sách thì Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (ROA) năm 2014 là 9,53% (4.106/43.072) bằng năm 2013.

Qua trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 0,97 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 52.913 triệu đồng/ 54.459 triệu đồng).

Nợ ngắn hạn (54.459 triệu đồng) đã bao gồm các khoản thu hộ ngân sách: 16.072 triệu đồng (do chưa xuất hóa đơn tài chính, giữ lại cho chi phí quản lý, duy tu bảo dưỡng cho khu Tái định cư 30ha Vĩnh Lộc B) và tạm ứng ngân sách Thành phố để thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho công tác quản lý vận hành khu tái định cư 30 Ha Vĩnh Lộc B: 5.000 triệu đồng. Tài sản ngắn hạn: 52.913 trừ khoản thu hộ ngân sách: 11.114 triệu đồng (do đã thu tiền các hộ dân nhưng chưa xuất hóa đơn). Nếu trừ khoản thu hộ ngân sách và tạm ứng ngân sách này thì:

Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn = 41.799 / 33.387 = 1,25 lần lớn hơn 1.

Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

- Tình hình công nợ phải trả đến kỳ báo cáo: tổng số nợ phải trả 49.078 triệu đồng; trong đó:

+ Phải trả CNV: 8.733 triệu đồng

+ Phải trả cho người bán: 3.928 triệu đồng

+ Thuế và các khoản phải nộp NSNN: 2.235 triệu đồng

+ Thu hộ ngân sách nhà nước: 16.072 triệu đồng (do chưa xuất hóa đơn tài chính, và các khoản giữ lại cho chi phí quản lý, duy tu bảo dưỡng cho khu Tái định cư 30ha Vĩnh Lộc B)

+ Tạm ứng ngân sách Thành phố để thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho công tác quản lý vận hành khu tái định cư 30 Ha Vĩnh Lộc B: 5.000 triệu đồng.

+ Phải trả cho các Đội ứng vốn thi công: 10.970 triệu đồng

+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 1.788 triệu đồng

+ Phải trả khác: 352 triệu đồng

Các khoản nợ phải trả chủ yếu là các khoản ứng vốn thi công của các Đội tác nghiệp trực thuộc doanh nghiệp, các khoản phải trả cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị thi công sẽ thanh toán khi doanh nghiệp nhận được kinh phí từ chủ đầu tư (bên A). Khoản phải trả CBCNV có bao gồm trích dự phòng tiền lương năm 2015: 4.127 triệu đồng; tiền lương còn lại của năm 2014, Doanh nghiệp chi trả cho người lao động trong năm 2015.

Nếu loại trừ khoản thu hộ ngân sách và khoản ứng vốn của các Đội thi công thì Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 = $(49.078 - 16.072 - 5.000 - 10.970) / 8.383 = 17.036 / 8.383 = 2,03$ lần nhỏ hơn 3, nằm trong giới hạn cho phép (theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	43.590	53.670
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	42.001	52.913
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.589	757
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	96,35	98,59
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	3,65	1,41
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	43.590	53.670
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	32.103	54.751
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	11.487	-1.081
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,65	102,01
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,35	-2,01

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục phải thu khách hàng 31.932 (triệu đồng), phải thu khác 11.430 (triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, vượt tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Do nợ phải trả bao gồm các khoản thu hộ ngân sách: 16.072 triệu đồng (do chưa xuất hóa đơn tài chính, giữ lại cho chi phí quản lý, duy tu bảo dưỡng cho khu Tái định cư 30ha Vĩnh Lộc B) và tạm ứng ngân sách Thành phố để thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho công tác quản lý vận hành khu tái định cư 30 Ha Vĩnh Lộc B: 5.000 triệu đồng.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước do doanh nghiệp đã tiếp nhận quản lý khu dân cư 30 Ha Vĩnh Lộc B theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tổng số tiền doanh nghiệp còn tạm ứng để thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho công tác quản lý vận hành khu tái định cư 30 Ha Vĩnh Lộc B đến 31/12/2014 là 7.642 triệu đồng (đã trừ khoản tạm ứng ngân sách: 5.000 triệu đồng, các khoản thanh toán bao gồm tiền lương nhân viên quản lý, chi phí thuê dịch vụ bảo vệ, chi phí trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, chi phí điện nước, thông tin liên lạc,...);

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$ (8.383/8.383), doanh nghiệp đã bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Doanh nghiệp không có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp không mua sắm tài sản.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Từ năm 2011, 2012, 2013, 2014, doanh nghiệp đã có văn bản gửi đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký khấu hao nhanh bằng 02 lần mức khấu hao theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ.

+ Căn cứ theo văn bản số 6013/UBND-CNN ngày 19/11/2009 của Ủy ban nhân dân Tp.HCM, từ năm 2010 đơn vị không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp có nhượng bán một nhà ở thuộc sở hữu nhà nước với nguyên giá là 9.030 triệu đồng, giá trị còn lại là 5.669 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 43.507 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 84 triệu đồng, doanh nghiệp chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ để trích lập dự phòng theo qui định.

Công nợ khó đòi của doanh nghiệp phát sinh từ năm 2010, chủ yếu là các khoản phải thu cho thuê nhà sở hữu nhà nước do các hộ dân không chịu ký hợp đồng thuê nhà, đang chờ các Sở ngành có liên quan giải quyết. Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 49.078 triệu đồng, trong đó nợ quá hạn là 1.022 triệu đồng (là các khoản nợ liên quan đến hoạt động dự án – Doanh nghiệp làm chủ đầu tư (thu chi hộ NSNN), không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các khoản nợ này chủ yếu là các khoản bảo hành dự án, đang chờ quyết toán công trình, sẽ thanh toán cho nhà thầu khi đã có biên bản kết thúc bảo hành. Nếu loại trừ các khoản nợ của hoạt động dự án thì doanh nghiệp không có nợ phải trả đã quá hạn thanh toán)

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Doanh nghiệp không có vốn tự huy động.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp không có dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, doanh nghiệp bị phạt hành chính về việc mất 01 hóa đơn mua hàng: mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu MH/11P, số hóa đơn 0001015 - mất liên 2 đã sử dụng. Số tiền phạt: 2,5 triệu đồng theo quyết định số: 4694/QĐ-CT-XP của Cục thuế Tp.HCM ngày 29/09/2014.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Doanh nghiệp thực hiện việc trả lương, thưởng cho người lao động theo Quy chế trả lương, trả thưởng của doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện, nợ lương người lao động.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 335,03% kế hoạch, tăng 194,03% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân tăng: tương ứng

doanh thu, đồng thời tăng thuế GTGT đối với hoạt động quét, thu gom, vận chuyển rác (theo quy định mới là đối tượng chịu thuế GTGT) và thuế GTGT của hoạt động thu hộ ngân sách nhà nước đối với căn hộ, nền đất tái định cư.

Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 2.235 triệu đồng nhưng chưa đến hạn nộp ngân sách, doanh nghiệp đã nộp đúng hạn trong tháng 01/2015.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:

Đến ngày 31/12/2014 doanh nghiệp chưa nhận được kết quả xếp loại doanh nghiệp, viên chức quản lý năm 2012, 2013, 2014 nên chưa trích lập các quỹ theo qui định, do đó chưa thể xác định được Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 2.249.444 (T-Km), tương đương 30.404 triệu đồng, đạt 102,31% kế hoạch.

- Hoạt động quét, thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 443.751.867 (m² quy ước), tương đương 22.711 triệu đồng, đạt 102,27% kế hoạch.

- Hoạt động quản lý cầu đường không vật tư: Khối lượng thực hiện là 255,740 (Km), tương đương 2.038 triệu đồng, đạt 99,93% kế hoạch (do giảm trừ diện tích cầu đường đưa vào sửa chữa trong năm 2014)

- Hoạt động khác (nhà sở hữu nhà nước, quản lý chăm sóc cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, phá dỡ nhà dân dụng, xây dựng các công trình công cộng,): 50.368 triệu đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 105.521 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 95.140 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố: 30

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp không thuộc diện thực hiện: 3/30

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp phải thực hiện: 27/30

- Tổng số chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp đã thực hiện: 27/30

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: không có

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

- Tổng số chỉ đạo của Sở Tài chính: 1

- Tổng số chỉ đạo của Sở Tài chính, doanh nghiệp đã thực hiện: 1/1

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Doanh nghiệp có ý thức chấp hành tốt các chế độ kế toán, thống kê, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách theo quy định, không nợ thuế.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

Thực hiện Quyết định 6186/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND thành phố về việc ủy quyền thực hiện một số quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận huyện;

Thực hiện Quyết định 1332/QĐ-UBND ngày 27/03/2015 của UBND thành phố về sửa đổi, bổ sung Quy định cơ chế phối hợp giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu, Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp báo cáo như sau:

1. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	2	3	4	5	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	145.028	140.245	140.768	100,37%	97,06%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.203	139.165	137.742	98,98%	96,19%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.080	800	834	104,25%	77,22%
3	Thu nhập khác	745	280	2.192	782,86%	294,23%
II	Tổng chi phí	136.219	131.633	131.957	100,25%	96,87%
1	Giá vốn hàng bán	123.431	118.948	118.004	99,21%	95,60%
2	Chi phí tài chính	687	755	692	91,66%	100,73%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	687		692		100,73%
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.845	11.930	10.775	90,32%	99,35%
5	Chi phí khác	569		1.794		315,29%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	93,93%	93,86%	93,74%	99,87%	99,80%

	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	7,48%	8,51%	7,65%	89,98%	102,36%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.496	8.612	9.503	110,35%	100,07%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.320	8.332	9.105	109,28%	97,69%
2	Lợi nhuận khác	176	280	398	142,14%	226,14%

Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 100,37% so với kế hoạch, giảm 2,94% so với thực hiện năm 2013. Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm 97,85% trong tổng doanh thu, giảm 3,81% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu do đơn giá tiền lương thu gom rác giảm từ 2.000.000 đồng xuống 1.150.500 đồng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,6% trong tổng doanh thu, giảm 22,78% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 1,55% trong tổng doanh thu, tăng 194,23% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu do thu tiền thanh lý xe ben.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động cung cấp dịch vụ (quét dọn, thu gom và vận chuyển rác, duy tu, xây dựng sửa chữa, quản lý và cho thuê nhà thuộc SHNN)

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 100,25% kế hoạch, giảm 3,13% so với thực hiện năm 2013. Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 89,43%, giảm 4,4% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,52%, tăng 0,73% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,16%, giảm 0,65% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 1,35%, tăng 215,29% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân: chủ yếu phát sinh tăng do chi phí thanh lý tài sản.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,65% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (2,36%).

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 110,35% kế hoạch, tăng 0,7% so với thực hiện năm 2013.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.496	9.503	100,07%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.122	7.419	104,17%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	27.945	27.945	100,00%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	75.363	79.619	105,65%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	33,98%	34,01%	100,07%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	25,49%	26,55%	104,17%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	9,45%	9,32%	98,60%

Năm 2014 doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,38 lần (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 51.899 triệu đồng/37.468 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 1,46 nằm trong giới hạn cho phép (không quá 3 lần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	77.536	81.701
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	41.665	51.899
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	35.871	29.802
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	53,74%	63,52%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	46,26%	36,48%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	77.536	81.701
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	33.401	40.746
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	44.135	40.955
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,08%	49,87%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	56,92%	50,13%

Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, trong đó các khoản chiếm tỉ trọng lớn:

. Tiền và các khoản tương đương bằng tiền đến thời điểm 31/12/2014 là 24.484 triệu đồng (trong đó: tiền mặt, tiền gửi: 13.892 triệu đồng, tiền gửi có kỳ hạn 10.591 triệu đồng).

. Phải thu ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2014 là 25.316 triệu đồng, trong đó phải thu khách hàng 25.674 triệu đồng, tăng 164,95% so với năm 2013, chủ yếu phải thu từ NSNN (chiếm 82,25% phải thu khách hàng), cụ thể: khối lượng hoàn thành của các công trình xây dựng vốn ngân sách chưa thanh toán do chưa có kế hoạch vốn (18.745 triệu đồng), khối lượng vận chuyển, thu gom, quét rác năm 2014 chưa thanh toán (2.372 triệu đồng)

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 là 40.746 triệu đồng, tăng 21,9% so với năm 2013, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (49,87%), trong đó:

▪ Nợ ngắn hạn: 37.467 triệu đồng chiếm 91,95% tổng số nợ phải trả, các khoản chiếm tỉ trọng lớn: vay và nợ ngắn hạn 3.906 triệu đồng, gồm khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 3.206 triệu đồng để trả tiền nhiên liệu phục vụ công tác vận chuyển rác; khoản vay dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn nợ dài hạn đến hạn trả 700 triệu đồng để mua xe chở rác thải.

. Phải trả người bán: 1.765 triệu đồng chủ yếu tiền mua 01 xe ép rác, đã thanh toán trong tháng 1/2015.

. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 3.830 triệu đồng, công ty đã nộp trong tháng 1/2015.

. Phải trả người lao động: 10.461 triệu đồng là quỹ lương còn lại (20%) chưa chi cho người lao động, viên chức quản lý năm 2014.

. Các khoản phải trả, phải nộp khác: 13.684 triệu đồng, chủ yếu gồm khối lượng hoàn thành của các công trình nhưng công ty chưa quyết toán kịp thời cho các đội thi công.

▪ Nợ dài hạn: 3.278 triệu đồng, trong đó chủ yếu khoản vay mua xe chở rác thải 1.500 triệu đồng, tiền ký quỹ thuê mặt bằng của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh 9 là 1.200 triệu đồng.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 là 40.955 triệu đồng (trong đó vốn điều lệ 24.656 triệu đồng), chiếm tỷ lệ 50,13% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H = 1$, trong năm Công ty không có bổ sung vốn, theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 9.503.205.498 đồng, như vậy doanh nghiệp bảo toàn được vốn (Điều 12 Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính).

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: không có

- Công ty chưa được Ủy ban nhân dân phê duyệt Đề án tái cơ cấu.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Quyết định đầu tư mua sắm tài sản: trong năm 2014, Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt mua 01 xe ép rác (quyết định 03/QĐ9DVCI-HĐTV), xây dựng tường rào và san lấp thửa số 14+15 tờ bản đồ số 1, Nguyễn Oanh, phường 6, Gò Vấp.

+ Công ty trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014, Công ty có thanh lý nhượng bán một số tài sản: 11 xe ben, 02 xe ép rác và 01 máy ủi với nguyên giá là 6.236 triệu đồng, giá trị còn lại là 1.778 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Công ty là 25.674 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 2.534 triệu đồng (Công ty Thành Phát 1.519 triệu đồng, công ty Thương Nghiệp Tổng hợp 800 triệu đồng, công ty Thành Phát Lộc 214 triệu đồng), Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 1.320 triệu đồng.

Trong năm 2014, doanh nghiệp không phát sinh các khoản công nợ khó đòi. Doanh nghiệp đã có biện pháp xử lý công nợ khó đòi như: trích lập dự phòng

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 40.746 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 700 triệu đồng, không có nợ phải trả quá hạn.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của Công ty là 5.406 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 5.406 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 5.406 triệu đồng.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp đang thực hiện mua mới 01 xe ép rác 10 tấn

+ Tổng mức vốn đầu tư: 3.292 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: quỹ đầu tư phát triển của Công ty

+ Thời gian hoàn thành: 2014

+ Tiến độ thực hiện: 2014

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014 Công ty có bị xử phạt vi phạm hành chính về kiểm tra quyết toán thuế năm 2013 (Quyết định 2960/QĐ-CT-XP ngày 19/6/2014 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh)

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

- Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý đảm bảo thực hiện theo quy định tại Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH, 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho người lao động: bảo đảm an toàn lao động, thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

- Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 13.070 triệu đồng, đạt 200,15% kế hoạch, tăng 67,03% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân bổ sung 10% thuế GTGT cho dịch vụ vệ sinh công cộng.

- Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 3.679 triệu đồng.

1.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Công tác quét dọn, vệ sinh thu gom rác: sản lượng theo kế hoạch năm 511.950,64 m², đã thực hiện 511.950,64 m²; đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch và 100% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác vận chuyển chất thải rắn: sản lượng theo kế hoạch năm 3.239.830,00 Tấn.Km, đã thực hiện 3.659.205,59Tấn.Km; đạt tỷ lệ 112,94% so với kế hoạch và vượt 104,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác duy tu, sửa chữa đường: sản lượng theo kế hoạch năm 14.381,00 m², đã thực hiện 12.770,00 m²; đạt tỷ lệ 88,8% so với kế hoạch và giảm 80,22% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu của việc giảm sản lượng so với cùng kỳ là do công tác vận động tốt tại địa phương, một số công tác duy tu, sửa chữa nhỏ đã được đưa vào kế hoạch nhưng lại được thực hiện thông qua huy động nguồn lực trong nhân dân.

- Công tác nạo vét lòng cống: sản lượng theo kế hoạch năm 40.422,00 m, đã thực hiện 49.141,00 m; đạt tỷ lệ 121,57% so với kế hoạch và 121,57% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác nạo vét hầm ga và máng: sản lượng theo kế hoạch năm 2.964,00 cái, đã thực hiện 3.691,00 cái; đạt tỷ lệ 124,53% so với kế hoạch và đạt 124,53% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác chăm sóc cây xanh: sản lượng theo kế hoạch năm 37.564,88 m²,

đã thực hiện 37.564,88m², đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch và 150,25% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do bổ sung thêm diện tích chăm sóc cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa trên 3 tuyến đường Nguyễn Oanh, Phan Văn Trị, Quang Trung.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 81,784 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 73,423 triệu đồng.

1.6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố: Năm 2014 UBND quận chưa được giao ủy quyền quản lý Công ty, do đó đối với nội dung này kiến nghị tạm chấp nhận theo báo cáo của Công ty: thực hiện đầy đủ và đúng tiến độ các báo cáo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Công ty đã nộp NSNN các kiến nghị Kiểm toán, cụ thể:

- Tiền lãi thu từ tiền bán nhà chung cư tái định cư: 133.113.648 (giấy nộp tiền NSNN ngày 30/3/2015, số tiền 121.012.406 đồng; kê khai thuế VAT trong tháng 9/2014: 12.101.242 đồng)

- Tiền thu từ cho thuê nhà công sản: 335.946.828 đồng (giấy nộp tiền NSNN ngày 30/3/2015, số tiền 335.946.828 đồng)

- Tiền cho thuê mặt bằng tại Công viên Làng hoa: 475.227.276 đồng (giấy nộp tiền NSNN ngày 30/3/2015, số tiền 475.227.276 đồng)

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

2. Kết quả thực hiện năm 2014:

- Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của Công ty:

+ Công ty có xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, đầu tư phát triển kinh doanh, cung cấp dịch vụ công ích Thành phố giao. Kết quả, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

+ Công ty có tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải rắn.

- Phân loại Công ty: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN**
Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	52.930	55.000	56.522	103%	107%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.893	55.000	55.740	101%	105%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	33		9		27%
3	Thu nhập khác	4		773		19.325%
II	Tổng chi phí	49.450	52.930	52.886		
1	Giá vốn hàng bán	42.026	44.960	46.273	103%	110%
2	Chi phí tài chính	21	180	149	83%	710%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	21	180	149	83%	710%
3	Chi phí bán hàng	0	0	0		
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.401	7.790	6.462	83%	87%
5	Chi phí khác	3		2		
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)					
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	14%	14%	11%	81%	82%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.480	2.120	3.638		
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.478	2.120	2.865	135%	82%
2	Lợi nhuận khác	2		773		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 103% so với kế hoạch, tăng 7% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98.61%, tăng 5 % so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,02%, giảm 73% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác tăng nhiều so với thực hiện năm 2013 (tăng 769 triệu đồng).

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu có từ hoạt động bán hàng và thu nhập khác, doanh thu từ hoạt động tài chính nhỏ không đáng kể.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 99.9% kế hoạch, tăng 7% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 87%, tăng 10% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí tài chính chiếm 0,3%, tăng 710% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12.2%, giảm 13% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm khá nhỏ, không đáng kể.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 93,56% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (93,43%). Do chi phí tài chính tăng nhiều trong năm 2014.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 11.43% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (13.98%). Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 104% kế hoạch, tăng 5% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.480	3.638	105%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.610	2.838	109%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	6.438	6.690	104%
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	36.613	46.210	126%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	54%	54%	101%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	41%	42%	105%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	7%	6%	88%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA) giảm 12% so thực hiện năm 2013

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,35 lần > 1 (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 44.298 triệu đồng/32.710 triệu đồng). Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 5,087 vượt quá **3 lần** theo quy định tại (Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP). Tuy nhiên trong đó còn các khoản giảm trừ (Phải trả người lao động 4.032 triệu đồng, Dự phòng phải trả dài hạn 524 triệu đồng, Quỹ phát triển khoa học công nghệ 524 triệu đồng).

Doanh nghiệp có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vượt quá 3 lần do Vốn điều lệ của Công ty (6.210 triệu đồng), Công ty phải chiếm dụng vốn của khách hàng để có nguồn hoạt động, nợ phải trả chủ yếu là khoản phải trả người bán là 20.219 triệu đồng.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	36.612	46.210
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	33.522	44.298
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	3.090	1.912
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92%	96%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8%	4%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	36.612	46.210
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	25.012	34.037
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	11.600	12.173
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	68%	74%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	32%	26%

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn và hàng tồn kho chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản phải thu khách hàng (25.797 triệu đồng); Hàng tồn kho (16.160 triệu đồng)

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao (73.6%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp (26%) trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp là $H > 1$ ($12.173/11.600 = 1,049$) Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Không có

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Trong năm 2014 Công ty lập Kế hoạch mời thầu xe ép rác 12 tấn, đổi mới phương tiện phục vụ công tác vận chuyển rác. Thẩm quyền quyết định mua

sấm xe ép rác do Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty quyết định, theo Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

+ Trong năm 2014 doanh nghiệp không có thanh lý nhượng bán tài sản.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 25.797 triệu đồng. Tăng so với cùng kỳ năm 2013, số tiền: 6.751 triệu đồng. Khách nợ chủ yếu là các Chủ đầu tư như: Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới các xã, thị trấn,... công nợ phải thu thuộc vốn ngân sách nhà nước nên đảm bảo được thanh toán, không có nợ khó đòi hoặc nợ không thu hồi được nên công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014 tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 34.037 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 3.035 triệu đồng, nợ quá hạn: 00 đồng.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của công ty là: 4.360 triệu đồng, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng: 4.360 triệu đồng (Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn).

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào mục đích: trang trải chi phí vật tư, nhân công, máy thi công.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Doanh nghiệp không có thực hiện dự án đầu tư.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, không có Quyết định của cơ quan thuế về xử phạt do vi phạm về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

- Tình hình quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của người lao động, viên chức quản lý:

+ Số lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2014: 198 người.

+ Số lao động thực tế sử dụng bình quân có tham gia BHXH, BHYT, BHTN: 93 người.

+ Số lao động thực tế sử dụng bình quân không tham gia BHXH, BHYT, BHTN hầu hết là công nhân thuê ngoài: 105 người.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2014 là : 18.323 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương đã chi trong năm 2014 : 14.755 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương năm 2014 còn phải trả NLĐ là : 3.272 triệu đồng

Công ty xây dựng quỹ tiền lương của người lao động theo Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013. Do chưa có Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 49/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương nên công ty tạm thời vẫn thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo thang lương, bảng lương Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

- Tình hình chi trả tiền lương cho viên chức quản lý

+ Số viên chức quản lý chuyên trách thực tế bình quân năm 2014: 7 người (tăng 01 Phó giám đốc từ 01/4/2014)

+ Quỹ tiền lương kế hoạch VCQL chuyên trách 2014: 1.943,04 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương đã chi cho VCQL chuyên trách 2014: 1.181,78 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương còn phải chi cho VCQL 2014: 761,26 triệu đồng.

Công ty xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của VCQL theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 9/9/2013 (đối với công ty hạng III).

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 đạt 128,72% kế hoạch, tăng 77,09% so với thực hiện năm 2013, tương đương tăng 1.440 triệu đồng. Nguyên nhân tăng do năm 2014, hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường thuộc đối tượng tính thuế GTGT 10%.

Đến cuối năm, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 1.558 triệu đồng. (Trong đó thuế GTGT là 1.174 triệu đồng, hạn nộp

20/1/2015; thuế TNDN 278,57 triệu đồng, hạn nộp 31/1/2015; thuế TNCN 51,636 triệu đồng, hạn nộp 31/3/2015; thuế khác 54 triệu đồng).

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp: không có

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty hoàn thành kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

- Hoạt động 1: Công tác thu gom rác đường phố trên địa bàn huyện năm 2014, thực hiện 295.379 m²/đêm (104.107.261m²/năm), so với kế hoạch năm và đồng thời so với thực hiện năm 2013 đạt 103,17%, tăng 3,17%, nguyên nhân tăng do tăng 04 tuyến đường mới, giảm 01 tuyến đường thi công nâng cấp chưa hoàn thành.

- Hoạt động 2: Công tác vận chuyển rác: trong năm 2014, thực hiện 3.221.723,34 tấn/km (87.546 tấn rác), so với kế hoạch năm tăng 13,09%, so với thực hiện năm 2013 tăng 17,38%, tương đương tăng 479.921,74 tấn/km.

- Hoạt động 3: Công tác vớt rác trên kênh rạch Hóc Môn: trong năm 2014, thực hiện với diện tích là: 6.600 m²/tuần (tương ứng với 343.200 m²/năm), so với kế hoạch năm đồng thời so với thực hiện năm trước đạt 100%. Doanh số vớt rác kênh rạch là 13.196 triệu đồng/năm. Chi phí cho công tác này là 15,60 triệu đồng.

- Hoạt động 4: Thực hiện công tác thu gom rác y tế năm 2014 đạt khối lượng 54.615 kg, rác y tế được đưa đến phòng lưu của Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn để tiêu hủy theo quy định. Doanh số thu gom rác y tế là 126,42 triệu đồng, tăng 5,35% so với kế hoạch năm và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí cho công tác này là 113 triệu đồng.

- Hoạt động 5: Hoạt động chăm sóc cây xanh, cuối năm 2014, công ty thực hiện doanh số chăm sóc cây xanh là 33,95 triệu đồng, chi phí tập hợp là 16,62 triệu đồng.

- Hoạt động 6: Hoạt động thi công các công trình thuộc vốn ngân sách (duy tu, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nông thôn, phòng chống lụt bão, XDSC công trình công cộng) thực hiện năm 2014 là 29.992 triệu đồng, đạt 99,97% kế hoạch năm (30.000 triệu đồng), so với thực hiện năm 2013 tăng 8,34%, tương đương tăng 2.310 triệu đồng.

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 55.740, triệu đồng, tương ứng với tổng chi phí là 46.272 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố trong việc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo định kỳ, báo cáo tiết kiệm, và các báo cáo khác theo yêu cầu.

Về hợp đồng thuê đất đối với 05 tài sản do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao theo Quyết định 2054/QĐ-UBND ngày 8/5/2010 về việc chuyển giao tài sản cố định cho Công ty Công ích huyện Hóc Môn để chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV, Công ty đã liên hệ với Sở Tài nguyên - Môi trường ký hợp đồng thuê đất đối với 5 mặt bằng Công ty đang quản lý, sử dụng. Theo yêu cầu của Sở Tài nguyên - Môi trường, Công ty đã đo vẽ hiện trạng để cập nhật, nhưng do số liệu đo vẽ mới không khớp với số liệu cũ nên Công ty đang xem xét để kiến nghị điều chỉnh.

Mặt khác, vừa qua Ủy ban nhân dân thành phố đã đồng ý đầu tư nâng cấp và mở rộng 02 bờ rác tại xã Bà Điểm và xã Xuân Thới Thượng nên diện tích khuôn viên có thay đổi, Công ty đang tiếp tục liên hệ các cơ quan chức năng để lập thủ tục điều chỉnh diện tích, Khi thủ tục điều chỉnh hoàn tất, Công ty sẽ tiến hành lập thủ tục thuê đất và nộp tiền thuê theo quy định.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

Theo chỉ đạo tại Công văn số 87/UBND ngày 10/01/2014 của Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn và căn cứ Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 về việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán; quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản Nhà nước do Đoàn kiểm toán Nhà nước Khu vực IV lập ngày 09/6/2013, Công ty đã thực hiện như sau:

Đối với công nợ phải thu cho thuê mặt bằng công sản: đã thể hiện trên sổ kế toán số công nợ phải thu đến 31/12/2012 là 603.272.732 đồng (theo kết quả kiểm toán), Công ty đã thu được 349.272.727 đồng, đã nộp ngân sách đủ. Hiện Công ty vẫn đang tiếp tục thu hồi và kiến nghị giải quyết công nợ tồn đọng. Đối với tiền thuê hiện hành, đến 31/12/2014 số dư còn phải nộp ngân sách nhà nước là 1.514 triệu đồng.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: không có

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Sở Tài chính trong việc quản lý, khai thác các mặt bằng do huyện giao cho Công ty tạm quản lý, thu nộp tiền cho

thuê mặt bằng, thu nộp tiền bán đấu giá tài sản thuộc sở hữu nhà nước, lập các báo cáo theo yêu cầu quản lý của cơ quan chức năng.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Đánh giá chung tình hình chấp hành các quy định hiện hành của doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày / /2015 của UBNDTP)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện năm 2014/ kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/ Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	101.086	96.191	121.464	1,26	1,20
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.920		120.518		1,19
2	Doanh thu hoạt động tài chính	76		94		1,24
3	Thu nhập khác	90		852		9,47
II	Tổng chi phí	98.318	93.426	118.646	1,27	1,21
1	Giá vốn hàng bán	87.653		108.875		1,24
2	Chi phí tài chính	134		136		1,01
	Trong đó, lãi vay	134		136		1,01
3	Chi phí bán hàng	-		-		-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.531		9.609		0,91
5	Chi phí khác	-		26		-
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	97,26	97,13	97,68	1,0057	1,0043
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu	10,42		7,91		0,76
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.767	2.765	2.818	1,02	1,02
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.677		1.992		0,74
2	Lợi nhuận khác	90		826		9,18

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 126% so với kế hoạch, tăng 20 % so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,22%, tăng 19% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,08%, tăng 24% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,7%, giảm 0,53% so với thực hiện năm 2013.

Như vậy, doanh thu thực hiện 2014 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 127% kế hoạch, tăng 21% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 91,76%, tăng 24% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,11%, tăng 1% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí bán hàng chiếm 0%, tăng/giảm 0% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,1%, giảm 0,09% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí khác chiếm 0,03%, tăng so với thực hiện năm 2013 (năm 2013 không có chi phí khác).

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 97,68% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (0,43%). Doanh nghiệp chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,91% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (24%). Doanh nghiệp đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp đạt 101,92% kế hoạch, tăng 2% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.767	2.818	1,02
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.076	2.198	1,06
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	13.873	14.532	1,05
4	Tổng tài sản	Triệu đồng	219.933	241.489	1,10
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	19,95	19,39	
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,96	15,13	
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0,94	0,91	

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 doanh nghiệp có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là 1,37 (=tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 229.872/168.141)

⇒ Doanh nghiệp đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là 15,20 cao hơn so với quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. nhưng chủ yếu là các khoản ứng trước tiền mua sản phẩm của các dự án tái định cư.

Tổng hệ số nợ phải trả cao là do trong đó đơn vị có khoản tiền ứng trước là 156.690 triệu đồng, gồm tiền ứng trước của các dự án là 154.022 triệu đồng và khoản tiền ứng trước thi công các công trình của ngân sách là 2.668 triệu đồng.

Thuyết minh:

Các khoản tiền ứng trước của các dự án là 154.022 triệu đồng gồm doanh thu nhận trước của dự án 28 ha là 57.425 triệu đồng, khoản ứng trước của dự án

56.132 triệu đồng và các khoản phải trả phải nộp theo dự án là 40.465 triệu đồng, Trong đó:

+ Doanh thu nhận trước của dự án 28 ha 57.425 triệu đồng gồm: Công ty đầu tư Tân Thuận là 8.400 triệu đồng, Công ty CP Chợ Lớn 19.488 triệu đồng; Công ty Bắc Trung Nam 20.620 triệu đồng và Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng 8.917 triệu đồng.

+ Các khoản ứng trước của dự án 61.132 triệu đồng, trong đó thu tiền theo tiến độ dự án 28 ha của Ban bồi thường là 60.899 triệu đồng và trụ sở BHXH là 233 triệu đồng.

+ Các khoản phải trả phải nộp theo của dự án 28 ha là 40.465 triệu đồng gồm: Công ty CP Chợ Lớn 10.621 triệu đồng, Ngân hàng NB 22.787 triệu đồng; Liên đoàn LĐ Huyện 4.270 triệu đồng; đường dây điện Ô-Môn 2.787 triệu đồng.

Như vậy, sau khi loại trừ các khoản tiền ứng trước là 156.690 triệu đồng, nợ phải trả còn lại là 69.894 triệu đồng (226.584 tr.đ – 156.690 tr.đ). Vậy hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 4,69 lần (69.894/14.905).

Hệ số nợ/vốn điều lệ cao là do đơn vị chưa thanh toán tiền các gói thầu cho nhà cung cấp là Công ty Samco của dự án 28 ha Nhơn Đức là 18.178 triệu đồng. Đến 20/4/2015 Doanh nghiệp đã trả nợ gốc cho Công ty Samco là 7.995 triệu đồng.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	219.933	241.489
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	211.570	229.872
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	8.363	11.617
3	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài	%	96,20	95,19
4	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	3,80	4,81
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	219.933	241.489
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	205.687	226.584
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	14.246	14.905
3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	93,52	93,83
4	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn	%	6,48	6,17

- Về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp, chủ yếu là khoản mục hàng tồn kho là 185.512 triệu đồng, khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn là 22.138 triệu đồng.

+ Cơ cấu tài sản năm 2014 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với năm 2013.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của doanh nghiệp $H = 1,05$, doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến 31/12/2014, tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác: không có phát sinh.

b. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm 2014 của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

+ Trong năm 2014, doanh nghiệp có thanh lý nhượng bán một số tài sản với nguyên giá là 1.651 triệu đồng, giá trị còn lại là 0 triệu đồng.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp là 22.138 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi là 338 triệu đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 338 triệu đồng.

Nợ khó đòi của Công ty Hiệp Long, thực hiện công trình nhà ăn, nhà xử lý rác 338 triệu đồng. Doanh nghiệp đã hoàn tất hồ sơ công trình để khởi kiện ra tòa.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của doanh nghiệp là 226.584 triệu đồng, trong đó nợ đến hạn là 3.512 triệu đồng, nợ quá hạn là 18.178 triệu đồng.

Đây là khoản nợ chưa thanh toán cho nhà cung cấp là Công ty Samco về các gói thầu của dự án 28ha xã Nhơn Đức. Nguyên nhân là do doanh nghiệp có hợp đồng chuyển nhượng đất với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện

Nhà Bè nhưng doanh nghiệp chưa nhận đủ tiền thanh toán, do đó không đủ điều kiện thanh toán cho công ty Samco.

d. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số vốn huy động của doanh nghiệp là 2.170 triệu đồng từ công ty Cổ phần Bắc Trung Nam để đầu tư vào dự án 28 ha Nhơn Đức.

e. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong năm Doanh nghiệp đã đầu tư XDCB và giải ngân 345 triệu đồng, đã hình thành TSCĐ đưa vào sử dụng 395 triệu đồng, gồm: sửa chữa cải tạo văn phòng làm việc của Ban quản trang (90 triệu đồng), công trình mở rộng Phòng Tài chính – Kế toán, phòng Giám đốc có giá trị vốn đầu tư (206 triệu đồng) và xây mới kho lưu trữ hồ sơ (90 triệu đồng).

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế: chấp hành tốt.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương: chấp hành tốt

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

- Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 7.153 triệu đồng, đạt 130,03% (7.153/5.501) so với kế hoạch được giao, tăng 594,47% so với năm 2013.

- Nguyên nhân tăng là:

+ Thuế GTGT tăng do doanh thu hoạt động XDCB tăng làm cho thuế VAT đầu ra của hoạt động XDCB tăng và do bắt đầu từ 1/01/2014 hoạt động quét và thu gom rác NS chịu thuế VAT 10% cũng làm cho thuế GTGT tăng theo.

+ Phát sinh thuế TNDN phải nộp tăng do trong năm có tạm nộp 1% thuế TNDN thu tiền theo tiến độ của dự án 28 ha.

+ Nộp tiền cho NS từ hoạt động cho thuê nhà, đất.

- Đến cuối năm 2014, doanh nghiệp còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 213 triệu đồng trong đó có khoản phí, lệ phí là 187 triệu đồng và thuế GTGT còn được hoàn của dự án 28 ha là 2.948 triệu đồng.

d. Tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp:
không có phát sinh

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Trong năm 2014 khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện đều đạt từ 97% - 150% so với kế hoạch năm đã đề ra.

- Thu gom rác đường phố: khối lượng thực hiện là 117.649.868 m², tương đương 8.249 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Chăm sóc cây xanh: khối lượng thực hiện là 415 ha, tương đương 1.765 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Vận chuyển nước sạch: khối lượng thực hiện là 37.620 tấn/km, tương đương 1.764 triệu đồng, đạt 150% kế hoạch (37.620/25.000).

- Vận chuyển rác: khối lượng thực hiện là 19.980 tấn/km, tương đương 6.778 triệu đồng, đạt 111% kế hoạch (19.980/18.000).

- Nạo vét hố ga: khối lượng thực hiện là 18.144 md, tương đương 2.152 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch (18.144/18.658).

Tổng doanh thu hoạt động công ích là 20.736 triệu đồng, ứng với tổng chi phí là 19.908 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố:

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước:

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố:

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính:

Tổng kinh phí thu hồi trong năm 2012 và 2013 là 4.481 triệu đồng.

Trong đó:

- Số tiền doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ là: 2.985 triệu đồng:

+ Phát sinh thêm công tác quét dọn, thu gom rác trên địa bàn năm 2012 và 2013 số tiền 192 triệu đồng.

+ Phát sinh thêm công tác chăm sóc cây xanh từ năm 2012 và 2013 số tiền là 1.210 triệu đồng.

+ Tổng số tiền chênh lệch phải trả cho Doanh nghiệp theo Quyết định số 5049/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện các sản phẩm công ích trong năm 2014 là 1.583 triệu đồng.

- Phần còn lại Huyện sẽ thu hồi là: 1.496 triệu đồng

+ Đã thu hồi trong năm 2014: 400 triệu đồng

+ Thu hồi trong năm 2015: 400 triệu đồng

+ Thu hồi trong năm 2016: 400 triệu đồng

+ Thu hồi trong năm 2017: 296 triệu đồng

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách.

Doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THÀNH PHỐ

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015
Của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	30.732	26.000	33.872	130,28%	110,22%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.944	2.180	2.250	103,21%	115,74%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	28.788	23.820	31.580	132,58%	109,70%
3	Thu nhập khác			42		
II	Tổng chi phí	19.607	18.000	18.832	104,62%	96,05%
1	Giá vốn hàng bán					
2	Chi phí tài chính					
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí hoạt động	1.221	1.152	1.273	110,50%	104,26%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.778	16.848	16.910	100,37%	122,73%
5	Chi phí khác	4.608		649		14,08%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	63,80%	69,23%	55,60%	80,31%	87,15%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	44,83%	64,80%	49,92%	77,04%	111,35%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	11.125	8.000	15.040	188,00%	135,19%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.733	8.000	15.646	195,58%	99,45%
2	Lợi nhuận khác	-4.608		-606		13,15%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 130,28% so với kế hoạch, tăng 10,22% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 6,64% tổng doanh thu, tăng 15,74% so với thực hiện năm 2013.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 93,23%, tăng 9,70% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,13% tổng doanh thu.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 bằng 104,62% so với kế hoạch, giảm 3,95% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Chi phí hoạt động chiếm 6,76% tổng chi phí, tăng 4,26% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 89,79% tổng chi phí, tăng 22,73% so với thực hiện năm 2013;

+ Chi phí khác chiếm 3,45% tổng chi phí, giảm 85,92% so với thực hiện năm 2013;

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 55,60% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2013 (63,80%).

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 49,92% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện năm 2013 (22,73%). Quỹ chưa tiết giảm chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Quỹ đạt 188,00% so với kế hoạch, tăng 35,19% so với thực hiện năm 2013.

2. Tình hình tài chính của Quỹ:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.125	15.040	135,19%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.300	11.884	143,18%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	742.097	843.051	113,60%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	947.567	1.033.311	109,05%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	1,50%	1,78%	118,67%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	1,12%	1,41%	125,89%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,88%	1,15%	130,68%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 Quỹ có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Quỹ là 1,11 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 203.740 triệu đồng/183.511 triệu đồng). Theo đó, Quỹ đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm 31/12/2014 là 0,20 lần, nằm trong giới hạn cho phép (không vượt quá 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	985.034	1.081.587
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	221.595	203.741
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	763.439	877.846
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	22,50%	18,84%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	77,50%	81,16%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	985.034	1.081.587
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	197.984	183.649
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	787.050	897.938
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	20,10%	16,98%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	79,90%	83,02%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Quỹ, chủ yếu là khoản mục "*Các khoản phải thu dài hạn*": 544.198 triệu đồng.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Quỹ.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Quỹ.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của Quỹ là $H = 1,1$, Quỹ bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Quỹ là 643.759 triệu đồng, không có nợ phải thu khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của Quỹ là 183.649 triệu đồng, không có nợ phải trả quá hạn.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, Cục Thuế thành phố có Quyết định số 4055/QĐ-CT-XP ngày 14 tháng 8 năm 2014 và Quyết định số 4056/QĐ-CT-XP ngày 14 tháng 8 năm 2014 truy thu thuế là 601 triệu đồng và phạt vi phạm hành chính về thuế là 649 triệu đồng.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Quỹ thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Quỹ có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 4.458 triệu đồng, trong đó chủ yếu là thuế thu nhập doanh nghiệp (3.493 triệu đồng).

Đến cuối năm 2014, Quỹ còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách là 221,88 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân thành phố:

Thực hiện đầy đủ: 09/09 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Quỹ đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố giao đối với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, số phát sinh phải nộp ngân sách. Quỹ tuân thủ và chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật.

Phân loại Quỹ: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG
CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2014

(Đính kèm Công văn số /UBND-CNN ngày tháng năm 2015

Của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Năm 2014		Thực hiện 2014/Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/Thực hiện 2013
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	20.994	15.051	16.046	106,61%	76,43%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.994	15.051	16.034	106,53%	76,37%
2	Doanh thu hoạt động tài chính					
3	Thu nhập khác			12		
II	Tổng chi phí	8.352	9.283	10.261	110,54%	122,86%
1	Giá vốn hàng bán					
2	Chi phí tài chính		3.521	3.774	107,19%	
	<i>Trong đó, lãi vay</i>					
3	Chi phí bán hàng					
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.352	5.762	6.487	112,58%	77,67%
5	Chi phí khác					
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	39,78%	61,68%	63,95%	103,68%	160,76%
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	39,78%	38,28%	40,43%	105,60%	101,62%
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	12.641	5.768	5.784	100,28%	45,76%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.641		5.773		45,67%
2	Lợi nhuận khác			11		

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2014 đạt 106,61% so với kế hoạch, giảm 23,57% so với thực hiện năm 2013. Vì trong năm 2014, lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm so với năm 2013 nên doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng giảm (doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu).

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,93% tổng doanh thu, giảm 23,63% so với thực hiện năm 2013.

+ Thu nhập khác chiếm 0,07% tổng doanh thu.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2014 gần bằng 110,54% kế hoạch, tăng 22,86% so với thực hiện năm 2013.

- Cơ cấu chi phí như sau:

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 63,22% tổng chi phí, giảm 22,33% so với thực hiện năm 2013.

+ Chi phí tài chính chiếm 36,78% tổng chi phí.

- Tổng chi phí năm 2014 chiếm 63,95% tổng doanh thu thực hiện, tăng so với thực hiện năm 2013 (39,78%). Quỹ chưa tiết giảm được chi phí so với năm 2013.

+ Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 40,43% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện năm 2013 (39,78%). Quỹ chưa tiết giảm được chi phí so với năm 2013.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Quỹ đạt 100,28% kế hoạch, giảm 54,24% so với thực hiện năm 2013. Vì trong năm 2014, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng giảm (do lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm).

2. Tình hình tài chính của Quỹ:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH năm 2014/ TH năm 2013
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.642	5.785	45,76%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.481	4.512	47,59%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 14 TT 158)	Triệu đồng	258.079	258.079	100,00%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	277.290	299.595	108,04%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	4,90%	2,24%	45,76%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn	%	3,67%	1,75%	47,59%

	chủ sở hữu bình quân (ROE)				
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,42%	1,51%	44,05%

Qua bảng trên cho thấy năm 2014 Quỹ có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn năm 2013.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2014, khả năng thanh toán nợ đến hạn của Quỹ là 10,76 lần (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 235.542 triệu đồng/21.898 triệu đồng). Theo đó, Quỹ đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm 31/12/2014 là 0,08 lần.

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	299.480	299.711
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	227.297	235.542
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	72.183	64.168
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,90%	78,59%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,10%	21,41%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	299.480	299.711
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	22.534	22.000
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	276.946	277.711
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	7,52%	7,34%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	92,48%	92,66%

- Về cơ cấu tài sản:

Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Quỹ, chủ yếu là khoản mục “ Các khoản tương đương tiền ” 230.967 triệu đồng.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 giảm 2,37% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Quỹ.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 tăng 0,28% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Quỹ.

e. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Hệ số bảo toàn vốn năm 2014 của Quỹ là $H = 1,00$, Quỹ bảo toàn được vốn.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

- Quản lý tài sản:

Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải thu:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số nợ phải thu của Quỹ là 29.486 triệu đồng, không có nợ phải thu khó đòi.

- Quản lý nợ phải trả:

Đến thời điểm 31/12/2014, tổng nợ phải trả của Quỹ là 22.000 triệu đồng, không có nợ quá hạn.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Trong năm 2014, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các quy định về chính sách thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2014, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương theo quy định.

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2014 là 1.449 triệu đồng, trong đó chủ yếu là thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đến cuối năm 2014, Quỹ không còn tồn đọng các khoản phải nộp ngân sách.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

a. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong năm 2014, Quỹ thực hiện đầy đủ: 09/09 chỉ đạo.

b. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra thành phố: Không có.

d. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính: Không có.

II. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong năm 2014, Quỹ đã hoàn thành kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố giao. Quỹ chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính